

218 VĂN-HÓA TẬP-SAN XXII (1973). ■

- 48. Lịch Triều Hiến Chương 970\$  
bản dịch của Tô Nguyễn Nguyễn Thọ Dục, 368 tr.
- 49. Thành Cát Tư Hãn 620\$  
(Anh, Việt, Pháp) Vi Huyền Đắc, 429 tr.
- 50. Minh Mệnh Chính Yếu (II) 600\$  
bản dịch của Vũ Quang Khanh, Võ Khắc Văn, 146 tr.
- 51. Tự Đức Thánh Chế Tự Học Giải Nghĩa Cạ, Tập I 400\$  
Nguyễn Hữu Quý phiên âm và chú giải, gồm 141 tr.
- 52. Văn Minh Tây Phương (II) 650\$  
bản dịch của Nguyễn Văn Lương, 435 tr.
- 53. Hoàng Việt Văn Tuyển (III) 750\$  
của Bùi Huy Bích.— bản dịch của Tô Nam Nguyễn Đình Diệm, 347 tr.
- 54. Văn Đài Loại Ngữ (tập II) 740\$  
của Lê Quý Đôn.— bản dịch của Tạ Quang Phát, 296 tr.

# VĂN HÓA

## TẬP SAN



VỚI PHẦN ĐẶC BIỆT TƯỢNG NIỆM CỐ QUỐC-VỤ-KHANH  
ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA MAI-THỌ-TRUYỀN

Số 2  
1973

NHA VĂN-HÓA  
BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN  
SAIGÓN - VIETNAM

**Tòa soạn : Nha Văn-Hóa**

**KHOẢ VĂN-HÓA**

**BỘ VĂN-HÓA GIÁO DỤC VÀ THANH-NIÊN**

*Số 8, Nguyễn-Trung-Trực — Saigon 2*

*Điện thoại : 92 038*

*Chủ nhiệm kiêm Chủ-bút : Ô. TẤN VĂN HỈ*

*Tổng thư-ký : Ô. LÊ CAO PHAN*

*Quản-lý : Ô. NGUYỄN VĂN NINH*

**Ban Biên Tập**

Ô.Ô. Nguyễn Đình Diệm — Lê Mạnh Liêu  
Nguyễn Ngọc — Hoàng Văn Suất — Bùi Đức  
Tĩnh — Cô Đăng Vũ Thị Thảo — Ô.Ô. Vũ  
Trọng Ứng — Hà Ngọc Xuyên.

**với sự cộng tác của**

Đà Ai Lan — Ô.Ô. Trần Cửu Chân — Võ  
Văn Dung — Hoàng Tiến Dũng — Huỳnh  
Khắc Dụng — Nguyễn Đức Dự — Lê Xuân  
Giáo — Lê Hương — Nguyễn Văn Luận — Tạ  
Quang Phát — Hoàng Tâm Phương — Nguyễn Hữu  
Thọ — Nguyễn Đăng Thực — Nguyễn Văn Y.

*Thư từ và ngân phiếu xin đề gửi :  
Ông Giám-đốc Nha Văn-Hóa, Số 8, Nguyễn  
Trung Trực, Saigon 2.*

# VĂN HÓA

TẬP SAN

NHA VĂN-HÓA, BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN  
XUẤT.BẢN

Năm thứ XXII, Số 2 (năm 1973)

NHA VĂN-HÓA  
BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN  
SAIGON-VIETNAM

# VĂN HÓA TẬP SAN

Culture

NHA VĂN-HÓA, BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN  
XUẤT - BẢN

Review Published by The Directorate of Cultural Affairs — Ministry of  
Culture, Education and Youth

Revue publiée par la Direction des Affaires Culturelles — Ministère  
de la Culture, de l'Éducation et de la Jeunesse

Năm thứ XXII, Số 2 (năm 1973)

Vol. XXII, N° 2 (1973)

## mục - lục

Contents. — Table

Phần đặc biệt tưởng niệm cố Quốc-vụ-Khanh Đặc-Trách  
Văn-Hóa Mai-Thọ-Truyền (Commemorative chapter for the late Minister  
of State in charge of Cultural Affairs Mai-Thọ-Truyền — Chapitre spécial  
en commémoration de feu M. Mai-Thọ-Truyền, Ministre d'Etat chargé  
des Affaires Culturelles).

\* Tiểu sử ông Mai-Thọ-Truyền  
Mr. Mai-Thọ-Truyền's biography  
Biographie de M. Mai-Thọ-Truyền

I — VI

\* Tường thuật tang lễ  
Report on funereal ceremony  
Reportage des obsèques.

VII — IX

- X — XIII
- \* **Điếu văn của Thủ Tướng Chính Phủ**  
— Condolence speech delivered by the Prime Minister  
— Discours de condoléance du Premier Ministre
  - \* **Điếu văn của Ông. Đồng Lý Văn Phòng Phủ Quốc Vụ Khanh  
Độc Trách Văn Hóa** XIV — XVIII  
— Condolence speech delivered by the Cabinet Director  
of the Ministry of State in charge of Cultural Affairs  
— Discours de condoléance du Directeur de Cabinet  
du Ministère d'Etat chargé des Affaires Culturelles.
  - \* **Những văn thi phẩm tưởng niệm cố Quốc Vụ Khanh** XIX — XXXIV  
Mourning literary works  
Oeuvres littéraires de condoléance
  - \* **Chúc Xuân Quý Sửu**  
**Tô Nam NGUYỄN ĐÌNH DIỆM** XXXV — XXXVI  
— The last New Year's greetings (1973)  
— Les derniers vœux de Bonne Année (1973)
  - \* **Kỷ niệm chuyến công du cuối cùng** XXXVII — XXXXVI  
— Souvenir of the last overseas mission: speech on  
cultural policy delivered by the late Minister on August  
28, 1970 in Venice  
— Souvenir de l'ultime mission à l'étranger: discours sur  
la politique culturelle prononcée à Venise le 28 Août 1970
  - \* **Diễn văn khai mạc Tuần lễ Văn hóa (20-28-9-1969)** XXXXVII — LI  
— Opening speech for the «Week of Culture»  
— Discours d'ouverture de la «Semaine de la Culture»
  - \* **Cụ Mai Thọ Truyền với cuộc Hội thảo về Tôn giáo tại  
Phong trào Trí thức Công giáo «Pax Romana Việt Nam»**  
**VÕ LONG TÊ** LII — LVII  
— Minister Truyền's address at the Workshop on  
Religion held by the Catholic Intellectual Movement  
«Pax Romana Viet-Nam»  
— Allocution de feu M. Mai-thọ-Truyền à l'occasion

- du Séminaire sur la Religion organisé par le Mouvement  
des Intellectuels Catholiques «Pax Romana Vietnam»
- ★
- Văn-học Nghệ-thuật (Art and Literature — Belles lettres  
et Beaux Arts).
- \* **Đi xem trình diễn Tuần lễ Văn nghệ 1973**  
**THÂN-TRỌNG-KỶ** 1 — 7  
— Report on the Performance Week of Drama and  
Music in 1973  
— Compte-rendu de la Semaine du Théâtre et des  
Concerts de 1973
  - \* **Những bài văn tế tuyệt hảo bằng lối trào phúng**  
**Bà AI-LAN** sưu tầm 8 — 13  
— Some famous funeral orations in humorous literature  
— Quelques oraisons funèbres remarquables en termes  
humouristiques.
  - \* **Miền Nam nước Việt** **BÀNG-BÁ-LÂN** 14 — 21  
— The South-Vietnam  
— Le Sud-Vietnam
  - \* **Nữ thi-si miền Nam: Trần-kim-Phụng** **THÁI-BẠCH** 22 — 30  
— Trần-kim-Phụng: poetess of South-Vietnam  
— Trần-kim-Phụng: une poétesse du Sud-Vietnam
  - \* **Ông Trời trong văn chương Hán-Việt**  
**ĐÔNG-TÙNG và HOÀNG-TÂM-PHƯƠNG** 31 — 47  
— The theme «Sky» in sino-vietnamese literature.  
— «Le Ciel» pris comme thème dans la littérature  
sino-vietnamienne.
  - Lịch-sử — Phong-tục (History and Customs. — Histoire,  
Coutumes et moeurs)**
  - \* **Tìm hiểu sơ qua Saigon dưới mắt du khách ĐỒ BÀ YÊN** 48 — 62  
— Saigon's history in brief  
— Monographie de Saigon en abrégé

- \* Chúa Nguyễn-Hoàng và sứ giả của họ Trịnh **TẠ QUANG PHÁT** 63 — 68  
 — Lord Nguyễn Hoàng and Lord Trịnh's messenger  
 — Le duc Nguyễn Hoàng et l'envoyé des Trịnh.
- \* Tục nhuộm răng và ăn trầu của người Việt Bà **ÁI LAN** sưu khảo 69 — 78  
 — The Vietnamese custom of blackening teeth  
 and chewing betel  
 — Les dents laquées et la chique de bétel chez les Việt
- \* Một cái án lịch sử không tiền khoáng hậu trên đất Việt Nam **PHẠM VĂN SƠN** 79 — 95  
 — A historical case of crime ever matched in Vietnam  
 — Un crime historique sans précédent au Vietnam
- \* Luật pháp và phong tục : Tòa án Phong tục, cơ quan tài phán của đồng bào sắc tộc **Kỷ sự của B.M** 96 — 102  
 — Law and Customs : A special tribunal system for highlanders in Vietnam  
 — La loi et les coutumes : Un système spécial de tribunal pour les compatriotes montagnards au Vietnam
- \* Góp từ ngữ cho bộ từ điển Việt Nam **NGUYỄN VĂN Y** 103 — 118  
 — Contribution to the vietnamese dictionary  
 — Pour enrichir le dictionnaire de la langue vietnamienne
- Tin Văn Hóa. — Sách mới. (Cultural news, Recent issues) 119 — 130  
 — Nouvelles culturelles. — Récentes publications)

★  
*Phụ trương (Supplement — Supplément)* 131 — 172

- \* Nhận định về bộ «Thuyết Văn Giải Tự» **NGUYỄN-ĐẶNG-LIÊN**  
 — A point of view on the chinese dictionary  
 « Thuyết Văn Giải-Tự »  
 — Une opinion sur le dictionnaire en caractères chinois  
 en plusieurs tomes intitulé « Thuyết Văn Giải Tự »

Hình bìa : Chân dung cụ Mai Thọ Truyền **LÊ-CAO-PHAN**  
 Cover design : Mr. Mai Thọ Truyền's portrait  
 Couverture : Portrait de feu M. Mai Thọ Truyền



CHÂN DUNG CỤ MAI-THỌ-TRUYỀN

Tiểu-sử

Ông MAI-THỌ-TRUYỀN

Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa

Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa

*Ngoài tư cách một học giả uyên bác và một công chức gương mẫu, Mai Thọ Truyền tiên sinh còn là một Phật tử tận tụy. Vì lẽ ấy, đề trang tiêu sử được đầy đủ, chúng tôi nghĩ không thể không đề cập những thành tích hoạt động của tiên sinh trong lãnh vực tôn giáo, mặc dù đây là khuôn khổ của một tập san nghiên cứu văn hóa thuộc công quyền. (L.T.S.)*

### I.— THÂN-THỂ

Ông Quốc-vụ-khanh đặc-trách Văn-hóa Mai Thọ-Truyền, pháp-danh Chánh-trì, sinh tại tỉnh Bến-tre (ngày nay là tỉnh Kiến-hòa) ngày 01-04-1905, từ trần tại tư-thất ở Sài-gòn vì chứng bệnh đau tim ngày 17.4.1973.

Ông thuộc giòng-dõi một thế-gia vọng-tộc, thắm-nhuần nền-nếp nho-phong, có công-nghiệp lớn đối với địa-phương : Tăng-tổ là dân khai canh sáng-lập xã-thôn sinh-quán, nội-tổ và thân-sinh đã tận-tụy với chức-vu hành-chánh « Cai-tổng », nên nhiều thế-hệ dân-chúng địa-phương đã biểu-lộ lòng tri ân mến phục.

Ông hấp-thụ một nền giáo-dục gia-đình theo truyền-thống Khổng-Mạnh. Với căn-bản Hán-học trau-giồi từ tuổi ấu-thơ và nền tân-học sở-đắc tại các học-đường trong nước, ông tinh-thông văn-hóa dân-tộc truyền-thống và văn-hóa Âu-Tây.

Đời công-chức của ông khởi từ năm 1924 được sơ-bổ vào ngạch hành-chánh tại Nam-Việt. Nhờ ý-chí cầu tiến, khả-năng chuyên môn và tài-đức vẹn-toàn, ông được cử-dụng đảm-trách nhiều chức-vụ chỉ-huy hành-chánh quan-trọng, vinh thăng ngạch Đốc-phủ-sứ ngoại hạng với trọng-trách Tổng-Thanh-tra Hành-chánh và Tài-chánh rồi mới về trí-sĩ năm 1960. Do truyền-thống gia-đình, ông có ý-thức cao độ về quyền-uy và tinh-thần phục-vụ công-ích công-thiện. Bận đồng-liều và dân chúng mến phục ông là một cấp chỉ-huy hành-chánh thông-minh, cương-trực, bất cứ trường-hợp nào cũng biểu-lộ nhân-cách xứng đáng.

Cùng với danh-vọng của một công-chức cao-cấp gương-mẫu, ông còn được nổi-tiếng trong các lãnh-vực tôn-giáo, xã-hội, chính-trị và văn-hóa.

## II.- HOẠT-ĐỘNG TÔN-GIAO XÃ-HỘI

Biển-cổ quan-trọng và quyết-định trong đời sống tâm-linh của ông xảy ra vào khoảng năm 1945-1946 : từ căn-bản thẩm-nhuần Nho-học ông trở lại với giáo-lý Đức Phật và từ đạo ấy cho đến ngày lâm chung, ông là một Phật-tử thuần-thành có công lớn với công cuộc hoằng dương Phật-pháp.

Thành-tích hoạt-động phục vụ Phật-giáo của ông được ghi nhận với các chức-vụ sau đây :

— Sáng-lập-viên, Tổng-Thư ký rồi Chủ tịch Hội Phật-học Nam-Việt từ tháng sáu năm 1950 ;

— Tổng-Thư-ký rồi Phó Chủ-tịch Tổng-hội Phật-giáo Việt-Nam (1958-1964) ;

— Phó-chủ-tịch Hội « World Fellowship of Buddhists » (1961-1964) ;

— Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút nguyệt san «Từ Quang», cơ quan truyền-bá và nghiên-cứu giáo-lý Phật-giáo xuất-bản tại Sài-gòn liên-tục từ năm 1954 ;

— Phát-động phong-trào «Thanh-niên Phật-tử Nam-Việt» và các hoạt-động từ-thiện (Cờ-nhi-viện, Phòng Chẩn bệnh phát thuốc, đoàn-thề Phụ-nữ hoạt-động bác-ái).

Tác-phẩm của ông đã xuất-bản gồm có hai mươi cuốn trước-thuật hay dịch-thuật về Phật-học. Là cư-sĩ, ông thực-chứng giáo-lý Đức Phật ngay trong mọi lãnh-vực của đời sống. Là nhà Phật-học, ông thường-xuyên bình-giảng kinh-điển Phật-giáo, trong những buổi hội-học tổ-chức hàng tuần tại chùa Xá-lợi do ông sáng lập tại Sài-gòn, hoặc tham-gia những cuộc hội-thảo, nghiên-cứu tổ-chức trong các dịp Đại-hội Phật-giáo hay tiếp đón những phái-đoàn tăng-sĩ và cư-sĩ trong và ngoài nước.

Đối với các tôn-giáo bạn, như chính ông đã viết, ông là «người triết-đề tán-thành không phải một thái độ khoan-dung nhưng là một sự hiểu-biết lẫn nhau giữa các tôn-giáo (...), một sự cải thiện xã-hội bằng sự tu nhân của

mọi người trong xã-hội, trên căn-bản mỗi người phải biết nhận-thức khả-năng riêng, giá-trị riêng, nguồn ánh sáng ẩn kính trong bản thân». Với chủ-trương ấy, ông phát triển mối giao-hảo với đại-diện các tôn-giáo bạn, chẳng hạn như kết-thân với các mục-sư Tin-lành, tu-sĩ linh-mục Công-giáo, nhận lời diễn-thuyết tại Giáo-hoàng Chúng-viện Đà-lạt, trụ-sở của Phong-trào Trí-thức công-giáo...

## III.- HOẠT-ĐỘNG CHÍNH-TRỊ VÀ VĂN-HÓA

Do uy-tín của ông đối với quốc-dân, ông được mời làm hội-viên Hội-Đông Nhân-sĩ năm 1963; Thượng Hội-Đông Quốc-gia năm 1964.

Năm 1967, ông ứng-cử vào chức-vụ Phó-Tổng-Thống cùng một liên-danh với ông Trần-văn-Hương ứng-cử vào chức-vụ Tổng-Thống, tuy thất cử nhưng đã được một số phiếu đáng kể chứng-tỏ được sự tin-nhiệm của đồng-bào.

Từ tháng năm đến tháng mười một năm 1968, Thủ-Tướng Trần-văn-Hương mời ông tham-gia Chánh-phủ với chức-vụ Quốc-vụ-khanh kiêm Chủ-tịch Giám-sát-viện.

Từ tháng mười hai năm 1968, Thủ-tướng Trần-văn-Hương biệt-phân Bộ Văn-hóa Giáo-dục và Thanh-niên thành hai Cơ-quan Chánh-phủ là Phủ Quốc-vụ-khanh đặc-trách Văn-hóa và Bộ Giáo-dục và Thanh-niên. Ông được mời giữ chức-vụ Quốc-vụ-khanh đặc-trách Văn-hóa và tiếp-tục giữ trọng-trách này cho đến ngày lâm chung trong nội-các do Thủ-tướng Trần-Thiện-Khiêm thành-lập.

Trong lãnh-vực văn hóa dân-tộc, ông là người đã góp phần đáng kể vào công việc bảo-tồn và phát-huy những giá-trị bị lãng-quên, chẳng hạn như ông đã cộng-tác với dịch-giả P.Midan để phiên-dịch ra Pháp-văn tuồng hát bội *Kim Thạch Kỳ Duyên* của Bùi hữu Nghĩa và cho in trong tập san của Hội Nghiên cứu Đông-dương năm 1934, hay ông sưu-tập một thoại ít người biết của *Đoàn-trường Tân Thanh* : đó là bản *Kim Túy Tinh* từ do Phạm Kim Chi xuất-bản tại Sài-gòn năm 1919 theo chính bản do



hậu-duệ của Nguyễn Du là tấn-sĩ Nguyễn Mai còn giữ được ; ông không giữ làm của riêng và đã cho tái-bản năm 1972 trong Văn-hóa Tùng thư để góp thêm tài-liệu cho các học-giả trong công cuộc tái-lập cho đúng nguyên-tác của Nguyễn Du.

Hoạt-động văn-hóa của ông càng thêm khởi sắc kể từ ngày ông đặc-trách công cuộc thực-hiện chánh sách văn-hóa của quốc-gia.

Trong bài diễn-văn đọc năm 1968 vào dịp nhận chức Quốc-vụ-khanh đặc-trách Văn-hóa, ông chủ-trương văn-hóa Việt-Nam phải được xây-dựng " trên nền-tảng những nguyên-tắc nhân-bản, dân-tộc và khai-phóng ", những nguyên-tắc này được Hội-Đồng Văn-hóa Giáo-dục xác-nhận trong dự-án Chính-sách Văn-hóa Giáo-dục công bố năm 1972 và được minh-định trong dự-luật căn-bản về Văn-hóa Giáo-dục do Phủ Văn-hóa và Bộ Giáo-dục đồng soạn thảo và đệ-trình Chánh-phủ chuyên sang Quốc-hội chấp-thuận.

Trong phạm-vi một bài tiểu-sử, chúng ta không thể kể ra tất cả những thành-tích khá-quan mà ông đã thu-hoạch trong thời-gian đặc trách văn hóa. Sau đây là một số trường-hợp điển-hình chứng tỏ sự thành-công hữu-hiệu của ông trong lãnh-vực văn-hóa.

Về pháp-lý văn-hóa, ông đã đệ trình dự luật về nạp-bản và văn-khố, xúc tiến việc soạn-thảo các dự-luật về bản quyền tác-giả, về công cuộc bảo-tồn di-sản văn-hóa và thiên-nhiên, tất cả đều quy-chiếu vào dự luật căn-bản về văn-hóa Giáo-dục như đã trình bày ở đoạn trên.

Về cơ-sở văn-hóa, ông đã hoàn-thành Thư-viện Quốc-gia tân-lập, xúc tiến việc thiết lập Văn-khố Quốc-gia và Nhà Văn-hóa, ông cũng đã đẩy mạnh công-tác của Ủy-ban điều-chế văn-tự, tân-lập Ủy-ban Dịch-thuật kể từ năm 1969. Thành-phần hai ủy ban này gồm có đồng-đào giáo-sư, học-giả, dịch-giả hoạt-động theo công-thức công, tư hợp tác và, qua cuộc đấu phiếu, đã bầu ông làm Chủ-tịch.

Về phương-diện bảo-tồn cổ-tích, ông đã thành-lập Chi-nhánh Bảo-tồn Cổ-tích Huế phụ-trách công cuộc bảo-tồn Cố đô Huế, hợp-thức hóa Đoàn Ba Vũ Cổ-nhạc của Đại-nội cũ, can-thiệp với Tổ-chức UNESCO đề tổ-chức này bảo-trợ công-cuộc trùng-tu và tái-thiết Cố đô Huế theo một kế-hoạch dài hạn.

Về giáo-dục nghệ-thuật, ông đã cải-tiến việc đào-luyện nghệ-sĩ và chuyên viên bằng cách mở thêm đệ-nhi-cấp tại các trường Quốc gia Cao đẳng mỹ-thuật, cải-tổ trường Trung-học Trang-trí Mỹ-thuật thành Trường Quốc-gia Trang-trí Mỹ-thuật và kiện-toàn học-chế tại các trường Quốc gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ.

Để khuyến khích hoạt-động văn-hóa trong nước, ông đã lần lượt tổ-chức Tuần-lễ Văn-hóa, Tuần-lễ văn-hóa sắc-tộc, Đại-hội Kỷ-niệm các văn-hào, những buổi trình-diễn nghệ-thuật sân khấu cổ-truyền và Tây-phương. Đồng thời với việc sáng-lập Giải-thưởng Dịch thuật hàng năm kể từ năm 1970, ông đã được Tổng-Thống chấp thuận cải-tiến Giải-thưởng Văn-học Nghệ-thuật dành cho tác-phẩm xuất-sắc hàng năm và tân-lập kể từ năm 1972 Giải Tuyên Dương Sự-Nghiệp Văn-Chương, Học-thuật và Mỹ-thuật dành cho toàn bộ sự-nghiệp văn-nhân học-giả và nghệ-sĩ xuất-sắc. Nhiều tư-nhân và hội-đoàn có thành-tích và công-trình xứng đáng đều được cứu-xét yểm-trợ theo đơn xin và trong phạm-vi khả năng ngân sách.

Trong lãnh-vực phát huy văn-hóa Việt-nam trên trường quốc-tế, ông đã thành công trong công cuộc triển-lãm sách và ảnh mỹ-thuật tại một số quốc-gia Âu-Châu, giới-thiệu văn-hóa nước nhà trong dịp chính-thức viếng thăm Đài-loan, phổ-biến lập-trường của nước nhà trong Hội-nghị Liên Chánh-phủ về Chánh-sách Văn-hóa tại Venice năm 1970 và trong các Đại-hội-nghị UNESCO năm 1970 và 1972.

Về phương-diện xuất-bản ấn-phẩm, ông đã cải tiến hình thức và nội-dung cách ấn-phẩm định-kỳ và không định-kỳ của các Nha, Viện trực thuộc, đặc-biệt đã cho ấn-hành các dịch-phẩm cổ-văn và kim-văn của Ủy-ban Dịch-thuật với một số lượng đáng kể, và như thế đã giúp ích rất nhiều cho học-

giới về tài-liệu cổ-văn chữ Nôm và chữ Hán cũng như về những sắc-thái đáng lưu ý của học-thuật tư-tưởng ngoại quốc.

#### IV.— MỘT TINH THẦN BẤT DIỆT

Hoạt-động văn-hóa vốn đòi hỏi nhiều nỗ-lực kiên-trì, hoạt-động văn-hóa trong thời chiến lại càng phải vượt qua nhiều trở-lực. Với những thành tích đáng kể thu-hoạch trong thời chiến, ông đã chuẩn bị một kế-hoạch xúc-tiến hoạt-động văn-hóa quy-mô trong thời bình. Ông đã xác-tin về tương lai rực-rỡ của văn-hóa Việt-Nam trong một điều tâm-niệm : « Dân-tộc Việt-Nam, lời ông nói, có một lịch-sử và một nền văn-hóa trải qua mấy ngàn năm. Là một dân-tộc can đảm, siêng năng, kiên-trì có nhiều khả-năng và biết thích-ứng với hoàn-cảnh, dân-tộc Việt-Nam sẽ trường-thành mạnh-mẽ hơn sau khi thoát khỏi cuộc chiến-tranh khốc-liệt hiện nay và văn-hóa Việt-Nam cũng sẽ nhờ đó mà lớn mạnh ».

Đến nay, với cuộc ngưng chiến, hòa-bình đã lộ dạng, ông không còn ở lại giữa chúng ta để thực-hiện kế-hoạch đã dự-định.

Ông đã vĩnh-viễn ra đi để lại một niềm thương tiếc không người cho phu-nhân, ba lệnh nam và mười hai cháu. Cơ-quan văn-hóa nhà nước mất một nhà lãnh-đạo tài-ba, giới văn-hóa mất một chiến-sĩ nhiệt-thành, đồng bào Phật-tử mất một cư-sĩ khả-kính và đồng bào toàn quốc mất một chính khách lỗi lạc.

Trong một dịp trả lời một cuộc phỏng-vấn, ông đã xác-định đường lối sinh hoạt chủ-yếu của đời ông có thể tóm tắt trong hai tiếng : « Tinh thần ». Tinh thần phục-vụ của ông sẽ tồn tại mãi mãi giữa chúng ta như một ánh sáng hướng dẫn chúng ta trên mọi nẻo đường hoạt-động văn-hóa và như một kỷ-niệm cao-quý lưu danh một người đã đi vào lịch-sử.

#### Tường thuật

### Tang lễ cố Quốc-Vụ-Khanh Mai-Thọ-Truyền

Một số rất đông nhân vật quan trọng trong chính quyền, các ngành lập pháp, tư pháp, văn nghệ sĩ và hàng ngàn sinh viên học sinh, đồng bào Phật tử chiều 22-4 đã dự lễ tiễn đưa cụ Mai Thọ Truyền, Cố Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa tới nơi an nghỉ cuối cùng tại nghĩa trang Hội Phật Học Nam Việt (Bà Queo).

Trước khi lễ di quan cử hành, Phó Tổng Thống Trần Văn Hương, Nghị sĩ Nguyễn Văn Huyền, Chủ tịch Thượng Viện, các Tổng Trưởng trong Nội các và phu nhân đã tới nghiêng mình trước linh cữu cố Quốc Vụ Khanh Mai Thọ Truyền tại Chùa Xá Lợi.

Đám tang di chuyển theo lộ trình Bà Huyện Thanh Quan, Phan Thanh Giản, Công Lý, Đại Lộ Cách Mạng và ngừng lại mặc niệm hai phút trước tư thất của cố Quốc Vụ Khanh Mai Thọ Truyền, sau đó tiếp tục theo lộ trình Võ Tánh, sang Quốc Lộ 1 và tới nghĩa trang Hội Phật Học Nam Việt.

Tại Nghĩa trang Hội Phật Học Nam Việt, Thủ Tướng VNCH Trần Thiện Khiêm đã đọc diếu văn trước linh cữu cố Quốc Vụ Khanh Mai Thọ Truyền bày tỏ niềm luyến tiếc vĩnh biệt một người cộng tác quý báu, một bạn đồng liêu khả kính của toàn thể Nội các và một nhân tài lỗi lạc của quốc dân.

Thủ Tướng nói : « lý tưởng đạo đức đã định hướng cuộc đời của Tiên sinh. Từ căn bản nho phong theo truyền thống gia đình vào giữa đường đời Tiên sinh đã giác ngộ trong giáo lý Đức Phật, để rồi sáng lập Hội Phật Học Nam Việt, xây dựng chùa Xá Lợi, đề Hoảng dương Phật pháp.

Cuộc đời công bộc của tiên sinh là một đời tận tụy phục vụ cộng đồng dân tộc, trở thành một bậc lương đống quốc gia, trải qua nhiều giai đoạn

chính trị gồm nhiều nghịch cảnh, tiên sinh vẫn giữ trọn tiết tháo, bất cứ trường hợp nào cũng biểu lộ nhân cách xứng đáng."

Theo Thủ Tướng, công nghiệp của cố QVK Mai Thọ Truyền trong lãnh vực chính trị gắn liền với sự hình thành và phát triển của nền đệ nhị Cộng Hòa. Giữa lúc các giới lãnh đạo đang tìm kiếm một công thức chính trị thích hợp với tình trạng nước nhà, tiên sinh đã lần lượt nhận lời tham gia Hội Đồng Nhân sĩ, Thượng Hội Đồng Quốc Gia là những cơ cấu chuẩn bị cho sự thành lập cơ quan lập pháp toàn quốc. Hoài bão của Tiên sinh là phục vụ quốc gia nên tiên sinh đã sẵn sàng lãnh trọng trách Quốc Vụ Khanh Viện Trưởng Giám Sát rồi Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa đến ngày lâm chung."

Nhắc nhở đến những thành quả mà Cố Quốc Vụ Khanh Mai Thọ Truyền thu hoạch được trong thời gian đặc trách văn hóa, Thủ Tướng nói rằng dưới sự lãnh đạo của Tiên sinh ngành hoạt động văn hóa đã thêm khởi sắc, chính sách văn hóa nước nhà được minh định với những kế hoạch được tuân tự thi hành tạo được niềm tin khả dĩ tiến tới một phong trào văn hóa sâu rộng.

Tiếp theo, ông Châu Ngọc Thôi, Đồng Lý Văn Phòng Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, trong diếu văn vĩnh biệt nhà lãnh đạo tiên khởi của Phủ Văn Hóa đã bày tỏ sự xúc động trong một cái tang lớn. Gia đình Quốc Vụ Khanh mất một bậc trưởng thượng thân yêu, đồng bào Phật tử mất một cư sĩ thuần thành, giới văn hóa mất một học giả uyên bác, toàn thể mất một chính khách lỗi lạc và riêng cơ quan văn hóa nhà nước mất một nhà lãnh đạo tài ba.

Theo ông Đồng Lý Văn Phòng Châu Ngọc Thôi, với trọng trách Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, cụ Mai Thọ Truyền đã tuân tự thực thi chính sách văn hóa của quốc gia, đạt những thành tích đáng kể về pháp lý văn hóa, bảo tồn cổ tích, giáo dục nghệ thuật, khuyến khích hoạt động văn hóa trong nước và phát huy văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế.

Sau đó, một đại diện Ban Quản Trị Hội Phật Học Nam Việt đọc diếu văn thương tiếc bậc huynh trưởng dày công với đạo pháp, với hơn 20 năm hoạt động đã gây dựng được Hội Phật Học Nam Việt với hơn 10.000 huynh đệ, 12 tỉnh hội và 28 chi hội trên toàn quốc.

Tướng nên nhắc lại, Cụ Mai Thọ Truyền, Cố Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa từ trần sáng ngày 17-4-73 tại tư thất đại lộ Cách Mạng, Saigon sau một cơn mệt, hưởng thọ 68 tuổi. Cố Quốc Vụ Khanh Mai Thọ Truyền đã được Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa truy tặng Đệ Nhị đẳng Bảo quốc Huân chương ngày 20-4 vừa qua.



« Một bậc hiền đức ra đi  
thanh thoát nhẹ nhàng... »

*ĐIỀU VĂN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ  
đọc trong lễ an táng ông Mai Thọ Truyền  
Quốc Vụ Khanh Đặc trách Văn hóa.*

Thưa Bà Quốc vụ khanh và tang quyến,

Thưa quý liệt vị,

Ngày rằm tháng ba năm Quý Sửu tiết còn là Thanh Minh êm ả, giờ là giờ bình minh rạng rỡ vậy mà sao gió thảm mưa sầu. Cụ Chánh Tri Mai Thọ Truyền, Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa, không còn nữa !

Một Người Hiền giữa chúng ta. một bậc Quân tử của thời đại mới đã vội vàng từ giã chúng ta, thanh thoát về cõi mộng thiên thu, để lại muôn ngàn luyện tiếc nhớ thương cho thân bằng quyến thuộc cùng đồng bào các giới, mà nhất là Mai Phu nhân và con cháu.

Trong giây phút tối hậu sắp phân cách âm dương đôi ngã, nhân danh Chánh phủ và riêng tôi, tôi xin chân thành phân ưu cùng Phu nhân và tang quyến, và xin có đôi lời vĩnh biệt ông Quốc vụ khanh rất mến tiếc của tất cả chúng ta.

Kính thưa vong linh Mai Tiên sinh,

Đứng trước linh cữu Tiên sinh, tôi cảm thấy hương hồn Tiên sinh hiển hiện giữa chúng tôi, vĩnh tồn trong bầu chính khí tụ kết tinh hoa của giống nòi.

Là hậu duệ của một vọng tộc trải nhiều thế hệ đã dày công khai sáng bởi đắp mảnh đất quê hương, Tiên sinh thuộc vào hàng ngũ những người bất hủ, theo nhận định của sách Tả Truyện, là những người đã lập đức, lập công và lập ngôn.

Lý tưởng đạo đức đã định hướng cuộc đời của Tiên sinh. Từ căn bản nho phong theo truyền thống gia đình, vào giữa đường đời, Tiên sinh đã giác ngộ trong giáo lý Đức Phật, đề rời sáng lập Hội Phật Học Nam Việt, xây dựng chùa Xá Lợi, đề hoằng dương Phật-Pháp. Là một phần tử thuần thành, Tiên sinh nhận thức tín ngưỡng phải xây dựng trên tự do trong tinh thần đối thoại với các tôn giáo bạn. Cuộc đời công bộc của Tiên sinh là một đời tận tụy phục vụ cộng đồng dân tộc, trở thành một bậc lương đồng quốc gia. Trải qua nhiều giai đoạn chính trị gồm nhiều nghịch cảnh, Tiên sinh vẫn giữ trọn tiết tháo, bất cứ trường hợp nào cũng biểu lộ nhân cách xứng đáng. Khi Tiên sinh đạt tới đích chót ngạch trật hành chánh Đốc Phủ sứ với chức vụ quan trọng Tổng Thanh tra Hành chánh và Tài chánh, ấy là lúc Tiên sinh đã lừng lẫy với tài đức vẹn toàn để chuẩn bị bước vào sự nghiệp chính trị với tất cả uy tín cần thiết và lòng tin cậy của quốc dân.

Công nghiệp của Tiên sinh trong lãnh vực chính trị gắn liền với sự hình thành và phát triển của nền Đệ nhị Cộng hòa giữa lúc các giới lãnh đạo đang tìm kiếm một công thức chánh trị thích hợp với tình trạng nước nhà. Tiên sinh đã lần lượt nhận lời tham gia Hội đồng Nhân sĩ, Thượng Hội đồng Quốc gia, là những cơ cấu chuẩn bị cho sự thành lập cơ quan Lập pháp toàn quốc. Sự can đảm chánh trị của Tiên sinh được biểu lộ khi Tiên sinh tham gia sinh hoạt dân chủ nòng cốt nền Đệ nhị Cộng hòa : Tiên sinh đã ứng cử vào chức vụ Phó Tổng thống cùng một liên danh với đương kim Phó Tổng thống, lúc ấy ứng cử vào chức vụ Tổng thống, tuy không đạt số

« Một bậc hiền đức là đi  
thanh thoát nhẹ nhàng...»

**ĐIỀU VĂN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

đọc trong lễ an táng ông Mai Thọ Truyền  
Quốc Vụ Khanh Đặc trách Văn hóa.

Thưa Bà Quốc vụ khanh và tang quyến,

Thưa quý liệt vị,

Ngày rằm tháng ba năm Quý Sửu tiết còn là Thanh Minh âm ả, giờ là giờ bình minh rạng rỡ vậy mà sao gió thảm mưa sầu. Cụ Chánh Tri Mai Thọ Truyền, Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa, không còn nữa!

Một Người Hiền giữa chúng ta, một bậc Quân tử của thời đại mới đã vội vàng từ giã chúng ta, thanh thoát về cõi mộng thiên thu, để lại muôn ngàn luyện tiếc nhớ thương cho thân bằng quyến thuộc cùng đồng bào các giới, mà nhất là Mai Phu nhân và con cháu.

Trong giây phút tối hậu sắp phân cách âm dương đôi ngã, nhân danh Chánh phủ và riêng tôi, tôi xin chân thành phân ưu cùng Phu nhân và tang quyến, và xin có đôi lời vĩnh biệt ông Quốc vụ khanh rất mến tiếc của tất cả chúng ta.

hủ, theo nhận định của sách Tả Truyện, là những người đã lập đức, lập công và lập ngôn.

Lý tưởng đạo đức đã định hướng cuộc đời của Tiên sinh. Từ căn bản nho phong theo truyền thống gia đình, vào giữa đường đời, Tiên sinh đã giác ngộ trong giáo lý Đức Phật, đề rời sáng lập Hội Phật Học Nam Việt, xây dựng chùa Xá Lợi, đề hoàng dương Phật-Pháp. Là một phần tử thuần thành, Tiên sinh nhận thức tín ngưỡng phải xây dựng trên tự do trong tinh thần đối thoại với các tôn giáo bạn. Cuộc đời công bộc của Tiên sinh là một đời tận tụy phục vụ cộng đồng dân tộc, trở thành một bậc lương đồng quốc gia. Trải qua nhiều giai đoạn chính trị gồm nhiều nghịch cảnh, Tiên sinh vẫn giữ trọn tiết tháo, bất cứ trường hợp nào cũng biểu lộ nhân cách xứng đáng. Khi Tiên sinh đạt tới đích chót ngạch trật hành chánh Đốc Phủ sứ với chức vụ quan trọng Tổng Thanh tra Hành chánh và Tài chánh, ấy là lúc Tiên sinh đã lừng lẩy với tài đức vẹn toàn đề chuẩn bị bước vào sự nghiệp chính trị với tất cả uy tín cần thiết và lòng tin cậy của quốc dân.

Công nghiệp của Tiên sinh trong lãnh vực chính trị gắn liền với sự hình thành và phát triển của nền Đệ nhị Cộng hòa giữa lúc các giới lãnh đạo đang tìm kiếm một công thức chánh trị thích hợp với tình trạng nước nhà. Tiên sinh đã lần lượt nhận lời tham gia Hội đồng Nhân sĩ, Thượng Hội đồng Quốc gia, là những cơ cấu chuẩn bị cho sự thành lập cơ quan Lập pháp toàn quốc. Sự can đảm chánh trị của Tiên sinh được biểu lộ khi Tiên sinh tham gia sinh hoạt dân chủ nòng cốt nền Đệ nhị Cộng hòa: Tiên sinh đã ứng cử vào chức vụ Phó Tổng thống cùng một liên danh với đương kim Phó Tổng thống, lúc ấy ứng cử vào chức vụ Tổng thống, tuy không đạt số

« Một bậc hiền đức ra đi  
thanh thoát nhẹ nhàng... »

ĐIỀU VĂN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ  
đọc trong lễ an táng ông Mai Thọ Truyền  
Quốc Vụ Khanh Đặc trách Văn hóa.

Thưa Bà Quốc vụ khanh và tang quyến,

Thưa quý liệt vị,

Ngày rằm tháng ba năm Quý Sửu tiết còn là Thanh Minh êm ả, giờ là giờ bình minh rạng rỡ vậy mà sao gió thảm mưa sầu. Cụ Chánh Tri Mai Thọ Truyền, Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa, không còn nữa !

Một Người Hiền giữa chúng ta, một bậc Quân tử của thời đại mới đã vội vàng từ giã chúng ta, thanh thoát về cõi mộng thiên thu, để lại muôn ngàn luyến tiếc nhớ thương cho thân bằng quyến thuộc cùng đồng bào các giới, mà nhất là Mai Phu nhân và con cháu.

Trong giây phút tối hậu sắp phân cách âm dương đôi ngã, nhân danh Chánh phủ và riêng tôi, tôi xin chân thành phân ưu cùng Phu nhân và tang quyến, và xin có đôi lời vĩnh biệt ông Quốc vụ khanh rất mến tiếc của tất cả chúng ta.

Kính thưa vong linh Mai Tiên sinh,

Đứng trước linh cửu Tiên sinh, tôi cảm thấy hương hồn Tiên sinh hiển hiện giữa chúng tôi, vĩnh tồn trong bầu chính khí tụ kết tinh hoa của giống nòi.

Là hậu duệ của một vọng tộc trải nhiều thế hệ đã dày công khai sáng bồi đắp mảnh đất quê hương, Tiên sinh thuộc vào hàng ngũ những người bất hủ, theo nhận định của sách Tả Truyện, là những người đã lập đức, lập công và lập ngôn.

Lý tưởng đạo đức đã định hướng cuộc đời của Tiên sinh. Từ căn bản nho phong theo truyền thống gia đình, vào giữa đường đời, Tiên sinh đã giác ngộ trong giáo lý Đức Phật, đề rời sáng lập Hội Phật Học Nam Việt, xây dựng chùa Xá Lợi, đề hoằng dương Phật-Pháp. Là một phần tử thuần thành, Tiên sinh nhận thức tín ngưỡng phải xây dựng trên tự do trong tinh thần đối thoại với các tôn giáo bạn. Cuộc đời công bộc của Tiên sinh là một đời tận tụy phục vụ cộng đồng dân tộc, trở thành một bậc lương đồng quốc gia. Trải qua nhiều giai đoạn chính trị gồm nhiều nghịch cảnh, Tiên sinh vẫn giữ trọn tiết tháo, bất cứ trường hợp nào cũng biểu lộ nhân cách xứng đáng. Khi Tiên sinh đạt tới đích chót ngạch trật hành chánh Đốc Phủ sứ với chức vụ quan trọng Tổng Thanh tra Hành chánh và Tài chánh, ấy là lúc Tiên sinh đã lừng lẩy với tài đức vẹn toàn đề chuẩn bị bước vào sự nghiệp chính trị với tất cả uy tín cần thiết và lòng tin cậy của quốc dân.

Công nghiệp của Tiên sinh trong lãnh vực chính trị gắn liền với sự hình thành và phát triển của nền Đệ nhị Cộng hòa giữa lúc các giới lãnh đạo đang tìm kiếm một công thức chánh trị thích hợp với tình trạng nước nhà, Tiên sinh đã lần lượt nhận lời tham gia Hội đồng Nhân sĩ, Thượng Hội đồng Quốc gia, là những cơ cấu chuẩn bị cho sự thành lập cơ quan Lập pháp toàn quốc. Sự can đảm chánh trị của Tiên sinh được biểu lộ khi Tiên sinh tham gia sinh hoạt dân chủ nòng cốt nền Đệ nhị Cộng hòa; Tiên sinh đã ứng cử vào chức vụ Phó Tổng thống cùng một liên danh với đương kim Phó Tổng thống, lúc ấy ứng cử vào chức vụ Tổng thống, tuy không đạt số

nguyên nhưng số phiếu quan trọng bầu được cũng đã chứng tỏ tin nhiệm của đồng bào. Hoài bão của Tiên sinh là phục vụ quốc gia nên Tiên sinh đã sẵn sàng lãnh trọng trách Quốc vụ khanh, Viện trưởng Giám sát viện rồi Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa cho đến ngày lâm chung.

Nói đến văn hóa là nói trước hết đến trước thư lập ngôn. Thư tịch Phật học nước nhà thêm phong phú là nhờ công trình trước thuật và dịch thuật của Tiên sinh về kinh truyện.

Nhưng công trình trước thuật của Tiên sinh không phải chỉ hạn định trong khuôn khổ Phật học. Ngay trước khi đảm nhận trọng trách đối với văn hóa nước nhà, Tiên sinh đã nổi tiếng là một học giả thiết tha đối với văn hóa dân tộc qua nhiều công trình sưu tập, nghiên cứu, bình giải các áng danh văn.

Tôi cũng nhắc nhở cách riêng đề án của Tiên sinh trình bày tại «Hội nghị liên chánh phủ về các phương diện định chế hành chánh và tài chánh» do Cơ quan Văn hóa Khoa học và Giáo dục LHQ tổ chức năm 1970 tại Venise. Trong dịp này, Tiên sinh đã diễn cách thông thái và sống động lập trường văn hóa cổ hữu của VNCH gây thêm được nhiều thiện cảm của thế giới đối với nỗ lực của nước ta trong lãnh vực văn hóa.

Tôi muốn dành những lời nói sau cùng để xác nhận những thành quả khả quan mà Tiên sinh đã thu hoạch trong thời gian đặc trách Văn hóa. Dưới sự lãnh đạo của Tiên sinh, hoạt động Văn hóa đã thêm khởi sắc, chính sách Văn hóa của nước nhà đã được minh định với những kế hoạch được tuân tự thi hành tạo được niềm tin khả dĩ tiến tới một phong trào văn hóa sâu rộng. Tiên sinh đã nhận lãnh trọng trách này từ trước trong Nội các do đương kim Phó Tổng thống lãnh đạo, đến khi tôi thành lập Nội các, Tiên sinh lại sẵn sàng nối tiếp sứ mạng, với một chương trình hoạt động quy mô hứa hẹn nhiều triển vọng.

Nhưng éo le thay ! Sự nghiệp còn đó mà người với vãi đi đâu, hỡi hỡi Tiên sinh ! Mới mấy ngày trước, tiếng nói của Tiên sinh còn vang vang trên

diễn đàn đại lễ Giỗ Tờ Hùng Vương, mà nay Tiên sinh đã ra người thiên cổ. Kiếp nhân sinh phù thế, ai cũng có một lần ra đi. Nhưng ra đi trong hương khói vấn vương một tiết Thanh minh một ngày Giỗ Tờ, một buổi bình minh, thì chỉ một bậc hiền đức như Tiên sinh mới có được bước ra đi thanh thoát nhẹ nhàng như vậy.

Kính thưa hương hồn Mai Tiên sinh.

Tôi không dài lời ca tụng sự nghiệp của Tiên sinh vì sợ xúc phạm đến đức tính khiêm nhường cố hữu của Tiên sinh. Nay Tiên sinh vội vĩnh biệt chúng tôi để về Lạc-quốc, tôi bàng hoàng xúc động mất một người cộng tác quý báu, toàn thể Nội các mất một bạn đồng liêu khả kính và Quốc dân mất một nhân tài lỗi lạc.

Nhưng Tiên sinh sẽ mãi mãi hiện diện trong niềm tưởng nhớ sâu xa của tất cả chúng tôi và phương danh Tiên sinh sẽ được trang trọng ghi vào lịch sử đất nước.

Nguyện chúc Tiên sinh hưởng phúc lộc đời đời trên cõi Phật và kính xin hương linh Tiên sinh chứng giám lòng thành của chúng tôi.

Trân trọng bái biệt Tiên sinh.

## ĐIỀU - VĂN

của Ông Đồng-Lý Văn-Phông  
Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa

Kính thưa Thủ-tướng,  
Kính thưa Mai Phu-nhân,  
Kính thưa liệt quý vị,

Thay mặt toàn thể hơn viên các cấp thuộc Phủ Văn-hóa và với tư cách người cộng-sự gần gũi nhất của Ông Quốc-vụ-khanh, tôi trân trọng xin phép quý vị được công-khai tỏ bày trong giây phút tổng-biệt tối hậu này nỗi lòng thành thực kính ái nhà lãnh-đạo tiên khởi của Phủ Văn-hóa đã vĩnh viễn ra đi để trở về với chính-khí của trời đất, hưởng phúc thanh-nhàn nơi cõi trường-sinh cực-lạc.

Kính hương hồn Ông Quốc-vụ-khanh !

Chúng tôi bàng-hoàng xúc động trong một cái tang lớn. Gia-đình Quốc-vụ-khanh mất một bậc trưởng-thượng thân yêu, đồng bào Phật-tử mất một cụ-sĩ thuần thành, giới văn-hóa mất một học-giả uyên-bác, toàn thể mất một chánh-khách lỗi-lạc. Riêng cơ-quan Văn-hóa nhà nước mất một nhà lãnh-đạo tài-ba tổng-hợp trong khuôn-khố một con người toàn-diện bấy nhiêu sắc-thái khả-kính của đời Ngài.

Trong bài diễn-văn đọc năm 1963 vào dịp nhận chức Quốc-vụ-khanh Đặc-trách Văn-hóa, Ngài đã tuyên-bố « tác-dụng văn-hóa đi sâu vào tâm-hồn » và « Hoạt-động văn-hóa bao trùm hầu hết các lãnh-vực bao la của cuộc sống. »

Chính Quốc-Vụ-Khanh đã thể-hiện các nhận-định hữu-lý ấy ngay trong đời sống bản thân và trong chương-trình hoạt-động của Phủ Văn-hóa,

Với quan-niệm văn-hóa là một tổng-hợp đề sống-động, Quốc-vụ-khanh đã tổng-hợp các đức-tính cần-thiết của một nhà lãnh-đạo Văn-hóa. Về phương-diện lãnh-đạo, do truyền-thống gia-đình và kinh-nghiệm của đời công-chức gương-mẫu, Quốc-vụ-khanh có ý-thức cao-độ về quyền-uy và tinh-thần phục-vụ công-ích công-thiện. Thái-độ cương-trực và từ ái của Ngài uyên-nguyên từ một lý-tưởng đạo-đức cao-quý.

Ngài là một Phật-tử thực-chứng giáo-lý Đức Phật trong đời sống, lãnh-đạo một tập-thể quan-trọng của Phật-giáo Việt-nam kiên-trì trong đường lối tu-học chánh-truyền nhưng Ngài cũng là người chủ-trương, như lời Ngài nói, « một sự hiểu biết lẫn nhau giữa các tôn-giáo, một sự cải-thiện xã-hội bằng sự tu-thân của người trong xã-hội, trên căn-bản mỗi người phải biết nhận-thức khả-năng riêng, giá-trị riêng, nguồn ánh-sáng ẩn-kín trong bản thân ».

Về phương-diện văn-hóa, cũng chủ-trương văn-hóa Việt-nam phải được xây-dựng « trên nền-tảng những nguyên-tắc nhân-bản, dân-tộc và khai-phóng ». Chính Ngài cũng là một học-giả đã góp phần đáng kể vào công-việc bảo-tồn và phát-huy những giá-trị văn-hóa dân-tộc bị lãng-quên.

Hoài bão văn-hóa của Ngài đã được ôm ấp từ lâu và gặp những điều-kiện thuận lợi từ khi cơ-duyen đưa đây Ngài vào hoạt-động chính-trị.

Với trọng trách Quốc-vụ-khanh Đặc-trách Văn-hóa đảm-nhận từ tháng 12 năm 1968 trong nội các do đương-kim Phó Tổng-thống làm Thủ-tướng và tiếp-tục đảm-trách cho đến ngày lâm chung trong nội-các do Trần Đại-tướng thành lập, Ngài đã tuân tụy thực-thi chánh-sách văn-hóa của quốc-gia, và mặc dầu gặp những trở ngại do chiến-cuộc gây nên, đã thu hoạch những thành-tích đáng kể, biện minh cho sự cần-thiết của một Phủ Văn-hóa trong cơ-cấu chính-phủ.

Về pháp lý văn-hóa, Ngài đã đệ-trình dự-luật về nạm-bản và văn-khố, xúc-tiến việc soạn-thảo các dự-luật về bản-quyền tác-giả, về công-cuộc



bảo-tồn di-sản văn-hóa và thiên-nhiên, tất-cả đều quy chiếu vào dự-luật căn-bản về văn-hóa giáo-dục hợp soạn với Bộ Giáo-dục.

Về cơ-sở Văn-hóa, Ngài đã hoàn-thành Thư-viện Quốc-gia tân-lập, xúc-tiến việc thiết-lập Văn-khố Quốc-gia [và Nhà Văn-hóa, Ngài cũng đã dày-mạnh công-tác của Ủy-ban Điền-chế Văn-tự, tân-lập Ủy-ban Dịch-thuật kể từ năm 1969. Thành phần hai Ủy-ban này gồm có đông-đạo giáo-sư, học-giả, dịch-giả hoạt-động theo công-thức công-tư hợp tác và qua cuộc đầu-phiếu, đã bầu Ngài làm Chủ-tịch.

Về phương-diện bảo-tồn Cổ-tích, Ngài đã thành-lập Chi-nhánh Bảo-tồn Cổ-tích Huế phụ-trách công-cuộc bảo-tồn Cổ-đồ Huế, hợp-thức-hóa Đoàn Ban vũ Cổ-nhạc của Đại-nội ngày xưa, can thiệp với Tổ-chức UNESCO đề-tổ-chức này bảo-trợ công-cuộc trùng-tu và tái-thiết Cổ-đồ Huế theo một kế-hoạch dài hạn.

Về giáo-dục nghệ-thuật, Ngài đã cải-tiến việc đào-luyện nghệ-sĩ và chuyên-viên bằng cách mở thêm đệ-nhi cấp tại các Trường Quốc-gia Cao-Đẳng Mỹ-thuật, cải-tổ Trường Trang-trí Mỹ-thuật thành Trường Quốc-gia Trang-trí Mỹ-thuật và kiện-toàn học-chế tại các Trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ.

Đề khuyến-khích hoạt-động văn-hóa trong nước, Ngài đã lần-lượt tổ-chức Tuần-lễ văn-hóa, Tuần-lễ văn-hóa Sắc-tộc, Đại-hội Kỷ-niên các văn-hào, những buổi trình-diễn nghệ-thuật sân-khấu cổ-truyền và Tây-phương. Đồng-thời với việc sáng-lập Giải-thưởng Dịch-thuật hàng năm kể từ năm 1970, Ngài đã được Tổng-thống chấp-thuận cải-tiến Giải-thưởng Văn-học Nghệ-thuật dành cho tác-phẩm xuất-sắc hàng năm và tân-lập kể từ năm 1972 Giải Tuyên-dương Sự-nghiệp Văn-chương, Học-thuật và Mỹ-thuật dành cho toàn-bộ sự-nghiệp văn-nhân học-giả và nghệ-sĩ xuất-sắc. Nhiều tư-nhân và Hội-đoàn có thành-tích và công-trình xứng-đáng đều được cứu-xét yểm-trợ để hoạt-động.

Trong lãnh-vực phát-huy văn-hóa Việt-Nam trên trường Quốc-tế, Ngài đã thành công trong công-cuộc triển-lãm sách và ảnh Mỹ-thuật tại một số quốc-gia Âu-châu, giới-thiệu văn-hóa nước nhà trong dịp chính-thức viếng-thăm Đài-loan, phổ-biến lập-trường của nước nhà trong Hội-nghị Liên-Chánh-phủ về chính-sách văn-hóa tại Venice năm 1970 và các Đại-Hội-nghị UNESCO năm 1970 và 1972.

Về phương-diện xuất-bản ấn-phẩm, Ngài đã cải-tiến hình-thức và nội-dung các ấn-phẩm định-kỳ và không định-kỳ của các Nha, Viện trực-thuộc, đặc-biệt đã cho ấn-hành các dịch-phẩm cổ-văn và kim-văn của Ủy-ban Dịch-thuật với một số lượng đáng-kê, và như thế đã giúp ích rất-nhiều cho học-giới về tài-liệu cổ-văn chữ Nôm và chữ Hán cũng như về những sắc-thái đáng-lưu-ý của học-thuật tư-tướng ngoại-quốc.

Kính-hương hồn Ông Quốc-vụ-khanh !

Chúng-tôi còn nhớ mãi lời tuyên-bố của Quốc-vụ-khanh xác-tín tương-lai rực-rỡ của văn-hóa Việt-nam khi đã văn-hồi hòa-bình : Ngài đã nói : Dân-tộc Việt-nam có một lịch-sử và một nền văn-hóa mấy ngàn năm, là một dân-tộc can-dảm, siêng-năng, kiên-trì, có nhiều khả-năng và biết thích-ứng với hoàn-cảnh, dân-tộc Việt-nam sẽ trưởng-thành mạnh-mẽ hơn sau khi thoát khỏi cuộc chiến-tranh khốc-liệt hiện nay và văn-hóa Việt-nam sẽ nhờ đó mà lớn-mạnh. \*

Đến nay, với cuộc ngưng-chiến, hòa-bình đã lộ-dạng, nhưng Quốc-vụ-khanh lại đành bỏ-rã đi không ở lại để hướng-dẫn chúng-tôi đây-mạnh-kế-hoạch văn-hóa mà Quốc-vụ-khanh đã dự-liệu.

Than ôi !

Chi lớn của Quốc-Vụ-Khanh là đem đạo vào đời, dẫn đời theo đạo, lấy văn-hóa làm phương-tiện để mở đường hiếu-sinh cho dân-tộc trở về nguồn và hướng về những chân-trời tiến-bộ.

Đường lối đã vạch sẵn nhưng từ nay chúng tôi thiếu người dẫn đạo đã từng theo dõi khuyến-khích chúng tôi chu-toàn nhiệm-vụ. Khi thiếu người thân yêu mà mình tin-tưởng, cả vũ-trụ trở nên hoang-vắng. Hướng chỉ từ nay, chúng tôi không còn có nhà lãnh-đạo tài-ba, bấy lâu nay hằng thông cảm trong một mối thâm-tình, chúng tôi càng cảm thấy lạc lõng bơ vơ.

Chúng tôi vẫn biết Quốc-vụ-khanh lấy việc tu-học làm cội phúc, nay bỗng cắt cánh hạc vân du về cõi trời lý-tưởng của Phật quốc, thiết tưởng chúng tôi cũng nên cố nén mối ưu sầu, niềm hoài cảm đê sốt sáng nguyện cầu cho Quốc-vụ-khanh sớm siêu sinh tịnh-độ. Hiềm vì chúng tôi còn vương vấn thường tình nên vẫn phải xót phải thương. Xót là xót cho cảnh đau lòng kẻ ở người đi, tình tri kỷ, nghĩa thủy-chung mà trong muôn một chúng tôi chưa ứng đáp. Thương là thương cho chúng tôi từ nay quá cô đơn trước trường đời vạn nẻo tài hèn sức mọn mà sự-nghiệp còn dở dang, lý-tưởng cao quý còn xa vời : Công việc còn đa đoan khiến chúng tôi không khỏi ngại ngùng lo lắng.

Đến đây xin Quốc-vụ-khanh về chứng giám để chúng tôi thấp nén hương lòng khóc người quá cố, khóc cho sự vinh-biệt chia ly, khóc sao tạo hóa quá khắt khe đành cắt sớm mối thâm tình, khóc nghĩa thầy trò kẻ ở người đi từ nay mong gì gặp gỡ, chúng tôi thành tâm xin nguyện chúc hương hồn Quốc-vụ-khanh tiêu dao nơi cõi phật và xin thành thật phân ưu cùng Phu-nhân và tang quyến.

Kính bái,

## Mấy lời tưởng niệm

Cố Đạo-Hữu CHÁNH-TRÍ Mai-Công Thọ-Truyền

Bông Mai rụng buổi xuân tàn,  
Qua vườn Văn-Hóa bàng hoàn nhớ ai.  
Hòa-bình đương lúc phôi-thai  
Cùng ai bàn chuyện tương-lai nước nhà ???

*Mai-Công kim đi hi*

Chốn hồng-trần tục-lụy chẳng hề vương.  
Ánh Từ-quang thấp thoáng bóng vô-thường  
Nhà Thư-Viện mảnh gương còn sáng mãi.

*Chính nhân tu dưỡng hình骸外*

正 人 修 養 形 骸 外

*Trí giả tiêu dao đạo nghĩa trung*

智 者 道 逸 道 義 中

Vì văn-chương nghệ-thuật giống Tiên Long,  
Đem tâm huyết khai thông đường lối mới.  
Giận xe Tào xoay đi không chuyển lại  
Khiến người sau trông tới lưỡng bán khoăn.  
Nỡ rời đây : khi họp đoàn Phật-tử, khi vui bạn văn-nhân,  
Sịch nghĩ tới tinh thần càng xúc động.  
Đành đã biết cuộc đời là cõi mộng,  
Bạc cao-nhân coi thác sống vẫn là không,  
Riêng ai những ngăn ngor lòng !!!

TÂM-MINH-TỬ

Viết tại Sài-thành, ngày Vọng, tháng Quý Xuân, Quý-sửu,

**Thương tiếc cố Quốc Vụ Khanh  
Mai Thọ Truyền**

*Sầu trăng danh sĩ của non sông  
Vội lướt xa tiên đến đảo Bồng  
Nét bút « Từ Quang » kêu được tuế  
Chuông chùa « Xá Lợi » tiễn hồn trong  
Tao nhân ngồi tiếc trào thi lệ  
Đạo hữu buồn thương chạnh tác lòng  
Án đức tràn trề trên cõi thế  
Cống đời rạng mắt với Tiên Long*

**MẠCH QUẾ HƯƠNG**

Thi đàn Quê hương (Vinh Bình)

(Trích nhật báo Đông Phương  
số ra ngày 26-4-73)

**Phúng cụ Mai-Thọ-Truyền.**

*Cụ vội đi tiếc cho Nước quá,  
Cụ vội chi lệ đá rơi rơi  
Hy sinh dâng trọn một đời  
Tươi cây Văn Hóa sáng ngời Đông Tây,*

\*

*Lập Thư Viện một tay quyết lập  
Kệ chống gai đầy đất ngăn chân  
Niềm tin bừng ánh Mặt Thần  
Càng già càng vững đặt chân vững vàng.*

\*

*Đếm từng bước đúng đàng đúng lối  
Êm đềm như bóng tối, ánh trăng  
Tắm Lòng Sắt Đá ngàn năm  
Ngàn đời hồ dễ một lần còn Ai ???*

22-4-1973

kính

**TRẠNG ĐỚP**

(Trích nhật báo Tiên Tuyên  
số ra ngày 26-4-73)

Câu đối phúng điệu của một số văn-nghệ-sĩ,  
giáo-sư và ký-giả Hoa-kiều tại Chợ-lớn.

特責文化國務卿  
枚壽傳居士生西

弘法闡經壽國文章名不朽  
重儒興學傳家詩禮德留芳

梁少航 葉延基 吳玉英  
戴頑君 崔滿然 林伯墀  
李文雄 李松年 陳輝

敬輓

Phiên âm :

Độc Trách Văn-Hóa Quốc-Vụ-Khanh  
Mai-Thọ-Truyền Cư-Sĩ Sinh Tây.

Hoảng pháp xiển kinh, thọ quốc văn-chương  
danh bất hủ,  
Trọng nho hưng học, truyền gia thi lễ  
đức lưu phùng.

Tạm dịch :

Mở rộng pháp kinh, THỌ quốc văn-chương  
danh mãi rạng,  
Tôn sùng Nho học, TRUYỀN gia thi lễ  
đức thêm bền.

(Tô Nam Nguyễn-đình-Diệm)

Lương-Thiếu-Hàng  
Diệp-Diên-Cơ  
Ngô-Ngọc-Anh  
Đới-Ngoạn-Quân  
Thôi-Tiểu-Nhiên  
Lâm-Bá-Tri  
Lý-Văn-Hùng  
Lý-Tùng-Niên  
Trần-Huy

Kính vãn

## vài nét cương nghị và nhân ái

...Năm 35 tuổi (1940) Cụ Mai Thọ Truyền làm Quận trưởng Cànlông tỉnh Trà-vinh. Tháng 11 năm ấy, phong trào cách mạng nổi lên khắp nơi. Nhiều nơi bị đánh phá và chiếm cứ, như Quận Vũng-liêm, Vĩnh-long giáp ranh với Quận Cànlông. Tuy nhiên, Quận này vẫn bình an, không có một việc gì đáng tiếc xảy ra. Dầu vậy, viên Tỉnh trưởng Pháp ra lệnh cho Cụ « đập thành bình địa » làng An-trường là nơi có nhiều dân tình nghi chính trị, bắt giam tất cả những người tình nghi trong toàn Quận và tra tấn để tìm biết coi tại sao Cànlông được yên, và đốt nhà những người tình nghi ăn trốn. Cụ đã nhất quyết cự tuyệt, không thi hành lệnh của viên Tỉnh trưởng. Cụ bị tạm dời sang một Quận khác đợi lệnh. Phúc trình xin trừng phạt của viên Tỉnh trưởng gọi Thống đốc Nam-kỳ có câu : « Ông Truyền hãnh diện đã tránh cho đồng bào ông một cuộc trừng phạt gặt gao. » Nội vụ chấm dứt bằng một lời cảnh cáo nhờ phong trào ủng hộ Cụ trong dư luận quần chúng.

Năm 1945, Pháp bị Nhật đảo chánh. Các đoàn thể nhân dân ở Trà vinh mời gọi Cụ, lúc ấy đang làm Quận trưởng Cầu Ngang, về tình lý lãnh nhiệm vụ Phó Tỉnh trưởng. Tháng 6 năm ấy, Chánh quyền Trung ương bổ Cụ đi làm Quận trưởng Thốt-nốt (Long-xuyên, nay là An-giang).

Đến tháng 8, Phong trào kháng Pháp nổi lên, các đoàn thể Cách mạng trong tỉnh bầu Cụ làm Chủ tịch Ủy ban Quận Bộ Châu thành Long xuyên. Ít hôm sau, Cụ được Ủy ban Hành chánh Tỉnh Bộ cử làm Đầu Văn phòng Hành chánh và Ủy viên Tài chánh.

Sau khi quân đội Pháp chiếm Long-xuyên, Cụ cùng Ủy ban Tỉnh Bộ dời trụ sở về Núi Sập, rồi nửa tháng sau giải tán. Khi Pháp tấn công Rạch giá, Cụ về ở ẩn tại Tân-hội. Đến tháng 3 năm 1946, quân Pháp hay tin,

định lùng bắt, nhưng nhờ có người mách, Cụ trốn thoát kịp thời. Quân Pháp bắt người chủ nhà đã chứa Cụ và hãm bản. Để cứu ân nhân của mình, Cụ phải ra mặt và bị quân Pháp giam lỏng ở Long-xuyên hai tháng rồi giải tòa. Sáu tháng sau, Cụ được miễn tố.

Chính phủ Nguyễn văn Thỉnh sau dùng Cụ vào làm Quận trưởng rồi Phó Tỉnh trưởng Sa-đéc. Trước cảnh quân đội Lê Dương tàn sát dân quê vô tội và đốt nhà, cướp bóc, Cụ đã nhiều lần can thiệp mà không hiệu quả nên uất ức xin từ chức.

Chính phủ không chấp nhận, Cụ xin đi nhà thương rồi lên Saigon vào giữa năm 1947...

(Trích nhật báo Dân Sống  
số ra ngày 19-4-1973).

## Người đã đi rồi chỉ còn kỷ niệm thôi

Kính viếng Cụ Mai-Thọ-Truyền Quốc Vụ Khanh

Tin Cụ Quốc Vụ Khanh Mai-Thọ-Truyền không còn nữa đột ngột đến với các nhân viên của Cụ vào sáng ngày thứ ba 17-4-1973 khi họ vừa tới sở. Cảm giác bàng hoàng khiến họ thẫn thờ. Trưa qua Cụ còn ở sở làm việc mà.

Cụ bước về cõi Cực lạc cũng nhẹ nhàng như những bước gầy gót cao su, không gây tiếng động mỗi ngày Cụ đến sở và về nhà sau tiếng rập cửa xe hơi khô lạnh của người tùy cận. Bóng Cụ thoảng hiện, thoảng khuất thoảng thoắt lên xuống vòng cầu thang tròn ốc, bước nhanh, ngó thẳng, với mái tóc cắt ngắn bạc phơ. Cụ không muốn gây phiền lụy cho ai, dù sự phiền lụy ấy chỉ là một giây dừng lại nhường bước, một cái gật đầu chào kính mà họ phải làm.

Sự có mặt của Cụ, với phần lớn nhân viên nơi Phủ Văn Hóa, trên nền khảm lớn ngày xưa, có đấy mà không đấy, vì với bước đi thoãn thoắt cụ chỉ cần 1 phút để đến, 1 phút để đi và tuyệt đối không nhòm ngó phiền trách ai. Cụ đặt hết lòng tin ở mỗi cá nhân, dường như Cụ nghĩ rằng trên đời này ai cũng muốn làm tốt.

### MỘT PHONG THÁI HIỂN TRIẾT.

Sau năm năm trời gần gũi làm việc bên Cụ, chúng tôi có cảm tưởng nổi bật nhất là mình được sống gần nhà hiền triết. Trước thái độ khoan thai, trầm tĩnh, hòa nhã của Cụ, những sôi nổi, tham, sân, si sục sôi trong lòng mình dần dần lắng xuống.

Người ta ngỡ gán nhãn hiệu kỳ thị cho Cụ thật là không nên vì nếu Cụ kỳ thị thật thì kẻ này phải là nạn nhân khốn khổ chứ. Có thể những ai kia đã nấp sau danh nghĩa của Cụ để tung độc chường bầu thủ lợi cho cá nhân, cho bè phái. Hay trước đây khi còn làm việc ở nơi khác, chuyện đó có hay không, kẻ này đâu biết tới, chỉ biết chắc chắn rằng năm năm cuối cùng đặc trách Văn hóa, Cụ là người của đủ mọi giới. Với lòng thương bao la, trước mặt cụ tất cả đều là giới chúng sinh bất hạnh đáng thương cả. Phủ Văn Hóa là nơi 'bắt địa' của những ông thi sĩ, ký giả thất cơ lỡ vận, nhưng vì phương tiện trong tay Cụ quá ít, không thỏa mãn được tất cả, nên người ta đặt điều, rồi miệng thề gian, một đồn mười, mười đồn trăm. Cũng may Cụ là người tự tin, tự tại không mấy để ý đến những điều thị phi, dù những điều ấy có được in trên giấy trắng mực đen cũng vậy.

Nếu có ai có mặc cảm bị kỳ thị, thì đây là lúc cần xét lại, hoặc giả mình không ra gì lại muốn hưởng thụ nhiều mà không được như ý, sinh cay cú bất mãn rồi đổ oan cho Cụ chẳng?

### MỘT QUYẾT TÂM XÂY DỰNG

Cuối năm 1968 Cụ về Văn Hóa thừa hưởng một bức dư đồ nát, một đừa con hoang, khi cần thì được chải chuốt để cao, xong việc lại cho sống lây lất, lúc thì đứng thành một Bộ, lúc lại về Bộ Giáo Dục làm khối Văn Hóa. Với bản lãnh của một «Ông già gân» Cụ nhất định làm cho nên việc.

Con người ấy Trời sinh ra để xây dựng cơ sở : Chùa Xá-lợi, Viện Đại học Vạn Hạnh, Tòa Thư viện Quốc gia còn đó. Trước Cụ, đồ án Thư viện mãi mãi chỉ là đồ án. Với ý chí sắt đá của Cụ, nó phải biến thành thư viện thật. Bất chấp khó khăn đủ thứ, Cụ lăm lăm làm việc, và cuối cùng giấc mộng đã thành sự thực.

Giấc mộng xây cất của Cụ còn nhiều : Đền Quốc Tổ, Nhà Văn Hóa với một thính đường ba ngàn ghế, có phòng triển lãm thường xuyên, phòng hội thảo, nơi làm việc cho văn nghệ sĩ. Trùng tu Cố đô Huế, mở rộng các viện bảo tàng, xây Tòa Văn Khố Quốc Gia v.v...

Với người khác những dự án này chỉ là giấc mộng thôi, nhưng đối với Cự, con người nói ít làm nhiều, với thời gian và nếu Trời còn cho làm thì dần dà sẽ có hết.

Tinh thần trẻ trung của Cự thể hiện ngay ở cách trang phục. Chỉ khi bỏ bước mới mặc đồ lớn, mà thường là hàng nhẹ, màu sáng. Còn đi làm Cự mặc áo "chemisette" bỏ ngoài quần, đi giày nhẹ. Y phục phóng khoáng của Cự, có người câu nệ hình thức cho là lẳng lơ, nói theo ngôn ngữ thời thượng là "chịu chơi". Cự có tinh thần đồng đội. Có ai ngờ ý cảm phục cá nhân Cự, Cự thường gạt phắt đi và khiêm tốn nói rằng có chút công nào thì đó phải là công chung. Nhưng khi có cơ hội dịp lễ, tết, Cự thường công khai cảm ơn các cộng sự viên, và mau lẹ khen ngợi, tưởng thưởng họ mỗi khi có dịp, và dường như chẳng bao giờ cảnh cáo, quở phạt đích danh một cá nhân nào.

Cự giữ mãi tinh thần mã thượng của một người ham chuộng thể dục. Cự đã ra đi sau một buổi sáng tập thể dục thường lệ, theo khuyến cáo của y sĩ.

Trong một thời đại tao loạn, thanh thiếu niên đua nhau đi tìm quên lãng nơi khói si-ke, mà Cự vẫn ráng bảo trọng sức khoẻ, và ra đi sớm một chút, cũng chỉ vì muốn có thêm ít sức khoẻ để phụng sự. Ấu cũng là một nét đặc thù của Văn-hóa Việt-nam, mà Cự có trọng trách nuôi dưỡng vậy.

#### MỘT GƯƠNG CẢN KIỂM LIÊM CHÍNH.

Có lẽ Cự là người ít lãng phí của công nhất. Những tờ giấy mang tiêu đề "Phụ tá chuyên môn đặc trách khối văn hóa" vẫn được Cự dùng cho tới ngày nay để ra chỉ thị trong nội bộ sau khi vạch chéo một vạch, vì tiếc của; có mà không dùng hết là lãng phí.

Sự thanh bạch sau một cuộc đời dài làm quan và tham chính hiện rõ nơi một căn nhà lầu hẹp tại chung cư cầu Công lý. Đồ trần thiết sơ sài, chỉ có sách và sách.

Tinh Cự dường như không thích sự xa hoa vật chất. Sống giản dị, đạm bạc và mãi mê tìm kiếm giá trị tinh thần, tìm niềm vui ở cái vui của người khác.

Cự rất sòng phẳng về tiền bạc, cho ai là cho dứt khoát. Còn của Cự, dù 5 đồng mua báo, còn dư, thì cũng phải liệu trả lại cho sòng phẳng, bằng không có lúc Cự sẽ hỏi.

Sự trợ cấp văn hóa dành cho một tác phẩm, một công trình nào cũng được chính Cự cân nhắc, và giúp có chừng mực, vì Cự muốn chính đương sự cũng phải cố gắng nữa.

#### MỘT TINH THẦN TẬN TỤY VỚI NGHĨA VỤ

Cự đam mê công việc đến không kể gì nhọc mệt. Dù tuổi cao, sức yếu, hễ chỗ nào dính lưu tới văn hóa là có Cự. Từ buổi hòa nhạc, triển lãm phòng tranh đến hội thảo, tế lễ Cự đều không từ chối. Có những chuyến đi xa về tình rất vất vả, vất vả cho cả người trai trẻ, chứ đừng nói tới một Cự già ngót 70 tuổi. Đi Bến-tre thăm mẹ Cự Nguyễn đình Chiều, Phan thanh Giản, ra Qui-nhon khánh thành Trung tâm Văn hóa, vừa đi vừa về nội trong 1 ngày.

Những công việc này Cự âm thầm làm thường xuyên, báo chí không đề ý tới. Cự ít có duyên với báo chí, vì Văn hóa đâu có gì "giật gân" để báo chí khai thác. Có những buổi họp báo hồi đầu Cự mới nhậm chức, Cự sửa soạn rất kỹ-lưỡng để đón tiếp — vì nghĩ rằng qua trung gian báo chí có thể phổ biến đường lối văn hóa — nhưng người hưởng ứng tham dự ít đến độ nào lòng. Về sau Cự không tiếp xúc nhiều với báo chí nữa, chỉ âm thầm làm việc trước sự thờ ơ của nhiều người.

Sự đóng góp của một cá nhân trong một gian đoạn nhiều nhương kể như vậy là to lớn lắm.

Sự ngạc nhiên của hạng quốc khách nước ngoài mỗi lần đến thăm Cự thường được diễn tả rằng: « Đối với một quốc gia chiến tranh trường kỳ

như thế này mà vẫn có sự quan tâm tới văn hóa, cụ thể là những cơ sở văn  
lập, những ấn phẩm tốt đẹp, những tác phẩm mỹ thuật có giá trị.»

Trước lời khen ngợi ấy Cụ chỉ cười hiền hòa. Nhưng đằng sau nụ  
cười ấy hàm ngụ một sự tự hào về nòi giống. Cụ tin rằng nhất định Việt-  
nam có một nền văn hóa đặc thù, không phải Tàu, không phải Tây, lẽ dĩ  
nhiên cũng phải Mỹ. Gặp thời đại loạn nó tàn mạn, lu mờ, nhưng cái nếp  
vẫn còn và không mất được. Mình giữ lấy cái gốc, rồi thời bình đến, chịu  
đề tâm suy nghĩ kiểm cho ra, hệ thống hóa lại, rồi phục hưng nó mấy hồi.

Bây giờ thời bình mới lộ dạng mà Cụ vội ra đi mang theo niềm tin  
trưởng, mối lạc quan như đồng, như sắt ấy. Lại phải đợi người mới đến bắt  
trúng cái triết lý chỉ đạo sáng ngời ấy để làm rục rở lại cái gia sản Văn hóa  
quí giá mà tiền nhân đã đổ xương máu, mồ hôi ra tài bồi, gìn giữ cho  
chúng ta, và những thế hệ Việt Nam mai hậu. Mong vậy thay !

#### CHÚT NIỀM RIÊNG TÂY.

Thưa Cụ,

Suy nghiệm về chuyến ra đi của Cụ, con chỉ thấy thoáng buồn thôi.  
Sự mất mát nào không gây thương nhớ. Nhưng con nghĩ về phần Cụ, đây  
là một sự thiện chung vì ai chẳng một lần đến, một lần về. Cụ đã về trong  
vinh quang sau một đời tận tụy bảo trọng đất nước thiếu may mắn này.

Mùa xuân chiến thắng năm Quý-Sửu (1973) của dân tộc cũng là mùa  
xuân Chiến Thắng của riêng Cụ, một người mà thân phận đã gắn liền với vận  
mệnh đất nước. Con không ngờ được là kẻ đến báo cái tin vui ấy cho cụ vài  
ngày trước hôm Tết khi đến kinh dâng Cụ tại nhà riêng bức trưng gấm Xuân  
Chiến Thắng, con đã cùng với mấy anh em phát tâm thực hiện đề mừng  
ngày 28 tháng giêng tây, 1973, ngày hiệp định Đình Chiến Ba Lê bắt đầu có  
hiệu lực. Con nghĩ ngợi mãi về cử chỉ nhân ái của Cụ. Cụ đã đích thân ra mở  
đèn cho con thấy đường mà xuống thang gác lúc ra về.

Cảm tưởng của Cụ về bức trưng gấm đề thư Xuân Chiến Thắng  
còn đây :

« Bức trưng gấm Xuân Chiến Thắng là kết quả huy hoàng của một sự  
hợp tác tuyệt diệu giữa văn chương và mỹ nghệ, theo đường lối thoát trần  
của người xưa. »

Mừng Cụ dứt bỏ được cõi trần ai đầy hệ lụy, con xin mạo muội nhận  
xét về Cụ như sau :

« Sự nghiệp và cuộc đời cụ Quốc Vụ Khanh MAI THỌ TRUYỀN là  
kết quả huy hoàng của một sự phối trí thần diệu giữa triết lý và hành động  
theo tinh thần Việt Nam xưa và nay. »

Chuyên viên

VŨ-TRỌNG-ỨNG

Saigon, ngày 19-4-1973



## CẢM NIỆM

*của Đại Đức Narada, xứ Tích-Lan,  
về cái chết của  
Cụ Chánh-Trí Mai-thọ-Truyền*

Cụ Mai Thọ Truyền, một trong những vị lãnh đạo lỗi lạc nhất của Phật Giáo Bắc Tông Việt Nam, đã mệnh chung một cách an lành vào ngày trăng tròn tháng Tư dương lịch tại tư thất của Cụ.

Như thường lệ, Cụ tập thể dục buổi sáng và tắm. Cảm thấy trong người khó ở, cụ lên giường nằm. Bỗng dưng Cụ thở hơi cuối cùng. Cái chết của Cụ quả thật đột ngột, nhưng rất là thanh thoát dịu dàng.

Hai ngày trước đây, vào buổi sáng Chủ nhật, Cụ còn ngồi dưới chân bàn tăng để thảo luận về mùa nhập hạ cùng với thông dịch viên của bàn tăng, rồi như mọi hôm, đưa bàn tăng xuống giảng đường thuyết pháp.

Vào buổi chiều, Cụ chủ tọa một cuộc Đại hội của Hội Phật Học Nam Việt cũng tại giảng đường này.

Sáng thứ Ba, bàn tăng được báo tin buồn về cái chết êm đềm của Cụ.

Cái chết của Cụ Mai Thọ Truyền quả thật là một mất mát không thể thay thế nhất là đối với người Phật tử Việt Nam.

Bàn tăng không biết nhiều về sự nghiệp chánh trị của Cụ mà chỉ biết Cụ là Quốc vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa. Những phương cách mà Chánh phủ và dân chúng sắp xếp để phúng điếu Cụ chứng tỏ rõ ràng Cụ đã hoàn tất mỹ mãn phận sự của Cụ như thế nào, theo đúng những nguyên tắc Phật Giáo.

Cụ Mai Thọ Truyền được toàn thể Phật tử thế giới biết là một Phật tử trung kiên, có đạo tâm nhiệt thành, tinh tấn, sáng suốt, và đã thực hiện

nhieu công tác xã hội. Danh tiếng của Cụ, vinh quang rực rỡ hầu như đã gắn liền với ngôi chùa hùng vĩ nguy nga và đầy vẻ tôn nghiêm này — Chùa Xá-Lợi.

Một viên ngọc Xá Lợi mà bàn tăng đã cung thỉnh từ xứ Tích lan nhiều năm về trước, đã được dâng đến Phật tử Bắc Tông Việt Nam, lúc bảy giờ do Đức Từ Cung thọ lãnh. Viên ngọc Xá Lợi này đã được trao tặng Cụ Mai Thọ Truyền và những đạo hữu tài đức của Cụ, những vị đã đứng ra kiến tạo ngôi chùa đẹp đẽ này, một hãnh diện và một vinh quang của thành phố Sài-gòn. Chùa này mang một tên là Chùa Xá Lợi cách rất thích đáng.

Hiện nay Chùa Xá Lợi là trung tâm hoạt động của Phật-giáo đồ miền Nam. Không những chùa này cung ứng nơi cư ngụ cho các nhà sư Nam Tông, như chính bàn tăng, mà còn là nơi rộng rãi để thuyết giảng Giáo-pháp của Đức Phật cho đồng đạo Phật tử, cả Bắc và Nam Tông.

Cụ Mai Thọ Truyền có một vai trò rất quan trọng, vừa là Hội Trưởng Hội Phật Học Nam Việt, vừa là vị chủ nhiệm và chủ bút tài ba của tạp chí Từ Quang, cơ quan truyền bá giáo lý của Hội.

Nhiệm vụ cuối cùng mà Cụ đã hoàn tất vừa đúng hai ngày trước khi nhắm mắt là chủ tọa buổi Đại Hội bao gồm các vị đại diện của Hội Phật Học Nam Việt trên toàn quốc.

Trong cương vị Phó Chủ Tịch hội Phật Giáo Thế Giới, thanh danh của Cụ sẽ được mãi mãi lưu truyền là Hội Viên Việt Nam đã thuyết phục người Phật tử, Bắc Tông cũng như Nam Tông, cử hành đại lễ Phật-nhứt vào ngày rằm tháng Tư. Cụ cũng đã tận tâm mở sổ lục quyền để đóng góp vào công trình xây dựng một ngôi chùa tại Paris mà đồ án rất đẹp đã được chính người con trứ danh của Cụ thực hiện.

Như Đức Phật dạy, đời sống thật bấp bênh, nhưng cái chết quả là chắc chắn.

Chúng ta sanh ra đây chỉ để chết, và chết để tái sanh trở lại, tùy theo cái nghiệp của chúng ta.

Như từ cành cây, nhiều trái rơi rụng, già có, non có, héo có, cùng thế ấy, tất cả chúng sanh đều phải chết, dầu sơ sinh, dầu thiếu niên, tráng niên hay cao niên.

Từ đâu chúng ta đến đây? — Nào có biết. Rồi chúng ta sẽ đi đâu? — Nào có biết. Nhưng tất cả chúng ta đều biết rằng, rồi một ngày nào, chúng ta sẽ ra đi. Chắc như vậy.

Một thân một mình, chúng ta đến. Chúng ta sẽ ra đi, một thân một mình.

Tất cả những liên hợp trên thế gian đều tạm bợ. Cảnh xa lìa người thân kẻ yêu quả không thể tránh.

Vậy, trong khoảng thời gian ngắn ngủi của kiếp nhơn sinh chúng ta hãy cố gắng làm những việc thiện, hãy dọn mình để làm người thiện.

Cụ Mai Thọ Truyền không còn với chúng ta nữa, nhưng chúng ta sẽ ghi nhớ mãi những công đức của Cụ.

\*

#### NGUYỄN VĂN ANH NGỮ CỦA BÀI CẢM NIỆM TRÊN

Mr. Mai Tho Truyen, one of the most distinguished Mahayanist leaders, passed away peacefully on April full moon morning (17th) at his residence.

As usual he had his morning exercise and bath. Feeling tired, he had rested on the bed. Instantly, he had breathed his last. His death was unexpected but was very peaceful.

On Sunday morning, two days before his death, he sat before my feet and discussed about the vassana with my interpreter, and conducted me as usual to the preaching hall.

XXXII

In the afternoon he presided over a general meeting of Mahayana Buddhists in the same hall.

On Tuesday morning I received the sad news of his peaceful death.

His death is an irreparable loss, particularly to the Vietnamese.

I do not know much about his political career. I know his connection with the Government as Minister of State for Cultural Affairs. The elaborate arrangements the Government and the public have made for his funeral clearly demonstrate the excellent way he had performed his official duties, guided by his Buddhist principles.

Mr. Mai Tho Truyen is well known to the Buddhist world as a devout, energetic and wise religious and social Buddhist worker. His glorious name is almost identical with the magnificent sacred building — Chua Xa Loi. A Buddhist relic brought by me from Ceylon several years ago was presented to the mother Queen of Vietnam on behalf of Mahayana Buddhists. This relic was in turn presented to Mr. Mai Tho Truyen and his efficient colleagues who constructed a beautiful building, a glory and pride to Saigon, and appropriately named it Chua XaLoi — Relic Temple.

Chua Xa Loi is at present a centre of Buddhist activities in South Vietnam. It not only offers accommodation to Theravada Bhikkhus like myself but also places the spacious hall at the disposal of competent Buddhist monks to preach on the Buddha Dhamma to large gatherings of both Mahayana and Theravada Buddhists.

He played an important role as the President of South Vietnam Mahayana Association for Buddhist Studies and the able editor of its organ.

The last duty he performed just two days before his death was to preside over a meeting of delegates of the Association that assembled from various centres.

As a Vice President of the World Fellowship of Buddhists, his name will ever be remembered as the Vietnamese delegate who persuaded the Buddhists

XXXIII

to acknowledge the Fullmoon day in May (Vesakha) as the Buddha Day by both Mahayanists and Theravadins. He took a great interest in collecting funds from Vietnam Buddhists for the construction of the proposed Vihara in Paris for which an attractive plan was drawn by his distinguished son, an architect.

As the Buddha says — Life is uncertain, but death is certain.

We are born only to die, and we die to be born again according to our Kamma.

As fruits fall from trees, ripe, unripe or withered, even so all beings must die, whether young, middle-aged or old. Whence we came we know not, Whither we go we know not. We all know for certain that we must go one day or other.

Alone we have come, and alone we go.

All associations are temporary. Separation from the beloved is inevitable.

During this brief span of life let all try to be good and do good.

Mr. Mai Tho Truyền is no more with us, but his good actions will ever be remembered.

(Theo tài liệu do tang quyến trao)

## Chúc Xuân Quý Sửu

Bài thơ cổ phong dưới đây do Cụ Tô Nam Nguyễn Đình Diệm chuyên viên Hán học tại Nha Văn Hóa, đọc mừng Mai tiên sinh.— Không ngờ đây là những lời chúc xuân vĩnh biệt...

(L.T.S)

Bộ máy Thiều quang lần tiến tới  
Đất đã vươn mình sang hội Thái  
Hoa vàng tô điểm cảnh trời nam  
Điềm báo xuân sang nhiều thắng lợi  
Nàng chén thanh mai đón rước xuân  
Chúc nền văn hiến thêm muôn tuổi  
Cấp trên cấp dưới vững tinh thần  
Ban cờ ban kim đều phấn khởi  
Lịch trình năm cũ thử ôn qua  
Kinh nghiệm rút xem đã tấn thoát  
Một điều ai nấy phải ngạc nhiên  
Thành quả lớn hơn phần mong đợi  
Ủy Ban Điền Chế sớm ra đời  
Văn phạm sau này sẵn giềng mối  
Ủy Ban Dịch Thuật xuất bản đều  
Sử địa văn chương đủ các loại  
Mỹ thuật nghệ thuật biết bao ngành  
Âm nhạc thi ca ngành hát bội  
Huy chương giải thưởng được đề cao  
Sách báo lưu hành thêm rộng rãi  
Thi hào kỷ niệm gọi hân xưa  
Tuần lễ trưng bày gây sóng mới

Một phen triển lãm tại Đông Kinh  
Hai chuyến công du nơi quốc ngoại  
Đem chuông đi thử mấy hồi đầu  
Danh tiếng xem chừng đã vang dội  
Thành công rực rỡ hỏi vì đâu  
Vì được người trên tay vững lái  
Trong ngày tóc bạc tâm lòng son  
Gánh nặng đường xa không quản ngại  
Một tòa thư viện ngất cao xanh  
Dựng giữa thủ đô nơi sáng khải  
Bảo vật nam bắc rộng sưu tầm  
Hoa quả đông tây đều gặt hái  
Muốn kho văn tự phủ hào thêm  
So với liệt cường trên thế giới  
Cơ quan văn hóa trải nhiều năm  
Chưa thấy bao giờ như hiện tại  
Chung niềm tin tưởng ở ngày mai  
Tả mấy vần thơ lòng phới phới

Tô Nam NGUYỄN ĐÌNH DIỆM

## Kỷ niệm chuyến công du cuối cùng

### DIỄN VĂN BẢNG PHÁP NGỮ

của cố Quốc Vụ Khanh Mai Thọ  
Truyền đọc tại Hội Nghị Liên Chính  
Phủ cứu xét các phương diện định chế,  
hành chính và tài chính của những chính  
sách văn hóa, ngày 28-8-1970 tại Venice  
(Ý).

### DISCOURS

Prononcé par S.E Mai Tho Truyen  
Ministre d'Etat Chargé des Affaires cultu-  
relles de la République du Vietnam à la  
séance plénière du 28 Août 1970 de la con-  
férence inter gouvernementale sur les aspects  
institutionnels, administratifs et financiers  
des politiques culturelles à Venise (Italie).

Monsieur le Président,

Je suis heureux de pouvoir prendre la parole pour vous adresser à mon tour, au nom de la Délégation de la République du Vietnam, nos félicitations les plus chaleureuses, pour votre élection à la Présidence, par un vote dont l'unanimité est la pleine expression d'une confiance absolue en vos hautes compétences et en votre indiscutable autorité.

J'ai un autre devoir à remplir, qui est de me joindre à tous les honorables délégués m'ayant précédé à cette tribune, pour dire combien nous sommes reconnaissants envers le Gouvernement italien et les autorités vénitiennes pour nous avoir si généreusement accueillis et pour avoir rendu possible la tenue de la Conférence dans cette ville prestigieuse et historique.

J'ai le sentiment qu'en rendant hommage à nos hôtes, j'entre déjà dans le fond du sujet, car cette ville de Venise, berceau et témoin d'une des plus vieilles et des plus glorieuses cultures, constitue pour chacun de nous une source féconde d'inspiration. Quel lieu, mieux que Venise, patrimoine artistique de l'humanité entière, pourrait nous inciter à la méditation sur l'universalité et l'immortalité des oeuvres culturelles ?

Excellences,

Mesdames et Messieurs,

En venant ici, de tous les coins du monde, pour confronter nos vues et réfléchir ensemble sur nos politiques culturelles respectives, nous acceptons en même temps, et pour la première fois, d'étendre la coopération internationale à un domaine qui touche, peut-être, à un des éléments fondamentaux de toute infrastructure sociale. N'est-il pas vrai que la culture, autant que la civilisation et au même titre qu'elle, exerce une influence nécessaire et déterminante sur le destin des peuples ?

Sans doute, en lui-même, le seul fait que la coopération entre gouvernements puisse être envisagée sur une matière rentrant traditionnellement dans ce qu'on appelle la « compétence nationale » des Etats, est encourageant et marque une date dans l'évolution des relations entre peuples et peuples. Mais, de l'avis de tous, il nous faut aller plus loin que cette simple constatation.

L'enjeu de notre rencontre, son caractère exemplaire sont tels que nous devrions tout mettre en oeuvre pour qu'elle aboutisse à des résultats positifs. Il ne sera pas suffisant que chaque gouvernement représenté ici recueille des informations, si précieuses soient-elles, sur les expériences et les tentatives accomplies par les autres. Notre coopération ne serait fructueuse que si, par delà nos divergences inévitables, nous réussissions à nous mettre d'accord sur quelques conclusions constructives.

C'est dans l'espoir d'y contribuer, ne serait-ce que pour une faible part, que je vais, avec votre permission, exposer quelques vues générales.

Mesdames et Messieurs,

Si, comme je le crois, nous sommes d'accord pour reconnaître la nécessité d'une politique culturelle, en raison même de l'existence d'un développe-

ment culturel qui doit faire partie intégrante du développement global de la communauté, il serait important, voire nécessaire, d'essayer d'aboutir à un autre accord sur les objectifs généraux de cette politique culturelle.

A notre avis, le premier de ces objectifs devrait être la reconnaissance de la *primauté de la culture*, celle-ci étant, nous l'avons dit, le facteur essentiel de toute vie sociale.

L'affirmation de cette primauté devrait être le souci constant aussi bien des pays développés que des pays en voie de développement.

Pour les premiers, seule la culture, par le goût des activités de l'esprit qu'elle inspire et apporte à l'homme, paraît offrir les possibilités d'un moyen de prévention contre les excès de la recherche des progrès et satisfactions trop matériels.

En ce qui concerne les pays en voie de développement, le cas peut être général que leurs peuples, par un besoin né de leur dénuement, connaissent traditionnellement une vie socio-culturelle intense. Selon un spécialiste européen de géographie humaine, qui connaissait bien le Vietnam, si nos paysans se préoccupaient peu de leur pauvreté, c'était grâce aux charmes et à la joie morale que leur offrait la vie culturelle de la communauté villageoise.

Seulement depuis qu'ils ont pris conscience de leur pauvreté et depuis qu'ils se sont engagés sans retour dans la voie du développement, l'idée est venue à un certain nombre d'entre eux de rendre responsable de leur situation, la prédilection incrustée dans les moeurs millénaires du pays, pour la joie de la vie culturelle. De là à se détourner peu à peu des activités culturelles, considérées comme superflues sinon inutiles, pour se consacrer à la recherche des progrès techniques et économiques, en vue de profits immédiats et concrets, il n'y a qu'un pas que beaucoup déjà n'ont pas hésité à franchir. Ainsi est nette la tendance d'aller d'un excès à l'autre, ce qui, à notre sens, ne saurait être

de nature à résoudre le problème du déséquilibre existant dans la satisfaction des besoins du corps et de ceux de l'esprit.

Nul ne songe, sans doute, à contester la légitimité des aspirations au progrès social des pays en voie de développement, mais on ne saurait oublier que ce progrès est fortement conditionné par les progrès techniques et économiques. S'agissant de ceux-ci, ces pays ont un retard dont il est illusoire de croire qu'ils peuvent rattraper rapidement. Dès lors, leur contribution à l'harmonisation de la vie actuelle du monde, le vrai message de calme et de sérénité qu'ils sont capables d'apporter à l'avant-garde de l'industrialisation, c'est précisément ce qui leur a procuré la douceur de vivre. J'ai fait allusion non pas au refus des progrès matériels, qui était vrai responsable de leur retard, mais au refus de la poursuite exclusive et illimitée de ces progrès matériels.

D'autre part, il importe que l'affirmation de la primauté de la culture ne soit pas une prise de position théorique, mais une initiative suivie de réalisation. Or, que voyons-nous, si ce n'est cette vérité décourageante que, sous la pression du développement technico-économique, sans parler d'autres besoins urgents, la culture est toujours traitée en parent pauvre dans beaucoup de pays. Accepter la primauté de la culture implique donc l'idée d'accepter, sinon de reviser, tout au moins de repenser les priorités dans la gestion des affaires publiques, surtout en matière budgétaire.

Le deuxième objectif d'une politique culturelle est sans conteste la *démocratisation de la culture*, mais quels sont les moyens qui permettent d'y atteindre sûrement ? Sur ce point, je voudrais, dans ce débat, me borner à quelques observations d'ordre général.

En plus des moyens classiques - livres, cinéma, théâtre, bibliothèques, journaux, exposition - il en est d'autres qui relèvent des techniques nouvelles de communication, d'information et d'éducation des masses, dont l'utilité et la valeur, en tant que modes démocratiques d'accès à la culture, sont con-

firmées par l'expérience dans de nombreux pays. Sans doute, pour le succès de la démocratisation préconisée, tous ces moyens nouveaux tels que radio, télévision, maisons de la culture, gagneraient à être utilisés. Mais ici, se pose le problème ardu du financement, qu'il serait difficile, voire impossible, pour les pays en voie de développement, qui ont tout à faire à la fois, de résoudre en comptant sur leurs propres ressources.

Pour l'information de la Conférence, je crois devoir dire que la République du Vietnam, malgré la grave crise qu'elle traverse et qui lui impose des dépenses nombreuses et exceptionnellement importantes, a fait et continue à faire des investissements culturels non négligeables. Un réseau de bibliothèques populaires couvre le pays jusqu'à l'échelon province, des bibliothèques ambulantes sont envisagées pour desservir les villages, des centres de culture sont essaimés, les masses commencent à se familiariser avec les moyens audiovisuels, le tour des écoles viendra incessamment. Mais c'est encore insuffisant par rapport à la masse de nos besoins réels. Ayant le sentiment que notre cas n'est pas unique dans la grande famille des pays en voie de développement, je suis tenté de demander s'il ne serait pas possible à la Conférence de suggérer, à l'appui de la politique culturelle, l'inauguration d'une politique d'aide mutuelle ?

Le troisième objectif sur lequel j'ai l'honneur d'attirer l'attention de la Conférence, c'est la *préservation de la culture traditionnelle*, conçue comme une mesure de sauvegarde et de défense. Sauvegarde de la personnalité de chaque culture dans l'éventail des peuples, ce qui n'est que trop conforme à la vérité qui s'exprime en toutes choses : la diversité des formes dans l'unité essentielle. Défense contre les dangers d'une civilisation purement matérielle, dangers dont les pays industrialisés ont pris eux-mêmes pleinement conscience.

Inutile, me paraît-il, de souligner que préservation ne veut pas dire conservatisme et que l'aire de culture et de civilisation ne coïncide pas

nécessairement avec les frontières nationales. Chaque peuple est cependant libre d'appliquer et de modeler, à sa façon, les apports provenant de la communauté plus large à laquelle il appartient.

Pour ce qui est de notre pays, par exemple, notre culture traditionnelle repose sur trois fondements. Les deux premiers sont le Confucianisme et le Bouddhisme. Par notre culture confucéenne et bouddhique, nous sommes donc intégrés dans un univers asiatique plus large. Toutefois, dans le domaine de la culture comme dans bien d'autres, nos ancêtres se gardaient d'un emprunt direct et d'un conformisme servile, en recourant à une assimilation qu'ils frappaient au coin de la marque personnelle de leur nationalité. Ainsi nous avons conscience d'occuper, sur le plan de la culture, une place originale dans la communauté des peuples de l'Asie. Le signe le plus manifeste de l'originalité de notre culture réside dans son troisième fondement : le peuple vietnamien est un peuple de villageois ; au sein de chaque communauté villageoise, se développe une vie socio-culturelle intense. Les différents aspects et les normes de cette vie se retrouvent dans nos fameux chants et dictons populaires, et aussi dans les poésies classiques, que peu de paysans ne savent par coeur et ne prennent plaisir à déclamer tout en vaquant à leurs pénibles travaux des champs.

La physionomie de notre culture traditionnelle se complète par d'autres traits : elle est populaire et unitaire. Populaire parce que résultant d'un concours de circonstances diverses. Les enseignements de Confucius ont été répandus dans la masse depuis les temps les plus reculés, le Bouddhisme est une religion du peuple, tandis que les moeurs et coutumes à caractère culturel sont façonnées par le peuple lui-même, pendant tout le cours de notre longue histoire. Vous voyez que nous avons une unité culturelle, laquelle, somme toute, n'est que la conséquence inévitable de notre unité raciale et linguistique.

Je reviens au problème général de la préservation de la culture nationale et traditionnelle. Le grand reproche qu'on fait d'habitude à cette culture, c'est

son statisme qui le rend sous certains aspects, incompatible avec les besoins du développement. Le remède au mal devrait être cherché dans une solution telle qu'elle puisse permettre la réalisation d'une synthèse harmonieuse entre la sagesse du passé et le savoir moderne. Cette solution trouvée, ce serait la contribution la plus grande et la plus efficace à l'oeuvre indispensable de réduction de certaines divergences qui menacent l'unité et la paix du monde contemporain. Mais, ajoutons le, si le mal est presque général, il n'y a pas de remède universel : à chaque pays de faire son propre diagnostic et de préparer sa potion selon les indications d'ordre général qu'on est en droit d'attendre des travaux de la Conférence.

Le quatrième objectif — ceci pour les pays en voie de développement — est donc *rénovation des cultures nationales traditionnelles*. Il est le corollaire du troisième objectif qui est la préservation de ces cultures. Sans la revalorisation des traditions, le risque du conservatisme futile serait inévitable et le «manque à gagner», dans un monde en pleine et constante évolution scientifique, ne saurait être imputable qu'à soi-même.

\*

Les buts à atteindre mettent en relief l'ampleur de la tâche à accomplir, et la complexité des problèmes à résoudre. C'est ici qu'on est amené à s'interroger sur le rôle général des organismes publics, qu'il s'agisse des organismes étatiques ou des organismes internationaux tels l'UNESCO.

En ce qui concerne le rôle des pouvoirs étatiques, nous pensons que la notion de politique culturelle, implique l'acceptation de la nécessité d'une intervention étatique, et par voie de conséquence, l'accession du développement culturel au rang d'une activité de service public.

Le libéralisme classique, se traduisant par un laissez-faire intégral, semble donc entièrement exclu, à moins que l'Etat ne se contente, ce qui paraît paradoxal, de l'organiser.

Cependant, dans les pays en voie de développement, il est raisonnable, même nécessaire, d'admettre que les autorités, face aux multiples et nouvelles exigences, aussi impérieuses les unes que les autres, puissent concevoir et appliquer, selon les contingences locales, un système d'intervention poussée et active.

A titre indicatif, voici ce qui se passe dans la République du Viêt-Nam. Nous y avons un ministère de la Culture qui regroupe au niveau du pouvoir central une partie importante des affaires culturelles. Si, par delà la fixation des objectifs du développement culturel, et la recherche et la mise sur pied des moyens d'action, il arrive que notre Etat se trouve dans l'obligation de recourir à l'action directe dans certains cas, il se contente, dans bien d'autres, de jouer un rôle d'impulsion, d'orientation et surtout d'encouragement. Donc pas d'interventionnisme intégral dans les initiatives privées, individuelles ou collectives. En tout état de cause, le respect de la liberté d'expression culturelle est, chez nous, un droit garanti par la Constitution, au même titre que les autres libertés, reconnues par la Déclaration du Droit de l'Homme.

Pour finir avec cette rubrique de la conception générale du rôle des pouvoirs publics, disons qu'entre pays indépendants, les divergences sont inévitables sur le degré et les modalités de l'intervention étatique dans l'action de développement culturel. Autant avouer qu'en dépit de notre bonne volonté commune, aucun système uniforme ne saurait faire l'objet d'une recommandation unanime de la Conférence.

Par contre, il est éminemment souhaitable que, de nos délibérations, puissent sortir quelques recommandations, concrètes, relatives à l'action de l'UNESCO. Celle-ci, à notre humble avis, pourrait s'engager dans une triple direction, à savoir : l'aide, l'encouragement et la sauvegarde.

Si le développement culturel doit être l'oeuvre exclusive des peuples intéressés pour qu'il soit authentique, nous estimons que l'UNESCO est particulièrement bien placée pour en faciliter la réalisation. L'expérience de son personnel qualifié, ses experts, ses instruments de travail éprouvés, etc... sont des moyens, dont aucun pays ne dispose à la même échelle, et sur lesquels elle peut compter, pour mener à bien des recherches et des études d'évaluation statistiques. Ce faisant, non seulement elle aidera les Etats membres dans la collecte méthodique des données, mais encore elle pourra dégager les problèmes à résoudre, et construire à l'intention de tous des schémas généraux d'action.

Inutile d'ajouter que pareille mission d'aide sera d'un grand secours pour les pays en voie de développement, dont les moyens et les possibilités sont loin d'être à la mesure de l'immensité et de la multiplicité de leurs tâches. Dans cet ordre d'idées, il serait opportun que l'UNESCO songe à apporter à ces derniers Etats, toute l'assistance nécessaire pour la formation des experts culturels, dont la pénurie, sinon l'absence, est prévisible en raison des besoins de l'action future.

Quand à la mission d'encouragement de l'UNESCO, il suffirait, pour se convaincre de sa nécessité et de son utilité, de penser au retentissement considérable de cette Conférence, qui constitue un puissant facteur de prise de conscience mondiale, de l'importance de la culture et de la politique culturelle. L'encouragement souhaité, peut revêtir différentes modalités. En particulier, dans le cadre des rencontres internationales et de la confrontation des idées, la convocation régulière des conférences semble être l'une des meilleures façons de favoriser la compréhension mutuelle entre peuples.

Enfin, les activités opérationnelles, entreprises jusqu'à présent par l'UNESCO pour la protection ou la sauvegarde des monuments et des sites faisant partie du patrimoine de l'humanité entière, méritent d'être maintenues, et même amplifiées, pour pouvoir être étendues à tous les trésors du monde, notamment à ceux des régions où sévissent des conflits armés.



En vérité, autant il est déraisonnable de demander l'impossible à l'UNESCO, autant il importe de convenir du caractère fondamental de sa contribution au développement culturel. En effet, alors que nous reconnaissons tous, le rôle irremplaçable de la culture dans la solution des problèmes sociaux et économiques de notre temps, nous constatons en même temps, et avec la même unanimité, ce paradoxe, à savoir, que les affaires culturelles occupent encore une place très effacée dans les programmes gouvernementaux. Pour mettre en harmonie nos besoins et nos moyens en vue de les satisfaire, il est de notre devoir de faire en sorte que l'UNESCO soit en mesure d'être la véritable élément d'impulsion et d'animation des politiques culturelles.

Monsieur le Président,

Mesdames et Messieurs,

C'est en généralisant cette idée que je voudrais terminer par cette conclusion : qu'il s'agisse de l'action de l'UNESCO, de celle des Gouvernements, ou de celle des individus, rien ne serait superflu si nous voulions vraiment permettre à la culture de réussir dans sa mission d'espoir, qui est de conférer une âme et un caractère pacifique aux indispensables progrès techniques et économiques de la société moderne.

XXXXVI

## DIỄN-VĂN KHAI-MẠC TUẦN-LỄ VĂN-HÓA DO ÔNG QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA CÔNG BỐ TỐI 19-9-69 TRÊN ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT-NAM

Kính thưa quý khán giả,

Kính thưa quý bạn học giả, văn-nhân, nghệ-sĩ,

Kính thưa toàn thể đồng bào,

Sau mười tháng lãnh nhiệm-vụ điều-khiển khối Văn-Hóa, hôm nay là lần đầu tiên tôi được hân hạnh ngỏ lời chào mừng quý vị qua khung ảnh vô-tuyến truyền-hình. Mục đích cuộc hội-diện này là giới-thiệu ý nghĩa « TUẦN-LỄ VĂN-HÓA » do Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa phát-động từ ngày 20 đến 28-9-1969. Đây cũng là cơ hội quý báu để tôi trình bày một ít thành-quả đã thu-hoạch cùng đường-lối và những dự án hoạt-động trong thời gian sắp đến.

Như đã loan-báo, « TUẦN-LỄ VĂN-HÓA » là một công-trình hợp-tác giữa các cơ-quan văn-hóa nhà nước và một nhóm hội-đoàn văn-nghệ-sĩ mà Phủ được hân hạnh tiếp. Trong tương lai, tôi ước-ao được chung sức với một số hội-đoàn nhiều hơn để gia tăng năng-lực tài-bồi nền văn-hóa nước nhà. Riêng trong dịp này, tôi thấy sự hợp-tác giữa tư-nhân và chính-quyền đã đưa đến những kết-quả cụ-thể khả-quan. Điều này làm cho tôi vững tin ở nguyên-tắc mà Phủ đã tự đặt là không giành độc-quyền hoạt-động văn-hóa cũng không chủ-trương chính-sách văn-hóa chỉ huy. Trách-nhiệm vận-động và phát-triển văn-hóa nước nhà phải thuộc về toàn dân. Cơ-quan văn-hóa nhà nước chỉ

XXXXVII

đảm đương những phần-vụ thuộc phạm-vi trách-nhiệm mình, là tạo hoàn-cảnh và điều-kiện thuận-lợi cho sự tự-do sáng-tạo và hưởng-dụng lợi-ích của các giá-trị văn-hóa.

Sức sống phong-phú của văn-hóa vượt xa khả-năng trình-bày của các hình-thức đúc-kết và các phương-pháp thống-kê. Bởi vậy những cuộc triển-lãm, trình-diễn và nghi-lễ trong « TUẦN-LỄ VĂN-HÓA » không thể công-hiến một bảng tổng kết thanh-tích hay vạch ra toàn đồ dự-án tương-lai. « TUẦN-LỄ VĂN-HÓA » chỉ mong kiếm điếm một vài sắc thái độc đáo của văn-hóa nước nhà, đề tất cả chúng ta cùng nhau suy-nghiệm thông-diệp thâm-trầm của tiền-nhân về văn-chương nghệ-thuật trước thềm cuộc vận-động một nền văn-hóa mới.

Mở đầu cho TUẦN-LỄ VĂN-HÓA là hai cuộc triển lãm khai mạc sáng thứ bảy 20-9-69 tại Trường Trung-học Kỹ-Thuật Cao-Thắng, 65 đường Huỳnh-Thúc-Kháng, Saigon : 1) triển lãm sách báo do Hội Thư-Viện Việt-Nam tổ-chức dưới sự bảo-trợ của Phủ Văn-Hóa, 2) triển lãm thành tích hoạt-động của các cơ-quan thuộc Phủ. Tự hạn chế trong khoảng thời gian từ năm 1954 đến nay, hai cuộc triển lãm này nhằm mục đích trình bày tính chất tự do và tình trạng phong phú của sinh hoạt tinh thần tại Miền Nam Nước Việt. Quý vị sẽ ngạc nhiên sung sướng trước những nỗ lực âm thầm đáng ca tụng trong việc trước thuật, dịch thuật, biên khảo và xuất bản. Trong mười lăm năm qua, số lượng xuất bản cũng như kỹ-thuật trình bày, ấn loát đã vượt những mức độ lạc quan nhất, thậm chí có rất nhiều sách, về mặt hình thức, có thể đặt ngang hàng với những ấn phẩm đẹp của ngoại-quốc.

Ngày chủ nhật 21-9-69 sẽ dành cho lễ kỷ-niệm đại thi hào Nguyễn-Du tại Trường Quốc-Gia Âm-Nhạc, lúc 9 giờ sáng. Thi sĩ Vũ-Hoàng-Chương, một cự-phách trên văn đàn hiện đại, sẽ hầu chuyện với quý vị về đề tài : NGUYỄN-DU : một niềm tin. Tiếp theo, Ban Tổ-chức sẽ cho chiếu cuốn phim minh họa Truyện Kiều do một nhóm văn nghệ-sĩ Việt-Nam và Trung-Tâm Văn-Hóa Hoa-Kỳ phối hợp thực hiện. Tới lại, Ban Bích-Thuận sẽ trình

XXXXVIII

diễn tuồng cải lương KIM-VÂN-KIỀU. Niềm thông cảm của một thi nhân đời nay, nét họa trên lụa của Tú-Duyên, giọng ngâm truyền cảm của Bích-Thuận, sẽ kết thành vòng hoa suy tôn mà chúng ta sẽ thành tâm đặt trước đài danh dự ghi tác sự nghiệp lừng danh của tác giả Truyện Kiều bất tử.

Ngày thứ hai 22-9-69 sẽ là ngày góp sức của Điện-Ảnh và Hát Bội. Với sự hợp tác của Nha Điện-Ảnh Bộ Thông-Tin, một cuộc hội thảo về Điện-Ảnh sẽ khai diễn lúc 9 giờ sáng tại rạp REX. Suốt ngày ấy, sẽ chiếu phim Việt-Nam tại 5 rạp lớn Đô-Thành và, từ 2 giờ trưa đến 7 giờ tối, trên màn ảnh Đài Truyền Hình Việt-Nam. Đúng 8 giờ tối, tại Trường Quốc-Gia Âm-Nhạc, Hội Khuyến lệ Cờ Ca sẽ cho diễn hai xuất hát bội : Phần định Công chém sứ đê cò trong tuồng San Hậu và Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu. Trong hai dịp này, chúng ta, một mặt, sẽ nhận chân những ưu khuyết điếm của nghệ thuật thứ bảy tại nước nhà, một mặt khác trở về nguồn để tìm hiểu và thưởng thức môn hát xưa mà nhiều nhà phê bình đã công nhận là một sự hoà điệu diệu kỳ giữa đạo lý cổ-truyền và nghệ thuật sân khấu.

Cuộc hành trình trở về nguồn được tiếp tục trong ngày thứ ba 23-9-69 với hai tiết mục : lúc 9 giờ sáng, Giáo-sư Nguyễn-Đăng-Thục sẽ nhắc lại cho chúng ta nghe sức sống mạnh của Ông Cha chúng ta, qua đoạn sử Nam Tiến dài mấy thế kỷ. Đến tối, kịch tác-gia Vũ-Khắc-Khoan sẽ làm sống lại nghệ-thuật sân khấu miền Bắc với vở tuồng hát chèo « Quan Âm Thị Kính ».

Kể từ ngày thứ tư 24-9-69, các tiết mục trong chương trình sẽ đặc biệt hướng về hiện đại. Sáng ngày này, tại hoa viên Tòa Viện-Trường Viện Đại-Học Saigon, số 3 Công-Trường Chiến-sĩ, có lễ khai mạc cuộc triển lãm điêu khắc. Buổi tối, chúng ta sẽ có dịp xem lại vở « Vọng và Tình » để nhận định hướng tiến mà soạn giả kiêm nghệ-sĩ Lão-Thành Nguyễn-Thành-Châu cố tâm vạch ra cho bộ môn cải lương. Hướng tiến ấy đi từ điếm nhẹ phần ca ngâm và nặng về đối thoại và diễn xuất, để cuối cùng đạt đến thoại kịch thuần túy.

Trọn ngày thứ năm 25-9-69, xin quý vị nghỉ khỏe để tới trở lại Trường Quốc-Gia Âm-Nhạc nghe nhạc sĩ tiền phong Lê Thương nói về « NHỮNG

XXXXIX

**BUỚC TIẾN CỦA TÂN NHẠC VIỆT-NAM** ». Nhiều ca nhạc sĩ sẽ giúp diễn giả minh chứng những đoạn đường qua. Từ những bước dò dẫm ban sơ đến sự thành công hôm nay, quả có nhiều cố gắng của giới bạn trẻ khao khát tự do và phóng khoáng.

Chính vì hướng về giới trẻ mà Ban Tổ-chức sẽ dành ngày thứ sáu 26-6-69 cho cuộc triển lãm tranh vẽ thiếu nhi toàn quốc và Dạ Hội Du Ca. Quý vị sẽ chứng kiến quang cảnh sống động của tuổi trẻ hăng say phục vụ cộng đồng trong tiếng nhạc lời ca. Cùng trong một ý hướng, tối hôm sau 27-9-69, tại rạp Thống Nhất. Đoàn Văn-Nghệ Thanh-Niên Sinh-Viên **NGUỒN SỐNG** sẽ công diễn một dạ hội trình diễn ca vũ nhạc kịch rất là hào hứng.

Chương-trình **TUẦN-LỄ VĂN-HÓA** sẽ kết thúc với hai tiết mục : Lễ Thánh Đản Đức Khổng Tử tại Văn Hiếu trong Vườn Bách Thảo vào buổi sáng và cuộc trình diễn Lễ Nhạc vào buổi tối tại Trường Quốc-Gia Âm-Nhạc, do Giáo-sư Nguyễn-Hữu-Ba tổ-chức. Dùng lễ nhạc để dạy cái lý Thái Hòa trong vũ-trụ, sâu thay ý của Đức Vạn Thế Sư Biều. « Phú kính dĩ hòa, hà sự bất thành », kính là lễ, mà hòa là nhạc vậy.

Kính thưa quý vị,

Xuyên qua các tiết mục của chương-trình **TUẦN LỄ VĂN HÓA** chắc quý vị đã nhận thức đường hướng của chính sách văn hóa đang theo đuổi. Theo chính sách này, phải làm thế nào cho văn hóa nước nhà có đầy đủ ba tính cách : nhân bản, dân tộc và khai phóng. Để trường kỳ thực hiện đường hướng vừa nói, Phủ Văn-Hóa đã trong lặng lẽ bắt đầu làm được đôi việc nghĩ cần báo cáo với Quốc dân đồng bào. Trước tiên là công tác xây cất Thư-Viện Quốc-Gia, tổng phí 120 triệu, chia làm hai đợt. Đợt thứ nhất sắp xong, đợt nhì sẽ hoàn tất vào cuối năm 1970. Thư-Viện này được quan niệm và thực hiện theo đường lối của các quốc-gia tân tiến. Đồng thời, hai Ủy-Ban đã được thành lập, một lấy tên là **ỦY-BAN ĐIỀN CHẾ VĂN TỰ**, có nhiệm vụ thống nhất ngôn ngữ ba miền và biên soạn một bộ Tự Điển có phần bách khoa, một nữa lấy tên là **ỦY BAN DỊCH THUẬT**, chuyên chuyên sang Việt

văn hiện đại những sách chữ nôm và phiên dịch những tác phẩm chữ Hán do tiền nhân chúng ta để lại, cùng những danh phẩm ngoại ngữ : Anh, Pháp, Đức, Hoa, Nhật, v...v... Hai Ủy-Ban này đã bắt tay vào việc.

Cho tương lai, Phủ Văn-Hóa đã nghiên cứu xong, hoặc đang nghiên cứu những dự án sau đây mà Phủ hy vọng thực hiện được nếu không trọn vẹn, ít ra phần lớn từ nay đến cuối năm tới :

1— Xây cất một **NHÀ VĂN-HÓA** bên trong có 1 đại Thánh đường 3.000 ghế, hai phòng triển lãm thường xuyên, những phòng dùng làm nơi nhóm họp, hội thảo,

2— Thiết lập một Đài Truyền Hình riêng cho Văn Hóa và Giáo Dục theo một phương thức không tốn hao cho công quỹ.

3— Cải tiến hai Trường Mỹ-Thuật và Trường Quốc-Gia Âm-Nhạc và Kịch-Nghệ.

Kính thưa quý vị,

Để kết thúc câu chuyện hôm nay, tôi xin xác nhận rằng, mặc dầu đang nỗ lực chiến đấu văn hồi hòa bình và cải tiến dân sinh, Chính-Phủ vẫn không xao lãng việc phục hưng và phát triển văn hóa nước nhà. Trong trách vụ tôi được Chính-phủ giao phó, một lần nữa, tôi thiết tha kêu gọi sự hợp tác nhiệt thành của mọi giới mọi ngành văn hóa. Lúc nào tôi cũng sẵn sàng nghinh đón những ý kiến hay, những nỗ lực đóng góp mà tôi trân trọng cảm ơn trước. Tôi cũng không quên cảm tạ chân thành tất cả quý vị trong các cơ-quan công và tư, các hiệp hội, các đoàn thể và cơ-quan văn-hóa nước bạn đã tận lực giúp Phủ chúng tôi thực hiện chương-trình **TUẦN LỄ VĂN-HÓA**.

Trân trọng kính chào quý vị.



VÕ-LONG-TÊ *trưởng thuật*

## hội-thảo về tôn-giáo tại phong-trào trí-thức công-giáo Pax Romana Việt-nam

(Saigon, IX-10-1970)

### CỤ CHÁNH-TRÍ MAI-THỌ-TRUYỀN VẠCH RÕ SỰ BẤT-KHOAN-DUNG TÔN-GIÁO VÀ CHỦ-TRƯƠNG PHẢI HÀNH ĐẠO ĐỂ THỰC-CHỨNG SỰ THẬT

Toàn-thế cử-tọa đã vỗ tay nhiệt-liệt hoan-hô khi cụ Chánh-Trí Mai-Thọ-Truyền kết thúc bài nói chuyện về vấn-đề bất-khoan-dung tôn-giáo tại diễn đàn Phong-trào Pax Romana đại ý như sau : « Có những sự thật của kẻ phạm-phu, có thể giải-thích minh-chứng được, không phải là sự thật hằng thường, vinh-cửu. Bản-chất của một tôn-giáo không nằm trong giáo-điều, giáo-lý mà nằm trong sự hành đạo. Giáo-điều, giáo-lý cũng như nghi-thức, nghi-lễ chỉ vẽ nên hình-tượng của sự thật mà người tin đạo phải thực-chứng bằng cách hành-đạo. Đi sâu vào tôn-giáo của mình thì tránh được mọi sự thù hằn, tranh chấp và tạo nên được sự thông-cảm giữa các tôn-giáo. Sự thật vốn chỉ có một, các tôn-giáo đều cố-gắng vẽ lại cho người thế gian biết sự thật ».

Trong khoảng 1 giờ rưỡi, diễn-giã đã mô-tả thực-trạng và vạch-rõ nguyên-nhân của sự bất-khoan-dung tôn-giáo với lập-luận và nhãn-quan của một Phật-tử thuần-thành và thái-độ thông-cảm đối với các tôn-giáo khác, nhất là Kytô-giáo, thể theo lời mời của Ban Phụ-trách Phong-trào Pax Romana, trong khuôn-khố những cuộc hội-thảo hàng tháng do Phong-trào này tổ-chức theo chương-trình tiếp-xúc với các nhân-sĩ và tinh-thần đối-thoại của Cộng-

Đồng Vatican II. Cuộc hội-thảo đã quy-tụ gần một trăm thánh-giả, gồm có quý-vị linh-mục, nhân-viên Ban Phụ-trách, đồng-đào hội-viên và thân-hữu của Phong-trào.

### GIỚI-THIỆU DIỄN-GIẢ

Trong lời giới-thiệu diễn-giã, Bác-sĩ Nguyễn-văn-Ái, Chủ-tịch Phong-trào Trí-thức Công-giáo Pax Romana Việt-Nam đã nồng-nhiệt cảm ơn cụ Chánh-Trí Mai-Thọ-Truyền dành cho Phong-trào được dịp nghe những lời vàng ngọc của một người từ lâu đã tự giới-thiệu trước dư-luận quốc-dân bằng một sự-nghiệp vẻ-vang, tận hiến cho đạo-lý và văn-hóa và phục-vụ hữu-hiệu lý-tưởng dân-tộc. Là một học-giả uyên-thâm, một nhà chính-trị khả-kính, cụ Chánh-trí Mai-Thọ-Truyền đã sáng lập và làm Hội-Trưởng Hội Phật-Học Nam-Việt. Đề-cập đến công-trình phát-huy sứ-điệp của Phật-giáo đối với nhân-loại mà cụ Chánh-Trí đã đóng góp trong tạp-chí Từ-Quang do cụ làm chủ-nhiệm và hơn 20 tác-phẩm vừa dịch-thuật vừa biên-khảo của cụ đã cho hành-thế, Bác-sĩ Nguyễn-văn-Ái đã nhấn mạnh đến thái-độ chân-thành, nghiêm-túc và phóng-khoáng của diễn-giã. Thái-độ cởi mở thông-cảm của diễn-giã đối với các tôn-giáo khác, nhất là đối với Công-giáo đã được bác-sĩ Nguyễn-văn-Ái minh-chứng bằng cách trích-dẫn bài diễn văn mà diễn-giã đã đọc tại Tổng-Vụ Thanh-niên Phật-tử dịp Giáng-sinh 1966 như sau «... Muốn nhận chân cái nghĩa của danh-từ Chúa và Phật, học, đọc, suy gẫm, chưa đủ. Phải tìm nghĩa ấy trong thâm-tâm ta như Chúa dạy, như Phật bảo. Rồi đến khi nào dám bán tất cả của cải và mua được đám ruộng có hũ vàng của Chúa Giêsu chi, hay dám xa lìa tất cả mà đặt chân đến bảo sở hay kho báu của Đức Phật mách, chừng ấy mới biết thế nào là Chúa, là Phật. Trước đó mà tranh luận cao, phải, trái, là lý-luận vô bổ lại thêm có hại.»

### THỰC-TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN SỰ BẤT-KHOAN-DUNG

Trước khi vào đề, cụ Chánh-Trí đã khiêm-tốn tỏ ý không dám nhận tất cả những lời ca-tụng của bác-sĩ Nguyễn-văn-Ái và thành thực cảm ơn các

nhà trí-thức công-giáo đã chú ý đến những hoạt-động tôn-giáo của cụ cũng như những cố-gắng của cụ trong việc củng cố sự thông-cảm giữa Ky-tô-hữu và Phật-tử. Mặc dầu tham-gia chính-phủ với chức vụ Quốc-vụ-khanh đặc-trách văn-hóa, cụ tự nhận không phải là nhà chính-trị theo ý-nghĩa của danh-từ này như Tây-phương đã quan-niệm, lý do là cụ chủ-trương chính-trị chỉ một cách thể-hiện đạo-lý. Cụ lại minh-xác là không quen làm công việc thuyết-trình mà chỉ muốn có cơ hội nói ra tất cả những điều đã xác-tin trong thâm-tâm, mong rằng những lời thành-thực phát xuất tự đáy lòng sẽ có tiếng vang trong tâm-trí những người thành-thực dóng nghe.

Theo điển-giả, sự bất-khoan-dung tôn-giáo là một thực-tế phủ-phàng mà người trí-thức phải cố can-đảm giống như y-sĩ chữa bệnh, nghĩa là phải đối-diện với thực-tế bệnh-tình và tìm phương cứu chữa. Trong những năm gần đây ở nước ta, điển-giả công nhận có hiện-trạng tranh-chấp trong nội-bộ tôn-giáo cũng như giữa các tôn-giáo. Đặt vấn-đề bất-khoan-dung trên một lãnh-vực rộng lớn hơn, điển-giả cho biết cây khoan-dung không thể mọc lên trên đất cằn cỗi vì thu-hận tranh-chấp. Với một thái-độ tế-nhị, cụ không đề-cập đến sự tranh-chấp trong nội-bộ Công-giáo hay phát-xuất từ Công-giáo, cụ chỉ thương-xác về một dư-luận thông-thường cho rằng đạo Phật là đạo khoan-dung nên chưa từng gây nên tranh-chấp tôn-giáo. Dư-luận ấy đúng nếu xét về bản-chất của Phật-giáo cũng như của các tôn-giáo khác. Nhưng xét về cách hành đạo, người Phật-tử cũng đã từng tỏ thái-độ bất-khoan-dung, chẳng hạn như khi Phật-giáo đã được Miến-Điện công-nhận là quốc-giáo, đã xây ra những trường-hợp đáng tiếc là có một số Phật-tử đã mưu-toan cướp những đền thờ Hồi-giáo.

Theo ý cụ Chánh-trí, nguyên nhân sâu xa sinh ra thái-độ bất-khoan-dung là sự vô minh mà cụ đã giảng-giải như là sự mù-quáng trước chân-lý. Sau khi dẫn lời Thánh Kinh Công-giáo kêu gọi « Ai có mắt hãy xem, ai có tai hãy nghe và cố mà hiểu bằng tâm của mình », và đối chiếu với lời của Đức Phật dạy « Người đời có mắt như đui, có tai như điếc », cụ nhấn mạnh đến

sự cần thiết phải vượt qua mọi sự tương bên ngoài để thâm-nhập với diệu-lý bên trong để thực chứng chân lý. Trong khi thế-gian chạy theo hình tướng thì các tôn-giáo chú-trọng đến chân-lý bên trong, cần phải hiểu không phải qua báo-cáo sai-lầm của ngũ-quan mà bằng sự vận-dụng của cái tâm.

Bàn về thể-thức truyền đạo, cụ nhận thấy các đảng giáo chủ phải dùng lời nói, dùng những dụ ngôn, từ những dụ-ngôn ngắn trong Phúc Âm đến dụ-ngôn dài trong các pho kinh của Phật-Giáo Đại-thừa. Theo điển-giả, tín hữu không nên lấy phương-tiện làm cứu-cánh, không nên lấy hình-tướng của sự thật làm sự thật. Bằng dụ-ngôn thầy bói sờ voi, điển-giả chứng tỏ hình-tướng chỉ giúp chúng ta nhận được những mảnh vụn của toàn bộ sự thật nên dễ sinh ra thái độ cố-chấp mà Phật-giáo đã gọi là chấp ngã, một thái độ dễ khiến ta trở nên tự ái không đúng chỗ, tự kiêu không nhằm lúc, rồi sinh ra bất dung tha, bất dung thứ. Cụ so sánh chủ-trương diệt ngã của Phật-giáo với nhân-đức khiêm-nhường của Công-giáo, một bên là công-nhận sự gia-hộ của Phật, một bên là công nhận ân-nghĩa của Chúa. Cụ hô hào người tín-hữu phải biết lắng nghe tiếng nói của im lặng và hành đạo để thực chứng đạo.

#### TRAO ĐỔI Ý KIẾN

Trong phần thảo-luận, điển-giả và cử-tọa đã trao đổi ý-kiến trong bầu không-khí thông-cảm đậm-đà.

Linh-mục Nguyễn-văn-Thính, Dòng Chúa Cứu-Thế, ngõ lời khâm-phục cụ Chánh-trí Mai-thọ-Truyền đã nói những điều thâm-thúy và bổ-ích. Linh mục xin cụ làm sáng tỏ hai điểm : 1) nếu phủ-nhận sự thật qua trung-gian giác-quan mà dựa vào sự thật do cái tâm lý hội, có phải là chủ trương phủ nhận sự thật khách quan mà chỉ công-nhận sự thật chủ quan hay không, (2) nếu con người là vô-minh thì phải hiểu vấn-đề tự-do và trách-nhiệm như thế nào.

Điển-giả minh-xác rằng danh-từ cái tâm cũng chỉ là một cách nói, cái phan-duyên-tâm não động, bất-định trong Phật-giáo cũng giống như cái tâm ô-

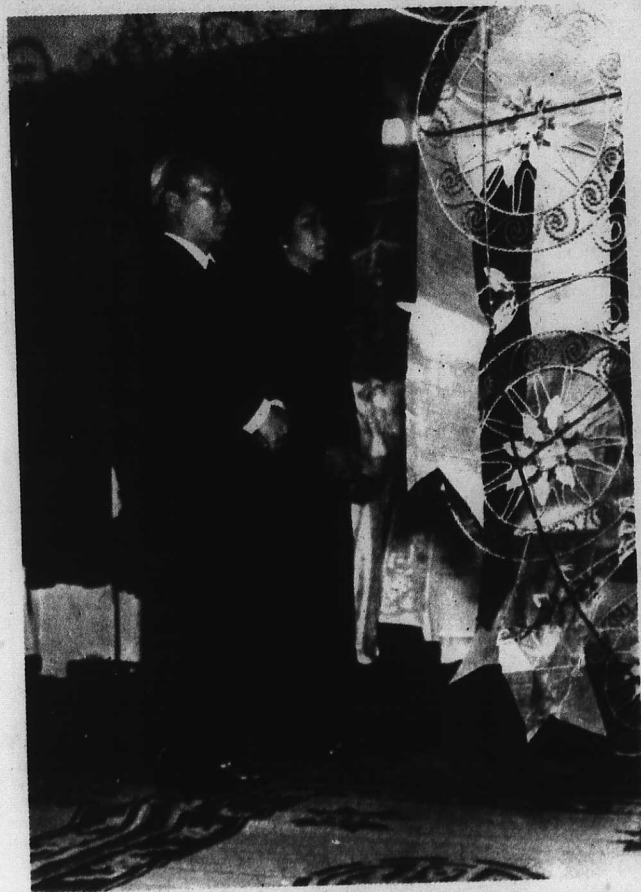
trước (esprit souillé) trong triết-học Tây-phương. Phải có cái viên-tâm, phong suy bất động trong Phật-giáo cũng giống như Thánh Linh (Saint-Esprit), cái ánh-sáng thiêng-liêng (lumière divine) trong Công-giáo. Tâm tức Phật, tức là Đấng giác-giả, đã thực-chứng được chân-lý (illumination). Con người, theo Thánh Kinh, được sáng tạo theo hình ảnh của Chúa toàn năng, hoàn thiện, toàn trí, là « đền thờ của Chúa (temple de Dieu) được kêu gọi và có khả năng đạt đến chân-lý. Còn về vấn đề tự do và trách-nhiệm, diễn-giả quả-quyết con người có trách-nhiệm và do đó phải phá màn vô minh. Theo diễn giả vấn đề trách nhiệm đi đôi với hình phạt, càng vô minh thì hình-phạt càng nặng. Diễn-giả nói đến lửa hỏa-ngục được đề-cập trong đạo Công-giáo và Phật-giáo, dành cho người tội-lỗi, như một hình-phạt tất-nhiên của tội-lỗi, chẳng cần đến một sự buộc tội nào khác.

Dược-sĩ Trần Quý Thái, Trưởng ban Liên-lạc Quốc-ngọai của Phong-trào, nhắc lời Thánh Phao-lô về con người tội-lỗi và con người thánh-thiện chung sống trong mỗi người, xin diễn-giả cho biết quan niệm về sự cứu-rỗi. Diễn-giả quả-quyết không theo thuyết nhị-nguyên và thiện phải thắng ác.

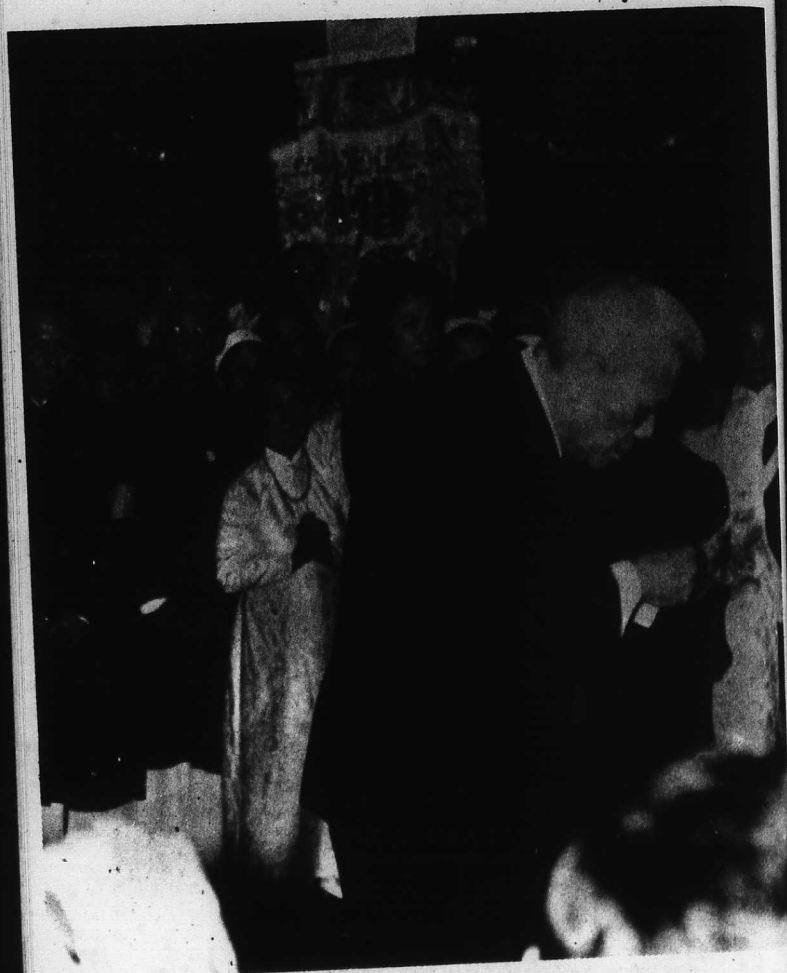
Giáo-sư Phó Bá Long, cựu Tổng-Trưởng Lao-Động, đồng ý với diễn-giả về sự cần-thiết phải tìm cách chấm-dứt tình-trạng tranh-chấp và về trách-nhiệm của người trí-thức trước sự phân-hóa vì tranh-chấp. Đặt vấn-đề một cách cụ-thể, giáo sư Long nhắc đến lời ru con của một bà mẹ : « Hôm qua bọn trẻ xuống đường. Hỏi người trí-thức có buồn hay không ? » rồi ước ao người trí-thức không phân-biệt tôn-giáo hãy chung sức góp phần chấm dứt sự phân-hóa hiện nay. Diễn-giả đặt vấn đề trên một bình diện tổng-quát hơn, nhắc đến những cuộc chiến-tranh phân-hóa nhân-loại. Mượn lời một triết-giả Hòa Lan, diễn-giả nói : « Mỗi một người chúng ta hãy rút ra khỏi đám lửa bó củi khô của mình » (Que chacun de nous retire de la masse de feu son fagot), đám lửa nói đây là bất-hòa, chiến-tranh, còn bó củi khô là tội lỗi của mỗi người, nguyên nhân của bất-hòa, chiến-tranh và hậu-quả của vô minh.

Còn nhiều thỉnh-giả muốn phát biểu ý-kiến, nhưng đã quá Ngọ nên phải chấm-dứt cuộc hội-thảo. Bác-sĩ Nguyễn Văn Ái, thay mặt Phong-trào Pax Romana, một lần nữa cảm ơn diễn-giả và đề biểu đồng-tình với diễn-giả về quan-điểm phải hành-đạo, đã nhấn mạnh rằng, Ky-tô-hữu, chủ trương sống đạo để thực-hiện đức tin : tin rằng Chúa Giê-su có thiên-tính và nhân-tính, tin rằng sống đạo là noi gương Chúa Giê-su để cộng-tác vào việc hoàn-thành việc cứu-rỗi nhân-loại, trong tinh yêu và chân-lý.

Cuộc hội-thảo chấm-dứt vào lúc 12 giờ 30.



Tổng thống Việt-Nam Cộng-Hòa và bà Nguyễn-văn-Thiệu  
phúng viếng linh cửu của cố Quốc Vụ Khanh Mai-thọ-Truyền.



*Phó Tổng thống Trần-văn-Hương đang niệm hương  
trước linh cữu của Mai tiên-sinh.*



*Thủ Tướng Chính phủ Việt-Nam Cộng-Hòa và  
bà Trần-thiện-Khiêm phân ưu cùng Mai phu nhân.*

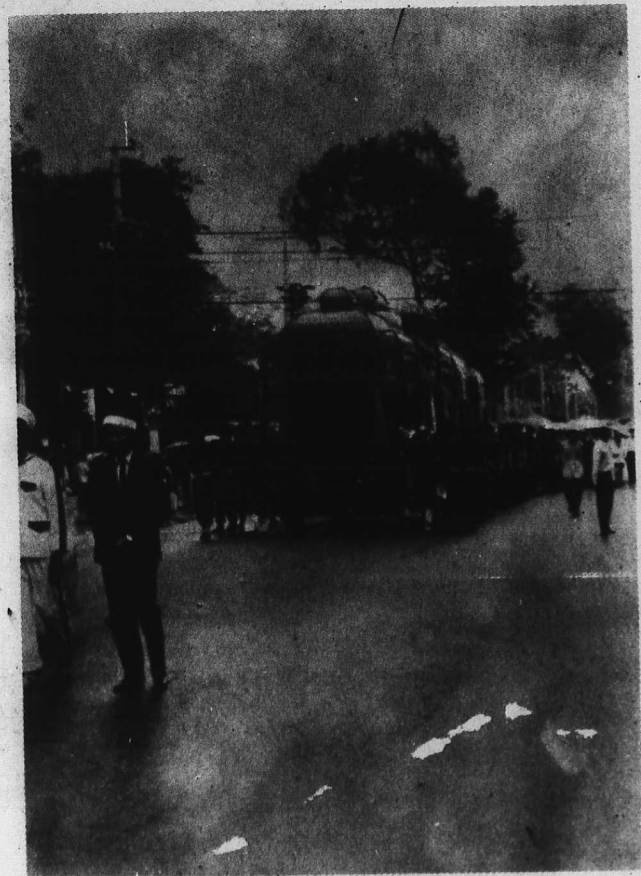




Mai phu nhân và trường nam bên cạnh linh cữu.  
Trước bàn thờ là Bảo Quốc Huân Chương  
do Tổng Thống V.N.C.H. truy tặng Mai tiên sinh.



Giàn hầu danh dự túc trực bên linh cữu.



Đọc đường hướng về nghĩa địa hội Phật học Nam Việt.



Thủ tướng Trần-thiện-Khiêm trước giờ đọc diếu văn tại nghĩa địa. Tháp tùng Thủ tướng là ông Châu-ngọc-Thôi, Đồng lý Văn phòng phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa.



Ông Châu-ngọc-Thôi, Đồng lý Văn-phòng phủ Q.V.K. Đặc Trách Văn Hóa đang đọc diếu văn.

THÂN TRỌNG KỶ

## đi xem trình diễn tuần lễ văn nghệ 73

tại Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ

Gustave Flaubert đã viết một câu đề ngụ ý rằng "những tác phẩm lớn cũng như những con mãnh thú có bề ngang, bề cao, ngênh ngang giữa cỏ cây, bộ mặt của chúng có vẻ hiên hiên lặng lẽ..."

Tôi nghĩ đến ý tưởng ấy của Flaubert khi dự các đêm trình diễn văn nghệ vừa qua tại Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ.

Thật vậy, sáu đêm trình diễn lặng lẽ, không khoa trương đánh trống, không quảng cáo rầm rang và lại trình diễn trên một sân khấu ít ai biết đến, hay có biết đến đi nữa, cũng cho rằng... đó là chỗ của học trò, chỉ có thế! Cái vẻ hiên hiên lặng lẽ của mái trường nghệ thuật cũng như của sáu đêm trình diễn đánh dấu sáu bộ môn nghệ thuật, sáu quá trình sinh hoạt đã nuôi dưỡng tinh thần và truyền thống dân tộc, gắn liền với nếp sống, với tư tưởng, với khát vọng, với tâm tư của nhiều thế hệ... cả một nền văn nghệ của một dân tộc có trên ba ngàn năm văn hiến.

Phải, một con thú to lớn có bộ mặt hiên hòa, mang nặng một kho tàng lịch sử!

Đêm Hát Bội mở đầu cho tuần lễ văn nghệ: một bài thuyết trình ngắn nhưng gói ghém bao đặc sắc của nghệ thuật Hát Bội, ôn lại một quá trình nghệ thuật dài hơn bảy thế kỷ để rồi ngày nay chỉ còn là dĩ vãng: tuồng tích mai một, đào kép già nua, khán giả không còn mấy ai thiết tha với kho tàng văn nghệ quý giá ấy nữa. Trong cái cảnh hoang hôn của Hát Bội, quả thật cảm động khi chứng kiến những mái đầu xanh say sưa trên sân khấu trong hai



Thủ tướng Trần-thiện-Khiêm trước giờ đọc diếu văn tại nghĩa địa. Thập tùng Thủ tướng là ông Châu-ngọc-Thôi, Đồng lý Văn phòng phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa.



Ông Châu-ngọc-Thôi, Đồng lý Văn-phòng phủ Q.V.K. Đặc Trách Văn Hóa đang đọc diếu văn.

Gustave Flaubert đã viết một câu đề ngụ ý rằng 'những tác phẩm lớn cũng như những con mãnh thú có bề ngang, bề cao, ngêng ngang giữa cỏ cây, bộ mặt của chúng có vẻ hiền hiền lặng lẽ...'

Tôi nghĩ đến ý tưởng ấy của Flaubert khi dự các đêm trình diễn văn nghệ vừa qua tại Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ.

Thật vậy, sáu đêm trình diễn lặng lẽ, không khoa trương đánh trống, không quảng cáo rầm rang và lại trình diễn trên một sân khấu ít ai biết đến, hay có biết đến đi nữa, cũng cho rằng... đó là chỗ của học trò, chỉ có thế! Cái vẻ hiền hiền lặng lẽ của mái trường nghệ thuật cũng như của sáu đêm trình diễn đánh dấu sáu bộ môn nghệ thuật, sáu quá trình sinh hoạt đã nuôi dưỡng tinh thần và truyền thống dân tộc, gắn liền với nếp sống, với tư tưởng, với khát vọng, với tâm tư của nhiều thế hệ... cả một nền văn nghệ của một dân tộc có trên ba ngàn năm văn hiến.

Phải, một con thú to lớn có bộ mặt hiền hòa, mang nặng một kho tàng lịch sử!

Đêm Hát Bội mở đầu cho tuần lễ văn nghệ: một bài thuyết trình ngắn nhưng gói ghém bao đặc sắc của nghệ thuật Hát Bội, ôn lại một quá trình nghệ thuật dài hơn bảy thế kỷ đề rồi ngày nay chỉ còn là di vãng: tuồng tích mai một, đào kép già nua, khán giả không còn mấy ai thiết tha với kho tàng văn nghệ quý giá ấy nữa. Trong cái cảnh hoang hờn của Hát Bội, quả thật cảm động khi chứng kiến những mái đầu xanh sưa trên sân khấu trong hai



Thủ tướng Trần-thiện-Khiêm trước giờ đọc diếu văn tại nghĩa địa. Thập tùng Thủ tướng là ông Châu-ngọc-Thôi. Đồng lý Văn phòng phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa.



Ông Châu-ngọc-Thôi. Đồng lý Văn-phòng phủ Q.V.K. Đặc Trách Văn Hóa đang đọc diếu văn.

THÂN TRỌNG KỶ

## đi xem trình diễn tuần lễ văn nghệ 73

tại Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ

Gustave Flaubert đã viết một câu đề ngụ ý rằng "những tác phẩm lớn cũng như những con mãnh thú có bề ngang, bề cao, ngêng ngang giữa cỏ cây, bộ mặt của chúng có vẻ hiền hiền lặng lẽ..."

Tôi nghĩ đến ý tưởng ấy của Flaubert khi dự các đêm trình diễn văn nghệ vừa qua tại Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ.

Thật vậy, sáu đêm trình diễn lặng lẽ, không khoa trương đánh trống, không quảng cáo rầm rang và lại trình diễn trên một sân khấu ít ai biết đến, hay có biết đến đi nữa, cũng cho rằng... đó là chỗ của học trò, chỉ có thế! Cái vẻ "hiền hiền lặng lẽ" của mái trường nghệ thuật cũng như của sáu đêm trình diễn đánh dấu sáu bộ môn nghệ thuật, sáu quá trình sinh hoạt đã nuôi dưỡng tinh thần và truyền thống dân tộc, gắn liền với nếp sống, với tư tưởng, với khát vọng, với tâm tư của nhiều thế hệ... cả một nền văn nghệ của một dân tộc có trên ba ngàn năm văn hiến.

Phải, một con thú to lớn có bộ mặt hiền hòa, mang nặng một kho tàng lịch sử!

*Đêm Hát Bội* mở đầu cho tuần lễ văn nghệ: một bài thuyết trình ngắn nhưng gói ghém bao đặc sắc của nghệ thuật Hát Bội, ôn lại một quá trình nghệ thuật dài hơn bảy thế kỷ để rồi ngày nay chỉ còn là di vãng: tuồng tích mai một, đào kép già nua, khán giả không còn mấy ai thiết tha với kho tàng văn nghệ quý giá ấy nữa. Trong cái cảnh hoang hôn của Hát Bội, quả thật cảm động khi chứng kiến những mái đầu xanh sưa trên sân khấu trong hai

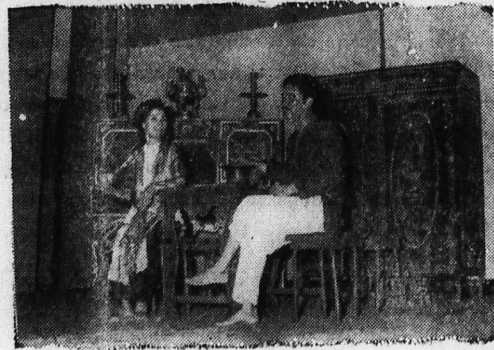
vở tuồng « *La ngon đại chiến Đồ Lư* » và « *Triệt Giang, Triệu Tử đoạt Âu chúa* ». Nếu không phải là sân khấu của trường, không ai bảo đó là các kịch sinh... kịch sinh mà bộ điệu khá điêu luyện, tiếng ca khá chững chạc ! Trước nét say sưa của lớp người trẻ đang dấn thân vào ngành hát Cờ Truyên, trước sự thành khẩn của những nghệ sĩ lão thành đang lặng lẽ đào luyện nên họ, nên Hát Bội đang tiềm tàng một sức sống mới, được nuôi dưỡng, được nghiên cứu, được quảng bá để còn giữ vững được vị trí cao đẹp của nó trong nền Văn hóa Việt Nam.

Nói đến trình diễn Hát Bội, tôi nhớ tới mẩu chuyện của cụ Mai Thọ Truyền kể lại vào năm ngoái. Khi đề cập đến diễn xuất của Hát Bội, cụ nhớ lại rằng ngày xưa, cụ đã được trông thấy một anh «kép» diễn xuất vai trò một người đi ngựa một cách quá tài tình. Khi anh ta bước ra sân khấu, khán giả đã nghiêng rặng lại và nín thở như cùng anh ta đang ghi cương ngựa... Con ngựa đang phi bỗng bị siết cương lại, nó chồm vồng hai chân trước lên cao, chàng cỡi ngựa suýt té ngã, cố hết sức ghi ngựa lại và hai chân kèm chặt vào thân ngựa, quả một giây phút phấn đấu cam go và nguy hiểm. Nhưng tất cả chỉ là... tưởng tượng, qua nét diễn xuất gợi hình của một anh kép hát ! Nghệ thuật diễn xuất của Hát Bội đến như thế thì thật là tuyệt diệu !

Đêm thứ nhì dành cho bộ môn *Hát Chèo* với vở tuồng « *Đáng đời cô Á* » tức vở « *Ngâu vầy hạt ngọc* » của Nguyễn đình Nghi, một soạn giả Hát Chèo danh tiếng thời tiền chiến, mà đã có lần học giả Phạm Quỳnh giới thiệu với người Pháp : « Đó là một Molière Việt nam ». Thật vậy, « *Đáng đời cô Á* » là một vở Chèo điển hình, một bức tranh trào phúng của cái xã hội thời ấy, với những nét châm biếm chua chát cái tôn ti trật tự « Sĩ, Nông, Công, Thương » của xã hội phong kiến vào thời mạt vận, không khác chi Molière đã biến cái xã hội quý tộc của Vua Louis XIV thành một trò hề cho đại chúng thời bấy giờ. Không chút ngạc nhiên khi thấy vở tuồng này diễn xuất sắc, bởi những người hướng dẫn tập luyện lại là những nghệ sĩ đã trải qua gần trọn cuộc đời với sân khấu tuồng Chèo.



1.— Một màn Hát Bội



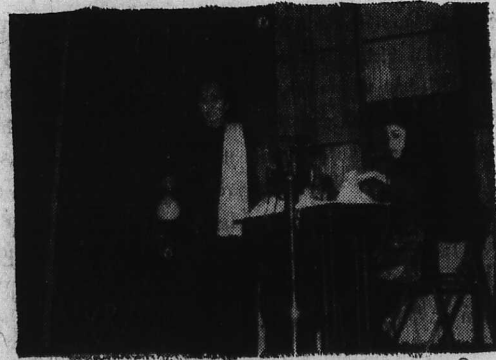
2.— Vở hát chèo « Đáng đời cô Á »

Tôi nhớ một dạo, tình cờ dừng lại xem một nữ giáo sư thủ diễn vai đào điên của màn Văn đại. Tôi chứng kiến một thiếu nữ trẻ, điên dại, tay cầm một cành cây phất vừa la, vừa hát, vừa múa, vừa rống lên tiếng cười man dại, quả thật là một thiếu nữ đôi tâm. Ấy thế mà người thủ diễn lại là một bà tuổi tác, gầy yếu! Cái không khí của sân khấu đã làm cho nữ giáo sư lưỡng tuối ấy trở lại với con người diễn viên của ba mươi năm về trước, quên cả tuổi tác, quên cả sức khoẻ của mình. Dưới sự hướng dẫn của những nghệ sĩ lão thành như thế, biết đâu trong đám kịch sinh lại không có những nàng « Văn đại » trong tương lai ?

Đêm trình diễn thứ ba dành cho bộ môn Ca kịch Miền Nam, gọi nôm na là Cải lương, với vở « Nước biển mưa nguồn » của nghệ sĩ Nguyễn thành Châu. Với người Việt nam, câu hát Cải lương như lời tâm sự của một người bạn tri kỷ, ai mà không cảm xúc !.. Đang đi cũng phải dừng lại nghe, đang nói cũng phải im lặng để rung cảm, để bàng hoàng, để luyến luyến một thời đi vắng vắng son !

Trong rạp hát, khi giọng ca của người kịch sĩ ngân nga dưới ánh đèn màu dịu dịu, hàng ngàn khán giả im phăng phắc, đôi mắt mơ màng tưởng tượng... Nhưng, ở đây, trên sân khấu nhà Trường lại không phải thế. Các kịch sinh không chỉ có ca cho... «mùi» như thường thấy ở các gánh hát, mà còn phải diễn xuất, còn phải lột tả trọn vẹn vai trò, còn tạo nên những diễn biến rõ rệt cho từng nhân vật. Vì thế, trình diễn một vở tuồng Xã-hội như vở « Nước biển mưa nguồn » ở đây, là cả một sự chọn lựa khéo léo và đúng đích. Hơn thế, bên cạnh các ca kịch sinh, lại có thêm sự hiện diện của những kịch sĩ lão thành và danh tiếng. Quả « đêm Cải lương » tập trung được nhiều ưu thế !

Đêm thứ tư dành cho Thoại kịch. Vở trình diễn hôm nay là một kịch bản quá xa lạ với khán giả ! Bởi nó đã bị bỏ quên đi cách đây hơn nửa thế kỷ, vở « Chén thuốc độc » của Vũ đình Long, trình diễn lần đầu tiên năm 1921 tại Hà Nội. Sở dĩ nó được chọn đề đưa lên sân khấu là vì nó là vở



3.— Một cảnh trong vở tuồng cải lương  
« Nước biển mưa nguồn »



4.— Một cảnh trong vở thoại kịch  
« Chén thuốc độc »

thoại kịch Việt Nam đầu tiên, đánh dấu hơn nửa thế kỷ thoại kịch Việt Nam. Với những người làm kịch ngày nay, dựng một vở như thế là cả một điều phiến toái : một kịch bản với mười tám nhân vật, mười tám cá tính, mười tám mẫu người, mười tám y trang theo thời ấy... đó là chưa kể những màn đặc biệt đòi hỏi dày công tập luyện cho thoại-kịch-sinh như màn Chèo Cờ, màn Hầu văn, màn lên đồng, màn gọi hồn người chết! Đêm thoại kịch làm sống lại cái không khí của nửa thế kỷ trước, phơi bày cái xã hội phong kiến vào thời mạt vận với tất cả tẻ đoan xã hội. Với một kịch bản viết rời rạc và ôm đồm như thế, các thoại kịch sinh đã tạo được cái không khí liên tục hấp dẫn là một đặc điểm của đêm thoại kịch.

Hai đêm nhạc sau cùng chấm dứt tuần lễ Văn nghệ 73. Một đêm trình tấu *Nhạc cổ truyền* với những nhạc cụ thuần túy dân tộc, những màn nhạc cổ truyền này thuyết minh cho đề tài thuyết trình đêm nay : « Sự tiến triển của ngành nhạc cổ truyền Việt nam từ khi trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ được thành lập đến nay ». Những giáo sư hướng dẫn và độc tấu



5.— Đêm Hòa tấu nhạc Tây phương  
kết thúc tuần lễ văn nghệ 1973

trình diễn đêm nay không ai xa lạ... Họ đã hơn một lần đem chuông đi đánh xứ người, từ Á sang Âu, nhất là với Việt kiều ở Ba-lê, không ai không khỏi « nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc » khi tiếng đàn câu ca gọi lại hình ảnh quê hương đang đắm chìm trong khói lửa...

Đêm hòa tấu kế tiếp để kết thúc tuần lễ văn nghệ 73 dành cho ngành *Nhạc tây phương* là đêm trình diễn lớn lao nhất : một trăm nhạc sĩ, sáu mươi ca sĩ chỉ trong một đêm trình diễn ! Một đêm trình diễn nhưng đánh dấu hàng tháng trời tập luyện và phối hợp ca hòa tấu ! Nó không phải là một buổi hòa nhạc cổ điển Tây phương thường lệ mà là một đêm hòa nhạc đặc biệt gồm một phần là sáng tác phẩm của Bach, Vivaldi, Gossec v.v... và một phần là sáng tác phẩm mới của các giáo sư dựa trên căn bản âm điệu dân tộc với kỹ thuật Tây phương... « rựu cũ mà bầu mới » như người ta thường nói, đem kỹ thuật hòa tấu Tây phương để phong phú hóa âm giai cổ truyền Việt nam với những nhạc bản « Chim Họa Mi » của Lê-An và liên khúc « *Viết cho quê hương* » của Nghiêm-Phú-Phi.

Tuần lễ văn nghệ rộn rịp đã trôi qua... trả lại về « lặng lẽ hiền hòa » cho mái trường nghệ-thuật, nhưng sự đóng góp vào nền văn nghệ dân tộc còn mãi.

Nếu nền văn nghệ dân tộc như một nền tảng, một ngôi nhà đang được kiến trúc thì những người góp từ một viên gạch trở lên đều là những người có quyền có mặt để nói tiếng nói của mình trong vấn đề xây dựng một nền văn nghệ Việt-Nam.

## những bài văn tế tuyệt hảo bằng lối trào-phúng

Văn tế xưa nay là một lối văn có tánh cách lâm-ly thông-thiết, để đọc trước quan-tài người chết hoặc lúc đang hạ giọng, nói lên sự thương tiếc đau buồn, nhắc nhở công nghiệp hay hồi-tưởng những thân tình tốt đẹp của người quá-có lúc còn sanh tiền trước cuộc chia ly kẻ còn người mất, vĩnh biệt ngàn thu.

Có nhiều bài văn tế khi đọc lên khiến người ta cảm xúc khó cầm được dòng lệ, dầu là kẻ đứng người lạ đối với người quá-vãng. Và có những bài văn tế tuyệt tác về văn chương nghệ thuật, chứa đựng nội dung chân thành rung động từ tâm hồn của tác giả.

Tuy nhiên, cái hay của mỗi bài có một thể cách. Hầu hết lối văn tế là đứng đắn, trang nghiêm hoặc hùng tráng, bị thương hợp với chốn triều đình, nơi lăng miếu, hoặc ở đình thự cao sang. Ngoài ra, còn cái hay của bình-dân mộc mạc nữa. Hoặc lấy lối trào phúng làm hay, hoặc lấy đối chọi làm hay v.v...

Như ba bài văn tế trào-phúng-hóa sau đây, không biết tác giả đích thực là ai, đã được truyền tụng từ lâu trong dân gian, chưa được sưu tầm sao lục in vào sách. Do đó, ít người được biết ba kiệt tác này; chẳng khác những hạt minh châu bị mai một dưới lớp thời gian. Kẻ sưu tầm này cảm thấy mình có bổn phận phải bụi thời gian, đem nó ra trình trước làng văn, để những ai có lòng ưu ái đối với nền văn học nước nhà có dịp thưởng thức những tác phẩm quý báu của tiền nhân.

Ba bài văn tế này, một có nhan đề là «Mụ Quynh tế lão Cường», một là «vợ tế chồng thợ rèn» và «con tế cha làm thầy thuốc», cũng theo lối «ngai tác»

như các bài trên. Bài sau đối chọi rất chính và dùng những tên dụng cụ về nghề thợ rèn thật là tuyệt-xảo, thật lạ, thật tài tình, lại hài hước mà vẫn đậm-dà tình-cảm của người vợ góa khóc chồng.

Bài này có người bảo rằng của ông Lang Rường, người Quảng-nam, ở làng Đức-kỳ, một tay giỏi văn nôm vào đời Minh-Mạng, Thiệu-Trị. Tuy thế, còn trong vòng nghi vấn, chưa dám quả quyết ông Lang Rường là tác-giả đích thực. Có điều chắc chắn tác giả bài này là người Quảng-nam, vì bài văn tế này được nhiều vị kỳ lão ở Quảng-nam truyền khẩu từ lâu mà người ở tỉnh khác không hề biết.

Còn một bài văn tế cũng thuộc loại trào-phúng và «ngai tác» này, vẫn còn «mai một», rất hay, rất kỳ-xảo, xin biên nốt ra đây. Đó là bài văn tế một vị Đông-y-sĩ, lời văn lâm ly, mà trào phúng, đối chọi rất hay, dùng nhiều chữ về tên các vị thuốc Bắc mà vị thuốc nào cũng có ý nghĩa hợp với nội dung của toàn bài, lại chen vào những bệnh lý, bệnh danh.

Ba bài văn tế ấy như sau :

### I. MỤ QUYNH TẾ LÃO CƯỜNG

Hỡi ơi ! Rắn hãy thay da, cóc còn đòi lột. Gia-sự nhiều bề khốn khổ, sống làm chi mấy đứa vất vơ ! Từ sanh cái số làm sao, chết đi những con người đại dột !

Nhớ linh xưa :

Răng trắng như mun, da đen tọ bột. Từ-tế hơn ai hết thầy, chẳng ăn tham mà cũng chẳng để dành. Học hành tuy chẳng bao nhiêu, không hay chữ mà cũng không ra dốt.

Tiết hạ thiên nóng nẩy, bề dưỡng sanh đậu hũ, xoa-xoa. Ngày xuân nhặt quây đơm, trong lễ vật da tây, dột-dột.

Giận vợ biết bao khăng-khái, đập cửa ván đùng đùng. Dạy con thiếu mấy nghĩa phương, quất roi mây trót trót.



Gặp đưng nó kể từ năm Ngọ, năm thi cực, năm thi sướng. sắp về sau : Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn. Lấy toán Tàu mà tính số con, đưa thi bé, đưa thi choai, nói cho phải : mười, chín, tám, bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai, một.

Bịnh hoạn làm sao chẳng biết, ngày cũng rên, đêm cũng rên ! Thuốc than kê đã nhiều thầy, phải cứ hốt, không cứ hốt !

Mới hồi hôm còn sống, nước da lạnh tự đồng đen. Nghe chết trẻ khỏe ma, bụng muốn nóng như lửa đốt !

Tủi là tủi : không nói không rằng, không đi, không đứng, tro tro như khúc gỗ lăn tròn.

Thương là thương : vừa khâm, vừa tạ, vừa néo, vừa đẩy, bó bó bỏ vô hòm mà nhốt !

Con mẹ đầu tang tóc chế, lớn bịt khăn, nhỏ bịt khăn. Cửa nhà vắng trước quạnh sau, vô đưng cột, ra đưng cột !

Tưởng chữ bách niên giai lão, chén rượu gọi là chút nghĩa, nhớ lời năm ngoái năm xưa.

Tính bề tam nhựt thừa hung, linh xa gác đã có ngày, chưa biết bữa mai bữa mốt.

Thương thay, xin hưởng !

## II. VỢ TÈ CHỒNG THỢ RÈN.

Hỡi ôi ! Lò Tào xây vắn, Thợ trời thay đổi ! Lờn sắt dính cần dạn cối trăm năm. Kiếp tro bụi phanh phôi người một lối !

Nhớ linh xưa :

Mài nét thiệt trơn, rèn lòng chẳng đổi. Ở chẳng làm cay làm ngọt đắp đôi ngày hai. Nói ra có thép có gang, xù xi năm tới.

Minh nương dưới bệ, kè grom dao theo cạy sức đời mài. Tay dựng một lò, người cày cuốc thầy nhờ ơn rèn thồi.

Cân sắc tài từ lúc, lời nói như rựa chém xuống đất, hện với điều già. Ra gan dạ con người việc làm như lửa đỏ trên đầu, chết không kịp trời !

Ôi ! mè hết chỗ mài, gậy không thể nổi ! Đành trao cang nặng cho ai, mà bỏ xác phàm bồng vôi ?

Nghề rèn đập ai cặp kèm với bạn ? Gang vừa sôi mà sắt bồng tan liền ! Nghiệp trau đời ai chỉ vẽ cho con ; lửa mới bén mà than đành tắt hồi !

Thâm-thiết bấy mấy đời tiện tận, chịu ăn hoài dao lự hơn chín mười năm ! Nào nùng thay chút-phận rúi ro, như tan mất lưỡi cày, cực trăm ngàn nổi !

Gan chẳng đập nhồi mà nát, thương là thương tác xuân xanh đương bén tợ grom trường. Sắt nào trau dũa cho trơn, xốt là xốt mảnh phạn bạc đành vùi theo thép nguội !

Dao oan nghiệt khéo mài chỉ quá bén, cắt đứt tóc tơ ! Lửa biệt ly chưa nguội lại hừng lên, đốt lồng gan phổi !

Thôi thôi ! Khóa gậy chìa rơi, búa tà, đe đội ! Mới đó mà cần đành bỏ lưỡi, phạn lao đao chi xiết nổi sầu riêng ! Từ đây mà nén nợ xa khâu, bề cạy-nãi biết bao giờ gặp mối !

Hôm nay hãy lò than un sắt đỏ, ngọn lửa hương thêm nóng ruột trăm chiều !

Ngày mai vừa lát cuốc đập mồ xanh, năm đất cỏ chôn tình một khối !  
Thương thay, xin hưởng !

## III. CON TÈ CHA LÀM THẤY THUỐC.

Hỡi ôi ! mưa sa ngàn từ thảo, giọt cương thường tuôn bề thâm mết h mông !

Gió thổi dậm hồng-hoa, mây đỉnh hồ đắp thành sầu chất ngắt !

Trên Phúc-bồn đầu quyết ý hẹp hòi, trong cõi khí biết bao giờ khuấy khuấy !

Nhớ thuở ký sanh nơi trần cảnh, giữ nghiệp nhà mà nổi dấu đao thuê.

Từ ngày ích trí chốn bồng-môn, yên phận mệnh chỉ chăm bề y dược.

Giống hạnh nhân thêm rạng tiếng cơ-cừu. Lòng hậu phát đã mừng nên âm chất.

Bài báo mệnh ra tay độ thế, mái non đoài còn đậm khí trường sanh.

Thuốc hoàn-dông quyết chí điều-nguyên, dây thành Bắc đã lừng hơi khương-huyết.

Quyết minh tỏ nghĩa quân thần, viễn chí nhiều phương mưu lược.

Viên trị khí giữ mùi quốc-lão, chí hoàng kỳ mà đẹp chúng thiên-ma.

Bài trừ tà chọn mặt tướng, quân, đem tế-giác để ngữ loài mộc-tộc.

Lũ hàn nhi trinh-nữ cũng nhờ ơn,

Kẻ thương nhi bạch đầu cũng nhớ đức.

Bỗng thấy sự đời tang hải, sương in nhà ích mẫu đầm đìa.

Xuôi nên thời vận sâm si, gió lọt trường phù-dung hiu hắt.

Ruột khương tâm đường chín khúc vô tơ, mộng hồ-diệp những năm canh lẫn quất.

Nhà cần kiệm lo phương hoạt mệnh, vững cang tràng chống chọi lúc gieo neo.

Thuở hàn-vi tìm thế báo-anh, hết tâm huyết vỗ về người trướng nước.

Những ước được tròn câu thiên-thọ, kù xi qui giáp cõi đèn xuân.\*

Nào ngờ chưa chốn chữ qui kỳ, dan diu tiên đảng sông nước ngược ;

Chốn thiên-môn đã cách cõi trần hoàn, ngày nắng hạ hãy đương tuần viêm-nhiệt.

Hay Diêm-phủ có người lên đậu hiềm, trở long-đình, vén hạc-tất vào xem ?

Hay Thiên-Tào cho sứ rước lương y, vàng phụng chiếu giục mã-đề thăng bước ?

Lối sơn-xuyên lộ cách, biết đâu chừng ? nỗi phụ tử tình thâm khôn kể xiết !

Trước đã gặp hồi xao-xác, nghĩ thù-ân chưa cam-toại niềm đau !

Nay càng cảm nỗi khúc nôi, cũng tòng-tục dấm nhân-trân lễ bạc.

Ba tuần bạch-tửu không mời, một triệu trăm hương ngào ngạt.

Thương thay, xin hường.

VÔ DANH

miền nam nước việt

Nơi đây tôi mến thương nhiều,  
Miền Nam nước Việt mỹ miều làm sao !  
B.B.L.

Từ những ngày xa xưa, khi đất nước còn thanh-bình, tôi hằng ao ước được vào thăm vựa lúa miền Nam, nơi vườn ruộng phì-nhiều, sóng lạch đầy tôm cá... mà chưa có dịp. Và có lẽ chẳng bao giờ có dịp, nếu không xảy ra cuộc chiến-tranh khốc liệt huynh đệ tương tàn. Âu cũng là trong cái rủi lại có cái may vậy.

Những ngày đầu tiên đặt chân lên phần Đất Mẹ thân yêu này, tôi không khỏi say sưa ngây ngất. Tôi thấy cái gì cũng đáng yêu. Tôi nhìn tất cả bằng con mắt luyến lưu triu mến. Và đã ghi vội cảm xúc ban đầu ấy bằng mấy vần thơ :

Tôi yêu tiếng Việt miền Nam,  
Yêu con sông rộng, yêu hàng dừa cao.  
Yêu xe thồ-mộ xôn-xao.  
Trên đường khúc-khuyết đi, vào miền quê.  
Tôi yêu đồng cỏ nắng se,  
Nhà rơm trống trải, chiếc ghe dập dềnh.  
Tôi yêu nắng lúa châu-thành.  
Trận mưa ngăn ngủi, gió lành hiu hiu.  
Nơi đây tôi mến thương nhiều,  
Miền Nam nước Việt mỹ-miều làm sao !  
Xa xôi hằng vẫn ước ao,  
Vào thăm vựa lúa xem sao, hỡi mình !

Chừ đây tình đã gặp tình,  
Tưởng như trong đại gia-đình dân xa.  
Người xem tôi tựa người nhà,  
Người kêu thân mật tôi là : Thày Hai !

★

Đồng-bào Nam-Việt ơi !  
Tôi yêu cặp mắt làn môi thiệt thà.  
Nước non vẫn nước non nhà,  
Đắc Nam xa mấy vẫn là anh em.  
(Tôi yêu)

Rồi càng lâu càng quen hơi bén tiếng, tôi nhận thấy đồng bào miền Nam rất ngay thẳng, bình dị, cởi mở, chân thành. Thương ai thương thiệt tình, ghét ai nói thẳng không úp mở. Và cái giọng nói miền Nam mới dễ thương làm sao ! Lần đầu tiên được nghe giọng nói miền Nam — nhất là giọng nói của những phụ-nữ khuê-các lịch-sự — tôi thích thú vô cùng. Và cảm-hứng đạt-đào, tôi thấy câu thơ « Tôi yêu tiếng Việt miền Nam » chưa đủ, chưa nói lên được gì, mà phải cả một bài thơ dài họa may mới diễn tả được hết cảm nghĩ của tôi về giọng nói miền Nam triu mến :

Ôi ! Tiếng Việt miền Nam !  
Nghe sao mà âu yếm.  
Giọng ngân dài lưu luyến,  
Cho lòng ta thương vương.  
Ôi ! Thương ai em thương thiệt là thương !  
Em, cô gái Đồng-Nai tình cởi mở.  
Từ quen em nắng vàng thêm rực-rỡ,  
Đừa thêm xanh và vú-sữa thêm ngon.  
Lời em thơm như măng-cụt no tròn,  
Giọng em ngọt như xoài vừa chín tới.

Những chữ S ngân dài như gió thổi,  
 Chữ C, G nghe độc lỗi mà yêu.  
 Giọng TR trong trẻo đúng bao nhiêu,  
 Và « anh » nữa. Ôi, tiếng « anh » nũng nịu :  
 — « Mong ăn mãi, nhớ ăn hoài ! Ăn có hiểu ?  
 Em thương ăn quá xá là thương ! »  
 Lời em ngon như có mật có đường,  
 Ta sung sướng nhìn em nghe giọng nói.  
 — « Hãy nói nữa ! Nói nhiều đi, em hỡi !  
 Qua không cần hiểu ý, chỉ cần nghe  
 Giọng nói du dương, âu yếm, dè mê  
 Như nhạc sóng của Đồng-Nai, Sông Cửu ! »  
 Nhưng em bỗng ngừng im, em nũng nịu :  
 — « Nói đi ăn ! Nghe giọng Bắc em thương ! »  
 Cầm tay em, say ngắm cặp môi hồng,  
 Lòng tràn ngập niềm mến thương đắm đắm.  
 Ôi, Nạm Bắc âu xa nhau vạn dặm  
 Vẫn cùng chung tiếng mẹ, vẫn quê cha.  
 Gặp nhau đây trong nắng lửa chan hòa,  
 Hai giọng nói cùng đồng ca hợp tấu.  
 Hai huyết quản vẫn cùng chung dòng máu,  
 Hai tâm hồn hòa hợp cảm thông nhau.  
 Tiếng Việt miền Nam, giọng nói nhiệm mầu,  
 Có phép lạ khiến tình ta lưu luyến.  
 Em ! Cô gái miền Nam ta thương mến !  
 Muốn gần em, gần mãi để nghe em !

(Tiếng Việt miền Nam)

Đây mới là giọng nói, giọng nói ngọt ngào dễ thương. Còn cái duyên dáng, cái tinh tú, cái thiết tha của phụ-nữ miền Nam không e dè kiểu cách,

dễ gây cảm-tình và dễ khiến người ta thân thiện, nhất là « người ta » ấy lại là người cùng nước mà khác miền. Cho nên « Cô gái Đồng-Nai » đã là một đề-tài rất hấp dẫn, đã gây cảm-hứng cho nhà thơ để hát lên cái tiếng hát của lòng :

Em là con gái Đồng-Nai.  
 Hàm răng em trắng, khỏ người em duyên.  
 Em cười, em nói hồn-nhiên,  
 Tình em như-trái sầu-riêng đậm-đâu.  
 Ta về ta nhớ đêm qua ..  
 Nhớ ai, nhớ cả món quà Đồng-Nai.  
 Món quà ai gởi cho ai,  
 Kèm theo thăm hỏi đôi lời thương thương.  
 Yêu em, yêu cả con đường,  
 Đưa ta về chốn ruộng vườn phi-nhiều :  
 Càn-Thơ, Rạch-Giá, Bạc-Liêu...  
 Rừng thương, rừng nhớ, rừng yêu lạ làng !  
 Cô em má đỏ hồng hồng,  
 Buồn xuôi bán ngược, có chồng hay chưa ?  
 Xe đò ai đón ai đưa ?  
 Em cười ! Ô, xinh xinh xinh !  
 Hỏi em, em chỉ lặng thinh... mỉm cười !  
 Đầu mày cuội mắt em tươi  
 Đề thương đề nhớ cho người chung quanh !  
 Đồng-Nai nước bạc lúa xanh,  
 Ngọt ngào quả chín, đa tình gái trẻ.  
 Quen em quen tự bao giờ  
 Mà thương, mà nhớ, mà ưa rất nhiều !

Vườn ruộng phi-nhiều, ngọt ngào quả chín... Chính là nhờ mưa và nắng.  
 Cái mưa nắng của miền nhiệt-đới làm cho cây cối xum-xuê, quanh năm xanh

tốt. Nhưng mưa còn có mùa, chứ nắng thì thừa thãi. Nắng chan hòa quanh năm, cả những ngày cuối đông giữa lúc thiên-hạ trưng-bùng tấp nập đón xuân về, cho nên mỗi cuối năm ta lại được ngắm cái cảnh :

*Nắng soi vàng cánh mai vàng,  
Nắng soi hồng má cô nàng bán dưa.*

Mưa nắng nhiều mà lại ít bão ít lụt nên lúa nhiều mà trái cây cũng lắm. Ngoài những thứ thông thường mà miền nào cũng có, miền Nam còn có những trái cây đặc biệt của địa-phương như : xoài, măng-cụt, vú-sữa, sầu-riêng.

Xoài thì trước ngày di cư, đồng-bào miền Bắc cũng đã được thưởng thức và quen gọi là "muỗm Sài Gòn", nhưng chỉ những người dư tiền mà thôi, vì là thứ xa xỉ, mắc lắm !

Phải vào Nam, ai nấy mới được ăn thích khẩu và mới được nếm đủ mọi loại (vì xoài có nhiều thứ). Ăn đã rồi, thi-tứ mới nảy ra đề cử ngợi thứ trái cây thơm tho ngon ngọt :

*Từng quen mến " Muỗm Sài Gòn "  
Nhưng từ năm nọ hãy còn thơ ngây.  
Bây giờ ta gặp mình đây,  
Má phính phính má, lòng hây hây lòng.  
Xinh tươi như gái chưa chồng,  
Thơm tho quý phái ra giòng thượng-lưu.  
Đưa bàn tay nhẹ nâng niu,  
Nghe lòng riêng cũng xiêu xiêu vì tình.  
Yêu mình vì áng hương trinh,  
Say mùi Đất Nước đượm tình Quê-Hương.*

(Trái Xoài)

Cũng như xoài, trước ngày vô Nam, thỉnh-thoảng tôi cũng có dịp được nếm măng-cụt, nhưng dịp đó thật hiếm hoi, nên khi gặp lại thứ trái cây

này ở miền Nam, tôi có cảm-tưởng như gặp lại một người rất thương mà rất ít được gần, đến bây giờ mới được một nhà sum họp. Cảm nghĩ ấy đã được ghi lại như sau :

*Gặp em xa xôi miền Bắc,  
Lòng ta thương mến em ngay.  
Má em không đỏ hây hây,  
Chàng đẹp như đào như mận.  
Áo em khiêm nhường tím xẫm  
Kém phần về quý màu thanh.  
Nhưng lòng em ngọc trắng tinh,  
Thơm một mùi hương quý-phái.  
Ta mở lòng em : điên dại  
Say sưa cần thịt em mềm,  
Mơ màng về đẹp thiên-nhiên,  
Thương mến miền Nam đất Việt.  
Em cùng trái sầu-riêng thân-thiết  
Là sắc hương da thịt miền Nam.  
Giờ đây gặp gỡ thường hơn  
Càng mến thương em tha-thiết,  
Mong đợi ngày em về da diết  
Đề cần vào da thịt thơm tho.  
Em là con gái Mỹ-Tho,  
Lái-Thiều, Châu-Đốc, Càn-Thơ... dịu dàng.  
Gần em, quên cả nắng vàng,  
Hôn em, mát rượi cả hàm răng thơm.*

(Trái măng-cụt)

Đến như vú-sữa và sầu-riêng thì phải vô Nam mới được biết mùi biết vị. Vì sầu-riêng bị cấm chở trên máy bay bởi cái mùi đặc biệt của nó, còn vú-sữa có lẽ tại giá rẻ không bỏ với cước phí chuyên chở chẳng ? Lá cây vú-

sữa thiệt đặc biệt : mặt trên xanh màu lá hạ, mặt dưới úa màu lá thu. Mỗi khi gió đùa, lá reo múa lấp-lánh hai màu trong nắng chói, trông thiệt vui mắt, khiến nhà thơ xúc cảnh sinh tình :

Tên em mọt-mọt như lòng,  
Đơn sơ như gái trong đồng Cà-Mau.  
Miền quê lục tỉnh đậu đậu  
Cũng nhiều lá thắm, cũng giàu trái xinh.  
Rung-rinh núp vù trên cành,  
Mỗi năm mỗi vụ dâng tình thủy chung.  
Em như cô gái yêu chồng,  
Tình em như sữa trong lòng thơm tho.

(Trái vú-sữa)

Với trái sầu-riêng, tôi có một kỷ-niệm khó quên. Số là tháng 6 năm 1954, trước ngày hiệp-định Genève được ký-kết, tôi có dịp vô Sài-gòn ít ngày và có ghé thăm thi-sĩ Đông-Hồ. Nhân mùa sầu-riêng, tôi hội thăm về thứ trái cây có cái tên thơ mộng mà bấy lâu chỉ được nghe mà chưa được thấy, thì được nữ-sĩ Mộng-Tuyết cô nhã ý mua tặng một trái. Tôi hí hửng ôm về nhà trọ, vợ và bề ra thưởng thức nhưng không hề nuốt không vỏ, vì chưa quen với cái mùi vị dị-kỳ của thứ trái cây lạ đó ! Tôi bèn làm mấy vần thơ gởi nữ-sĩ Mộng-Tuyết để bày tỏ cảm-giác của mình khi « lần đầu làm quen với trái sầu-riêng ». Thơ rằng :

Xa xôi nghe tiếng sầu-riêng,  
Cám ơn nàng Út làm duyên tặng quả.  
Muốn đem ra Bắc khoe nhà,  
Lại e đường xá ngày giờ khó đi ! (1)  
Chao ôi ! Hương sắc dị kỳ,  
Hằng-Nga bỏ vía, Tây-Thị giật mình !

(1) Vì hời đó sầu-riêng bị cấm chở trên máy bay.

Bỏ đi phụ tâm chân tình !  
Mang theo chăng được, thời dành... sầu-riêng !  
Quen hơi bén tiếng một phen,  
Xa Nam-Việt, nhớ sầu-riêng hoài hoài !

Phải, người ta ghiền rượu chứ không ai ghiền nước ngọt, nghĩa là ghiền cái gì đặc biệt chứ không ghiền những cái tầm thường.

Sầu-riêng tuy khó ăn lúc đầu, nhưng một khi đã bén tiếng quen hơi rồi thì dễ ghiền lắm !

Chưa ăn được sầu-riêng chưa phải là người miền Nam. Bây giờ tôi đã ăn được sầu-riêng (thiếu điều ghiền nữa !) tức là tôi đã là người miền Nam trăm phần trăm rồi vậy...

Những cảm nghĩ và cảm-tình trên đây đối với miền Nam Việt-Nam hẳn cũng là cảm nghĩ, cảm-tình chung của ngót một triệu đồng-bào di cư. Ấy chưa kể hàng triệu người khác gốc Bắc, gốc Trung nhưng sinh trưởng ở miền Nam từ 1954 đến nay, tức là lớp cháu chúng ta nữa.

Thăm-thoắt chỉ còn thiếu một năm nữa là đầy 20 năm, một phần năm thế-kỷ, miền Nam đã eru mang chúng tôi, đã trở thành quê-hương của chúng tôi, đã giúp chúng tôi nguôi dần được nỗi sầu hận phải rời bỏ nơi chôn nhau cắt rún. Và bây giờ chúng tôi quyết sống chết với mảnh đất còn lại này, vì mất miền Nam là mất tất cả ! Vì không còn chỗ lùi nữa, vì đời miền Nam là trở thành kẻ vong gia thất thổ, là sống cuộc đời lang-thang vô định của người Do-Thái trước kia !

Vì không muốn làm dân « Do-Thái lang-thang », vì không thể « mang Tô-Quốc theo gót giày », chúng tôi nhất quyết ở đây, nhất quyết gìn giữ quê-hương miền Nam thân yêu này trước mọi mưu toan thôn tính...

(Miền Nam, 1973)  
BÀNG BẠ-LẠN

## nữ thi-sĩ miền nam trần-kim-phụng

Là một nữ sĩ có Hán học uyên thâm, bà Trần-Kim-Phụng sinh thời đã lừng danh với hai câu đối làm đùm người đàn bà xin phép chồng sau về điều tang cha chồng trước, vì ông cha chồng này vẫn thương bà ta lắm, mặc dù con trai ông đã không cùng bà ở được với nhau vì cơm chẳng lành canh chẳng ngọt.

Đôi câu đối ấy, bà Trần-Kim-Phụng viết :

*Bất hạnh chi, nhi hạnh chi, quân-tử ở phân vì quân-tử ái  
Kỳ ai dã, diệc ai dã, cố nhân phi vì cố nhân tình.*

Nghĩa là :

« Không may mà lại may mà, ghét bởi quân-tử trái lại được yêu vì quân-tử.  
« Thấy thương vậy cũng thương vậy, vì cha cố nhân chớ không phải vì cố nhân ».

Giải ra văn xuôi là : « Nghĩ đời đã không may, nhưng rồi lại gặp may vì người này ghét bỏ thì người khác yêu đương (nguyên bà này cả hai người chồng trước sau đều làm chức cai tổng). Hôm nay nghe có tang về điều, nghĩ thương xót vô cùng, nhưng vì nghĩa của thân sinh ra cố nhân (tức chồng cũ) chớ không phải mối tình duyên với cố nhân ».

Riêng về thơ, sinh thời bà được người ta chú ý nhất là bài thơ « TIỆC RƯỢU NAM-THÀNH », nội dung bao hàm về một buổi ăn uống no say quên cả trời đất và xung quanh, mà trong đó có Tây, Ta và Tàu. Thật là một cảnh nhậu be bét ở trong cảnh Pháp Nam giao thời và riêng ở miền Nam bây

giờ. mấy ông Hoa-kiều cũng đã đóng một vai trò quan trọng, nghĩa là bất cứ chuyện làm ăn nào cũng có mấy ông chạy chọt, len lỏi, nhúng tay vào.

*Tiệc rượu Nam-thành thật rất vui,  
Trộm xem ai nấy cũng say vui,  
Anh Tây xuềnh xoàng tu be ngược,  
Chú khách khề khà ném chén xuôi.  
Giận đất lung lay không vững bước,  
Cười trời lừng đững bóng dần lui.  
Đứng ngồi chẳng tiến lùi thời cả,  
Tiệc rượu Nam-thành thật rất vui.*

Nữ sĩ cho là một tiệc rất vui, nhưng vui đến nỗi kẻ cầm be tu ngược, người cầm chén không nổi, chân không bước được, mắt không thấy gì, đứng ngồi ai nấy đều lờ lịm thối lếp thối, phải chăng cái vui ấy là cái vui mĩa mai chua chát, vui bao nhiêu, nhục bấy nhiêu.

Bà sanh năm nào, mất năm nào, quê quán ở đâu, hiện nay không ai nhớ rõ và chỉ biết mang máng là tạ thế cách đây khoảng 30 năm. Lê ấy không gì làm lạ vì đương thời người ta chú ý đến thơ văn của bà nhiều hơn là với những cái thuộc về đời tư, mà có hay không, vốn dĩ cũng không phải là những việc quan hệ. Song có điều chắc chắn, với trình-độ Hán học như thế nếu bà không xuất thân ở một gia-đình phong lưu khá giả thì cũng ở trong một môn gia nghiên bút tiếng tăm.

Theo một vài bực văn hữu lão thành ở trong Nam kể lại, thì bà gốc người ở Sa-Đéc tục gọi cô Hai Hồn, đến tuổi trưởng thành, kết duyên với một người ở miền này cũng là một con nhà danh giá, nhưng nửa chừng cuộc tình duyên tở nên ngang trái. Rồi bà kết duyên với một người Pháp làm quan. Bà theo chồng lên Nam-Vang, chẳng bao lâu ông này tạ thế, bà vào tu ở ngôi chùa gần đó, và sau lại trở về gặp tri kỷ trong làng thơ là ông Nguyễn-Quốc-Biểu ở Đa-Kao, rồi tái giá một lần nữa. Cuộc hôn nhân này được đầm ấm. Nhưng

không bao lâu ông Diệu mất, bà lại thi phát quy y, mượn cửa từ bi để khuấy niềm trần tục. Song lần này bà không tu ở chùa Nam-Vang, mà lại ở Điện-Bà (Tây-Ninh). Bà lấy hiệu là Hương-Thanh, và sau cùng mất ở nơi đây.

Bà là người thông-minh, biết làm thơ rất sớm, kỹ-thuật điều luyện chữ chèo, nội-dung có nhiều ý thâm trầm hóm hỉnh, nên đương thời thi văn bà cũng khá được nhiều người ưa thích truyền tụng, cũng như tên tuổi được rất nhiều các thi-nhân mặc khách chú ý. Những thi-phẩm của bà phần nhiều làm theo lối đường luật, đặc sắc là những bài sau đây :

### TỪ BIỆT

(Từ giả các bạn đề đi Nam-Vang)

Vừa cạn chén đưa chưa cạn lời,  
Thuyền đà vội tách giữa giòng khơi.  
Xa trông dạng khuất vầng non nước,  
Cám nghĩa anh em nghĩ ngậm ngùi.

### GIANG-HỒ MỎI BƯỚC

(Trả lời bài thơ ông Quốc-Biêu, đăng cách đây 30 năm trong Công-Luận hỏi tin mình)

Ngao du đã mỗi bước giang-hồ,  
Lánh mộng trần ai đến Phật đồ.  
Từ giả non Tây cùng biển Bắc,  
Phụng hoàng nay đậu một cành ngô.

### CÂY VẠN THỌ

Tuổi già trường trái có ai qua,  
Vạn thọ khương cường vốn đấy ta.  
Vững cội khỏe cành xinh nét vẽ,  
Lớn chồi tỏa lá lịch mùa hoa,  
Tháng ngày thông thả cùng quan các,

Tết nhất khoe khoang với phú gia,  
Bờ có cái danh ai cũng chuộng,  
Nên người yêu mến chúc ông bà.

### TIỀN BẠN NGÔ-VI-ĐUỜNG

Mai này bạn đã bước lên đàng,  
Phận sự chúc nguyện đặng về vàng.  
Giữ dạ chó sai lời thiết thạch,  
Nghiêng vai đừng nệ gánh giang-san.  
Tắc công tạo-hóa nên dày dặn,  
Tài chí anh-hùng mặc ngổn-ngang.  
Phải gặp thế nào nên thế ấy,  
Sá điều ly hiệp với bi quan.

### HOÀI CỔ NHÂN

(Nhớ các bạn xa cách)

Kề từ xa cách bạn tương tri,  
Đề nhớ lòng đây những nỡng vì.  
Ngọc ngân cầm loan không trỗi ngón,  
Vật vờ bút ngọc biếng đề thi.  
Cảm tình sông núi đau đời đoan.  
Chạnh nghĩa kim băng thâm thiết chi.  
Nam Bắc chia trời sâu ngắt gấu,  
Ngắm duyên bè nước hợp tan kỳ.

### PHI-LONG CÔNG-CHÚA

(Trong Ngũ-Hồ Bình-Tây)

Chiếc thân qua Tống biệt trời Liêu  
Vì chữ non sông phải đánh liều.



Ơn chúa mong đền công dễ nại,  
 Thù chồng lo trả chi không xiêu.  
 Tâm gương bạch tuyết ngàn thu rạng.  
 Giấc mộng hoàng lương một chốc tiêu.  
 Số mạng chẳng qua cơ tạo hóa,  
 Ngâm cười chín suối tiếng còn biêu.

## TỔNG BIỆT

Cá nhận từ ngày rẽ nước mây,  
 Ngoảnh nhìn non nước những chau mây.  
 Cõi roi giục khách lời tan hiệp,  
 Rượu rót đưa người lúc tỉnh say.  
 Trăng rọi nhấp nhô làn sóng bạc,  
 Mưa phùn phơ phất giọt sầu xây.  
 Cái mùi ly biệt ai từng nếm  
 Nếm thử rồi ai cũng thế này.

## TỰ NGÔN.

Kề sừ năm ngoái đến năm nay.  
 Bận bịu gia-đình chẳng hở tay.  
 Thơ bỏ luông tuồng không cất bút,  
 Đàn treo vắng vẻ chẳng khua dây.  
 Cuộc cờ Lý-Bạch đã quên toán,  
 Chén rượu Huệ-Quỳnh cũng biếng say,  
 Chộn rộn với con ngày lẫn tối,  
 Tài tình chi đáng đó mà hay !...

Qua mấy bài thơ trên, chúng ta thấy nữ sĩ chẳng những là một nhà thơ nổi tiếng mà còn thạo cả về cầm kỳ, nhất là ở trong bài « Tự ngôn ». Tục truyền khi nữ sĩ còn ở Nam-Vang, một nhà thơ ở miền Hậu-Giang là ông Tú Lan lên viếng cảnh, có làm một bài thơ nhan đề «NHẬP CẢNH VÔ NHÂN» :

Nam-Vang phong cảnh có gì hay ?  
 Tài-tử giai-nhân chưa mấy tài.  
 Nhấp rượu xuân tình e thiếu bọm,  
 Khây đàn lưu-thủy chẳng siêng tay.  
 Nghe ma độc phú thêm buồn mãi,  
 Mời quỷ chơi cờ giải muộn đây.  
 Thật xứ Cao-Miên người khác tục,  
 Nhọc lòng Gia-Cát bấy lâu nay.

Ông Tú viết bài đó, ngụ ý khoe tài học và văn chương của mình, đồng thời cho hết thảy những người Miền Việt trên đó đều là phàm phu tục tử, không ai là người tương xứng với mình. Nhưng bài thơ ấy khi truyền ra đến tai bà, tức thì ông Tú được bà cảnh-cáo ngay bằng một bài họa văn :

Thoạt nghe tiếng thốt, úi chà hay !  
 Nẻo tắt đường quanh cũng gọi tài.  
 Chưa hẳn đại khôn hầu nề mất,  
 Cho tởng cao thấp sẽ nhường tay.  
 Văn-chương lối Hán kia ai đó ?  
 Thao lược bên Đường sẵn kẻ đây.  
 Mựa chớ khoe khoang tài trí ẽ,  
 Cờ Bàn thường tại thế sau này !

Bà cho ông Tú là người học còn tầm thường, và thơ còn kém, hãy im đi chớ nên múa riu qua mắt thợ. Nhất là chữ Hán ở câu thứ năm lại còn có nghĩa « xô ngã » trong đó, vì chữ « Hán » theo lối phát âm của đồng bào miền Nam cũng cùng một giọng đọc với chữ « háng ».

Nhưng tiếng bà là một nhân vật nổi danh trên thi đàn, thường giao du xướng họa với các bạn nam giới, và cuộc tình duyên của bà đã nhiều lần thay đổi, khi Á khi Âu, nên có người gởi đến cho bà một bài thơ vừa khen vừa đá kích, nhưng khen ít, mà đá kích thì nhiều.

Rằng hẳn rằng cô gái có tài.  
 Cảm kỳ thi họa chẳng nhường ai.  
 Chẳng hay tuổi A bao lắm đây?  
 Mà kết duyên Âu đã bấy chầy.  
 Nét vẽ dung nhan còn đượm thể,  
 Hương đưa phấn nhụy khắp cùng bay.  
 Thuyền xưa gặp gỡ còn mờ mặt,  
 Rằng hẳn rằng cô gái có tài.

Khi đọc xong, bà làm bài họa lại đề thanh minh cho biết cảnh ngộ của mình, đồng thời chế nguyên xướng đã biết thốt ra những lời trên, sao thân nam nhi "sức rộng vai dài" vẫn tro mặt đó ở trước cảnh giang sơn về tay kẻ khác. Sắc vóc tài hay là tài vóc sắc mà như vậy trong lúc này cũng chẳng hơn nhau cái thá gì:

Thôi chớ đon ren chữ sắc tài,  
 Giang-sơn này đã thuộc về ai.  
 Sá chi bờ liễu âu thân phận.  
 Đề then tù mi đã bấy chầy.  
 Gan óc dễ đâu nong nả tể!  
 Gánh hồng sao chẳng vẫy vùng bay?  
 Ngẫm trong nhân đạo không chi lạ,  
 Thôi chớ đon ren chữ sắc tài.

Sinh thời bà chẳng những sinh vì thơ mà họa thơ rất tài tình. Do đó, tiếng tăm lừng lẫy của bà chẳng những được nhiều người biết trong sáu tỉnh miền Nam, mà còn được nhiều người biết cả ngay trên kinh-đô xứ "Tháp vàng Chùa bạc". Bà tới đâu cũng được những tao nhân mặc khách xa gần đến thăm, hoặc cùng đề kết duyên văn-tự, bất cứ bài nào đưa lại khó khăn lắt léo mấy, bà cũng trả lời được rất tự nhiên và hóm hỉnh. Ý nghĩa và kỹ-thuật hoặc bằng hoặc vượt hơn nguyên xướng. Như có lần bà Nguyễn-Thị-Dự trước khi về quê, có đưa lại bà một bài "TỪ GIẢ":

Mấy bước phẳng phẳng mấy bước ngừng,  
 Dờ về dờ ở, gương bóng khương!  
 Nhớ ơn sinh ngũ lòng chua xót,  
 Mến nghĩa kim bằng tiết trắng trưng.  
 Ly hiệp nổi sầu chi dễ lấp,  
 Nghĩa nhân-sinh tửng cũng như gần.  
 Hỏi ai có biết lòng này chẳng?  
 Đáy nư chiêm bao biết mấy lần?

Bà đáp lại:

Chén rượu tay nâng dạ ngập ngừng,  
 Gương vui chi xiết nổi bàng khương.  
 Người đi chan chứa đôi hàng lệ,  
 Kẻ ở ngậm ngùi chín khúc trưng.  
 Đoái cảnh vẫn hiềm non nước cách,  
 Tưởng tình như thấy nghĩa nhân gần.  
 Vẹn câu hiểu để đành lòng cá,  
 Mừng rở cho nhau biết mấy tuần.

Như có lần có một văn hữu là ông Nguyễn-Ngọc-Minh viết gởi lên Nam-Vang cho bà:

Nam-Vang phong cảnh có chi cù,  
 Nhà nước năm nay lập mấy tòa?  
 Buồn bán món gì lời lỗ hơ?  
 Thơ thầy nghệ ấy khá không à?  
 Người nâng thuở trước còn đong chớ?  
 Nghiệp sĩ bây giờ thế bọn đa?  
 Nhà nước bốn phương khi thịnh đó,  
 Chẳng hay quý quyền lạc như hà?

Bà viết trả lời:

Châu thành chùa Tháp rộng thênh cù,  
 Đất chớ trời che biển mấy tòa.

Chúa trị tân trào dư đức cả,  
 Dân cư lạc nghiệp đủ công à ?  
 Gái toàn bốn đức tài tình lắm,  
 Trai vẹn ba giông sự nghiệp đa.  
 Phong-cảnh bốn mùa phong-cảnh toại,  
 Còn nhiều thú-vị nđi sơn-hà.

Và có lần một người bạn trong văn giới là ông Hoàng-Văn-Toàn gọi lên thăm bà :

Cổ nhạc năm ba chén sát sừ,  
 Tao-dàn vắng bạn ruột dượng như.  
 Nhìn non nước nhớ đường xa vắng,  
 Hứng gió trăng trong lúc bấy chừ.  
 Hỏi đó có sao thơ chẳng gọi ?  
 Buồn này nhờ có rượu làm nư.  
 Giang-sơn ngàn dặm nhành mai vắng,  
 Phải phải không không cũng cứ ừ.

Ông Toàn muốn mượn chén say để buồn tiếng bông lơn đặng giả mù sa mưa. Nhưng bà gọi ngay bảo ông Toàn hãy bỏ cái tánh say sưa, cái thói kiêu hãnh và tầm khảo :

Bỏ thói say sưa nhá nhá sừ,  
 Tao đàn dượng ấy thú hà như ?  
 Giọng thơ kiêu hãnh đành khen đó,  
 Tính rượu hoang mang cũng lạ chừ.  
 Cá nhạn dẫu đây khi có vắng,  
 Giận hờn chi đó lại mần nư ?  
 Hỏi thăm Hoàng hữu tình bao nả,  
 Mà mãi trông mong, những tiếng ừ ?

Thì văn bà kể còn nhiều bài đề lại. Nhưng bấy nhiêu thiết tưởng các bạn cũng hiểu bà là một nữ sĩ có địa-vị thế nào trước đây trong thi đàn văn giới ở Đồng-Nai Bến-Nghé.

## Ông trời trong văn chương hán-việt

Mặc dù đứng trong ý thức hệ hữu thần, nhưng các nhà văn-học, văn chương Hán-Việt kể cả bác học và bình dân của hai dân tộc này, không chịu tuyệt đối phục tùng Thượng-đế như các nhà văn-học, văn-chương Tây phương. Có lẽ vì vậy mà trong từ ngữ Hán-Việt họ đã đặt cho ông Trời những danh-từ hóm hỉnh, kỳ khôi, như : Tạo-hóa, Hóa-nhi, Hóa-công, Lão-thiên (Hán) ; ông trời, trè tạo, ông xanh (Việt) để rồi đem ông trời thành một đối tượng để than van, oán trách, chế giễu.

Thật vậy, chúng ta thử giờ bắt cứ một cuốn sách nào của các tác giả Hán-Việt, từ văn chương bác học đến bình-dân cũng đều thấy ông trời luôn luôn xuất hiện.

### ÔNG TRỜI TRONG HÁN-VĂN

Kinh Thượng-thư, bộ sử đầu tiên của Trung-hoa đã viết : *Thiên thính tự ngã dân thính, thiên thị tự ngã dân thị* (Trời nghe như dân nghe, trời thấy như dân ta thấy).

Kinh Thi, bộ Văn-thơ tối cổ của Trung-hoa, mà Khổng phu-tử là người hợp tuyên, san định gồm cả văn chương bác học và bình-dân cũng hơn một lần lời ông trời ra để oán-trách than van :

*Bi thương giả thiên, hạt kỳ hữu cực*  
 (Ông trời danh kia-ơi, ông làm gì quá lắm thế)

Khổng phu-tử, vị Thánh tập Đại thành của Nho-giáo, trong các tác phẩm của Ngài luôn luôn nói tới ông trời :

*Thiên hà ngôn tai, tứ thời hành yên, bách vật sinh yên, thiên hà ngôn tai* (Sách Luận-Ngữ).

(Trời có nói gì đâu, mà bốn mùa cứ thay đổi, trăm giống vật cứ hóa sinh, trời có nói gì đâu).

Nếu căn cứ vào lời nói của Khổng-Tử, thì ta thấy nội dung ý nghĩa về chữ *thiên* (trời) của Nho giáo không công nhận có một ông trời làm chúa tể vũ-trụ vì đã xây dựng ra vũ-trụ, mà chữ *thiên* là cái lẽ tự nhiên mà thôi (Tự nhiên luật).

Đến một nhà cách-mạng có một nhân sinh quan tích cực, như *Nhậm công Lương-khải-Siêu*, trong bài đề tựa cuốn sách "Á châu của người châu Á" Tiên sinh cũng nói tới ông Trời :

*Á châu chúng ta, khí hậu hòa ấm, tài sản thiên nhiên phong phú hơn cả năm châu, ông trời đã dành riêng cho ta một sự chung đúc hơn bất cứ châu nào...*

(Khí hậu thích ư hoàn cầu, tài sản giáp ư ngũ châu, chi đường đường ngã Á-châu đại lục...)

Việt-Nam và Trung-hoa cùng chung một nền văn-hóa, cũng như ý thức hệ, cho nên chúng ta không mấy ngạc nhiên khi thấy trong văn chương Việt-Nam, từ bác học tới bình dân, cũng có sự hiện diện của ông trời.

#### ÔNG TRỜI TRONG VĂN CHƯƠNG BÁC HỌC VIỆT NAM

Khi chúng ta đọc thơ văn cụ *Trạng Trình Nguyễn-bình-Khiêm*, tâm hồn ta cảm thấy được tác giả đem vào thế giới hão huyền, thần bí, trong đó có bóng dáng ông trời phảng phất đâu đây...

*Tạo hóa mần sao, khéo trớ trêu*

*Lại trai lại gái gớm vô tình...*

(Thơ giễu quan thi)

Trong cuộc nội chiến bản thi Nguyễn-Trình phân tranh lẫn lộn thì bị qua phân ngót một trăm năm, muôn họ lăm than, điều tàn hết chỗ nói, đáng

lý ra phải chửi vào bộ mặt thời đại, nhất là những nhân vật đã gây ra thời đại đó, và hô hào, kêu gọi mọi người sống trong thời đại đó hãy cùng nhau cải tạo lại thời đại ấy.

Nhưng ở đây *Đặng-trần-Côn* và *Đoàn-thị-Điềm* vẫn cứ một mực đổ lỗi cho ông trời :

*Du du bi thương hề thù tạo nhân*

*Đặng-trần-Côn*

*Xanh kia thăm thăm từng trên*

*Vì ai gây dựng cho nên nỗi này*

*Đoàn-thị-Điềm*

Nhìn thẳng vào sự tương quan hệ quả giữa ông trời và con người (thiên nhân tương dự) mà tác giả chuyện "Trình Thử" Hồ Huyền Qui cũng nói tới ông trời :

*Thiên cao mà lại thỉnh đê*

(Chuyện Trình-Thử)

Tin tưởng vào cái lý tuần hoàn biến dịch tất yếu của "Tự nhiên luật" mà tác giả *Nhị-độ-Mai* (vô danh) cũng nhắc tới ông trời :

*Chờ cho thiên địa xoay vần*

và :

*Hóa-nhi thăm thăm nghìn trùng*

(*Nhị Độ Mai*)

*Đặng-Dung*, một võ tướng cuối nhà Trần cùng quân Minh đánh nhau trăm trận và đã tự vẫn khi thất thế, cũng đã nhiều phen bất mãn vì thời cuộc nên lưu lại bài thơ "Cảm Hoài" (xin trích dẫn 4 câu sau đây) ngụ ý xem trời đất chung cục chỉ là một hội mê say :

Thế sự du du nại lão hà  
 Vô cùng thiên địa nhập hàm ca...  
 Thời lai đồ điều thành công dị  
 Vận khứ anh hùng âm hận đa...

(Cảm Hoài)

Bà huyện Thanh-Quan khi trở lại Thăng-Long nhìn cỏ trên « lối xưa », bóng chiều tà trên những lâu đài đổ vỡ cũng đã nhắc tới kẻ « gây ra cuộc hý trường ».

Tạo hóa gây chi cuộc hý trường  
 (Thăng-Long Thành Hoài Cổ)

Nguyễn-gia-Thiều, một tâm hồn yếu ớt, một nhân sinh quan tiêu cực thụ động, không dám đá phá thẳng chế độ, một chế độ đang làm tác giả và người đồng thời « chết đuối trên cạn » nên nhà thơ họ Nguyễn đã mượn lời cung nữ xấu số để lên tiếng oán trách ông trời :

Trẻ tạo hóa đánh hanh quá ngán  
 Chết đuối người trên cạn mà chơi  
 (Cung Oán Ngâm Khúc)

Không cho rằng luân thường chỉ là một sản phẩm thuộc thượng tầng kiến trúc trong một xã-hội nào đó, mà lại cho luân thường là đạo lý Đông-Phương, là thể hiện cái « Tự Nhiên Thiên Lý » với những định lý «Phù hiệu giả Thiên chi kinh, địa chi nghĩa dã » và « Thiên địa chi đạo tạo đoan hồ phu phụ » mà dân tộc Việt-Nam đã nắm chặt lấy để xây dựng lịch-sử, mà Cụ Tú Lê-ngô-Cát khi chép Lịch-sử Việt-Nam không quên nói tới ông trời :

Hóa cơ dựng mối luân thường  
 (Đại-Nam Quốc Sử Diễn Ca)

Nhìn kỹ vào văn-chương Việt-Nam, đề cập tới ông trời nhiều nhất có lẽ là thi sĩ Tô-Như trong «Đoạn-Trường Tân-Thanh», một tác phẩm phản ảnh một xã hội phong kiến suy tàn Gia-Tĩnh triều Minh hay là nói đúng hơn vua Lê chúa Trịnh tại Việt-Nam ; một xã hội đầy rẫy sự hỗn loạn, thói nát, bất công, bắt cóc, mãi dâm, hối lộ, nhậm nhân vu tội chỉ vì tiền.

Nhưng Tô-Như tiên sinh không đủ can đảm chửi thẳng vào bộ mặt bỉ ổi xấu xa của thời đại, rồi hơn một lần ông đã kêu trời trách trời.

Tại sao Kim-Trọng yêu Kiều, được Kiều yêu lại, yêu nhau tha thiết đắm đuối, thì cứ việc lấy nhau làm vợ làm chồng, cần chi phải lấy ông trời làm đối tượng nhân chứng để thề thốt với nhau :

Khuôn thiêng dù phụ tặc thành  
 Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời  
 (Kiều)

Vương ông bị người ta chụp mũ vu khống để hối lộ, đáng lý nhà thơ phải chửi thẳng vào mặt cái xã-hội thói nát ấy, tại sao Nguyễn-Du lại cứ kêu trời rồi trách trời :

Nỗi oan những muốn vạch trời kêu lên

và :

Trời làm chi cực mấy trời  
 Bởi ại vu thác cho người hợp tan

và :

Hóa nhi sao khéo nở lòng

(Kiều)

Kiều là một tuyệt thế giai nhân, cá sắc lẫn tài. Việc nàng phải dẫn thân vào thanh lâu, rồi « mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình » đâu phải là tội lỗi của nàng tự nguyện xuống hố trầm luân ấy, mà là nạn nhân của một xã-hội do con người làm ra. Tại sao nàng lại cứ trách móc trời :

*Phụ phàng chi mĩ hóa công  
Ngày xanh mơn mới, má hồng phôi pha*

(Kiều)

Cuối cùng Nguyễn-Du đã bị thuyết định-mệnh hủy diệt mất cái tự-do, nhân bản của con người, để rồi kết thúc câu chuyện là tất cả đều đổ cho Trời :

*Bắt phong trần phải phong trần  
Cho thanh cao được mướn phần thanh cao ?*

Ai "bắt" và ai "cho", phải chăng chỉ có ông trời (?)

Nhưng ở đây nhà thơ họ Nguyễn đã khéo léo ẩn phục chủ từ, một kỹ thuật, một bút pháp tài tình trác tuyệt của Tố-Như tiên sinh.

Dù sao chăng nữa, như thế là nhân sinh quan của Nguyễn-Du đã tiền hậu bất nhất rồi.

Vì lúc ban đầu ông còn dám nói :

*Có trời mà cũng có ta*

và

*Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều*

kia mà, sao bây giờ lại đầu hàng định mệnh một cách tuyệt đối như vậy ?

Nếu như phải đem Nguyễn-Du so sánh với Cụ Nghè Định-nhật-Thận khi bị chết mất vợ, mà ông làm câu đối khóc vợ, ông dám chất vấn cả ông trời:

*Đất chẳng phải chồng, trao gửi thịt xương sao đáng ?  
Trời như có vợ, thử xem gan ruột thế nào ?*

thì tinh thần ngạo nghễ cứng cỏi hơn cụ Nguyễn-Du nhiều.

Trong bối cảnh lịch sử Nguyễn-triều mặt diệp, Tàu không ra Tàu, Tây không ra Tây, cửa vụ-môn chỉ là nơi mua khoa bán hoạn của bọn người lợi danh bản tiện. Một người học rộng, văn hay như Trần-tế-Xương, mà thi cử lại hỏng mãi, cuối cùng chỉ đậu được cái Tú-tài. Sống trong cảnh ngộ một ông

Tú nghèo, gạo ăn đông từng bữa, thiếu hụt táng bản trăm chiều, cho nên trong những lúc bực mình ngao ngán, tiên sinh lại cũng hỏi trời :

*Bác thang mà hỏi ông Trời*

Có khi còn hài hước, chọc ghẹo tới cả ông trời nữa :

*Lúc túng toan lên bán cả trời*

Cho tôi những người đầy dũng khí đấu tranh, dám nghĩ dám làm cách mạng như Sào-Nam Phan-bội-Châu, mà trong lời kêu gọi quốc dân đồng bào hãy nhất tề đứng dậy làm cách-mạng vẫn nói tới ông trời :

*Lịch can huyết đi điều canh, Để thiên khê Giám  
Chủ tinh thành v nhất tiễn kim thạch năng khai*

Dịch nghĩa :

*Bát canh nấu với lá gan*

*Dâng trời cũng thâu lời van cho mình*

*Mũi tên đồn hết tâm thành*

*Bắn vào đá cũng tan tành như chơi*

### ÔNG TRỜI TRONG VĂN-CHƯƠNG BÌNH-DÂN VIỆT-NAM

Trên đây là một số dẫn chứng về sự hiện diện của ông trời trong văn chương bác học Việt-Nam. Qua những tài liệu này ta nhận thấy đối với ông trời giới văn học phần đông có thái độ hầu như chấp nhận một cách tiêu cực địa vị và vai tuồng tối thượng, với bản chất siêu hình của ông trời.

Đối với giới bình dân Việt-Nam, quan niệm về sự có mặt của ông trời trong mọi sinh hoạt, vật chất cũng như tâm linh, có phần phức tạp hơn nhiều. Cũng với bản chất siêu hình ấy, ông trời được giữ khá nhiều vai tuồng, có lúc còn mâu thuẫn nhau nữa là khác, mặc dù vẫn ở phương vị tối cao.

Từ những câu đối đỏ treo Tết (câu đối là sản phẩm của văn chương bác học, nhưng đã được đồng hóa với văn chương bình dân vì môi trường

của nó ở thôn quê tương đối có vẻ thích hợp hơn ở đô thị) đến ca dao tục ngữ, câu hò mái nhì, hát ru con, hò nện, và cả những câu hát đố vui quanh đèn, đầu đầu cũng thấy ẩn hiện bóng dáng của cái « hư vô » ấy.

Cối hư vô được nhân cách hóa thành « ông trời » do óc tưởng tượng phong phú của người lớn cũng như của trẻ con.

Người dân quê thuần lương vốn xem việc tu nhân tích đức là đề nhớ ơn tổ tiên, đề tạo phước cho con cháu. Phương châm này được thể hiện nơi những câu đối đỏ làm đẹp cửa nhà vào dịp thường xuân. Và qua những câu đối ấy các cụ xưa vẫn mang trời đất ra đề chứng giám cho lời khuyên đức của họ :

*Địa sinh tài, thế nghiệp quang huy  
Thiên tứ phúc, gia thanh hiện thái*

Lược dịch :

*Đất sinh tài nghiệp đời sáng lạn  
Trời ban phúc, nhà tiếng tốt tươi (1)  
Thiên địa vô tư, tích thiện tự nhiên thiện  
Thánh hiền hữu giáo, tu thân khả dĩ vinh*

Lược dịch :

*Trời đất vô tư lý, làm điều thiện, tự nhiên được thiện  
Thánh hiền có dạy, lo tu thân có thể được vinh (1)*

Và cũng đề khuyên đức trong lời ăn tiếng nói, trong sự hiếu thảo, trong sự đối xử với mọi người, dân quê thường hát những câu ca dao trong đó thấp thoáng bóng ông trời :

(1) Làng xóm Việt Nam (Toán Ánh) trang 419-420.

*Trời sinh ra đã làm người  
Hay ăn hay nói hay cười hay chơi  
Khi ăn thì phải lựa mùi  
Khi nói thì phải lựa lời chớ sai*

*Trời cho cây cấy đầy đồng  
Xứ nào xứ ấy trong lòng vui ghê  
Một mai gặt lúa đem về  
Thờ cha kính mẹ nhiều bề hiếu trung*

*Mỗi đêm mỗi thắp đèn trời  
Cầu cho cha mẹ đời đời sống lâu*

Người dân Việt-Nam vốn lấy nghề nông làm gốc, nên trong đời sống nơi thôn dã, thi ca bình dân thường lấy đề tài nông nghiệp, và ông trời thường là đối tượng cho mọi sự nguyện cầu, là nguồn hy vọng đắc tài, đắc lợi...

*Lạy trời mưa xuống  
Lấy nước tôi uống  
Lấy ruộng tôi cấy  
Lấy đầy bát cơm  
Lấy rơm đun bếp*

*Làng ta phong cảnh hữu tình  
Dân cư giang khúc như hình con long  
Nhờ trời hạ kẻ sang đông  
Làm nghề cấy cấy vun trồng tốt tươi*

*Tháng năm gặt hái cho xong  
Nhờ trời một mẫu năm nong thóc đầy.*

Trên trời n ra nắng phải thì  
 Nơi thì bừa cạn nơi thì cây sâu  
 Công lênh chẳng quản lâu lâu  
 Ngày nay nước bạc ngày sau com vàng  
 Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang  
 Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu

Nói về ái tình, duyên phận, hôn nhân v.v... người dân Việt không cứ ở thôn quê hay đô thị, vốn có một kho tàng thi ca phong phú, trong đó ông trời thường được đóng nhiều vai tưởng : nào là chứng nhân, nào là bối cảnh, là đáng chí cao cầm cân nảy mực, xe sợi tơ hồng...

Ta hãy nghe người con gái thề thốt :

Trời cao đất rộng  
 Em vọng lời nguyện

Đất trời còn đó, em giữ tuyền thủy chung

Và người con trai muốn tỏ tình với người con gái một cách gián tiếp, xa xôi, bóng bẩy khi biết rằng cô gái mồ côi, bèn mượn cảnh trời mưa nắng mà hát bằng quơ :

Trời mưa lâm râm ướt đầm lá hẹ  
 Tôi thương những người có mẹ không cha.

và :

Lạy trời chớ nắng đừng mưa  
 Hiu hiu gió thổi tôi đưa bạn về.

Hoặc tự vẽ ra một bức tranh trời mây ngũ sắc — bầu trời hy vọng — để xây mộng chiếm được người đẹp :

Trên trời có đám mây xanh  
 Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng  
 Ước gì anh lấy được nàng  
 Thì anh mua gạch bát-tràng về xây.

và tin rằng việc vợ chồng có duyên số :

Dẫu mà có mọc lên trời  
 Sao sa xuống đất cũng không rời nợ duyên

Nhưng lắm khi « chỉ thăm không xe » nên cũng đâm ra hoài nghi ông trời :

Dang tay ngoắt với thiên hoàng  
 Số sao không phải số cho thiệp với chàng gặp nhau.

Và quả thực chỉ thăm đã không xe : bằng chứng là người con trai đã hao công tốn của khá nhiều mà rốt cuộc chẳng được gì, nên tiếc « công đã tràng », nhân hỏi trời xanh :

Bắc thang nhân hỏi ông trời  
 Tiền đưa cho gái có đòi được chăng ?

bởi lẽ nàng đã không « giữ tuyền chung thủy ».

Hỏi tưởng lại giai đoạn tỏ tình, những khi câu chuyện cạnh khuya chưa mãn nguyện mà trời đã vội sáng, bèn cùng than trách :

Thở than chưa hết đôi lời  
 Chim kêu gà gáy ông trời rạng rả  
 Trách trời vội rạng đông ra  
 Không khuya chút nữa hai ta trao lời.



Về phần người con gái cũng có lúc gặp chuyện đau lòng. Miệt mài bên nong tằm, khung cửi và luống cày để lo lắng cho chồng đèn sách, nhờ trời ngày mai được vinh hiển :

Lạy trời đừng chuyển gió tây  
Lừa tằm em đã đến ngày nhả tơ

Xin chàng kinh sử học hành  
Đề em cày cấy cửi canh kịp người  
Mai sau xiêm áo thân' thời  
Ơn trời lộc nước đời đời hiển vinh.

Nhưng rủi ro gặp phải anh chồng không đáng tằm chông, « dài lưng tớn vải ăn no lại nậm », vẫn đã dốt mà vũ cũng dốt, người thiếu phụ tiếc công trang điểm má hồng răng đen, và chỉ biết than với trời :

Tiếc thay cái tằm lụa đào  
Áo rách chẳng vá, vá vào áo tôi

Trời kia có thấu chăng trời  
Lụa đào mà vá áo tôi sao đành !

Theo tục lệ thôn quê ngày xưa, hễ có đám cưới là phải có nạp cheo nội vài ba đồng bạc nếu là vợ chồng cùng làng, hoặc cheo ngoại, nạp tiền nhiều hơn, nếu là người ngoài lấy gái làng (có khi đấng trai phải nạp cheo ngoại bằng gạch Bát-tràng, vì « anh » đã lấy được « nàng » !...) Không nạp cheo hoặc nạp cheo trễ đều là bất đôn cả :

Có cưới mà chẳng có cheo  
Dẫu rằng có giết mười heo cũng thừa.

Làng xã sẽ mượn « ông trăng bà trời » mà cười chê rằng :

Ông trăng mà lấy bà trời  
Tháng năm đi cưới tháng mười nộp cheo  
Số lợn lớn hơn số mèo  
Làng ăn chẳng kết đem treo cột đình  
Ông xã đánh trống thình thình  
Quan viên mũ áo ra đình xem cheo.

Đề chế rieu anh chàng đa thê, con người bình dân vẫn không quên lấy ông trời làm bối cảnh :

Trên trời có vậy tề tề  
Một ông bảy vợ không chê vợ nào.  
Một vợ đi tát bờ ao  
Phải trận mưa rào đứng núp bụi tre...

Và ông trời còn phải thảo luận với ông trăng về hạnh phúc hay nỗi khổ nhọc của con người hạ giới :

Ông trăng mà bảo ông trời  
Những người hạ giới là người như tiên  
Ông trời mà bảo ông trăng  
Những người hạ giới mặt nhân như tiều.

Có những lúc vì quá bất mãn, người bình dân Việt-Nam dám ra oán trách ông trời :

Trời sao trời ở không cần  
Kẻ ăn không hết người mần không ra

Thật chẳng khác gì bảo rằng câu « thiên đạo chí công » là vô nghĩa. Hoặc giả, khi hết tin tưởng vào duyên số, nghĩa là đâm liều, người đàn bà dám bất chấp cả ông trời :

*Trăm năm trăm tuổi trăm chồng  
Thương ai cứ lấy, ông tơ hồng nào xe.*

Cũng có khi quá tin tưởng vào sức mình, người bình dân không cần ý lại vào ông trời nữa :

*Nắng mưa thì kệ ông trời  
Ta làm nên nước bời bời ruộng ta !*

Vào thời bình, ai có đi qua miền Trung hẳn đã có dịp nghe những câu hò mái nhì, hò nện vôi, trong đó tâm sự của người dân thôn dã thường gọi đến trời cao.

Khi ước ao được chóng thành đôi bạn, thì tay giữ mái chèo, tiếng hò vang dậy :

*Gai trong bụi ai vót mà nhọn  
Đạo vợ chồng ai chọn mà cân  
Trên trời đã định xây vờn  
Xây cho gấp gáp trong lần năm nay*

và nặng lời thề thốt :

*Còn trời còn đất còn tình  
Chừng nào nước sông Gianh hết chảy,  
hai đứa mình xa nhau..*

Khi buồn tủi có đơn, người con gái than thân trách phận, cũng lấy ông trời làm bối cảnh :

*Trông lên trời thấy đôi chim nhạn  
Ngắm lại thân mình chích bọ lẽ đời.  
Biết tìm mò trong bốn phương trời  
Đông, Tây, Nam, Bắc mà gọi lời nhớ thương.*

Người dân Việt bao phen đau niềm đau mắt nước, đã dựa vào ông trời — trời mưa trời gió — để thổ lộ tâm can. Những ai thường đi dò dục ở vùng Bình Trị Thiên thỉnh thoảng có thể nghe vọng lên trên sông dài, dưới ánh trăng khuya câu hò mái nhì sau đây, lưu truyền từ ngày kinh thành Huế bị quân Pháp chiếm :

*Mưa mò mưa trên trời mưa xuống  
Gió mó gió từ Bắc gió vô  
Kề từ ngày thất thủ kinh đô  
Tây giăng dây thép tọa đờ nước non.*

Gió có thể từ bốn phương thổi đến, còn mưa từ trên trời đổ xuống là lẽ tự nhiên. Thế nhưng người dân thấy cái họa vong quốc chẳng khác nào mối họa từ trên trời giáng xuống như một trận mưa thác lũ làm tối tăm mặt mày. Đành đổ lỗi cho ông trời vậy.

Cho đến những câu đố quanh đèn, những câu tục ngữ, văn chương bình dân vẫn thường lấy ông trời làm trung gian, phương tiện hay đối tượng.

Về sự ăn uống chẳng hạn, tục ngữ có những câu :

*Trời đánh tránh bữa ăn  
Mời lạy trời đừng ăn*

Đề giải trí, người ta thường đố nhau :

Một lòng vì nước vì nhà  
 Người mà không biết, trời đã biết cho  
 (Cái máng nước.— ngụ ý ái quốc)

Một cây mà nở trăm hoa  
 Trời mưa thì héo nắng già thì tươi  
 (Bầu trời có sao)

Đêm thì mẹ mẹ con con  
 Ngày thì chết hết chẳng còn một ai.  
 Còn một ông lão sống dai  
 Nhăn nhủ nhỏ nhỏ chẳng ai buồn nhìn.  
 (Bầu trời)

Cuối cùng, nếu chúng ta bước vào thế giới trẻ con, chúng ta sẽ hát với chúng những bài đồng dao thật là "cuội", thuần bằng tưởng tượng hướng về cõi không gian mông lung bất tận :

Thằng Cuội ngồi gốc cây đa  
 Đè trâu ăn lúa gọi cha ờ ời.  
 Cha còn cắt cỏ trên trời  
 Mẹ còn cưỡi ngựa đi chơi cầu vồng.

hoặc giả :

Rung räng rung rẻ  
 Dắt trẻ đi chơi  
 Đến cửa nhà trời  
 Lạy cậu lạy mợ

Cho cháu về quê  
 Cho dê đi học  
 Cho cóc ở nhà  
 Cho gà bới bếp.

Mỗi khi loài cóc nhái trời bản hòa tấu của chúng, lũ trẻ nhìn lên không trung thấy mây đen kéo dày và trời chuẩn bị để hạt mưa. Trẻ cho là cóc nhái kêu gọi, «hạ lệnh» cho «ông trời» trút nước xuống trần gian. Rồi chúng đâm ra nễ nang chàng cóc :

Con cóc là cậu ông trời  
 Hễ ai đánh nó thì trời đánh cho.

Khi còn bé bỏng, khờ dại vâng lời cha mẹ là phương châm của con cái, bởi vậy người lớn thường khuyên răn trẻ :

Mẹ cha là biển là trời  
 Nói sao nghe vậy, đâu dám cãi lời mẹ cha

để tránh khỏi vấp ngã trong lúc bước đi còn đang tập tễnh...

## tìm hiểu sơ qua saigon dưới mắt du khách

« HÒN NGỌC VIỄN ĐÔNG » tiếng nói quen thuộc mà ai cũng biết đó là Saigon, một thú-đô vui đẹp của nước tự-do Việt-Nam-Cộng-Hòa.

Thấy được Saigon ngày nay, ta lại hồi tưởng đến Saigon hồi xưa bắt đầu từ cuộc Nam-tiến vĩ-đại của dân tộc Việt-Nam đã trải qua bao nhiêu thế-kỷ để lãnh một sứ-mạng mà lịch-sử đã giao phó trách nhiệm dọc theo bờ biển Thái-Bình-Dương, nối liền ba con sông lớn nhất Á-Châu là sông Dương-tử, Hồng-hà và Cửu-long mới được đặt chân đầu tiên trên đất Đồng-Nai (Saigon) đồng ruộng phì nhiêu, hoa màu bát ngát này trên 300 năm vào năm 1658.

*Theo lịch sử cận-đại.*— Miền Nam Việt-Nam xưa kia là nước Chân-Lạp có nhiều đất ruộng phì nhiêu bỏ hoang với những sông ngòi rành rọt, còn nước ta thì hẹp và ruộng nương thường hay bị mất mùa vì nạn thiếu nước, và lại gặp lúc trong nước loạn lạc vì chiến tranh huynh đệ tương tàn (Trịnh Nguyễn phân tranh) nên dân chúng ngoài Bắc khổ cực mới bỏ nhà cửa, làng mạc ra đi vào Nam để tìm đất sống yên ổn khai khẩn làm ăn như ở vào miền Mỏ-Xoài (Bà-Rịa), Đồng-Nai (Biên-Hòa).

Năm 1658, Vua Chân-Lạp mất, chú cháu giành nhau ngôi báu, trong nước xáo trộn giặc-giã nổi lên tứ tung, biên thùy của nước ta bị ảnh hưởng quá nhiều lây, Chúa Nguyễn Hiền-Vương mới cử một đạo binh vào đánh Mỏ-Xoài bắt được vua Chân-Lạp là Nặc-Ông-Chân giải về Quảng-Binh và giữ lại một thời gian sau mới trả lại tự do cho về nước nhưng bắt buộc phải triều cống hàng năm và dân Việt được vào làm ăn trên đất nước họ.

Năm 1674, nước Chân-Lạp lại tái diễn lại chú cháu tranh nhau ngôi báu, Nặc-Ông-Đài đánh Nặc-Ông-Nôn và đi cầu viện Xiêm-La ; Ông-Nôn thua phải chạy sang cầu cứu nước ta ở dinh Thái-Khang (Khánh-Hòa). Nhân cơ hội tốt, Chúa mới sai Cai cơ đạo Nha-Trang là Nguyễn-dương-Lâm cùng Nguyễn-đình-Phái đem binh vào đánh Nặc-Ông-Đài, phá đồn Sài-Côn rồi tiến quân vây thành Nam-Vang. Sau đó Chúa cho lập người con trưởng của Nặc-Ông-Chân là Nặc-Ông-Thu làm chánh quốc vương đóng đô ở Gò-Bích (Lô-Vek) còn Nặc-Ông-Nôn là con thứ thì phong làm đệ nhị quốc vương đóng đô ở Sài-Côn và cũng đều phải triều cống hàng năm.

Năm 1679 có hai tướng Tàu nhà Minh là Dương-Ngạn-Địch và Trần-An-Binh, vì không chịu làm tôi nhà Thanh mới đem 3000 quân, 50 chiến thuyền đến Đà-Nẵng yêu cầu Chúa Nguyễn cho được cư-trú ở Việt-Nam. Nhưng Chúa viết quốc-thư cử họ vào Nam xin vua Chân-Lạp cho phép được làm ăn, khai khẩn tại xứ Đồng-Nai và Mỹ-Tho và phân chia cho mỗi tướng mỗi nơi cư-trú. Nhưng được ít lâu, sau vì mỗi riêng tư bọn này nổi loạn tranh giành quyền lợi, tướng tá giết hại lẫn nhau. Chúa lại một phen cử binh vào dẹp yên, lập lại trật-tự.

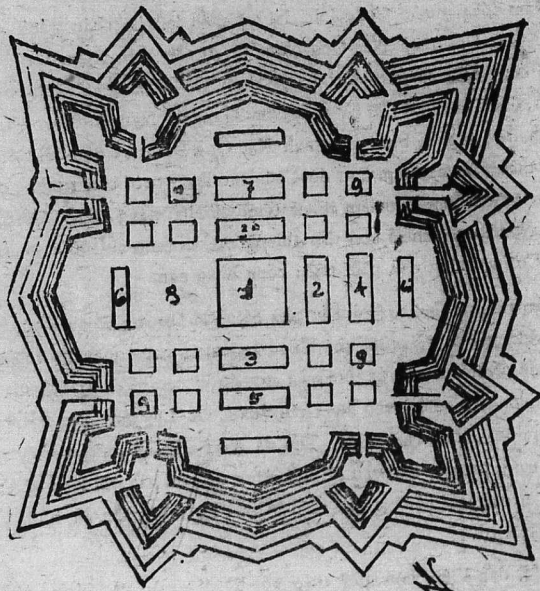
Do đó, dân Việt-Nam mới theo gót bộ đội tràn vào Nam, càng ngày càng nhiều để làm ăn sinh sống.

Đến năm 1690, vua Chân-Lạp mất không có người kế vị, như vậy đương chiến đất này thuộc dưới quyền cai-trị của chúa Nguyễn.

Năm 1698 xứ này được tổ-chức lại thành doanh Trấn-Biên (tức là Biên-Hòa) và phủ Gia-Định (tức là Sai-Gòn).

Người Việt lần hồi tràn xuống đến sông Cửu-Long rồi sát nhập Hà-Tiên của Mạc-Cửu (1708).

Năm 1773, Tây-sơn nổi binh vào đánh thành Gia-Định, bọn Huệ-kiều ở Đồng-Nai sợ nạn chính chiến mới bồng bế kéo nhau chạy về hướng Tây-Nam tự-nạn và lập thành phố Đê-Ngạn (1778) tức là Chợ-Lớn ngày nay.



## CỐ-THÀNH SAIGON (Quy-Thành)

(Tài liệu ấn phẩm của Tập san Hội Cổ học ấn hoa 1935)  
B.S.E.I. Octobre — Décembre, année 1935.

## CHÚ-THÍCH

- |                                       |                         |
|---------------------------------------|-------------------------|
| 1 — Cung điện của Vua                 | 2 — Cung điện Hoàng Hậu |
| 3 — Cung điện Thái-Tử. 3b — Công Chúa | 5 — Kho quân cụ         |
| 4 — Bệnh viện                         | 7 — Kho lương thực      |
| 6 — Kho đạn dược                      | 9 — Hầm trú ẩn          |
| 8 — Sân dụng binh                     |                         |

Năm 1788, Chúa Nguyễn lấy lại được thành Gia-Định rồi huy động 30.000 dân quân xây thành đắp lũy suốt hai năm trường mới hoàn tất. Từ năm 1808 trở đi, Saigon vẫn là thủ phủ của trấn Gia-Định và là tỉnh lỵ của tỉnh Phan-An trấn.

Sau vụ án Lê-Văn-Duyệt dưới thời vua Minh-Mạng, con nuôi là Lê-Văn-Khôi nổi dậy làm loạn chiếm thành Phan An vào đầu năm 1833 mất hơn một năm trời, nhưng sau bị quân của Triều đình Huế đánh và bao vây phong tỏa cho hết lương thực nên thành mới chiếm lại được, từ đó công cuộc trị an ngày càng lan rộng dân sự mới được yên vui ấm no.

— Nhưng đến năm 1859, quân Pháp kéo sang nước ta chiếm mất Nam Bộ và ở lại cai trị gần một thế-kỷ, mãi đến ngày 6-6-1949 Quốc-Hội Pháp mới đầu phiếu giao trả lại Nam-Bộ cho nước ta.

Dân Việt-Nam đến nơi này làm ăn sinh-cơ lập-nghiệp mới lập ra phố phường, nơi ở phía cao chỗ dành cho nhà thờ, nhà thương Đồn-Đất là Đồn-Nai, Phan-An, Gia-Định; còn ở phía thấp dành thành phố thương mại và có ghe thuyền là Bến-Nghé, Bến-Thành.

(Bến-Nghé, người Cao-Miền gọi là Kompong-Krabey: Kompong là bến, Krabey là trấn và Bến-Nghé (Arroyo chinois) có một con rạch chảy vào sông Saigon.

Bến-Thành là nơi nằm ở địa-điểm Chợ Cũ bây giờ, vì trước kia có lạch chảy đến hào Phan-An, sau mới lấp đi. để lập thành đại-lộ Nguyễn-Huệ ngày nay.

— Xét đến Saigon có một danh từ nhiều nguồn gốc khác nhau như:

— Vào thế-kỷ XVIII, các giáo-sĩ Tây-phương đến Việt-Nam gọi là Sài-Côn (Củi gòn) chỉ được thông dụng theo các thư từ của họ thôi.

— Người Cao-Miền gọi Saigon là Préikor có nghĩa là Rừng Gòn (Préi: rừng — kor: gòn).

— Saigon còn do hai chữ Đê-Ngạn (bờ đê) người Trung-Hoa (Quảng-Đông) đọc là Taigon (thầy gòn) và cũng là một danh từ dùng để phiên âm hai chữ Saigon khi họ rời Biên-Hòa đến Chợ-Lớn năm 1778.

Như vậy Bến-Nghé là Saigon nguyên thủy và Đê-Ngạn là Chợ-Lớn ngày nay.

Người Trung-Hoa còn gọi Saigon là Tây-Cống nghĩa là cống hiến cho Tây phương, có ý ám-chỉ nước ta đã có lần hiến xứ này cho Tây phương chăng?

Lại còn có những địa-danh Saigon đặt tên với những danh từ thiết-thực ngộ nghĩnh và có tính cách lịch-sử như :

— *Thị-Nghê* tên của bà Nguyễn-thị-Canh, con của ông Văn-Trường-Hậu và là vợ của ông Nghê làm việc trong dinh Tổng trấn, bà thấy chồng làm việc vất-và đi làm phải qua đò sang sông nên mới xuất tiền ra làm cầu gỗ, trước là cho chống đờ khở, sau là cho dân chúng nhờ đi lại buôn bán dễ dàng, nên sau dân mới gọi là cầu Bà Nghê để nhớ ơn công đức của bà.

— Về Gia-Định có cầu *Bông* tức là cầu bắc qua một xóm có trồng nhiều bông hoa ; Cầu *Kiểu* là cầu đi về Phú-Nhuận, gọi là cầu Xóm kiệu vì nơi đây trước là một xóm trồng nhiều hành, kiệu.

— Cầu *Ông-Lãnh* là cầu kỷ-niệm do một vị lãnh binh mà đức Tả Quân Lê-Văn-Duyệt làm ra để qua lại hành binh dễ dàng trên con sông Bến-Nghé.

— Vườn *Bờ-Rê* là do chữ « Jardin des Beaux jeux » vườn chơi giải trí tao nhã tức là vườn Ông Thượng Duyệt.

— *Dakao* do chữ Đất Hộ ; *Nhà Bè* do chữ Ngã Ba vùn vùn... Còn tên các chợ như : chợ Bà Đầm, chợ Bà Chiêu, chợ Bà Hom, Bà Quẹo, chợ Bà Rịa là do (theo lời di-truyền lại) ông Lãnh Binh nói trên có năm bà vợ sợ xích mích lẫn nhau nên ông áp dụng phương pháp kinh-tế tự-túc dàn xếp cho mỗi bà một chợ để tự khai thác lấy lợi tức mà chi tiêu.

— *Địa thế Saigon xưa*.— Nguyên năm 1789, Nguyễn-Ánh thấu được Saigon bền ra lệnh xây đắp thành trì cho thêm kiên-cố trong năm Canh tuất

(1790) nhưng đến năm Minh-Mạng thứ 16 (1835) vì có sự bất mãn nên vua cho hạ thành (sử sách gọi Phế-thành). Thành xây theo kiểu Vauban do Ông Tin (Olivier de Puymanuel) cố-vấn giúp việc đắc lực của vua Gia-Long giúp sức xây thành có tám góc ám theo hình bát-quái, gọi là *Quy-Thành* ; sau vua đổi tên là *Phiên-An* thành (Phan-Yên) (1832).

— Năm 1833, Lê-Văn-Khôi làm phản chiếm mất thành giữ được ba năm, đến năm 1835 Minh-Mạng thứ 16 lại kéo binh đến đánh và hạ thành. Qua năm thứ 17 (1836) vua Minh-Mạng lại ra lệnh xây thành khác ở về hướng đông-bắc Quy-Thành, đến năm 1859 lại bị Pháp mang quân sang đánh chiếm lấy và gọi thành này là Thành Saigon (Citadelle de Saigon) sau họ vì đa nghi quân ta nên phá luôn Thành này thành binh địa. Sau đó họ lấy lại nguyên liệu của thành mà xây lại trại binh cho lính họ ở và gọi tên khác là Thành 11 R.I.C. (Caserne du Onzième Régiment de l' Infanterie Coloniale) tức là Trại Bộ Binh Thuộc-Địa đội thứ 11) Trại này nằm trên đường Thống-Nhứt, gần hãng Shell bây giờ. Xét ra địa-thế Saigon ngày xưa phải cần có một vị-tri tốt và xây Thành-tri cho kiên cố vì chiến tranh trước dùng chiến cụ lẻ lối xưa. Ngày nay, chiến lược đã đến thời kỳ nguyên-tử, và lại nhờ được có những đường lộ tứ giăng, thêm có phi-cảng rộng lớn nên Thành tri thành ra lạc hậu không dùng được, Saigon ngày nay có một bộ mặt mới mẻ trong sự bành trướng trên đường giao thông, phát triển kinh tế, tăng gia sản-xuất và khuếch trương kỹ-nghệ ; sự phồn-thịnh của Sài-Gòn càng gia tăng mãi mãi.

— Về phương diện cổ-tích, Saigon có thể cống hiến cho khách du-lịch thường ngoạn nghiên cứu lịch-sử cổ-tích Việt-Nam như :

1) Đền thờ và lăng *Đức Tả-Quân Lê-Văn-Duyệt* ở Gia-Định, một nơi cổ-tích lịch-sử trang nghiêm được nhiều dân chúng đến chiêm bái hương khói suốt ngày tưởng niệm ghi nhớ công đức Ngài đã làm nhiều việc ích quốc, lợi dân và ổn-định mở mang ở miền Nam này suốt trong mấy chục năm trời, trong đền thờ còn ghi lại mộ của đức Tả-Quân (1764-1822) và mộ của Phu-nhân.

2) *Lăng Cha Cả* (Évêque d'Adran) ở Gia-Định, gần phi trường Tân-Sơn-Nhứt, nơi kỷ-niệm có bia mộ với một kiến-trúc cổ truyền của một vị Giám Mục người Pháp là Pigneau de Behaine (Évêque d'Adran) người đã làm cổ-vấn và công-tác giúp vua Gia-Long rất đắc lực trong lúc đất nước đang rối ren để lấy lại sự ổn định cho ngôi báu của vua. Trước đây cổ-tích này còn là tài-sản của Chính-Phủ Pháp trông coi, đến năm 1949 do Hiệp-Định Pháp-Việt ký kết thì nơi cổ-tích này được trao lại về Chính-Phủ Việt-Nam đảm nhiệm để liệt-hạng vào danh-sách cổ-tích VN.

3) *Thảo-Cầm-Viên* (sở thú) do nhà thực vật là Pierre người Pháp thiết lập từ năm 1864, nơi vãng lai các du-khách đến nghỉ ngơi thưởng lãm các hoa thơm, cỏ lạ và các thú vật kỳ lạ của trong nước và các nước bạn gởi tặng. Trong khu vực này còn có xây cất Viện Bảo-Tàng và một Đài Kỷ-Niệm ghi công của các Anh-Hùng hào kiệt đã có công với TĐ-Quốc.

4) *Viện Bảo-Tàng Quốc-Gia*, Cổ-thư có ghi chép rằng : Vua Lý-Thái-Tổ (1010-1028) có phái qua Trung-Quốc quan Nguyễn-đạo-Thành và Phạm-Hạc chép lại những bộ kinh Tam-Tạng mang về nước và được cất giữ trong kho Đại-Hùng, tức là kho chứa Bảo Vật cũng như Viện bảo tàng duy nhất củ Quốc-Gia Việt-Nam. Kho bảo vật này trải qua mấy Triều vua mà vẫn không thay đổi gì cả. Đến thời Pháp thuộc, Viện Bảo-Tàng Saigon mang tên là «Musée Blanchard de la Brosse». Xây cất vào năm 1927 với một kiến trúc huy hoàng để trưng bày những Cổ vật thuộc bộ sưu tầm HOLBÉ do hội nghiên-cứu Đông-Dương tặng Chánh-Phủ Nam-Kỳ, và được đặt dưới quyền kiểm soát của trường Viễn-Đông Bác-Cổ, nhiều năm sau Viện cũng lần lần mua được khá cổ-vật hoặc được các nước bạn gửi tặng, phân chia với các Viện Bảo-Tàng khác trong nước như Hàn-ội, Tourane và Phom-Penh.

Năm 1951, Viện Bảo-Tàng Blanchard de la Brosse được trao lại Chính-Phủ Việt-Nam bằng văn thư số 1191-F/G/L ngày 19-9-1951 của vị Giám Đốc trường Viễn-Đông Bác-Cổ gửi cho Tổng Trưởng Giáo-Dục. Hiện nay Viện Bảo-Tàng được đặt dưới quyền chỉ huy của Viện Khảo-Cổ và dưới sự giám sát chuyên môn của vị Quán-thủ Việt-Nam.

Ở giáp ranh địa Saigon còn có nhiều cổ-tích khác đáng kể có trên một hoặc hai thế-kỷ với những kiến-trúc cổ truyền miền Nam có nhưng nét điêu-khắc chạm trở tinh vi hoặc có những nơi thắng-cảnh ngoạn-mục như :

a) — *Phụng-Sơn Tự* (tục danh Chùa Gò) tại đường Trần-quốc-Toản, Saigon là một ngôi chùa xây dựng trên gò cao có hào nước bao chung quanh, nơi này xưa là di-tích nền một ngôi chùa do người Chân-Lạp đào hào xung quanh đắp thành đôi đê xây chùa thờ phụng, sau vì cuộc Nam tiến của dân ta nên họ bỏ chạy, để lại chùa đổ nát. Một đại-hồng-chung đồng chôn dấu ở hào nước các tượng Phật, nên có tên gọi là « Bàu chuông ». Vì thấy cảnh đẹp, vị Thủ tọa Đinh-văn-Chấn, người gốc Gia-Định đến dựng lại chùa (1902) và ở lại tu-hành, trong chùa còn một tượng Phật bằng đồng đào được ở dưới hào và có trồng được bốn cây lão mai trắng mang từ Cao-Miên sang.

b) *Chùa Giác Viên* tại Bình-Thới Phú-Thọ (tục danh là chùa Hổ-Sắt) tức là TĐ-Đình, có từ trước năm Gia-Long thứ 2 (1803) do vị Cao tăng Hải-Tịnh chuyên chở nguyên liệu lại xây cất trong năm tân-mão (1831) với những cây cột gỗ to lớn đều đặn hiếm có ; kiến-thúc kiểu cổ-truyền tráng-lệ oai-nghiêm trên một khu đất rộng rãi cây cối âm-u có con lạch nước chảy bên chùa. Khi đã xây xong chùa, vị cao-tăng truyền lại cho đệ tử là Thượng-tọa Hoàng Ngải Trần-văn-Phong, người ở Bà-Điêm thụ-trì ở sân-sóc chùa. Trước đó Hòa-thượng Hải-Tịnh tu ở chùa *Giác-Lâm* tại Phú-Thọ-Hòa là TĐ-Đình (tức Cầm-Sơn tự) sáng lập ra chùa tự năm Giáp-tý (1744) ngôi chùa xưa nhứt trong vùng. Sau khi đã tu bỏ chùa như sở nguyện, ngài cũng lại giao cho đồ đệ là Yết-ma Phạm-văn-Tiền, người Bình-Thới (Gia-Định) trông coi chùa.

c) Về phương diện kiến-trúc cổ-truyền miền Nam tại các đình làng miếu thờ thần, thánh đều có một kiểu xây cất tương tự như nhau trước tiên là sân rộng có cột cờ giữa sân, rồi xây nhà hát (Võ-Ca) tức là lập cái sân khấu để đón những ban hát bội về hát giúp vui trong lúc tế lễ vào những ngày đầu xuân, sắc vọng. Như ở Phú-Nhuận (Gia-Định) có đền thờ và lộng mộ ông

*Trương-Tấn-Bừu* (tức Long-Vân-Hầu Thủy-quân Đô-Độc (1827) một vị công-tuần thời Gia-Long.

— Đền thờ và lăng mộ Đức Hộì-Quốc-Công Võ-Tánh (Tân-dậu 1801) Ông là một tướng tài lừng danh dưới triều Gia-Long, ông đã hi-sinh cao cả vì Tổ-Quốc, tự thiêu mình để cứu nguy cho trăm họ khi thành sắp thất thủ vì thế giặc mạnh quá. Hiện nay mộ của Ngài và đền thờ ở trong trại binh đường Võ-Tánh Phú-Nhuận.

— Đền thờ và mộ ông Võ-Di-Nguy (1745-1801) tại đường Võ-Di-Nguy (Phú-Nhuận) lập từ năm 1860 do Hội Phú-Trung Trương-Tể trông nom. Ông là một công thần Thủy-Quân Đô-Độc thời Gia-Long lập được nhiều chiến công và được phong « Binh-Giang quận-công ».

Cờ-tích Trung-Hoa lưu truyền tại Việt-Nam.

— Từ xưa tới nay, người Việt, người Tàu đồng văn-hóa, đồng tín ngưỡng cho nên khi di-cư đến đâu, xứ nào yên lành đều thường tự nhau lại lập chùa, lập miếu thờ phụng cho sở nguyện lòng tin-ngưỡng. Chùa miếu Trung-Hoa hiện nay ở Saigon được xây dựng sau cuộc Nam tiến chứ chưa có cái nào dựng trước năm 1698.

a) — *Chùa Minh-Hương Gia-Thạnh*, lập năm kỷ-dậu (1789) do Di-thần Minh Mạt và con cháu Minh-Hương được thiết lập trong Chợ-Lớn, kiến-trúc xưa có những bức chạm trổ tinh vi do vật liệu chở từ bên Tàu sang, nơi này được đông đúc dân trong vùng đến lễ bái, khói hương không ngớt và cũng do người thủ-từ lịch thiệp khéo tu bổ chùa trang nghiêm hấp dẫn.

b) — *Miếu Thất Phủ Quan Võ* tại đường Triệu-Quang-Phục (Chợ-Lớn) tạo lập từ ngày người Minh (Trung-Hoa) dựng nên phố Đề-Ngạn, qua năm Canh-thìn (1820) được xây cất lại mới. Miếu này là một di-tích lịch-sử quan trọng không nhỏ đối với Saigon, cũng là một cờ-tích duy nhất để chỉ điểm trung tâm của thành-phố Saigon xưa của người Trung-Hoa mới đầu tiên cư ngụ tại đây. Miếu này là của phái nho-học, tiêu-biểu cho lòng trung cang ái quốc

của họ, trong miếu có cốt tượng thờ Quan-Công, thái-tử Quán-Bình và Châu-Thương cùng con ngựa xích thố rất đẹp. Gần miếu Quan-Đế có chùa Tam-Hội miếu thờ bà Chúa Thai-Sanh, lập từ năm 1839 gọi tắt là « Phò Miếu ». Nơi đây những đàn bà hiếm con thường đến cầu nguyện cúng kiến để sở nguyện trong bề từ tức đều được linh ứng.

— *Chùa Bà Thiên-Hậu Thánh-Mẫu* tại đường Nguyễn-Trãi (Chợ-Lớn).

Chùa có tiếng là xưa, già và cũng được chú trọng duy trì bảo tồn nhưt vùng-Kiến-trúc nguyên thủy từ Trung-Hoa, được trang trí trên nóc mái gần những mảnh sành, mảnh sứ rất khéo công phu tỉ mỉ tả những sự-tích phong tục xưa của người Tàu : « đá võ đài, Trạng-nguyên vinh quy, Công Chúa tuyên Phò Mã v.v... » Ở mé sông chợ Cầu Ông Lãnh cũng có chùa Bà Thiên-Hậu nhưng của nhóm người Trung-Hoa Phước-Kiến (người Tàu ưa phân chia ra từng nhóm, từng bang có chùa, miếu riêng để đi lại chiêm ngưỡng). Chùa này cũng được xây cất toàn bằng vật liệu mang từ bên Tàu qua, từ viên gạch hòn ngói đến những đồ gốm gắn trên nóc mái và cách thức phong tô vẫn giữ y-nguyên thể thức người Tàu.

— *Chùa Quỳnh-Phủ Hội Quán* tại đường Đồng-Khánh (Chợ-Lớn) của nhóm người Trung-hoa Hải-Nam, chùa cũng được gìn giữ cẩn thận, trang nghiêm cổ kính, trong chùa còn giữ được một quả Đại-Chung đồng đề là « Quang-Tự ất-hợi (1875) ».

— *Chùa Hà-Chương Hội Quán* tại đường Nguyễn-Trãi (Chợ-Lớn) của nhóm người Trung-Hoa Phước-Kiến, chùa rất tráng lệ huy-hoàng, cửa chùa có ghi « đời Đồng-Trị năm Mậu-thìn (1868), Trạng-Nguyên Lâm-Hồng-Niên người Phước-Châu có cúng hai cầu liên khắc trên đá :

« Hà Thái ánh Nam thiên, vận triều tu hòa chí khánh, »

« Chương lưu thông trạch địa, linh khai phù hữu chí trường ».

trong chùa có đại Hồng Chung đồng đề « Đồng-Trị, Mậu-thìn niên (1868) và có bốn cột đá lớn nguyên khối chạm trổ rồng vân cột, vảy vôi, nanh móng, râu tóc chạm nổi rất thâm-mỹ.



— Ôn Lăng Hội quán tại đường Lão-Tử (Chợ-Lớn) của nhóm Trung-Hoa Phước-Kiến, thờ Bà Thiên-Hậu. Chùa có một đại-hồng-chung đồng tiền có khắc chữ « Đạo-Quan át-dậu niên (1825).

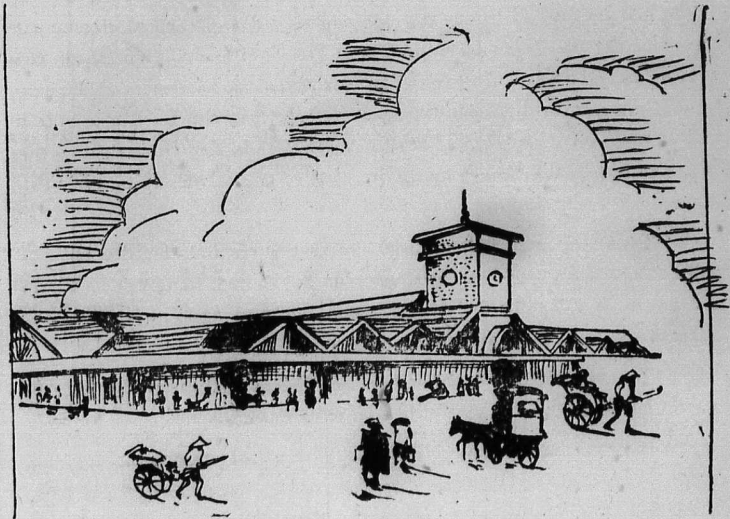
Vị thủ-trì chùa này cho biết « Ôn-Lăng là một danh địa phủ Tuyên-Châu Trung-hoa ; kiến-trúc chùa thường phải dùng màu đỏ hết, tức là để tưởng niệm Ông Châu-Ngươn-Chương thủy-tổ nhà Minh. Trên ngạch cửa có chạm hai con mắt lồi ra (tượng trưng Nhật Nguyệt-tức là chữ Minh ghép lại). Ngoài cửa chùa có hai câu liên chạm vào đá, do Trạng-Nguyên cặp-đệ Ngô Lỗ cúng năm Tân-sửu (1901) đời Quang-Tự. Hai câu liên là :

« Ôn nhu trước chí nhưn, chánh đạo dung dần nguyên Không-Dịch  
« Lăng nhạc đồng trang trọng, mâu nghi hình ngã cánh vô phương.

— Chùa Ngọc-Hoàng tại đường Phạm-đăng-Hưng Đakao (Đất Hộ) Saigon. Ngoài cửa có khắc chữ « Ngọc-Hoàng Điện » tạo lập năm 1905. Qua cổng có sân rộng trồng cây lớn, kiến-trúc cổ truyền kiểu Tàu, trên mái nóc chạm trổ bắt bông, bắt chỉ bằng đồ gốm rất tinh xảo nguyên thủy mang từ bên Tàu sang xây cất — trước đây do một người Tàu tên là Lưu-Minh xuất gia sang đây tu để giữ đạo « Minh Sư » đã sáng lập. Chùa thờ Đức Ngọc-Hoàng, Phật Thích Ca và Quan-Đế, trong chùa có vẽ âm-u huyền bí, cảnh tối cảnh sáng vì theo thâm ý nhà kiến-trúc Tàu tinh thông đã áp dụng khoa tâm-lý học hạn chế ánh sáng để nhằm vào sự tin-ngưỡng mê tín của những thiện-nam tín-nữ nhẹ dạ đến chiêm bái.

Ngoài ra ở địa phận Saigon, vẫn đề tôn-giáo còn rải rác khắp nơi. Nhiều đạo giáo khác có những kiểu kiến-trúc riêng biệt của mỗi ngành như : Thiên-Chúa giáo, Không giáo, Lão giáo, Tin-Lành, Cao-Đài, Hòa-Hảo, vân vân...

Nói về Tôn-giáo thì đạo Thiên-Chúa được sang truyền giáo trước tiên trên đất nước ta có một tầm quan-trọng không nhỏ trong lịch-sử Việt-Nam ta. Đạo giáo này cũng trải qua bao phen thăng trầm dưới triều Nguyễn, sau vì sự nhấn nạt kiên tâm lăm của các giáo-sĩ nên mới đứng vững được trên đất



Ấn-họa quang cảnh chợ Bến-Thành đầu thế-kỷ XIX  
(tài liệu trong Tập san Hội Cổ Học ấn họa 1935)

này để truyền giáo. Sau khi quân Pháp đánh chiếm được Saigon, Đô-Đốc Bonnard ra lệnh cho dựng một Thánh đường bằng gỗ trên một thửa đất tại trụ sở Tòa án Tập tưng đường Nguyễn-Huệ ngày nay, nhưng được mười năm sau cây cột bị mối một đục nát hết nên phải hạ đi. Đến năm 1877 Thánh đường thiên về nơi phòng Khánh-tiết của dinh cũ Phó Soái Nam-Kỳ (hiện nay nơi này là công trường Kennedy, đường Nguyễn-Du, gần trường Taberd) do ông Bourard từ Paris qua đây giữ nhiệm-vụ đôn đốc công việc tạo tác kiến trúc này (tài-liệu do bộ Đông-Dương Tân Thời « L'Indochine-Moderne » của hai tác giả Pháp là Testeron và Percheron viết vào năm 1931) và đến ngày 7 tháng 12 năm 1959, Thánh đường được long trọng làm Lễ ban phép lành đặt làm « Vương-Cung Thánh-Đường ». Vậy Saigon lại được hãnh diện có một Vương-Cung Thánh-Đường uy-nghi tráng-lệ và là một vinh-quang của Viễn-Đông.

Do những chứng minh lịch-sử xưa ghi trên các dinh-thự, đền đài, chùa miếu cổ kính dựng trong những khung cảnh huy hoàng, trang nghiêm đã tạo nên một sự hấp dẫn cho các du khách trong nước và ngoài nước đến viếng thăm thủ-đô tráng lệ của nước ta.

Trên phương diện canh tân, kiến tạo, Thủ-đô Saigon còn đóng một vai trò tối quan-trọng về mặt chính-trị, kinh-tế và văn-hóa.

Về mặt chính-trị, Saigon là bộ óc chỉ đạo trong toàn quốc với dinh Tổng-Thống, Quốc-Hội Tối-Cao Pháp-Viện, các Bộ, Nha, Sở và Tổng Tham Mưu Thủy, Lục, Không quân; ngoại giao đoàn gồm cơ Đại-diện 15 cường quốc và Tòa Thánh Vatican.

Kể từ đầu thế-kỷ XX đến nay, Saigon đã được mở mang vượt bậc một cách kỳ lạ; riêng về dân số năm 1884 Saigon chỉ có độ 14.000 người (kể cả Hoa-kiều và người Âu) năm 1923 dân số đã lên ngót triệu người; năm 1951 tăng lên gần hai triệu người (gồm tất cả người Việt, Miên, Lào, Trung-Hoa và các ngoại kiều khác. Sau Hiệp-Định Genève (21-7-1954) trong cuộc di-cự tránh nạn Cộng-Sản miền Bắc-Việt vào Nam, Saigon tự nhiên tăng thêm

gần triệu đồng-bào nữa và đến ngày nay có tới trên 15 triệu người. Như vậy sự đông đúc người ở trên toàn cõi Saigon—Chợ-Lớn có thể đứng vào hàng các thủ-đô náo-nhiệt như ở Á-Châu sau Đông-Kinh, Thượng-Hải, Bắc-Kinh và Calcutta.

Vì sự đông đảo như vậy, Saigon hiện nay chia ra làm 11 quận, đặt dưới quyền của một vị Đô-Trưởng có tới 10.000 người giúp việc trong đó có cảnh-binh, lính chữa hòa, các thư-ký phụ trách về việc hộ, thuế vụ, kinh-tài và vệ-sinh v.v...

Về mặt văn-hóa, Saigon mở mang thêm các trường học từ các lớp tiểu-học trở lên đến cao-học và các trường chuyên môn đào tạo. Để giữ gìn sức khỏe cho dân sự, Saigon còn dựng thêm nhiều bệnh-viện lớn và nhà hộ-sinh công, chưa kể đến vô số các bệnh-viện tư.

Theo nhân số dân-cư của Thủ-Đô Saigon, trong việc cung cấp vật thực, Chính-Phủ đã phải thiết lập tới 30 cái chợ lớn, nhờ mới có thể tạm thỏa mãn cho dân chúng.

Sự bành trướng mau chóng như vậy, Saigon ngày nay thật là náo nhiệt. Không những thế Saigon lại mở mang thêm trên vấn-đề giao-thông hàng ngày khắp lãnh thổ cho dễ dàng trong sự giao dịch, di chuyển như :

— Thương-cảng Saigon ngày nay có đóng nhiều tàu thủy của Hải-Quân và của các tư gia trong việc thương-mại xuất, nhập cảng. Những thủy chiến, mẩu hạm, tuần giang do Quân đội hải-quân Việt-Nam điều khiển tuần hành bảo vệ ranh giới cho xứ sở. Ngoài ra còn các ngư thuyền của ngư phủ đánh cá ngoài biển khơi sông ngòi để làm phong phú cho ngành ngư nghiệp.

— Đường Hàng-không cũng không kém mở mang, tại phi-trường Tân-Sơn-Nhứt tiếp tới 10.000 phi cơ đủ loại của quốc-nội và quốc-ngoại trực tiếp trong nền bang giao với nhau. Hiện nay Việt-Nam được nhập cảng các dụng-cụ hàng không cần thiết của nước bạn để tự chế biến ra phi cơ lấy cho ngành hàng-không của nước ta thêm bành trướng mạnh hơn nữa.

— Về đường bộ trước kia thì đường lưu thông thật khó khăn, đường đất, đá gồ ghề đi lại thật khó mất nhiều thời gian mới qua được nơi này sang nơi khác ; hiện nay nói về đường bộ ở nước ta thì đáng kể nhất, đường xá được mở mang chằng chịt, đường bằng phẳng trải đá dờ nhựa dễ đi. Sự giao-dịch về thương-mại lưu-thông trên đường bộ được nhanh chóng ; bởi vậy sự phát triển xe-cộ nhiều đủ thứ (xe hơi, xe gắn máy, xe ca, xe lôi v.v... đáng kể được chạy khắp trên đường lộ như mắc cửi, do đó thủ-đô Saigon mỗi ngày càng phồn thịnh, sung túc không tả được.

Ngoài việc trùng-tu và kiến-thiết, Saigon còn là một nơi xa-hoa, phong nhã làm tăng bộ mặt mới mẻ tươi sáng của Thủ-đô như có những chỗ công viên đẹp để tao nhã, nơi giải trí lành mạnh, có chỗ đi nghỉ ngơi ngoạn mục và những quán ăn lịch-sự dành cho các thực khách thường thức miếng ngon, vật lạ lúc nào cũng sẵn sàng tiếp đón.

Tóm lại, Saigon ngày nay nhờ sắc diện khả ái luôn luôn đổi mới nên có một sự hấp dẫn lạ lùng đối với du khách mới tới và còn làm cho du-khách phải luyến tiếc khi bước chân ra đi. Saigon tuy nhộn-nhip ò-ạt nhưng có tổ-chức hẳn hoi, nên mới có một sự phát-triển mạnh quá sức tưởng có thể nói là xếp hạng trên thế-giới ngày nay.

Viết tại Saigon, ngày 3-4-1973

## chúa Nguyễn-hoàng và sứ-giả của họ Trịnh

LỜI NÓI ĐẦU.— Bấy lâu chúng ta sống dưới chế-độ nhà Nguyễn, thường đọc quyển sử Khâm-định Việt-sử Thông-giám Cương-mục do nhóm Phan-Thanh-Giản, bề tôi của nhà Nguyễn biên, chớ ít khi đọc quyển sử Đại-Việt Sử-ký Bản-ký Tục-biên do nhóm Phạm-Công-Trứ, bề tôi của Chúa Trịnh soạn.

Hai bộ sử này rất khác nhau về nội-dung, vì nhóm Phạm-Công-Trứ bình vực Chúa Trịnh thì trước bỏ những gì không hay cho Chúa Trịnh, còn nhóm Phan-Thanh-Giản bình vực nhà Nguyễn thì lược bỏ những gì bất lợi cho nhà Nguyễn.

Cho nên câu chuyện mà chúng tôi xin kể ra sau đây là việc không đẹp cho Chúa Nguyễn-Hoàng, chỉ thấy chép ở sách Đại-Việt Sử-ký Tục-biên, quyển thứ 18 mà thôi, cho nên ít người được biết.

oOo

Năm Quý-tý (1593) Chúa Trịnh-Tùng đã lấy lại được thành Thăng-Long, bắt được Mạc-Mậu-Hợp, nhưng bè-đàng của nhà Mạc còn nhiều, quan quân phải đi đánh dẹp mãi nhiều nơi.

Thái-úy Đoan Quốc-công Nguyễn-Hoàng ở Thuận-Quảng đem quân binh và súng ống ra Đông-đô, ở đấy hàng 8 năm, giúp Trịnh-Tùng đánh giặc Mạc, lập được nhiều công to. Nhưng Trịnh-Tùng vẫn có ý ghen ghét Đoan Quốc-công, không muốn cho Ngài trở về Thuận-Quảng như thả hổ về rừng, mà Ngài cũng chưa có cơ hội gì trở về được.

Nhưng Ngài đã tạo được cơ hội ấy để sỏ lồng thoát khỏi sự kiềm chế của Trịnh-Tùng.

Thấy Trịnh-Tùng quá kiêu căng ngạo mạn, Thái-úy Đoan Quốc-công Nguyễn-Hoàng bèn âm thầm khiến nhóm Kế quận-công Phan-Ngan, Tráng quận-công Ngô-Đình-Nga, Mỹ quận-công Bùi-văn-Khue mưu làm phản ở cửa biển Đại-an chống lại họ Trịnh.

Bình-an vương Trịnh-Tùng và các bề tôi vừa bàn nghị mưu kế đi đánh dẹp, Đoan Quốc-công Nguyễn-Hoàng muốn thi hành chức riêng, bèn thác lời xin đem binh đi đánh dẹp.

Được cơ cớ đại binh, Đoan Quốc-công liền đốt hết doanh trại đem toàn bộ quân-sĩ xuống chiến thuyền phóng ra biển trở về Thuận-hóa.

Lực lượng của Đoan Quốc-công rút về Nam làm suy yếu quân thế của triều-đình khiến lòng dân xao-xuyến. Bình-an Vương Trịnh-Tùng kính hãi liền phò vệ vua Lê hồi loan về Thanh-hóa cho nơi căn bản được vững-vàng.

Hay tin Thăng-Long bỏ trống, Mạc-Kính-Cung đem bè-dăng vào kinh thành.

Còn nhóm Quận-công làm phản đầu nhà Mạc tự thanh toán nhau :

— Phan-Ngan nghi ngờ Bùi-văn-Khue có mưu khác, bèn sai người bắn giết Bùi-văn-Khue ở giữa sông.

— Nguyễn-thị-Niên, vợ của Bùi-văn-Khue sai binh bắn chết Phan-Ngan ở giữa sông.

Bình-An-Vương Trịnh-Tùng họp các tướng bàn định mọi việc. một mặt đem cả quân thủy quân bộ ra đánh Thăng-Long. một mặt sai quan Thiên-đô Ngự-sứ Gia-lộc tử Lê-Nghĩa-Trạch (1) đem chiến thư cho Thái-úy Đoan Quốc-công Nguyễn-Hoàng ở Thuận-hóa.

(1) Lê-Nghĩa-Trạch, người ở xã Cờ-đôi, huyện Nông-công.

Từ chiến thư ấy viết bằng Hán-văn, chúng tôi xin dịch ra quốc-ngữ như sau :

« Đại thần và quốc-gia, theo nghĩa thì cùng chung nỗi vui buồn.

« Về nước mà nói, CẬU (1) là bề tôi kỳ cựu có công lao đời đời.

« Về nhà mà nói, CẬU là nghĩa thân thích họ-hàng.

« Gần đây giặc Mạc tiếm quyền xâm phạm ngôi nhà Lê, vận nước gặp « hồi đen rui. Tiên-tổ Hưng quốc Chiêu huân Tĩnh Công (Hưng Quốc-công « Nguyễn-Kim là ông Ngoại của Bình-An-Vương Trịnh-Tùng, cho nên được « Trịnh-Tùng gọi là Tiên tổ) đầu tiên xướng lên nghĩa cả, giúp Trang-Tông « Hoàng-đế ở chốn núi non (2). Danh xưng và chức phận đứng-dẫn trở lại.

« Tiên tổ (Nguyễn-Kim) qua đời, Tiên-Khảo Minh-Khang Thái-vương « (Trình-Kiểm) gánh lấy việc ký thác nặng-nề của quốc-gia, cho rằng CẬU là họ- « hàng như tim phổi mới ủy thác cho hai xứ Thuận-hóa và Quảng-nam.

« CẬU từ khi nhận mệnh lệnh, vỗ yên nhân dân ở địa-phương, thật đã « có công ấy.

« Tiên-Khảo (3) châu trời, cháu nắm giữ binh đội và chính sự vẫn để « CẬU ở chức cũ, đã gởi thư cho CẬU đề đốc-thúc tiền thuế cống chuyên vận « về triều-đình cung ứng vào việc chi tiêu của quốc-gia, thì CẬU cứ lấy có « đường biển gian-nan hiểm trở mà từ chối.

« Đến khi kinh thành đã khắc phục, thiên hạ đã định yên CẬU mới thung- « dung lên đường tiến đến.

« Sự tru đãi của triều-đình cho CẬU cai quản một phủ Hà-trung và bảy « huyện ở bờ phía trên hạt Sơn-nam cùng trao cho CẬU chức Hữu tướng, là « ý muốn CẬU và Tả-tướng Vinh Quốc-công Hoàng-Đình-Ái phủ trị ở hai bên « để hoàn thành cơ nghiệp thịnh thế, để làm yên dân chúng nước Nam.

(1) Nguyễn-Hoàng là em của bà Ngọc-Bảo mẹ của Trịnh-Tùng, vai cậu của Trịnh-Tùng.

(2) Vua tôi nhà Lê lúc bấy giờ nương nấu ở Sầm-châu.

(3) Tiên Khảo, cha đã mất, ở đây chỉ Trình-Kiểm.

« Gần đây bọn nghịch thần Phan-Ngan, Bùi-văn-Khuê và Ngô-Đình-Nga sinh lòng bội phản cất binh phạm vào chính-lý. Châu và Cậu liệu lý việc binh để đánh đuổi tiêu trừ nghịch đảng, thì không ngờ Cậu không chờ mệnh lệnh tự ý rút quân về, làm xao-xuyến dân chúng cả một phương, « không biết là bần ý của Cậu dấy chẳng ? hay là làm nghe mưu kế của họ dấy chẳng ?

« Nay Bùi-văn-Khuê và Phan-Ngan đánh nhau đều bị giết cả. Thế mới biết đạo trời sáng tỏ, họa đến rất mau. Cậu cũng biết việc ấy chứ ?

« Việc đã như thế, Cậu quả nên buồn rầu giãc ngộ ăn-năn lỗi trước, nhớ nghĩ đến công nghiệp của tổ tiên, hãy sai người dâng thư đến hành-tại vái bần, đốc suất đem tiền của thuế má đến để cung ứng việc chi dụng của quốc-gia, lấy công chuộc tội, triều-đình tự nhiên đã có pháp chế.

« Công-lao sự nghiệp ngày trước của Cậu sẽ được khôi phục vẹn toàn. Công-lao danh vọng và sự-nghiệp đời đời của Cậu sẽ mãi mãi không mất.

« Nếu không thế, thì lấy người thuận đánh kẻ nghịch, triều-đình dùng binh đã có danh nghĩa, thì danh-vọng kị-tiết của Cậu sẽ như thế nào vậy ?

« Cậu ở việc binh thường lưu tâm về Kinh sử hãy xem xét suy nghĩ việc ấy để khỏi hối hận về sau ».

Lê-Nghĩa-Trạch đi vào trong bờ cõi Thuận-hóa, dò biết Đaoan Quốc-công Nguyễn-Hoàng vốn đa mưu, bèn đem tờ chiếu thư đặt vào trong cái ống, để ở bụi cây ngoài đồng nội, rồi sai xá-nhân (1) đem đến sau.

Đaoan Quốc-công nghe tin sứ đến, mưu tính đoạt lấy tờ chiếu thư để làm nhục sứ-giả, mới sai dũng-sĩ đang đem đến chỗ trọ của Lê-Nghĩa-Trạch cướp đoạt hết sạch những túi dây của y mang theo.

Dũng-sĩ đem những túi dây cướp được về, Nguyễn-Hoàng tìm không thấy tờ chiếu thư, quá tức giận lại sai dũng-sĩ đến quán trọ của Lê-Nghĩa-Trạch đốt rụi hết.

(1) Xá nhân, môn khách, tân khách nuôi trong nhà. Cũng là một chức quan ngày xưa.

Nguyễn-Hoàng nghĩ là những văn thư chiếu thư đều bị cháy sạch trong ngọn lửa, hôm sau đích thân dẫn tướng tá, chỉnh trang voi ngựa nghi-vệ đến đón rước sứ giả, từ xa đã trông thấy Lê-Nghĩa-Trạch hai tay bung lấy tờ chiếu thư tiến đến, bèn sợ hãi kinh ngạc, ngoảnh lại nói với tướng tá rằng : « Trời sinh chủ-tướng, triều-đình có người. »

Về sau Nguyễn-Hoàng sợ Trịnh-Tùng đem quân vào hỏi tội, bèn cho đem người con gái là bà Ngọc-Tú ra Thăng-long gả cho con trai của Trịnh-Tùng là Trịnh-Trảng.

Việc dùng má phấn giữ yên bờ cõi của Đaoan Quốc-công Nguyễn-Hoàng có lẽ được nhắc-nhờ mãi ở câu ca-dao :

« Ai xui em đến chốn này ?

« Bên kia thì núi (1), bên này thì sông (2) !

Việc cướp đoạt túi dây của sứ giả và việc đốt quán trọ của Lê-Nghĩa-Trạch mà Đaoan quốc-công Nguyễn-Hoàng đã thi hành không phải là việc đặt thêm của nhóm sứ gia Phạm-Công-Trứ, vì 72 năm sau, Trịnh-Tạc vào năm Nhâm-tý (1672) đem quân xâm lấn miền Nam dưới thời Chúa Nguyễn-Phúc-Tân, Tiết-chế, Thái-úy Nghi Quốc-công Trịnh-Căn đích thân dẫn đại binh qua sông, ban hiệu dụ cho nhân-dân của hai xứ Thuận-hóa và Quảng-nam, trong có một đoạn nhắc đến việc cũ ấy như sau :

.....

« Không ngờ Đaoan quốc-công trái nghịch lời thề ước, âm mưu phản « trặc, trong năm Canh-tý (1600) đã dụ-dỗ khiến gian thần làm loạn, rồi riêng « tự trốn về Thuận-hóa, đã trái với tiết tháo làm tôi, đúng là phải lấy luật « pháp xét đoán tội lỗi ấy.

« Các tiên-vương (Chúa Trịnh) đã thương xót dung thứ tha cho tội lỗi « ấy, hướng chỉ lại sai quan đem sắc thư vào hiệu dụ sự lý, thì Đaoan Quốc-

(1) Bên kia thì núi chỉ vùng Thuận-hóa với dãy Hoàng-son trùng trùng điệp điệp.

(2) Bên này thì sông chỉ đất Thăng-Long ở lưu vực sông Hồng-hà.

« công lại đốt bỏ quán trọ của sứ giả mưu đoạt sắc thư, âm mưu làm nhục  
 « sứ mệnh. Lòng phản nghịch của hắn đã mọc mầm từ đây.

.....

Có dịp đọc được đoạn sử trên trong sách *Đại-Việt Sử-ký Bản-ký Tục-biên*, quyển thứ 18 và 19, thấy được tài liệu ngộ-nghĩnh này ít ai được biết, chúng tôi xin kể lại như trên không thêm không bớt để cống hiến quý độc-giả với tinh thần sử học thuần túy.

Bà AI-LAN sưu khảo

## tục nhuộm răng và ăn trà của người Việt

- VÌ SAO PHẢI NHUỘM RĂNG ?  
 — TOA THUỐC NHUỘM RĂNG DUY NHẤT HOÀN CẦU.  
 — ĂN TRÀ CÓ ÍCH LỢI GÌ ?

*Lấy chồng cho đấng rơm chồng,  
 Bỏ công trang diềm má hồng răng đen.*

*Mình về mình nhớ ta chăng ?  
 Ta về ta nhớ hàm răng mình cười.*

*Trăm quan mua lấy nụ cười,  
 Nghìn quan không tiếc, tiếc người răng đen.*

*Răng đen ai nhuộm cho mình ?  
 Cho răng mình đẹp, cho tình anh say !*

*... Ba thương má nung đồng tiền,  
 Bốn thương răng láng, hạt huyền kém thua...*

Những câu ca dao trên đây đã nói lên cái quan niệm thẩm mỹ của người xưa đối với hàm răng nhuộm đen của phụ nữ. Nhưng tục nhuộm răng của người xưa không chỉ có mục đích làm đẹp, mà còn nhiều ý nghĩa khác, cao đẹp hơn về phương diện tinh thần...

Theo sự khảo-cứu của bác sĩ Sallet thì tục nhuộm răng của người Việt Nam là một tục tối cổ. Và cũng theo ông thì người Việt Nam nhuộm răng là

trước hết cốt ý làm cho răng bền, không bị sâu ăn răng. Vậy thì khởi thủy, người mình nhuộm răng vì vệ sinh.

Rồi do đấy, lần lần về sau, người ta thấy răng đen là đẹp, nhất là răng đen của phụ nữ, đi đôi với môi hồng bởi ăn trà. Vì đó mới có những câu ca dao trên đây, và người xưa đã ví răng đen môi hồng của cô gái như ruột quả dưa đỏ (dưa hấu) ruột đỏ, hột đen.

Lại có một thuyết khác cho rằng đời Hồng-Bàng, vua chúa ra lệnh bắt dân phải thích (xăm) da, nhuộm răng, cốt để dọa nạt giống ác thú.

Lại cũng có thuyết nữa cho rằng sở dĩ người Việt nhuộm răng vì người Tàu thời nhà Minh, nhà Thanh đô hộ, bắt buộc ta phải nhuộm răng để phân biệt hai giống Hoa Việt mà thời ấy người Tàu gọi ta là giống người « Man-di ».

Ông Maspéro khảo về lịch sử Việt-Nam có viết : « Cối Văn-Lang thì Hùng Vương trị-vị, đất rộng phía Bắc từ mấy tỉnh Quảng nước Tàu, tới phía Nam giáp rợ Chăm, dân biết dùng cây lưỡi bằng đá, dùng trâu kéo, dùng cung nỏ làm bằng chi đúc. Họ (người Văn Lang) có tục thích da, bới tóc, đội khăn, nhứt là tục ăn trà và sơn đen răng rất thịnh hành ».

Như vậy thì tục nhuộm răng đã có từ đời Hồng-Bàng, đời mà nước ta mới lập quốc, chưa có sự đô hộ của người Tàu. Thế thì điều phỏng đoán do người Tàu đô hộ bức ép ta nhuộm răng là không đúng. Bằng chứng là trong một quyển sử cũ nói về thời đại Tàu cai trị nước ta, ông cố đạo Legrand đã viết : « Chính có một vị quan Trung-Hoa ra lệnh cấm họ (người Việt) không được nhuộm răng nữa. Họ (người Việt) đã không chịu, lại còn nổi loạn, sanh ra cuộc đồ máu, rồi lệnh đó phải bỏ ».

Điều chắc chắn là do tinh thần ái quốc của ta, khiến ta phải có ý thức tự cường tự lập, không chịu để một nước láng giềng đồng hóa dân tộc ta, cho nên ta phải làm thế nào để phân biệt rõ-ràng giữa hai giống người Hoa

Việt bằng cách nhuộm răng, vì vậy nên dân ta thuở ấy xem tục nhuộm răng là quốc hồn quốc túy, quyết giữ tục ấy cho đến chết là một lẽ.\*

Tục nhuộm răng của ta biết đâu từ tiên ta không nhằm vào mục đích làm cho khác người để giữ lấy bản chất đặc biệt của dân tộc ?

Trong cuốn « Sơn Cư Tập Thuật » của người Trung-Hoa có viết một đoạn :

« Về năm Vạn-Lịch thứ 39, tức là Tân hợi (1611) có hai chiếc thuyền bị gió đánh giạt vào bờ bề Trung-Hoa. Hành khách dưới hai thuyền tất cả là 120 người đều tóc bới, răng sơn đen, tiếng nói không ai hiểu, nhưng cử chỉ, lối ăn mặc, hơi giống người mình (Tàu) sau hỏi kỹ lại mới biết họ là người Nam-Việt (xưa gọi nước ta là Nam-Việt) nên lại cho họ về nước ».

Trong quyển « Quảng Tây Thống Chí » lại viết : « Nhà Lê, vua nước Nam lập kinh đô ven sông Nhị-Hà. Dân phải đi đất, chỉ vua quan mới được mang giày đội mũ. Còn tục ăn trà, nhuộm răng thì từ trên đến dưới ai cũng theo. Thấy người răng trắng, họ cười chê. » (Quyển « Quảng Tây Thống Chí » cũng do người Trung-Hoa viết).

\* Lẽ nữa là bao giờ dân tộc ta cũng cố chống lại sự đồng hóa về hình thức và cả tinh thần đối với người Tàu đô hộ. Như áo cụt của người miền Trung, Bắc Việt gọi là áo khách. Người miền Nam cũng gọi áo ngắn có vạt hò mà người Tàu thường mặc là vạt khách tức là áo người Tàu mà khi ta may mặc thì lại cắt ngắn hơn một chút, lại may tay chệch chớ không rộng như của người Tàu, cổ áo họ cao, ta lại may cổ thấp hay cổ trệt. Nút áo người Tàu gài bên mặt, ta lại gài bên trái — về sau, hình như sự bang giao giữa vua quan ta và vua quan Tàu có sự đồng ý của vua ta chịu nhượng bộ một chuyện chẳng quan trọng gì, nên vua ta bắt dân gài nút về phía bên hông mặt như người Tàu. Do ... mới có bốn chữ : « Tả nhắm, hữu nhắm ».

Đàn bà Tàu mặc quần thì phụ nữ ta mặc váy, đầu lại chít khăn và đội khăn mỏ quạ, áo tứ thân có thắt lưng hay hai vạt áo thắt lại ở phía trước bụng và mặc yếm, rất khác xa với y phục của phụ nữ Tàu mãi đến đời Minh-Mạng, nhà vua hiệu dụ bảo phụ nữ phải bỏ váy, mặc quần, các bà mới dần dần bỏ váy, mặc quần.

Về chữ viết, ta viết giống chữ Tàu, nhưng đọc lại khác đi (chữ Nôm) mặc dầu ta chịu ảnh hưởng văn hóa Tàu, nhưng vẫn giữ được bản sắc riêng của dân tộc, nhờ đó mà dân tộc tinh của ta còn giữ được đến ngày nay mà không đồng hóa với họ, dầu hai dân tộc Việt-Hoa đã sống chung lộn với nhau suốt mấy ngàn năm, và người Tàu đô hộ ta, cố làm cho ta đồng hóa với họ.

Cố đạo Koeffler từ năm 1740 đến 1755, có làm thầy thuốc riêng cho Võ-vương (Nguyễn-Phúc-Khoát, chúa « Nam Kỳ » năm 1738-1765) đã viết một bài nói về tục nhuộm răng trong tập « Nam Kỳ Lịch Sử » rằng: « Tất cả mọi người (trừ đám cùng dân không mặc cái thói này) trong nước đều nhuộm răng đen. Họ cứ luôn miệng nhai lá thơm (trầu) nên răng cứ xám xịt. Muốn tránh điều khó chịu đó, họ nghĩ ra một thứ thuốc nhuộm, dùng nó không phải là không khổ cực đau đớn. Hễ bắt đầu nhuộm răng là luôn 14 ngày, họ chịu nuốt cháo lỏng, để sau có bộ răng đen láng ».

Theo đó thì ông Koeffler cho rằng người ăn trầu răng bị xám xịt, để tránh sự khó coi đó, nên phải nhuộm răng đen. Ấy cũng một có. Có nữa là nhuộm răng cho răng chắc, vì người mình cho rằng « cái răng sợi tóc là gốc con người ».

Rồi do đó, ta thấy răng đen bóng là đẹp. Nhưng chắc chắn là từ tiên ta nhuộm răng vì mục đích muốn để cho khác với người Tàu như đã kể trên.

Theo các vị thuốc trong toa thuốc nhuộm răng, phần nhiều là những thứ có tánh cách sát trùng, làm sâu khò ăn răng và bền răng. Sự thí nghiệm sáng chế ra toa thuốc nhuộm răng thì ta phải tự hào rằng đó là một toa thuốc độc đáo, thần diệu phi thường, vì thuốc nhuộm chó không phải sơn, thếp mà làm cho răng trắng trơn khăn chắc đen huyền, láng bóng, bền bỉ, không phải tróc.

Thuốc không lọt qua được làn men trắng ngăm vào xương, nó chỉ bọc ở ngoài, nhưng rất chắc rất bền. Người ta đã thí nghiệm: Lấy một cái răng rụng của cụ già, đem giữa một chỗ, lại thấy khi giữa hết chất đen là lộ ngay men trắng của chiếc răng. Lại đem ngâm cái răng ấy vào nước bao nhiêu lâu, khi đem ra, cái răng đó vẫn còn y nguyên chất nhuộm, vẫn đen láng như trước. Thế thì đủ biết thuốc nhuộm răng bền bỉ kiên cố là thế nào.

Vậy toa thuốc đó do vị lượng y nào sáng chế và thí nghiệm mà thần diệu thế? Hẳn là một y-sĩ người Việt-Nam ở vào đời Hồng-Bàng đã sáng chế ra, rồi lưu truyền trong dân chúng mãi về sau, dùng nó để nhuộm răng. Phụ

nữ hai miền Trung và Bắc, mãi đến triều vua Khải-Định mới bỏ nhuộm răng dần dần. Còn những người đã lỡ nhuộm từ trước, bấy giờ họ gạo giữa đi cho trở lại trắng. Việc gạo giữa cho hết chất đen của thuốc nhuộm, là một vấn đề gay go, cũng khổ công không kém lúc nhuộm. Có nhiều bà đến các nha-y xin cà răng, chùi gạo cho trắng lại, làm ê-âm, đau đớn hàng tuần mới tẩy hết chất đen của thuốc nhuộm.

Vào thời Minh-Mạng, có bác sĩ Sallet tò mò muốn biết toa thuốc nhuộm « bí hiểm » đó, bèn nhờ một vị quan trông nom ở « Thái-Y viện » lục giúp cho cái toa thuốc này. Bác sĩ Sallet đem toa thuốc về nghiên cứu và phân chất, các vị thuốc, rồi tìm ra những vị thuốc và chất hóa học của Tây-y đồng tính với các vị thuốc bắc đó, và ông chua sau mỗi vị thuốc bắc những vị thuốc hóa học Tây phương như sau đây. Bài thuốc nhuộm răng này có tên là « Cổ xi cao phương ».

Đây, toa thuốc « Cổ Xi Cao Phương » :

Thanh-phân — (Vert de gris)	3	lượng
Hắc-phân — (Sulfate de Chine)	5	—
Ngũ-bội — (Galles de Chine)	3	—
Bạch-chỉ — (Angelica decuroiva) (Racines)	12	—
Sơn minh lang — (fruits d'aréquier de montagne) (Pinanga)	2	—
Xuyên khung — (Smyrniun) (Racines)	5	đồng cân
Bạch tật lê — (Tribulus terrestris) (fruits)	1	lượng
Cam thảo — (Racines de Reglisse de Chine)	1	—
Đương qui — (Racines de Livèche)	1	—
Tế tân — (Asarum sioboldi)	1	—
Tam nại — (Koempferis galanga) (Rhigome)	1	—



Trần mễ thủy } (Eau faite avec du riz conservé depuis longtemps)  
 Trương thủy }

\*

### ĂN TRẦU CÓ ÍCH GÌ ?

Nhơn nói về tục nhuộm răng, luôn dịp xin đề cập đến tục ăn trầu của ta, thử xét xem ăn trầu có ích lợi gì hay có hại ?

Tục ăn trầu có ở nhiều nước Á-đông chứ không riêng gì nước mình. Ông bà ta xưa vừa nhuộm răng mà cũng vừa ăn trầu. Tục ăn trầu của nước có từ đời Hùng-Vương. Bằng chứng là câu chuyện giai thoại về « Trầu Cau » ta đã đã có từ đời Hùng-Vương.

« Khoa Học tạp chí » số 8, ngày 15 tháng 10 năm 1931, xuất bản tại Hà-nội, có bài cắt nghĩa sự hữu ích của tục ăn trầu.

Theo các nhà khoa học đã phân chất mà biết được công dụng của trầu cau như dưới đây :

1) — Hột cau theo Đông-y được gọi là *Bình lang* nó có tánh chất chát, đắng, và cay, giúp ích cho sự tả-khí, phá trướng, hành thủy, trừ phong, trị kiết lý, sát trùng, tiêu thủy, làm tan các vật tích tụ, nên chế vị *Bình lang* (hột cau) với các vị khác thành thuốc sốt rét ngã nước, và thuốc trị bệnh phù bóng, di mộng tinh, đi tả. v.v... Các nhà Tây-y cũng cho rằng hột cau có chất *tanin*, *acide catéchuque*, nên dùng để pha chế ra *cachou* ta thì gọi là *Nhi-trà* và pha với nhiều vị khác để chữa các chứng bệnh như lậu, trẻ con đi trớt, đau răng, làm thuốc ngâm cho thơm miệng, sạch lưỡi sản nướu. v.v...

2) — Lá trầu có chất thơm nồng, cay, chát, nên dùng làm thuốc sát trùng, tả khí, thanh độc, rất tốt.

3) — Vỏ cau (xác) có chất cay, chát, vừa sát trùng vừa giúp ích cho sự tiêu hóa. Người ta thường dùng xác cau nấu với các thứ lá khác để rửa miệng, ghê chốc lở loét, mau lành.

4) — Vôi, Tây y gọi là *chaux* mà tên khoa học gọi là *oxyde de calcium*, là một vị thuốc sát trùng rất mạnh. Ta thấy mỗi khi nhà nào có người bị bệnh hoặc chết vì dịch tả, thường dùng vôi bột cùng nhà để sát trùng và ngừa truyền nhiễm. Các nhà y học Tây phương dùng vôi với các vị thuốc khác bào chế thành các thứ thuốc để chữa bệnh tả, lao xương lao phổi, đau lưng, đi tiêu văng, yếu xương răng sâu và hay gãy vì thiếu chất vôi. Các nhà Đông y thì dùng làm thuốc, phần nhiều các thứ thuốc Nam.

Kem đó, ta thấy rằng miếng trầu chẳng những « làm đầu câu chuyện » mà còn có ích cho sức khỏe là vừa trị bệnh, vừa vệ sinh.

Người ở thôn quê ngày xưa đã dùng trầu cau để giữ vệ sinh cho răng như ngày nay ta dùng bàn chải và kem để đánh răng vậy. Nhờ ăn trầu mà được sạch bợn đọng ở răng, vì ăn trầu có xia thuốc rề lại càng tốt lắm. Đó là họ đánh răng bằng thuốc rề có tánh chất sát trùng rất mạnh cũng như vôi vậy, sạch răng, thơm miệng, sát trùng bằng thuốc xia, ngoài ra, còn dùng vú cau, xác cau để đánh răng mỗi sau khi nhả miếng trầu ra. Đánh răng bằng xác cau còn sạch hơn là dùng bàn chải. Đã sạch răng lại có ích cho nướu, vì xác cau có tánh chất làm cho lành các vết trầy trụa và mụn nhọt, lở loét. Nhờ đó, chân răng và nướu hay các nơi trong miệng, không bị sưng lở hay có mủ.

Tóm lại, nhờ ăn trầu mà răng bền chắc, không bị sâu ăn, sát trùng cho răng và luôn cả miệng bằng chất vôi và thuốc xia, sạch lưỡi bằng chất chát của hột cau thơm miệng, tả khí bằng chất của lá trầu. Ăn trầu lại có ích cho gân cốt và khiến cho chỗ thịt cùng xương quai hàm rắn chắc, mạnh khỏe, bởi thường nhai như tập thể dục cho nó vậy.

Có một ít người không săn sóc kỹ lưỡng lúc ăn trầu và sau khi ăn xong, là không súc miệng cho sạch cốt trầu, để đọng lưỡi, đọng răng và môi, thành thâm lại, khó coi, trông dơ dáy, lại có người dùng đầu nhò cốt trầu đó, làm bẩn mắt mọi người, mất vệ sinh chung.

Tuy thế, cái lợi về tục ăn trầu rất nhiều như đã kể trên. Ngoài ra, trầu cau đối với phong tục nước ta còn giữ mãi đến ngày nay kể về phương diện lễ nghi cúng quây ông bà và nhứt là về hôn lễ. Lễ hỏi cũng như lễ cưới, không thể thiếu mâm trầu cau được. Lại còn vật môi giới và biểu lộ tình cảm, xã-giao và cũng làm đẹp cho nữ giới có đội môi hồng bởi ăn trầu.

Những câu ca dao sau đây đã nói lên đầy đủ tinh thần nói trên :

- Miếng trầu của đáng là bao,  
Chẳng ăn, cầm lấy cho nhau bằng lòng  
Thưa rằng : bác mẹ em răn :  
Làm thân con gái chớ ăn trầu người.
- Gặp nhau ăn một miếng trầu,  
Gọi là nghĩa cũ về sau mà chào.  
Miếng trầu đã nặng bằng bao,  
Muốn cho đông liểu tây đặc là hơn.  
Miếng trầu kẻ hết nguồn cơn,  
Muốn xem đây, đây thiệt hơn thế nào ?  
Miếng trầu là nghĩa tương giao,  
Muốn cho đây đó duyên vào hợp duyên.
- Cho anh một lá trầu vàng,  
Sang năm anh trả cho nàng một mâm. (1)
- Vào vườn trày quả cau non,  
Anh thấy em giòn muốn kết nhân duyên.  
Hai má có hai đồng tiền,  
Càng nom càng đẹp, càng nhìn càng ưa.

(1) Mâm trầu dẫn cưới.

- Trầu ăn là nghĩa, thuốc xia là tình,  
Đội ơn phụ mẫu sinh mình dễ thương.

- Áo anh sứt chỉ đường tà,  
Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.  
Áo anh sứt chỉ đã lâu,  
Muốn mượn có ấy vào khâu cho cùng.  
Khâu rồi anh sẽ trả công,  
Khi em lấy chồng anh sẽ giúp cho :  
Giúp em một thúng xôi vò,  
Một con lợn béo, một vò rượu tăm.  
Giúp em đôi chiếu em nằm,  
Đôi chăn em đắp đôi vòng em đeo.  
Giúp em quan tâm tiền cheo,  
Quan năm tiền cưới lại đèo buồng cau. (1)

- Em về anh gọi buồng cau,  
Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy.

- Ăn miếng trầu này miếng nhai môi thắm,  
Nhớ tới miếng trầu, thắm lắm anh ơi !

- Số em là số ở hầu,  
Ăn cau vòng nguyệt, ăn trầu kiếng dơi.

- Trầu vàng ăn với cau sâu,  
Có chồng thua bạn mắng sừ mà hư !

(1) Các vật "giúp em" đều là lễ cưới xin.

- Đi đâu cho đỡ mờ hôi,  
Chiếu trái không ngồi, trầu đê không ăn ?
- Người ta con trước con sau,  
Thân anh không vợ như cau không buồng.  
Cau không buồng ra tuồng cau đực !  
Trai không vợ cực lắm em ơi !
- Trên đầu em đội khăn vương,  
Trông xuống dưới ngực, cau buồng còn non !
- Vắng quan dám hỏi cô hầu :  
Vú cau ăn với cạnh trầu nên chăng ?
- Thương nhau cau sáu bờ ba,  
Ghét nhau, cau sáu bờ ra làm mười...

PHẠM-VĂN-SƠN

một cái án lịch sử  
không tiền khoáng hậu  
trên đất Việt-Nam...

Pháp-Nhật trước vụ đối 1945 tại Trung, Bắc-Kỳ.

Một ngàn chín trăm bốn mươi !

Tôi nhớ năm đó thực dân Pháp đã chỉ thị cho các làng xã Việt-Nam khắp toàn quốc tùy theo số người trong các gia đình mà bắt lính.

« Mẫu quốc » có chiến tranh với « Đức tộc ». Thế là hàng vạn thanh niên Việt-Nam đã phải rời cây đa đầu làng để lên đường tòng chinh, phần do lệnh của các quan Tây không trốn tránh được, phần vì túng đói phải đi lính để kiếm cho gia đình ít tiền bạc và ít ruộng công điền ; ngoài ra còn có những chàng trẻ tuổi bị lôi cuốn sang bên kia bờ sông Seine vì lời tuyên truyền đường mật của nhiều báo chí và cơ quan thông tin của Pháp rằng qua Pháp để biết nước Pháp có kinh thành ánh sáng, nước Pháp là nơi quy tụ của nền văn minh rực rỡ nhất thế-giới... Không đi sẽ ưỡng cơ hội ngàn năm một thuở. Một số thanh niên rất ngây thơ đã mỉm cười bảo nhau : *Ta đi để trả thù dân tộc !*

Thế rồi lớp người đó đã tay xách, nách mang, gạt nước mắt giã biệt cha mẹ già vợ dại con thơ để bước xuống những chuyến tàu thủy lớn trực chỉ phương Tây.

1945 ! Đệ nhị thế chiến chấm dứt.

Nước Pháp thẳng trận (nói theo người Pháp) hay nước Pháp được giải phóng (thì mới đúng) đa số, thanh niên Việt-Nam trên đây, đi nhiều về ít. Tại sao ? /

« Còn lại chính chiến kỳ nhân hồi ? »

Một số thì như thế vì đó là cái nghiệp dĩ của chiến tranh và một số đã bị gài Pháp thu hồi, hoặc đời sống tương đối dễ chịu hơn cái kiếp thăng dân thuộc địa nhục nhã, nên đã ở lại nước Pháp. Thế tróc tử phọc thì còn tìm đâu thấy đường về nước Việt ! Bao nhiêu bà mẹ già, người vợ trẻ Việt-Nam từ đó đã mỗi mòn con mắt, đã chẳng được tiền bạc gửi về như khi chồng con mới ra đi, đến tin tức cũng vắng bật.

Thật là một bi-kịch của thời đại.

Nói cho phải, nếu chúng ta theo dõi những biến cố chánh trị, quân sự đã xảy ra từ Bắc vào Nam trong những năm từ 1940-1954 sẽ thấy mở thanh niên ấy có ở lại nước nhà thì họ cũng sẽ là nạn-nhân của nhiều biến chuyển kinh khủng không kém. Ti-dụ : họ sẽ thuộc thành-phần hoặc ít hoặc nhiều cho cái nạn đói chết ngót hai triệu con người đầu năm 1945 là năm người Nhật, ông « anh cả da vàng » tuyên-bố : *người Nhật qua Việt-Nam để thi hành chủ nghĩa Đại-Đông-Á và đã thâu hồi chủ quyền độc lập cho dân tộc Việt-Nam bấy lâu chìm đắm ngột ngạt trong vòng nô-lệ của đế quốc Pháp, bọn da trắng đã bóc lột Việt-Nam đến xương tủy...*

Hoặc giả họ sẽ phải lăn lừng ở các hầm mỏ để khai thác các nguyên liệu chiến tranh, họ sẽ nhỏ mồ hôi, nước mắt phá các ruộng rẫy trồng thầu dầu, đay gai, trâu, nộp cho Tây ngoài số thóc lúa bắt buộc phải bán theo giá nhà-nước vì nhà-nước phải tích-trữ các thứ sản-phẩm đó cung ứng cho đám quân của Thiên hoàng... rồi vì những thứ khổ sai này nhiều làng Việt-Nam bị chết đói, số người còn lại thì cũng ngắc-ngự, nếu Đệ nhị thế chiến còn tiếp diễn và không có những thay đổi lớn về chánh trị trên lãnh thổ nước ta từ ải Nam-quan vào tới mũi Cà-Mâu thì còn xảy ra thêm nữa biết bao hoạt cảnh địa ngục trần gian.

Nói tóm lại, khoảng thời gian từ 1940-1954 đã đánh dấu trong tâm khảm của chúng ta, những kẻ sống sót, nhiều sự kiện lịch-sử đầy máu và nước mắt, đầy tang tóc và chia-ly, đầy thảm cảnh bóc lột, áp-chế giữa bọn Tây thuộc

địa và chúng ta là đám dân bị trị và cũng giữa bọn phong kiến cường hào với những đồng bào hiền lành vô tội đáng thương.

oOo

Nay xin trình bày cùng bạn đọc những trang sử đen mà chúng ta, những chứng-nhân của thời đại, hầu hết đều có thể viết ra do chúng ta đã có sống trong thời-kỳ hắc ám đó.

Thế-giới-chiến phát ra chẳng bao lâu thì khắp cõi Đông-dương nhân dân đã bị nạn thiếu thốn, đất đỏ, đói rách.

Phát-xít Nhật kéo quân vào Đông-dương đã có nhiều thái-độ khác nhau, lúc hòa nhã với Pháp, lúc ra mặt hiệp chề, còn với nhân dân ta chúng vuốt ve, môn trốn mà thực ra chỉ có ý phình gạt. Đường giao thông từ Thái-bình-dương qua Đại-tây-dương bị lũng đoạ. Từ bao nhiêu năm Pháp độc quyền kinh-tế, thương-mại, công kỹ-nghệ ở nước ta nay vì lưu thông bế tắc, các nhu-yếu-phẩm cạn dần... Lúc này thực dân Pháp mới lỏng tay cho dân ta tự túc, nghĩa là sản-xuất các nhu-yếu-phẩm.

Dân ta vốn thông minh, khéo léo mặc dầu thiếu nguyên liệu, máy móc cũng đã sản xuất được nhiều thứ hàng hóa vừa khan hiếm. Phát-xít Nhật tuyên bố sẽ mang nhiều sản-phẩm sang Việt-Nam nhưng đó chỉ là những lời hứa suông rồi chính Nhật với Pháp lại cùng nhau ra sức vơ vét những sản phẩm sản xuất ra được ở trong nước vì thế mà nạn thiếu thốn hàng hóa vẫn trầm trọng. Đã vậy chúng còn tổ chức những liên đoàn thóc gạo, bông, sợi, giấy, nông phổ ngân hàng v.v... cùng một số con buôn tay sai đầu cơ, tích trữ phát sinh ra nạn chợ đỏ, chợ đen. Họ lại để ra một bọn hàng xách, buôn bán bằng nước bọt để trục lợi từ những bao diêm (hộp quẹt) những thùng xà-bông, những tấm vải nội hóa, thuốc men, đường, sữa, xi-măng, gỗ khiến nạn đất đỏ đã bành trướng kinh khủng. Xét ra giá sinh hoạt tới năm 1945 ở Hà-nội đã đắt hơn năm 1939 tới 25 lần và ở Saigon tới gần 5 lần, chỉ-số đời sống lao động năm 1939 là 100 thì tới 1945 ở Hà-nội là 2.500 và ở Sài-gon là 462

(Theo Vũ-Đình-Hòa viết trong Thanh-Nghị số 94 (2-12-1944) và theo *Annuaire statistique 1939-1946* trang 1-45).

Đề an ủi, vỗ về dân Việt-Nam, trước đó thực dân Pháp nói chúng thì hành « kinh tế chỉ-huy » nghĩa là nhà-nước trực tiếp nắm giữ việc phân phối các nguyên liệu và sản phẩm nhằm tránh cho dân chúng nạn đầu cơ, tích trữ và chợ đỏ chợ đen. Thực ra chúng lấy cớ này để vơ vét cho chúng và một phần nộp cho quân phiệt Nhật. Muốn cho có ít nhiều hình thức nhân nghĩa chúng lập ra thẻ tiếp tế (carte de ravitaillement) cấp cho các gia đình ở các thành phố, thị-trấn chia làm ba hạng tùy theo loại dân đóng thuế nhiều, ít cho nhà-nước. Đai chúng thường chỉ được mua gạo theo giá chính-thức nhưng không được đầy đủ theo nhu-cầu. Họ không được mua xà-bông, đường, sữa như hai hạng trên dầu mỗi nhân xuất được 125 gờ-ram xà-bông và 1 ký đường mà thôi, thành ra họ kiếm ít và nếu phải mua mấy thứ kể trên đã phải trả giá cao lên tới 5, 10 lần (*Trung-Bắc chủ nhật số 167 ngày 25-7-1943*). Ngay hai hạng trên, tuy được biệt đãi hơn nhưng họ cũng chẳng được mua đủ và việc bán các vật phẩm này lại rất thất thường, tức là khi có khi không. Còn nông dân thì các quan Tây lại càng không thêm đê ý tới, dưới mắt Tây người dân quê chỉ là những vật đẻ kéo cày (bêtes de trait) không hơn không kém.

Vấn đề « vải » là một nhu-yếu phẩm hết sức quan trọng tỏ ra thực dân rất tàn nhẫn. Ai cũng rõ khi chưa có Tây bước chân vào nước ta, dân ta có nghề trồng cây bông (gòn) để đánh sợi rồi dệt vải. Tây đến liền cho nhập cảng thật nhiều bông ngoại quốc, đặc biệt là bông của Ấn-Độ. Dĩ-nhiên chỉ có dân Pháp mới được quyền nhập cảng bông Ấn-Độ vào đất Việt. Và bông Ấn-Độ giá hạ vì Ấn-Độ sản xuất được rất nhiều, giá nhân công lại rất rẻ, muốn bao nhiêu cũng có để kéo ra sợi bán cho thủ công ta lấy lãi cao và để cho nhà máy dệt của chúng sản xuất được đều đặn (Société cotonnière de Nam-Định), nghề trồng bông của dân ta phải chết. Phải chi được khuyến khích và được hướng dẫn để cải tiến thì nghề trồng bông dệt vải của Việt-Nam cũng đạt được hai điều lợi kể trên vì nhân công của ta cũng rẻ, khi

hậu ở nước ta cũng thích hợp với nghề trồng bông nữa. Nhưng thâm tâm của thực dân Pháp là muốn tiêu diệt nghề dệt của dân bản xứ hầu bán được nhiều vải vóc cho chúng ta. Nếu để chúng ta tự túc về việc « mặc » thì chúng còn kiếm chác được vào đâu !

Kịp tới khi Thế-chiến bùng ra, bông vải ngoại quốc không nhập nội được, chúng mới hồi hải khuyến khích nghề trồng bông bằng cách phát giống cho không (1943) nhưng qua năm sau dân ta sản xuất được bông, chúng bắt bán hết cả bông lẫn hạt với giá rẻ mạt cho chúng, chúng còn buộc ta phải trồng nhiều hơn, vì vậy năm 1942 Việt-Nam mới có 6.800 mẫu tây (Ha) bông, đến 1944 đã có tới 17.464 mẫu (*Theo Annuaire statistique 1939-1946, trang F-77*). Xét ra số bông sản xuất chỉ mới được 3000 tấn, như vậy còn quá thấp đối với mức bình thường bởi dân V.N ta trước đây phải tiêu thụ của nước ngoài tới 1 vạn 8, hay 2 vạn tấn bông vải mới đủ.

Cao-Mên và Ai-Lao sản xuất được 3200 tấn năm 1944 nhưng góp lại thì cả ba xứ Việt, Mên, Lào cho tới giờ phút đó mới chỉ cung cấp được 1/4 số lượng bông sợi cần thiết.

Về đây, gai Pháp giành gần hết đê làm bao đựng gạo cho Nhật. Trong dịp này dân ta tăng cường nghề trồng dâu, nuôi tằm nhưng số tơ lụa sản xuất không được bao nhiêu, hưởng hồ giá tơ lụa lại đắt không hợp với khả năng tài chánh của đại chúng. Tóm lại vấn đề may mặc vẫn thiếu thốn trông thấy từ quê ra tỉnh, chẳng vậy tháng 9-1943 tòa Đốc-ly Hà-nội cho phép các gia đình trên 10 nhân suất mới mua được 5th 40 vải ta, khổ rộng 40 phân (*Trung-Bắc chủ nhật số 174 ngày 12-9-1943*). Đó là trường hợp của tầng lớp nghèo hay trung lưu đã bị quân Nhật, Pháp đưa đầy đến chỗ quân bách, nhất là dân quê, còn những kẻ có tiền thì miễn là mua các sản phẩm bằng giá chợ đen thì thiếu gì thức này thức nọ ở các kho hàng của Nhật-Pháp lúc nào cũng đầy ắp.

Trên đây chúng tôi nói đến vấn đề may mặc đầu bị thiếu thốn cũng chẳng chết ai tuy mùa rét năm 1944, hàn-thủ-biểu xuống tới 6 độ (*Nghiêm xuân Yên, Thanh Nghị, số 109*), nhưng đến cái thiếu ăn thì thật là chết trông thấy.

« *Lừa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da* ». Hai cái khổ nhất trên đời là thế thì vào tàn cực của thực dân Pháp. Phát xít Nhật, nhân dân Việt-Nam đã được hưởng thụ theo kinh nghiệm bản thân những cảnh cực khổ đó. Nói nhân dân Việt-Nam bấy giờ là nạn-nhân của bọn ngoại nhân thâm ác thì chỉ nên kể các đồng bào Trung-Bắc-kỳ mà thôi bởi bà con Nam-kỳ không bị phá ruộng lúa trồng thầu dầu, gai, đay, trầu là những cây kỹ-nghệ rất cần thiết cho chiến tranh. Tại Nam-Dương khi quân đội Nhật đánh chiếm được vùng, nào thì cái chánh quyền bại trận cũng bị bó buộc đảo bới các nguyên liệu để nộp cho con cháu Thiên-hoàng. Khẩu-hiệu của bọn xâm lược là « *tây chiến tranh nuôi chiến tranh* » mà ! Nhưng Nam-Dương không sản thóc lúa nên bớt được cái nạn bán « *lúa tạ* » cho Nhật qua sự trung gian của Pháp như Việt-Nam.

Lúa tạ ! Đó là một giấc mơ hãi hùng cho miền Bắc Trung kỳ và toàn thể Bắc-kỳ vì những căn-nguyên dưới đây đầu năm 1945.

Theo tình hình lúa gạo năm 1932 được coi là bình thời thì Bắc-kỳ sản xuất được 1.617.264 tấn thóc cho 8.005.000 dân ăn (tài liệu của Hoàng văn-Đức trong « *Comment la révolution a triomphé de la famine-Hà-nội 1946* » trang 5-6). Người dân đây phải kể cả người lớn, con nít, kẻ ăn khỏe, người ăn yếu phải cần tối thiểu 12 ký gạo một tháng, đối với thị-dân thì tạm đủ, nhưng đối với dân quê thì thiếu. Tính ra thóc (tỷ-lệ thóc xay ra gạo là 100/68) mỗi người phải 212 ký thóc mỗi năm. Như vậy nhân dân miền Bắc phải có tối thiểu là 1.697.000 tấn thóc để mà sống nhưng số sản xuất lại chỉ có 1.617.264 tấn thóc nên ngay vào năm 1932 Bắc-kỳ đã thiếu 80.000 tấn thóc rồi.

Năm 1943 Bắc-kỳ sản xuất được 1.913.170 tấn thóc cho 10 triệu dân ăn (Hoàng-văn-Đức : *Comment la révolution a triomphé de la famine. Hà-nội 1946, trang 5-6*) thì năm đó Bắc-kỳ đã thiếu tới 607.000 tấn thóc, còn chưa kể số thóc Pháp lấy ra để nấu rượu (Hãng rượu Fontaine ở Hà-nội) và nấu cồn chạy xe hơi nữa.

Các cơ quan nghiên cứu về canh nông của Pháp từ nhiều năm đã từng cho chánh quyền thuộc-địa rõ tình hình lúa gạo của toàn cõi Đông-Dương và nhu-cầu của dân chúng mỗi miền, vậy mà thực dân Pháp không tìm cách giúp dân chúng Đông-Dương tăng gia sản xuất. Đã thế khi Thế-chiến xảy ra, hoàn cảnh lại càng suy sụp mà bọn thực dân cứ thẳng tay thu thóc lúa để dân chết đói thì thật không còn bọn nào đã man hơn nữa.

Quả vậy trước chiến tranh chúng là bọn trơn lười quen ăn bám vào thuộc địa, khi chiến tranh bùng nổ chúng dùng dân bản-xứ vào việc hy-sinh cho chúng.

Chúng đã chiếm theo diện-tích mà bắt dân bán thóc cho chúng. Năm 1942 dân phải bán 18.098 tấn ; năm 1943 : 130.205 tấn ; năm 1944 : 186.180 tấn (*Témoignages et documents — trang 1-15*). Định lệ tùy ruộng xấu tốt mà nộp số lượng từ hai tạ đến hai tạ rưỡi một mẫu không cần biết trên thực-tế số thu hoạch là bao nhiêu, cũng vì thế mà nhiều nơi ruộng xấu, vừa phải bán lúa cho Tây, vừa phải dự-trữ để ăn cho tới vụ sau không sao đủ được, chủ ruộng phải bỏ tiền đi đóng thóc... (*Đình-Khắc-Giao — Trung Bắc chủ nhật số 172, ngày 29-8-1943*). Có thể nói rằng đa số nông dân bị thiếu hụt về vấn đề này và đó là cái đại họa đã xảy đến cho họ bởi số thóc nộp cho Tây thường lên tới 3/4 số thu hoạch rồi (*Vũ-đình-Hde — Thanh-Nghị số 118, ngày 24-5-1945, trang 7*).

Lại nói đến giá cả.

Nhà nước định số lượng đã theo lối cửa quyền, lại còn định giá cả cũng độc đoán nữa, tức là mua thóc của dân quê bằng giá rẻ mạt, tuy sau này dân ta thán, thực dân có tăng giá lúa thì cũng vẫn thua thiệt rất nhiều. Thí dụ năm 1940 giá gạo ở thị trường Hải-Phòng là 10,10 một tạ (*Bulletin économique de l'Indochine 1942. F. I, trang 39.*) Năm 1943 giá gạo được nhắc lên 268, nhưng giá chợ đen lại tăng lên tới 578 (*Vũ-Đình-Hòe — Thanh-Nghị số 110*) Năm 1944 giá chợ đen tăng lên 3508, 4008 và qua năm 1945 giá gạo còn leo thang cao hơn nữa. Tháng 7-1945 Quân-phiệt Nhật-định 538 một tạ thì giá chợ đen lúc này đã vọt lên 7008 rồi 8008. Nếu so sánh thì từ 1940 đến 1945 giá gạo thị-trường đã tăng tới 70 hay 80 lần.

Có người nói rằng nếu dân quê của chúng ta thiếu thóc trong hoàn cảnh này họ đã có màu để ăn thế cho gạo (màu là ngô, khoai, đậu trồng sau mỗi vụ lúa và thường chỉ trồng 3 tháng là có ăn). Chúng tôi xin đồng ý nhưng xin nhắc rằng Tây, Nhật đã bắt ngoài việc nộp thóc lúa, dân còn phải trồng các cây kỹ-nghệ thì làm sao còn có đất để trồng màu. Có khi còn phá lúa để trồng cây kỹ-nghệ do đòi hỏi cấp bách của chiến tranh mới thương tâm hơn nữa! Điều đáng chú ý là chỉ ở Bắc-kỳ nạn đói hoành hành dữ dội hơn cả và ở ông Tây thầu ráo riết hơn cả lúa gạo và gai, đay, thầu dầu, trâu v.v... Ở Trung kỳ thì không rõ có việc bắt buộc này không nhưng ở Nam-kỳ thì tuyệt nhiên không có. Như vậy ta có thể nghĩ rằng Tây cố ý đưa đồng bào Bắc-kỳ vào nạn chết đói. Và mục-dịch thế nào, chúng tôi sẽ trả lời sau.

Nghiên cứu về diện-tích trồng các cây kỹ-nghệ ở Bắc-kỳ từ 1940 đến 1944 ta thấy :

CÁC LOẠI	NĂM	
	1940	1944
Bông . . . . .	Không rõ	3.430 ha
Gai . . . . .	"	54 ha
Đay . . . . .	464 ha (1)	12.900 —
Lạc . . . . .	Không rõ	4.000 —
Thầu dầu . . . . .	"	18.500 —
Vừng . . . . .	"	3.220 —
Tổng cộng . . . . .	5.000 ha (2)	42.104 ha

1) Bulletin économique de l'Indochine 1947 F. II trang 183.  
2) Trung-Bắc chủ nhật số 250.

Những con số này được trích ra ở *Bulletin économique de l'Indochine 1947-F.II, trang 183*, và trong *Trung-Bắc chủ nhật số 250, Annuaire statistique 1930-1946, trang F-76,77,78,79*). Như vậy diện tích trồng cây kỹ-nghệ ở Bắc-kỳ trong 4 năm đã tăng lên 9 lần và năm 1944 đã có tới 40.000 ha (mẫu tây là 10.000m<sup>2</sup>) không được trồng ngô, khoai, đậu. Nếu 40.000 mẫu ấy được trồng màu thì dân quê có 88.000 tấn thực phẩm giá trị bằng 64.000 tấn thóc. Theo tên trùm thực dân Chauvet (tên này có hồi làm Công-sứ Lạng-son, khi Phục quốc-quân do cụ Trần-trung-Lập ở Tàu theo Nhật bước chân vào Đông-Dương rồi bị Nhật bội-ước nên đã thua trận. Chauvet hồi đó đã giết rất nhiều quân đội cách mạng), năm 1944 dân quê Bắc-kỳ đã hụt mất 50.000 tấn ngô, khoai đậu là những thứ có thể thay cơm nếu thiếu.

Thêm một bằng chứng về dã-tâm của thực dân Pháp! Chúng đã bắt dân ta bán thóc bằng giá rẻ mạt, với nguyên-liệu kỹ-nghệ chúng cũng mua theo giá thấp hơn giá thị-trường rất nhiều. Thí dụ năm 1944 thực dân mua hạt thầu dầu 38<sup>5</sup> một tạ trong khi giá thị-trường là 1508 hay 1808. Xét ra giá 1

tạ thầu dầu bán cho Tây chưa bằng nửa giá tiền bán bã thầu dầu ở ngoài thị-trường là 85%. Người trồng thầu dầu không sản xuất đủ số nộp cho Tây cũng phải mua ở bên ngoài về nộp cho đủ như các nông dân phải bán thóc. Về các sản phẩm khác như gai, đay, bông, lạc cũng vậy, nghĩa là dân quê bị phá sản vì chế độ thu mua của quân xâm lược và thống-trị không hơn không kém chỉ là những vụ bạch đoạt trắng trợn vô sỉ, dã man hết chỗ nói.

Dân quê vì những hành động bất lương của thực dân bị mất hết tiền bạc, lại thiếu ăn rồi chết đói thì dân các thành phố, các thị-trấn cũng gieo neo. Thành phố trong giai-đoạn này cũng thiếu rõ rệt các thứ ngũ cốc nhất là gạo. Từ 1943 thực dân lập các thẻ phát cho các gia đình như trên đã nói, mỗi nhân khẩu người lớn được mua 15 ký gạo, kẻ cũng tạm đủ ăn, trái lại với đồng bào lao động thì thiếu từ 3 đến 6 ký. Vậy số thiếu phải mua theo giá chợ đen, nhưng đến cuối năm 1943 dân thành phố chỉ được mua có 12 ký (*Trung Bắc chủ nhật số 172 ngày 29-8-1943*) một tháng, đến đầu năm sau số gạo bán «bông» lại hụt đi mất 2 ký và tới 1945 chỉ còn có 7 ký, gạo lại thường mốc, ẩm, nhiều trấu, sạn do các nhà thầu cố tình để gạo ẩm ướt cho nặng cân hơn, trộn sạn hay trấu vào cũng cùng một mục-đích sau khi họ đã hối lộ cho bọn tay sai của Nhật, của Pháp ít nhiều tiền bạc. Như trên chúng tôi đã nói, thực dân bán gạo cho dân thành phố không đủ khiến dân phải mua thêm gạo theo giá chợ đen, nhưng dân nghèo thành phố lấy tiền đâu để mua gạo chợ đen tất nhiên gạo ít thì phải bữa cơm bữa cháo cầm hơi vậy. Lại thêm vài sự khổ cực nữa là xin được cái thẻ tiếp tế những người yếu thế phải dút lót cho mấy ông trưởng phố mới xong; rồi khi có «bông» đi mua gạo phải chầu chực, chen lấn nhau thật khốn nạn trước các hợp tác xã tức là các cơ-quan tiếp-tế. Có người phải ngủ trên xia hè để sớm mai được đứng đầu hàng cho khỏi phải cái nạn chờ đợi đủ làm cho họ phải trào nước mắt như đi xin phát chẩn.

Gạo thiếu, ngô khoai, đậu thiếu đến thịt lại càng khan hiếm hơn bởi thực phẩm để nuôi người còn khó khăn thì lấy đâu ra thức ăn để nuôi gia-súc.

Nói cách khác vì thiếu ăn, người ta phải giết các gia súc rồi các làng xóm không còn thấy chó, gà, vịt, lợn do đó vào tháng 3-1943 có lệnh cấm thịt 2 ngày mỗi tuần lễ. Lúc này dân quê đã phải đi kiếm củ chuối để mà ăn mặc dầu người ta không ưa mấy giống vật xấu xí hôi hám này.

Tháng 10 năm 1944, Bắc-kỳ bị một trận mưa bão ghê gớm nên mất mùa, nhân dân càng lâm nguy thêm. Hàng năm từ 1938 đến 1943 vụ lúa tháng 10 thường chỉ sản xuất được 1.088.700 tấn thóc, nhưng vào cuối năm 1944 nhân dân chỉ thu hoạch có 1.000.000 tấn mà thôi. Trong số thóc này thực dân đã thu mua 125.000 tấn rồi bán lại cho nhân dân thành phố từ tháng 11-1944 đến tháng 5-1945 độ 35.000 tấn, thế là 500 ngàn dân các thành phố được mua gạo trong 7 tháng (con số này căn cứ vào tài liệu của Gourou trong cuốn *L' utilisation du sol en Indochine* trang 95 nói rằng thị-dân ở Bắc-kỳ năm 1936 là 400 ngàn, vậy ta cứ tạm nhận con số 500.000 trên đây cũng chẳng sai lắm là bao). Còn lại là 900.000 tấn thóc không bán được coi như sau vụ gặt tháng 10-1944 nhân dân Bắc-kỳ chỉ còn số thóc 900.000 tấn mà thôi. Nay trừ 55.000 tấn làm thóc giống thì còn khoảng 855.000 tấn để ăn trong 7 tháng. Mỗi người dân trung bình phải dùng tối thiểu mỗi tháng 18 ký thóc và 7 tháng phải có 126 ký. Vậy số 855.000 tấn chỉ có thể nuôi sống được 6 triệu 70 vạn dân còn 3 triệu 30 vạn dân phải trông vào ngô, khoai, đậu v.v... nhưng bởi đất phải trồng cây kỹ-nghệ, nếu họ có trồng màu lén lút hẳn cũng chẳng được bao nhiêu. Quả vậy cả năm Bắc-kỳ chỉ sản xuất được khoảng 147.600 tấn tính ra bằng 133.100 tấn thóc (theo Hoàng-văn-Đức), tháng 10 năm đó giới làm cũng chỉ sản xuất được 2/3 số trên tính ra bằng độ 80.000 tấn thóc. Số thóc này có thể nuôi sống được chừng 600.000 dân trong 7 tháng, như vậy 2 triệu 70 vạn dân không có gì để ăn.

Sau này theo các bản tài liệu in trên các báo chí số người chết đói có khoảng 2 triệu thì có thể nghĩ hơn một triệu đã sống bằng số thóc mua giá chợ đen hoặc sống bằng củ chuối, rau má hoặc nhờ vả vào bà con họ hàng ít thiếu thốn hơn mình.



Nay tính ra nạn đói sỡ dĩ được phát sinh là bởi thực dân Pháp đã cố ý tích trữ rất nhiều đề nấu rượu, bán chợ đen, lập những kho lương thực dự phòng cho cuộc xung-đột giữa chúng với Phát-Xít Nhật. Việc này ta có thể chấp nhận được nếu thực dân tổ chức hay không ngăn trở việc chuyên chở gạo Nam-kỳ ra Bắc-kỳ. Trái lại chúng lại đặt các điều-kiện khắt khe hết sức cho những chủ thuyền mảnh muốn làm việc này (chúng đòi lấy 3/4 số gạo tải ra Bắc bắt kể một sự hao hụt nào trên đường chở Nam ra Bắc và chỉ trả 20\$ cho tiền công tải mỗi tạ gạo). Tàu bay Đồng minh bấy giờ hàng ngày phá hoại các trục giao thông, chúng đối xử như vậy thì còn ai dám xông pha nguy hiểm? Năm 1941 là năm vẫn còn bình thường chúng đã cho chở 185.620 tấn gạo Nam-kỳ ra Bắc nhưng tới năm 1944 chúng chỉ còn chở ra Bắc được có 6.830 tấn đề nấu rượu chứ không phải đề tiếp-tế cho dân chúng mới là ác độc.

Tóm lại nếu năm 1944 dân Bắc-kỳ vẫn có đủ diện tích để trồng cây thực phẩm như thời bình, bọn Nhật-Pháp không thu mua số thực phẩm của ta thì chỉ cần chuyên chở một nửa số gạo Nam-kỳ kể trên như chúng đã làm trong năm 1941 thì làm gì xảy ra nạn chết đói. Xin chứng minh bằng các số-liệu dưới đây :

1. Nhật-Pháp tích-trữ : 90.000 tấn thóc
2. Số mất vì phải trồng cây kỹ nghệ : 64.000 tấn
3. Nửa số gạo Nam-kỳ chở ra Bắc năm 1941 : 93.000 tấn tức 136.000 tấn thóc. Vậy được tất cả là 290.000 tấn, rõ ràng đủ nuôi sống hơn 2 triệu 30 vạn dân trong 7 tháng dù năm đó xứ Bắc bị bão lớn.

Chúng ta cũng không thể quên rằng năm 1944, Phát-Xít Nhật đã xuất cảng 500.000 tấn gạo Việt-Nam (*Annuaire statistique 1946. J-166*) và số thóc thực dân Pháp tích trữ cả ở trong Nam và ngoài Bắc cũng xấp xỉ số thóc của Nhật, ngoài ra không biết bao nhiêu tấn thóc và ngô bị chúng đốt thay than ở Nam-kỳ trong khi nhân dân Bắc-kỳ đang chết đói khắp nơi đâu

đường xó chợ. Riêng số thóc gạo trên đây cũng đã nuôi được 10 triệu con người của chúng ta trong 7 tháng, như vậy ta đã thấy rõ ràng hơn nữa tội ác của bọn Nhật-Pháp thực dân và phát-xít, nhưng việc gây nạn đói làm chết 2 triệu đồng bào chúng ta là một sự ngẫu nhiên hay là một kế-hoạch? Theo chúng tôi đây là một kế hoạch đã được nghiên ngẫm và tiếp tục thi hành luôn mấy năm liền để đạt hai mục đích chính trị và kinh tế rất phù hợp với tình thế và quyền lợi của hai kẻ thù da vàng và da trắng trong những năm thế chiến đang diễn tiến.

a/ Mục đích chánh trị là làm chết một số đông đảo quần chúng Việt-Nam để đánh vào tinh thần của dân Việt chúng ta không mấy khi bỏ lỡ cơ hội vùng dậy lật đổ chế-độ ngoại thuộc. Ngoài ra số không bị chết đói thì cũng mệt mỏi, đầu óc sinh chán nản, lòng yêu nước tất nhiên giảm đi rất nhiều. Đó là ý-nghĩ của cả hai bọn Nhật-Pháp một cách chủ quan nhưng xét ra cũng có lý phần nào chứ không phải là ít thực tế. Tuy nhiên cái gian manh ấy vẫn không thành công và chúng ta còn có thể nghĩ rằng nếu một số người của chúng ta ở cảnh quốc phá gia vong đấm chán nản thì ngược lại đa số lại sôi bầu nhiệt huyết hơn bao giờ hết, vì thế trong giai đoạn lịch sử đen tối thuở đó các đảng cách mạng và chánh-trị lại vùng lên mạnh như chưa từng thấy. Quần chúng trong dịp này cũng hưởng ứng với cao trào cách mạng mãnh liệt hơn bao giờ hết rồi khi trục Bá-Linh, Đông-Kinh La-Mã đầu hàng chỉ hai ngày hôm sau chánh phủ nhân dân cách mệnh V.N đã ra mắt nhân dân và Quốc-tế trong đó đủ mọi thành phần và giai cấp xã-hội đã đưa nhau góp phần tranh đấu và hy-sinh. Nói cách khác sự thành công là của toàn thể dân tộc chứ không riêng của một tập thể nào hết.

b/ Mục đích kinh tế, nếu so sánh thì ít quan trọng hơn mục đích chánh trị nhưng đây là chuyện vợ vét của Pháp-Nhật do sự tham lam vô cùng tàn nhẫn nó nằm sẵn trong đầu óc của bọn làm nghề cướp nước chẳng bao giờ chúng bỏ lỡ.

Hàng triệu tấn thóc được mua rẻ bằng sự hiệp chế để bán ra đắt như vàng thì bọn tư bản Pháp-Nhật làm sao được. Cơ hội ngàn năm một thuở để nich đây túi tham mà ! Ngoài ra thực dân Pháp còn chủ-trương bần cùng hóa nhân dân Việt-Nam mới giải quyết được vấn đề nhân công cho các mỏ, các đồn điền cao su đất đỏ và ở các thuộc địa Tân Guinée, Hébrides, Calédonies v.v... Tên Desrousseaux thanh tra lao động của ngụy quyền thuộc địa Pháp bấy giờ đã tiết lộ rằng : Dân quê Việt-Nam có chết đói đến nơi mới chịu rời làng, phương thuốc để chữa sự quân bách hiện tại (thiếu nhân công) là phải làm cho dân quê khánh-khiet, rút bỏ những món cấp phát, hạ giá các sản phẩm nông nghiệp (Lời này có ghi trong T noignages et documents trang 1-10. Nguyên văn là : *...Le nhà-quê ne conse, à travailler hors de son village que lorsqu'il crève de faim, il faut arriver à cette conclusion bizarre que le remède du malaise actuel est d'appauvrir les campagnes, de supprimer les allocations (?) de baisser le prix des produits agricoles.*

Tôi viết đến đây cũng như bạn đọc đến đây đều không thể ngăn nổi sự uất hận bọn ngoại bang đến tra gan, trào nước mắt. Hết Bắc-thuộc, Tây-thuộc, Nhật-thuộc có bọn nào từ tế chẳng ? Bọn nào đến đây cũng chỉ có cái nhân nghĩa ở ba tấc lưỡi rồi chúng tìm đủ mọi cách bóc lột ta đến xương tủy hay tiêu diệt chủng tộc ta để chia nhau quyền lợi.

Chiến tranh trên bán đảo này sắp cáo chung hoàn toàn.

Cuộc thủ túc tương tàn do độc tài, tư bản ngoại quốc cầm trịch không kéo dài được hơn nữa. Bọn ma vương ác quỷ lại sắp bày trò khác qua những sự vượt ve, mơn trớn chúng ta. Nếu đồng bào Việt-Nam chúng ta không sớm tỉnh ngộ, khôn dại bảo nhau, Nam-Bắc một lòng thì nạn đói 1945 hoặc những đại họa khác biết đâu sẽ chẳng có ngày tái diễn. Và tôi xin kết luận rằng :

« Máu gà chỉ thấm xương gà  
Máu gà có thấm xương ta bao giờ ! »

Người Việt chúng ta đừng bao giờ quên chăm ngôn này và nếu có cơ-hội phải vạch mặt chỉ tên những kẻ đã là tác giả vụ giết hại hai triệu đồng bào chúng ta đầu năm 1945 qua. Chúng lại sắp trở lại đất nước này đây !

\*

## PHỤ-LỤC

Chúng tôi xin chép ra đây nguyên văn bài « Nạn thu thóc 1945 » của Nghiêm-xuân-Yêm đăng trên Tuần báo *Thanh Nghị* số 107, ngày 5-5-1945, trang 18-20 để bạn đọc được thấy những cảm nghĩ và nhận định của người thứ thời về cái tai họa do bọn Nhật-Pháp gây ra :

... « Trải 80 năm dưới chế-độ Pháp-thuộc ta vẫn hằng đói. Đói không đến nỗi chết đói đồng như bây giờ. Nhưng lúc nào cũng đói khiến thân hình còi cọc, khẳng khiu, đói đến vừa tạm xong bữa hôm đã phải lo toan bữa mai ; toàn thể dân chúng không được một phút rảnh nào để lo nghĩ ra ngoài sự sinh sống...

... « Bởi vì bình thường dân ta cũng thiếu ăn như thế, nên hễ rủi gặp những trận bão lụt... ắt nạn đói bùng lên. Nhất là từ hồi người Pháp mượn cờ chiến tranh, lập ra chính sách thu thóc một cách tàn ác thái quá thì rông rã mấy năm nay muôn dân mỗi ngày lâm vào cảnh cơ cực, cùng quẫn và đến nỗi ở khắp đồng nội, thành thị ngày nay mới thấy những thảm trạng thây chết nằm ngổn ngang và người sống vất vưởng neho nhóc như những hồn ma xuất hiện.

« Hàng triệu sinh linh ngày nay tranh ăn hết cả phần của súc vật. Cám, bã đậu phụ, rau chuối, củ chuối... là những thức ăn của lợn. Bây giờ dân ăn cơm độn với cám, ăn bánh đúc cám và cháo cám. Củ chuối ở Trung-châu bị đào, ngoáy lên chừng sắp hết nên có người đã buôn củ chuối từ Trung-đô về xuôi với cái giá 150¢ một tạ. Và người ta tranh ăn hết phần của chúng nên chó, lợn, gà, vịt đều phải chết, và thật thà trở nên ngày một khan.

« Sau khi chúng ta đã nhận rõ thấy rằng dưới chế - độ người Pháp dân mình hằng vẫn bị thiếu ăn thì chúng ta lại thấy rõ nữa là, ngay từ khi trước tình hình chiến tranh, nếu người ta xét ra mùa màng đã bị thiệt hại vì thiên tai và chánh phủ cần phải có thóc trữ với dân gian, các thành phố cần được đong gạo để dành thì đáng lẽ công việc đầu tiên là *đem gạo Nam-kỳ ra Bắc*.

« Gặp lúc khó khăn này, đem gạo ở chỗ thừa ăn bù vào chỗ thiếu ăn, hoặc di dân từ nơi thiếu ăn, lẽ tất nhiên phải như vậy. Nhưng người Pháp đã không làm như thế. Đã đành rằng trong buổi chiến tranh, vì đường xa nên sự vận tải khó khăn và chậm trễ. Tuy nhiên, đó chẳng phải việc không thể làm được. Chứng cứ là trước đây 5 tháng, người ta vẫn thấy có gạo Nam-kỳ chở ra tới Vinh; nhưng người Pháp cho tích trữ lại trong các kho ở đó và chỉ cho ra tới Bắc-kỳ một số rất ít. Và chẳng tới ngày nay người ta vẫn còn có thể tổ chức được việc thông thương Nam-Bắc bằng thuyền mảnh thì khả dĩ hiểu rằng hồi trước người Pháp vì những lẽ riêng của họ, họ đã không chú tâm dùng cách đem gạo trong Nam ra để cứu viện ngoài Bắc chứ không phải cách ấy không thi hành được.

« Người Pháp hiểu thừa rằng dân đói tới cực độ rồi. Và nguyên ở Bắc-kỳ cứ cấu véo lương thực ở tỉnh nọ đem sang tỉnh kia hoặc ở phủ này đem sang phủ khác thì chỉ là cách viện trợ quẩn quanh, chứ thực ra trong toàn xứ vẫn bị đói. Hơn nữa, nếu người ta còn tích trữ một phần lớn gạo để « phòng xa » thì tất nhiên dân càng bị đói tăng gấp bội. Nhưng người Pháp có cái dã tâm không cứu dân, có cái ác tâm để mặc dân chết đói. Viên Thống-sứ người Pháp chẳng đã trả lời một nhân viên trong ban cứu tế rằng :

« Ông nói hiện nay dân đói. Nhưng dân An-nam bao giờ mà chẳng đói? Nạn đói này chỉ như một cơn sốt rét, tự nó sẽ lui dần... »

\*

Phạm-gia-Kính, trên tuần báo Thanh-Nghị số 110 ngày 26-5-1945 về một vài nét về nạn đói :

« Theo một cuộc điều tra gần đây, chúng tôi được biết rằng riêng trong một làng Thượng-Cầm, thuộc về phủ Thái-Ninh, tỉnh Nam-Định, năm ngoài có 900 suất đình thì tính đến hôm 20-5 năm này chết chỉ còn 400, và tính cả năm phụ lão ấu trong làng có 4000 người, nay chết đói mất hơn 2000. Số ruộng trong làng có tất cả là 1000 mẫu, hiện bỏ hoang có tới 500 mẫu ».

\*

Bản dịch một đoạn trong thư của Vespy tháng 4-1945 — *Témoignages et documents français relatifs à la colonisation française au Việt-Nam - Hanoi 1949, trang 1-15* — đã tả cảnh dân ta chết đói như sau :

« Họ đi thành rặng dài bất tuyệt gồm cả gia đình, già lão có, trẻ con có, đàn ông có, đàn bà có, người nào người ấy rúm lại vì sự nghèo khổ, toàn thân lở ló, gầy guộc giờ xương run rẩy, ngay cả đến những thiếu nữ đã đến tuổi dậy thì, đáng lẽ hết sức e thẹn cũng thế. Tình thoảng họ dừng lại để vuốt mắt cho một người trong bọn đã ngã và không bao giờ đứng dậy được nữa hay để lột những mảnh giẻ rách không biết gọi là gì cho đúng đang còn che thân người đó. Nhìn thấy những hình người xấu hơn con vật xấu nhất đó, nhìn thấy những xác chết co quắp cạnh đường chỉ có vài nhánh rơm vữa làm quần áo vừa làm vải liệm, người ta thực lấy làm xấu hổ thay cho cái kiếp con người... »

(Một phần tài liệu của bài biên khảo này được trích trong cuốn *Xã hội Việt-Nam trong thời Pháp-Nhật* của Nguyễn-khắc-Đạm).

Luật-pháp và phong-tục :

**tòa án phong-tục,  
cơ quan tài phán của đồng bào sắc-tộc**

*Người chết có nhà-mở che mưa nắng, được chia đầu của cải với người sống và những của cải ấy được yếm bùa ngải treo cao ở nhà mở ; hằng ngày người chết vẫn được tiếp tục nuôi ăn bằng cách cho thực phẩm vào một ống tre chôn sẵn thọc sâu xuống mộ... Đây là một trong vô số những tập tục của các đồng bào sắc tộc Bahnar, Rhadé, Gia-Rai v.v... ở miền thượng du Trung Việt. Đối với họ «phép vua vẫn thua lệ làng», cho nên dù có áp dụng pháp luật chúng ta nữa, tòa án không thể không dựa theo phong tục mà phân xử... (L.T.S.)*

\*

Sau khi Sắc luật 06/65 ngày 22-7-65 được ban hành đến nay hầu hết các quận xã có an ninh tại cao nguyên Trung phần đều đã thiết lập các Tòa án Phong tục dành cho đồng bào các Sắc-tộc.

Theo một tài liệu của Bộ Phát Triển Sắc Tộc chỉ không đầy hai năm tính đến đầu năm 1967 hệ thống tài phán Thượng đã được đặt xong tại 123 xã, 19 quận với ba ban Thượng vụ Tòa án Liên Tỉnh : một đặt tại Dalat cho hai tỉnh Tuyên Đức, Lâm Đồng, một đặt tại Ban Mê Thuột cho tỉnh Darlac, Quảng Đức và một đặt tại Pleiku cho ba tỉnh Pleiku-Kontum-Phú Bôn.

Tòa án Phong tục Thượng được tái lập theo nguyện vọng của đồng bào Thượng sau cuộc cách mạng 1963 mà nền đệ 1 Cộng Hòa đã bãi bỏ.

Các Tòa án Phong tục Thượng trên cao nguyên Trung phần gồm 7 địa hạt tại 7 tỉnh Darlac, Quảng Đức, Tuyên Đức, Lâm Đồng, Pleiku, Kontum, Phú Bôn có thẩm quyền xét xử về dân sự và hình sự trong trường hợp các đương sự đều là người Thượng thuộc các sắc dân địa phương chia ra từng

Bộ lạc với những tín ngưỡng, tập quán, ngôn ngữ và nếp sống riêng khác biệt với người Kinh. Tuy nhiên khi nào cả hai bên đương tụng thỏa thuận và yêu cầu vụ tranh tụng sẽ được đưa ra xét xử trước Tòa án quốc gia.

Ngoài ra Tòa án Quốc gia cũng xét xử những hành vi phản nghịch, phá rối trị an, xâm phạm an ninh quốc gia, sát nhân do người Thượng phạm tội, các vụ tranh tụng giữa người Thượng và người Kinh. Trong các trường hợp nay thành phần Tòa án quốc gia sẽ gồm thêm Phụ thẩm là người Thượng.

Hệ thống tài phán Thượng được ghép vào các cơ cấu hành chính và tư pháp quốc gia gồm các cấp xã, quận, tỉnh và cấp thượng thẩm.

Các Tòa án Phong tục Xã, Quận và ban thượng vụ Tòa án Tỉnh áp dụng những quán lệ và phong tục địa phương trong khi xét xử miễn không trái với luật lệ công cộng.

**TÒA ÁN PHONG TỤC XÃ**

Đặt tại Ủy ban Hành chính Xã, Tòa án Phong tục Xã gồm Chánh án do Chủ tịch Ủy ban Hành chính Xã (nay là Xã trưởng) kiêm nhiệm, và 2 Phụ thẩm người Thượng do dân đề cử trên nguyên tắc mỗi tuần xử một kỳ và nhiều hơn nếu cần, có thẩm quyền hòa giải trước các vụ về dân sự, thương sự không phân biệt giá ngạch do một mình Chủ tịch Ủy ban Hành chính Xã đảm trách và nếu cần sẽ tham khảo ý kiến các phụ thẩm.

Nếu hòa giải xong, Chủ tịch Ủy ban Hành chính Xã lập biên bản ghi rõ sự thỏa thuận của hai bên đương sự ký tên.

Trường hợp hòa giải bất thành nếu vụ tranh tụng không quá 5000, Tòa án Phong tục Xã sẽ xét xử theo tập quán và sẽ xử sơ thẩm với quyền kháng cáo trước Tòa án cấp Quận trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Về hình sự, Tòa án phong tục Xã xử chung thẩm những vụ vi cảnh nghĩa là những vụ phạt sấm lễ vật cúng kiến hoặc phạt khố định mà giá ngạch không quá 5000.

## TÒA ÁN THƯỢNG VỤ QUẬN

Đặt trụ sở tại cơ sở Hành chính Quận, tùy theo trường hợp có thể xử tại một nơi nào khác trong địa phận Quận, và trên nguyên tắc mỗi tháng xử hai kỳ, hoặc nhiều hơn nếu cần. Tòa án Thượng vụ Quận gồm một Chánh án do Quận Trưởng kiêm Thẩm phán Hòa giải đảm nhiệm, và 2 phụ thẩm người Thượng do dân đề cử.

Tòa án Thượng vụ Quận xử chung thẩm những vụ kháng cáo các Tòa án Phong tục Xã mà giá ngạch không quá 500\$, xử sơ thẩm với quyền kháng cáo vụ kiện về dân sự và thương sự mà giá ngạch trên 1.500\$ hoặc không định rõ là bao nhiêu, xử các tội phạm gọi là « trọng hệ » theo tập quán, phạm đến tôn giáo, tín ngưỡng như xâm phạm mồ mả, làng mạc trong budi tế lễ, quấy rối khi tuyên thệ và xúc phạm đến thần linh.

Về hình sự Tòa án Thượng vụ Quận xử các tội phạm có tính cách tiêu hình và ngoài ra còn có thể đương nhiên thụ lý các khinh tội, hay vi phạm mà tòa án được biết trong giới hạn thẩm quyền ấn định trên đây.

## BAN THƯỢNG VỤ TÒA ÁN TỈNH

Mỗi Tòa án Quốc gia cấp sơ thẩm ở Cao nguyên Trung phần được thiết lập một Ban Thượng vụ chuyên xét xử các vụ kiện giữa người Thượng mỗi tháng họp xử ít nhất một lần hoặc nhiều hơn nếu cần, với thành phần một Chánh án người Thượng chủ tọa với hai phụ thẩm người Thượng phụ tá một lục sự Quốc Gia và một thư ký thông ngôn.

Ban Thượng vụ Tòa án Tỉnh xử chung thẩm những vụ kháng cáo các phán quyết sơ thẩm của Tòa án Thượng vụ cấp Quận về dân sự, thương sự và hình sự, xử sơ thẩm các vụ kiện vi phạm hoặc trọng tội không thuộc thẩm quyền của Tòa án Thượng vụ cấp Quận và Xã.

## CẤP THƯỢNG THẨM

Tòa án Thượng thẩm Quốc gia với thành phần thường lệ thêm hai phụ thẩm người Thượng và tại Ban tại Hình trong thành phần thường lệ, 2 phụ thẩm người Thượng sẽ thay thế 2 phụ thẩm nhân dân người Kinh, có thẩm quyền xử chung thẩm những vụ kháng cáo các bản án hình xử sơ thẩm bởi Ban Thượng vụ Tòa án Tỉnh và có quyền tự ý mang ra xử lại những vụ mà Tòa Thượng thẩm cho rằng đã xử sai lầm tại Tòa án Thượng vụ Quận và Ban Thượng vụ cấp Tỉnh.

Ông Chương lý, Giám đốc Tư pháp sở quan được quyền đề nghị hoãn cải hình phạt tử hình lên Tổng Trưởng Tư Pháp để trình Tổng Thống.

## THỜI HẠN KHÁNG CÁO VÀ HIỆU LỰC CÁC PHÁN QUYẾT

Thời hạn kháng cáo phán quyết sơ thẩm của Tòa án Phong tục xã là 15 ngày tròn. Cấp quận và tỉnh là 30 ngày kể từ ngày tuyên án và phán quyết của các Tòa án này sẽ thành nhất định khi hết thời hạn đi thẩm 30 ngày tròn kể từ ngày mãn hạn kháng cáo.

Phán quyết chung thẩm của Tòa án Thượng vụ Quận và ban Thượng vụ Tòa án cấp tỉnh trở thành nhất định và có hiệu lực chấp hành sau khi hết thời hạn 30 ngày tròn kể từ ngày tuyên án nếu Tòa Thượng thẩm không hành xử quyền hạn đi thẩm cùng trong thời hạn 30 ngày đó.

Trong trường hợp phạt vạ tiền phạt nộp vào ngân sách quốc gia các hình phạt giam sẽ thi hành tại các trại cải huấn tại Cao nguyên Trung phần. Các hình phạt giam trên 3 năm, các hình phạt khổ sai có thể thi hành tại các trại cải huấn khác. Tội tử hình sẽ xử bắn nếu không được hoãn cải.

Các biện pháp khoan hồng có điều kiện do vị nguyên thủ quốc gia quyết định theo đề nghị của tỉnh trưởng có sự thỏa hiệp của Bộ Tư Pháp.

Tụng nhân được miễn tất cả loại số phí trước Tòa án, xử theo phong tục, tuy nhiên khi tuyên án tòa chiếu lỗi và tập quán phong-tục của đương tụng để quyết định về việc gánh chịu án phí, án phí này sẽ nộp vào ngân khố quốc gia.

### THÂM QUYỀN TÒA ÁN QUỐC GIA ĐỐI VỚI NGƯỜI THƯỢNG

Tòa án Quốc gia áp dụng biện pháp quốc gia thụ lý các vụ tranh tụng khi nào đòi bên đương tụng người Thượng thỏa thuận với nhau mà yêu cầu đưa ra xét xử trước Tòa án Quốc gia và các tội phạm khác như hành vi phản nghịch, phá rối trị an, xâm phạm an ninh quốc gia, sát nhân do người Thượng vi phạm.

Thành phần Tòa án hợp xử là thành phần luật định gồm thêm 2 phụ thẩm người Thượng. Trường hợp Tòa án Quân sự hay Tòa án Quân sự Mặt trận thụ lý, 1 trong 4 phụ thẩm luật định sẽ là người Thượng.

Tòa án quốc gia các cấp cũng xét xử các vụ hộ giữa người Thượng và người Kinh, những vụ hộ khi có người Kinh bị liên hệ và sẽ áp dụng luật pháp quốc gia, và có thể chiếu theo phong tục tập quán và tín ngưỡng của đương tụng người Thượng mà linh động áp dụng trường hợp gia trọng hay giảm khinh về hình sự.

Thành phần Tòa án Quốc gia cấp Quận, Thượng thẩm sẽ là thành phần luật định gồm thêm 2 phụ thẩm : Một Thượng một Kinh tại ban đại hình Tòa Thượng Thẩm, hai phụ thẩm nhân dân ấn định từ trước sẽ là một người Thượng và một người Kinh.

### CÁC PHỤ THẨM VÀ CHÁNH ÁN BAN THƯỢNG VỤ TÒA ÁN TỈNH

Các phụ thẩm các Tòa án Phong tục từ cấp Xã trở lên và Chánh án Ban Thượng Vụ Tòa án Tỉnh được lựa chọn theo lời dân chủ và trong số những người có tinh thần quốc gia, đức tính ngay thẳng và hiểu biết phong tục Thượng.

Hàng năm vào đầu tháng 12 dương lịch, các Chủ tịch Ủy ban Hành chánh xã tiếp xúc với dân chúng lập một danh sách chính thức gồm 12 người được đề cử bằng cách đơn giản như giơ tay, gửi lên Tỉnh qua Quận để Tỉnh Trưởng dựa theo đó mà chọn 2 phụ thẩm thiết thọ và 2 phụ thẩm dự khuyết cho mỗi Tòa án Phong tục xã.

Cũng trong thời gian trên, các Quận Trưởng tiếp xúc với dân chúng địa phương lập một danh sách gồm 18 thân hào nhân sĩ Thượng do dân đề cử làm phụ thẩm Tòa án Thượng vụ Quận, và một danh sách thứ hai gồm các thân hào Thượng uy tín nhất trong Quận do dân đề cử làm phụ thẩm tại ban Thượng vụ Tòa án Tỉnh, các phiên Tòa Thượng thẩm xử những vụ giữa người Thượng và các Tòa án quốc gia xét xử những tội phạm và những vụ tranh tụng luật định liên hệ đến người Thượng. Quận Trưởng gửi 2 danh sách này qua Tỉnh lên Chương lý, Giám-đốc Tư pháp sở quan để chọn cử.

Các danh sách do Quận gửi lên Tỉnh và gửi lên Chương lý đều kèm theo một bản lý lịch cho mỗi nhân vật được đề cử với lời ghi chú của Quận Trưởng về tài đức, uy tín và tinh thần quốc gia của nhân vật ấy.

Mỗi thân hào Thượng chỉ được chọn cử làm phụ thẩm tại một Tòa án phong tục nhưng có thể kiêm nhiệm chức phụ thẩm tòa phong tục tại Tòa án Quốc Gia đồng cấp nếu sự kiêm nhiệm này không gây bất lợi cho công việc xét xử.

Bộ Tư Pháp sẽ xét duyệt, ký nghị định bổ nhiệm chánh án ban Thượng vụ Tòa án Tỉnh.

Nhiệm kỳ của phụ thẩm đoàn và chánh án ban Thượng vụ Tòa án Tỉnh là một năm. Vị chánh án có thể được tái cử khi mãn nhiệm và sự tái nhiệm không giới hạn.

Chánh án và phụ thẩm Sắc tộc được hưởng thù kim hành nhiệm, phụ cấp vắng phần và lưu trú do ngân sách quốc gia đài thọ.

Song song với việc «định canh» đồng bào Sắc tộc, cũng những chính sách nâng đỡ khác của Chính phủ nhằm giúp đồng bào thiểu số theo kịp đà tiến bộ người Kinh, việc tái lập Tòa án Phong tục Sắc tộc ngoài việc đáp ứng nguyện vọng đồng bào còn là việc thực thi tinh thần thượng tôn luật pháp và đem công lý đến gần dân của Chính phủ.

(Trích Việt-Nam Thông-Tấn-Xã  
số 8.063 — ngày 23-4-73).

Góp Từ ngữ cho bộ Từ điển Việt Nam :

## từ ngữ về các loại cây cỏ hoa trái trong bộ đại nam quốc âm tự vị

Trong mấy năm vừa qua, chúng tôi có dịp đọc được nhiều bộ từ điển Việt Nam, từ những bộ xa xưa của Alexandre de Rhodes, của Tabert cho tới những bộ gần đây nhất, như bộ Việt Nam tự điển của Lê văn Đức ở miền Nam, bộ Từ điển tiếng Việt do Văn Tân chủ biên ở miền Bắc (1). Trong số mấy mươi bộ từ điển mà chúng tôi được xem qua đó có hai bộ mà chúng tôi vẫn thường tra cứu nhiều lần hơn hết là bộ Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của và bộ Dictionnaire Annamite Français của J.F.M Génibrel. Theo thiên ý, hai bộ từ điển ấy là những công trình biên soạn công phu và đóng góp rất nhiều lợi ích cho văn hóa Việt Nam, mà giả thử như không có hai bộ sách đó thì những người muốn học hỏi tiếng Việt, như là tiếng Việt ở miền Nam, sẽ bị thiệt thòi biết bao nhiêu. Những ai đã từng quan tâm đến tiếng mẹ đẻ, đã từng xem qua các bộ từ điển Việt Nam gần đây nhất, chắc đôi lúc cũng chợt có ý nghĩ như chúng tôi là : Sau gần một thế kỷ trôi qua kể từ khi hai bộ từ điển nói trên ra đời, người Việt chúng ta vẫn chưa làm được một bộ từ điển nào thật công phu hơn để tỏ ra xứng đáng với sự nghiệp văn hóa của người xưa để lại !

Di nhiên hai bộ từ điển ấy vẫn có một số khuyết điểm, nhưng công lao lớn nhất của hai soạn giả là ghi chép lưu lại cho chúng ta một kho tàng từ ngữ xưa mà ngày nay ta không còn dùng, không còn biết đến nữa.

Chúng tôi đã mất mấy tháng trời đọc từng chữ trong hai bộ từ điển ấy và ghi chép ra thẻ tất cả những tiếng đặc biệt và sắp theo từng loại, gồm trên mười ngàn thẻ. Trong phạm vi bài này chúng tôi không muốn nêu lên tất

(1) Bộ này do ông Chủ tịch Ủy ban Biên chế văn tự mua ở Paris về cho Ủy ban dùng.

cả những điểm đặc sắc của hai bộ từ điển ấy một cách tỉ mỉ bằng những dẫn chứng cụ thể, có thể chúng tôi sẽ đề cập đến trong một dịp khác.

Riêng về bộ Đại Nam quốc âm tự vị, hiện chúng tôi đã xếp loại xong và đang nghiên cứu kỹ lưỡng nội dung bộ từ điển ấy. Bây giờ chúng tôi chưa vội phê phán công trình của nhà làm từ điển Huỳnh Tịnh Của, chúng tôi xin phép được ghi chép ra đây một số tiếng mà chúng tôi đã trích ra từ bộ sách ấy. Việc làm này có lẽ sẽ giúp ích phần nào cho những người làm từ điển sau này khi người ta muốn biết xem những tiếng nào đã được Huỳnh Tịnh Của định nghĩa rồi hay chưa? Sở dĩ chúng tôi dám nói như vậy là vì trong bộ Đại Nam quốc âm tự vị soạn giả sắp xếp các chữ không được khoa học lắm, không theo một thứ tự để tìm như các từ điển ngày nay, khiến cho trong từ điển ấy có những tiếng mà chúng ta không biết phải tìm ở chữ nào, ở trang nào trong sách ấy. Chúng tôi đã phải mất nhiều thời giờ ghi chép ra thế rồi sắp xếp lại theo thứ tự a, b, c và phân ra từng loại tiếng để tiện việc nghiên cứu.

Bắt đầu ở số Văn Hóa tập san này chúng tôi xin ghi lại tất cả các loại cây cỏ hoa trái mà Huỳnh Tịnh Của đã định nghĩa, rồi lần lượt đến các thứ loại, các tiếng đặc biệt khác chúng tôi sẽ cho đăng vào các số sau.

Chúng tôi nghĩ rằng sau khi đọc xong những từ ngữ về các loại cây cỏ hoa trái nêu ra ở đây, chúng ta sẽ thấy có nhiều chữ Huỳnh Tịnh Của định nghĩa vừa gọn mà vừa đủ để cho ta hình dung ra các đặc điểm của mỗi thứ cây cỏ hoa trái. Đặc biệt là có một số loại thảo mộc ông cho ta biết nó có vị thuốc gì dùng để trị bệnh chi. (Điều này tưởng cũng cần ích cho các dược sĩ nào thích phân chất cây cỏ ở đất nước mình để rồi dùng « cây nhà lá vườn » bào chế ra những thứ thuốc công hiệu cho mỗi chứng bệnh của dân mình). Chúng tôi chép y nguyên văn của Huỳnh Tịnh Của, kể cả lối viết chính tả của ông, các tiếng « cây, cỏ, hoa, trái » ở trước mỗi loại thảo mộc cũng được giữ đúng như vậy, thứ tự a, b, c chỉ căn cứ vào chữ khởi đầu ghi tên những loại cây cỏ hoa trái ở sau các loại từ đó mà thôi.

## À

**Trái đu:** tên trái giống cái đầu trâu, có hai cái sừng. Loài dây ở nước.

## B

**Trái ba đậu:** thứ trái nhiều dầu, chính là vị thuốc hạ mạnh lắm.

**Cây ba giót:** tên cây, vị thuốc rét.

**Cây bá bộ:** tên cây, cũng là vị thuốc rét.

**Cây bá diễn:** tên cây.

**Bá hợp:** thứ trái cây, cũng là vị thuốc ho.

**Bạc hà:** loài rau thơm cay, cũng là vị thuốc trị chứng nhức đầu.

**Cây bạc hà:** loại cây môn mà trắng, người ta hay dùng tay nó mà nấu canh, không dùng củ.

**Bạch chi:** thứ cây nhỏ có củ trắng mà thơm. Vị thuốc trị chứng nhức đầu.

**Bạch đàn:** (xem chữ Huỳnh đàn).

**Bạch đậu khấu:** trái cây vỏ trắng có mùi cay, hay tiêu thực, trị chứng đau bụng. / Loại trái ré mà trắng vỏ, hạt có mùi thơm. Thảo sản Cao-mên. Vị thuốc. (1)

**Bạch phục linh:** loài củ ở trong rễ cây tòng hóa ra. Thiên niên hồ phách, bách niên phục linh. Sách Tàu nói nhựa tòng ngàn năm hóa hồ phách, rễ tòng trăm năm hóa phục linh.

**Bách thược:** loài cây cỏ, nhiều sắc bông tốt, củ nó trắng. Vị thuốc giải nhiệt.

(1) Có khi một tiếng được Huỳnh Tịnh Của định nghĩa hai lần ở hai chỗ khác nhau, chúng tôi xin chép lại hết và phân ra bằng một số đứng.



*Cỏ bàn châu, hoặc vừng châu* : thứ cỏ mọc gốc rễ một vàng.

*Bắc tế tân* : loại cỏ thơm, vị thuốc trị chứng nhức đầu.

*Bắc đại kích* : loại củ, vị thuốc bổ

*Bắp con chàng* : bắp mới trổ trái non.

*Bắp đá* : giống bắp nếp lớn hạt, ít dẻo.

*Bắp nếp* : thứ bắp trắng hạt mà dẻo như nếp.

*Bắp tẻ* : thứ bắp đỏ hạt, ít dẻo.

*Bắp thiên thai* : giống bắp thấp cây, cũng gọi là bắp hai tháng rưỡi.

*Bắp vang* : thứ bắp hạt đỏ bầm.

*Bầu sao* : thứ bầu xanh da, có nhiều đốm trắng.

*Bầu thúng* : thứ bầu lớn trái lấm

*Bèo cám* : thứ bèo nhỏ tản mẩn, người ta hay vớt cho heo ăn.

*Bèo tía* : thứ bèo tía lá, vị thuốc xông bàn phong.

*Cây bo bo* : cây ý dĩ, hạt nó dẻo dai, người ta hay ăn, cũng là vị thuốc.

*Cây bò cạp* : thứ cây tạp có bông giống như bông điệp, trái nó tròn dài, có kẻ dùng nó mà ăn trâu, vỏ cây nó dùng làm thuốc rét.

*Trái bò nâu* : Thứ trái cây vỏ dày mà lớn, trong ruột nó có cơm vàng vàng mà thơm, người ta hay ăn.

*Cây bò nẹt* : loại cây tạp, nhỏ lá mà có mùi hôi.

*Bòn hòn* : tên cây đắng lấm, người ta hay dùng mà làm thuốc rét.

*Bông* : loài buri nhỏ trái.

*Rau bợ* : loài rau đất ướt.

*Cây bời lời* : tên cây gỗ mềm thịt, có thứ vàng thứ trắng.

*Bồ bồ* : thứ cỏ thơm, rễ nó có nhiều mắt, lá nó làm lá tằm.

*Bối mẫu* : thứ trái cây có nhiều phấn trắng. Vị thuốc ho.

*Bóm* : thứ cây nhỏ, đầy những gai, con tây hay ăn.

*Cây bông cò* : loài cây nhỏ có bông giống kiến cò. Vị thuốc lác.

*Cây bông ngọt* : thứ cây nhỏ, rễ nó trị chứng kiết, cũng gọi là bông ngọt

*Bi bãi* : thứ cây nhỏ xấp thịt, hạt nó gọi là nữ trinh tử. Vị thuốc nhức đầu.

*Bi hàng nam* : trái bi còn nhỏ, còn non.

*Bi ngô* : thứ bi lớn trái, nguyên là giống bên Trung quốc đem sang. Thổ sản nước Ngô.

*Bi rợ* : thứ bi tròn trái có khía, da đỏ. Thổ sản của mọi, cho nên gọi là bi rợ.

*Dây bìm bìm* : dây cỏ hay leo rào, hạt nó là hắc sừ, dùng làm thuốc hạ.

*Bán thiu* : tên cây. Cũng về loại cây bún, rễ nó là một vị thuốc trị bệnh sản hậu.

*Bừa* : loại măng cụt mà nhỏ trái hơn, chua hơn, cũng gọi là măng cụt rừng.

## C

*Cà cò* : cà nhỏ trái mà có gai, ít người ăn ; thứ cà hay mọc ngoài đồng. Giống cà trái nhỏ mà tròn, hay mọc theo cò, ít kẻ ăn.

*Cây cà chắt* : thứ cây gỗ bền chắc.

*Cây cà đúi* : loài cây gỗ giống cây dầu mà mịn thịt hơn.

*Cái đày* : cây kê nễ ; váng lột cho có thể đứng mà cưa.

*Cam đường (đường)* : tên cây. Thứ cam ngọt lắm thường để mà thượng tiến. Thuở xưa ông Triệu Bá đi vắng dân thường ghé dưới cây cam đường, đến khi ông ấy chết, lòng dân thương tiếc, giữ lấy cây cam đường không cho đốn phá, cùng làm ra bài ca cam đường.

*Cây cam* : thứ cây lớn, trái nó có phần như cam.

*Cát nhân* : loại cỏ thơm

*Cau luôn bẹ* : cau trở bốn mùa

*Cau ọt* : giống cau nhỏ trái

*Cau tầm vun* : cau chín phơi lấy nguyên hạt

*Cây cặm xe* : thứ cây gỗ chắc, giống gỗ mà to số.

*Cây cần duột* hay là *cừm duột* : tên cây nhỏ có trái chua, chát, cũng là vật gia vị.

*Cây cần thăng* : thứ cây có nhiều gai, lá nhỏ, chính là cây trồng kiềng

*Câu dăng* : loại dây có câu móc, vị thuốc phong gọi là *câu dăng cầu*, trọt nó ra có vôi, người ta hay ăn luộc, cũng gọi là *rau cầu*.

*Cây cóc* : tên cây, vỏ nó giống như da cóc.

*Dây cóc* : dây sẵn co rút lại. Một thứ dây hay mọc bờ sông, có kẻ lấy lá nó mà làm thuốc rét, vỏ lấy nước bỏ muối mà uống chặn cử.

*Cây cóc* : thứ cây cao lớn, vỏ nó dẻo dai làm dây được, trái nó tròn mà chua.

*Trái cỏ chi* : thứ trái độc, mã tiền.

*Dây cỏ tay* : thứ dây lớn, ngoài vỏ rần rĩa như da tây, vị thuốc độc.

*Cây cối xay* : thứ cây cỏ có trái giống hình cái thớt cối xay, vị thuốc ho. Thường gọi là cây giăng xay.

*Công* : một thứ cây sườn nhẹ mình hay giữ vỏ, lớn lắm thì bằng hai tay, người ta hay dùng làm cây phao kiến bè.

*Cùi đèn* : thứ cây tạp, vỏ giòn và đắng lắm, người ta hay dùng làm thuốc đau bụng. Cọp đau bụng cũng cắn vỏ nó mà ăn, cho nên gọi là *cùi đèn cọp ăn*.

*Cừm rượu* : tên cây nhỏ nhỏ có trái giống hạt cừm, hay mọc theo đất giồng, rễ nó dùng làm thuốc trái.

*Cừm thảo* hoặc *cam thảo* : loài dây, vị thuốc ho, hạt nó đỏ mà nhỏ, con nít hay xỏ mà đeo như hạt cừm.

*Dây cắt quạ* : thứ dây có trái lớn mà tròn, đến khi chín thì đỏ da mà trong ruột đen, không ăn được ; rễ nó người ta hay dùng làm thuốc trái.

*Cừu lý hương* : thứ cây nhỏ lá thơm xa, cũng là vị thuốc trị chứng nhức đầu.

*Cây chàm* : thứ cây nhỏ, lá tròn, có nhiều phần xanh, chính là vật làm ra màu xanh.

*Cây chàm bìa* : thứ cây lớn, người ta hay lấy vỏ nó mà xảm trét ghe thuyền.

*Cây chàm hôi* : thứ cây giống chàm mà hôi, không có màu.

*Cây chàm trâu* : thứ chàm lớn lá

*Chành gởi (Nhành gởi. Chùm gởi)* : loại cây cỏ hay mọc nhờ trên cây khác.

*Cây chành rành* : thứ cây nhỏ về loại dương tòng, nhánh lá đều thơm, người ta hay dùng nấu rượu chôi, cũng kêu là chôi rành rành.

*Cây chay* : thứ cây lớn có trái lớn, ăn được mà chua ; rễ nó có kẻ dùng mà ăn trâu.

*Trái chằm bao* : hạt đại phong tử có nhiều dầu ; vị thuốc ghê.

**Trái chằm kết** : thứ trái dài mà giẹp, giống trái bò cạp, người ta hay dùng mà gói đầu, thường phải đốt rồi thì nấu lấy nước mà gói.

**Chè bạng** : thứ lá cây người ta dùng như chè Huế. Thở sản đáng ngoài.

**Củ chi** : loại mã tiền, vị thuốc trị phong bại.

**Chi hao** : loại cỏ, vị thuốc thâu mồ hôi.

**Chi tử** : trái dành dành ; màu vang nhuộm lót đỏ ; vị thuốc mát, thông đàng tiêu.

**Cỏ chỉ** : thứ cỏ có sợi dài như sợi chỉ, vị thuốc trị chứng băng lậu.

**Cỏ chỉ thiên** : tục danh là cỏ nọ áo, làm thuốc nhức đầu.

**Cỏ chỉ trắng** : thứ cỏ chỉ màu bạc mà yếu, vị thuốc trị bạch đới.

**Rau chiết** : thứ cây thấp nhỏ mà lớn lá, hay mọc hai bên mé sông, nhằm con nước ròng nó sinh lá non, mùi chất chất; người ta hay ăn như các món rau.

**Chiêu liệu** : thứ cây tạp dày vỏ, vị thuốc trị chứng thương hàn.

**Cây chim chim** : tên cây có lá năm chia, vỏ nó kêu là ngũ da bì; vị thuốc đau mình.

**Dây chiu** : loài dây cỏ, dẻo dai, người ta hay dùng làm dây. Tên cây cỏ, lá nó nhám, người ta hay dùng mà trau chuỗi.

**Cây chó đẻ** : thứ cây cỏ nhỏ, đàn bà đẻ hay nấu nước mà uống cho sạch máu mẹ. / Loại cỏ người ta hay dùng mà làm thuốc sản hậu.

**Choại** : loài dây hay mọc theo đất bằng, hay chịu mưa nắng, người ta hay dùng mà bện đấng.

**Củ chóc** : thứ củ ngựa, vị thuốc trị đàm kêu là bán hạ.

**Cây chồi mồi** : thứ đồ ngon, dùng làm thuốc bại sản hậu, (phải dùng rễ). Tên cây, lá nó dùng làm thuốc đau ; rễ nó làm thuốc bại.

**Cây chùm đuột** : thứ cây tròn trái mà nhỏ cũng sai lắm; trái nó có mùi chua chát, con nít hay ăn.

**Chuối** : thứ cây suôn, mình nước, nhờ bẹ úp lại nhiều lớp làm ra một cái cốt, mỗi chót bẹ có tàu dài, lá dóng hai bên.

**Chuối cau** : thứ chuối nhỏ trái mỏng vỏ mà thơm, ai nấy đều chuộng, chính là vật dùng mà đi lễ.

**Chuối com** : thứ chuối dày vỏ lớn trái hơn chuối cau, mà nhão thịt.

**Chuối chát** : cũng là chuối hột, trái nó còn sống có vị chát nhiều, hay dùng làm gói.

**Chuối hột** : thứ chuối lớn cây xanh bẹ, lá nó thường dùng mà gói bánh, trái nó đầy những hột, hay dùng sống, ít ăn chín.

**Chuối lá đen** : thứ chuối thường, đến khi chín lại đen vỏ, đồ thịt.

**Chuối lá trắng** : thứ chuối thường, đến khi chín lại trắng vỏ.

**Chuối lửa** : thứ chuối trái vừa, đến khi chín vỏ nó lại đỏ như màu lửa.

**Chuối nanh heo** : thứ chuối cây vừa, trái nhọn giống cái nanh heo, cũng là chuối thơm ngon.

**Chuối non nước** : cũng là một thứ chuối lớn trái mà ít ngon.

**Chuối nước** : thứ chuối hay mọc dưới nước.

**Chuối ngà** : thứ chuối thấp cây lớn trái mà dài, giống cái ngà voi.

**Chuối sen** : cũng là một loại với nanh heo, nài nó đơm giống cái lá sen.

**Chuối sứ hoặc chuối xiêm** : thứ chuối lớn trái ngọt mật, nguyên là thổ sản nước Xiêm, thuở mới có, ai nấy đều lấy làm quý.

**Chuối tiêu** : thứ chuối nhỏ cây nhỏ trái mà dài, mau tiêu, không độc, kẻ có bệnh nên ăn.

**Chuối và hương** : thứ chuối lớn cây, dài trái, chín rồi vỏ cũng còn xanh, mà thơm cùng bở thịt.

**Chuối và lùn** : thứ chuối thấp cây quá, trái dài lớn mà có mùi chua.

**Chuối vòng** : thứ chuối lớn cây, chính là thổ sản Bà-ri-a, trái nó vuông vuông. Nấu chín lại ngọt hơn.

## D

**Da lông** : thứ da lớn lá và có lông; chính là lá tì bà, làm thuốc ho, thũng.

**Cây dành dành** : thứ cây nhỏ, bông thơm, có trái, mà trong ruột vàng tươi, màu lợt đỏ, cũng là vị thuốc mát, sách thuốc gọi là *chi tử*.

**Cây dầu** : tên cây gỗ, chính là cây dầu rái. Có dầu lông, dầu sỏ, dầu mít, dầu đỏ ngọn, dầu trà ben, dầu song vàng cũng về một loại cây mà ít dầu.

**Cây dầu mè** : thứ cây người ta hay trồng làm ranh, lớn lá, trái tròn, hạt có nhiều dầu, mà nó là một phương thuốc trị lưỡi trắng, mà độc.

**Cây dầu rái** : thứ cây có nhiều dầu, phải mỡ bộng mà đốt thì dầu chảy ra.

**Du thung thọ** : tên cây lớn, người ta hay trồng hai bên đường.

**Duối** : tên cây, vỏ nó người ta dùng mà làm giấy, lá nó nhám dùng mà trau giồi.

## Đ

**Đợi bạch** : cây tầm vun (nguyên hạt).

**Đàng đệ** : cây đàng, cây đệ, hai cây xấp xỉ, mượn nghĩa là anh em.

**Đào lộn hạt** : thứ đào hạt ở ngoài trái, trái hạt đều ăn được; mà cây nó dùng làm thuốc ho, nghĩa là ngâm cho thông đàm.

**Đào xiêm** : giống đào bên Xiêm đem sang, có đỏ trắng hai thứ, vị nó chua, hạt đều ở trong.

**Đào nhơn** : loại hạt đào giống hạt bí, vị thuốc nhuận trường.

**Đăng đặng** : loài dây xốp mà vàng thịt, thợ nhuộm hay dùng mà lột màu đỏ.

**Đàng** : giống cỏ dài cộng ở đất sinh, có kẻ dùng mà lợp nhà.

**Cây đầu heo** : tên cây lớn, da trơn, có nhiều u giống cái đầu heo.

**Đậu** : tiếng kêu chung các thứ rau cỏ sinh trái có hạt nhỏ người ta hay ăn, cũng về loại ngũ cốc.

**Đậu xanh, đậu đen, đậu trắng, đậu nành, đậu mành tặc, đậu ngự, đậu quiên, đậu ván, đậu cút, đậu rần, đậu móng chim, đậu bún, đậu rồng** : các thứ đậu người ta hay ăn, tùy theo hình sắc nó mà đặt tên, các thứ trước là đậu cây nhỏ, bảy thứ sau đều là đậu dây dài.

**Đậu đũa** : thứ đậu trái dài như chiếc đũa, cây nó lớn và dễ trồng, cũng gọi là *cây so đũa*.

**Đậu mèo** : thứ đậu dây, có trái cong queo mà nhiều lông, động tới thì ngứa, cũng gọi là trái mắt mèo.

**Đậu phụng** : thứ đậu sinh trái dưới đất, chính là đậu dầu, chữ nho kêu là *lạc hoa sanh*.

**Đậu rựa** : thứ dây trái lớn mà dài giống cái trình rựa.

**Đậu rặng** : thứ đậu cây, nhỏ hạt mà vàng; rễ cây nó người ta hay dùng mà làm thuốc sản hậu, thuốc trái.

**Hạt đậu táy** : thứ đậu hạt rất đặng, vị thuốc trị chứng đau bụng.

**Cây diên diên** : tên cây xốp hay mọc theo đất bưng.

*Cây điều* : cây sinh trái tròn mà có gai, trong ruột có hạt đỏ người ta hay dùng làm màu điều.

*Đinh hương* : thứ cây trổ bông thơm, hạt nó giống cái đinh, vị thuốc tiêu bở.

*Cây đinh lăng* : thứ cây nhỏ, gốc có u nần, người ta hay trồng chơi, lá nó có nhiều chia cũng có mùi thơm. Thứ cây nhỏ, lá có chia mà thơm, người ta hay dùng làm lá tẩm.

*Đinh tử thảo* : loài cỏ độc.

*Đinh lịch* : loại rau (vị thuốc)

*Đoác* : thứ cây giống như cây dừa người ta hay lấy cõ hũ nó mà làm bột.

*Cây ớt* : thứ cây nhỏ cộng nhiều bông như bông lúa, người ta hay dùng mà bỏ chùi quét ván.

*Đờ* : loại rau đắng.

*Độc huýt* : thứ rễ cây có mùi thơm, vị thuốc phong.

*Đông trùng thảo* : thứ cỏ sinh rễ giống hình con sâu, vị thuốc.

*Đờng đĩnh* : tên cây hay mọc ngoài đồng, giống cây cau, mà trái nhỏ đóng cả buồng./ Loại giống như rau, lớn cây, trái cả xâu mà tròn, tại chỗ bẹ nó úp có thứ meo trắng, người ta cạo làm bùi nhùi.

*Cây đu đủ* : thứ cây mềm, không nhánh, suôn như cây cau, trái lớn, đóng chung quanh cõ hũ.

*Đu đủ tía* : thứ cây nhỏ, tía cây, tía lá, ra trái cả buồng, hạt có dầu, cũng là vị thuốc.

*Cây đuôi chuột* : loại cây nên thuốc, người ta lấy rễ nó mà trị chứng phong bại.

## E

*Ế* : loại rau thơm.

*Ế lớn lá* : loại rau, cả bông lá đều thơm.

*Ế tía* : thứ ế tía cây tía lá mà thơm, cũng gọi là lá tằm.

*Ế trắng* : thứ trắng cây trắng lá mà thơm hơn, cũng gọi là bực hà nam.

## G

*Giềng* : thứ cây lúp xúp có gai, hay mọc theo đất giềng, có trái tròn mà có khía.

*Trái gác* : trái dây gác, đến khi chín trong ruột nó đỏ, người ta hay dùng mà xới màu đỏ.

*Hạt gác* : hạt nó giống hình con trạnh, cho nên gọi là mộc biếc tử, cũng là vị thuốc trị chứng đau vú, phải mài nó với nước cơm mà thoa chỗ đau.

*Gừng giở* : thứ giống như gừng không cay mà thơm. Vị thuốc trị phong thấp. Phép dùng nó phải đâm nát nó ra, thang với giấm mà bóp chỗ đau hoặc xông hơi nó.

*Cây gùi* : tên dây hay đeo trên cây khác.

*Trái gùi* : trái dây gùi, rừng Biên-hòa, Bà-ri-a có nhiều, trái nó tròn, mùi chua chát, chín rồi cũng có mùi ngọt.

*Gĩa* : thứ cây nhiều nhánh sum sê hay mọc theo bực sông, cũng là củi thối.

*Cây giá* : thứ cây lớn có bông thơm, ong mật hay ăn, đất Rạch giá có nhiều.

*Giáng hương* : thứ cây gỗ lớn mà thơm, thịt nó xen sắc đỏ đen.

*Cây giăng xay* : cây cối xay, trái nó giống cái thớt cối xay, bông lá dùng làm thuốc ho gió, sắc với đường phèn.

*Giâu* : thứ cây lớn, trái nhiều, đóng cả xấu, thổ sản nước Xiêm.

*Giâu nếp* : loại cây giâu mà vỏ trái có mũ cũng gọi là lòn bòn.

*Giền điều* : thứ giền lớn cây mà đỏ điều, cũng là vị thuốc mát thường dùng mà đặt chỗ huyết vận.

*Cây giọt sành* : tên cây, nhiều người nói lá nó hóa ra con giọt sành.

*Giữa* : loài cây giống cây thơm, một thứ gọi là *giữa gai*, lớn cây, dài lá, người Hạ-châu hay dùng mà làm chiếu, một thứ nhỏ cây lá mềm, không gai, mà thơm, gọi là *giữa thơm* người ta hay dùng mà làm lá tắm.

## H

*Hà thủ ô* : loài dây, củ nó đen, chính là vị thuốc bổ có tài làm cho xanh râu đen tóc.

*Hạ khô thảo* : loài cỏ, qua tới mùa hạ liền khô, tục danh là dây lổp bốp, vị thuốc phong.

*Cây hàn the* : thứ cỏ lá tròn mọc sát đất, vị thuốc mát.

*Cỏ hàn the* : thứ cỏ nhỏ lá, người ta dùng làm một vị thuốc mát.

*Hạu phác* : thứ vỏ cây có mùi cay thơm, cũng là vị thuốc làm cho ngon ăn, đất Bà-rija, cũ lao Phú-quốc có nhiều.

*Cây hoa phấn* : thứ cây có hoa đỏ vàng, nhiều sắc và có hạt tròn, mà đen ở trong hạt có bột trắng như phấn.

*Cây hoa sói* : thứ cây nhỏ giống cây trầu, bông nó giống năm ngón tay chúm lại, mỗi mắt đều có hạt trắng nhỏ rất thơm tho, người ta dùng mà ướp trà tàu.

*Hoắc hương* : loại cây nhỏ, nhánh lá đều thơm, vị thuốc trị chứng nhức đầu, thổ tả.

*Hoàng kỳ* hay *Huỳnh kỳ* : rễ cây vảy, vị thuốc bổ hay làm cho ráo mồ hôi.

*Vỏ hoàng năng* : thứ vỏ cây, sắc vàng mà đắng lẫm, ấy là một vị thuốc trị bá chứng cùng trừ nọc chó dại (Thổ sản Quảng-binh, Nghệ-an).

*Lá hử nhĩ* : loài cỏ, lá nó có rân, giống cái tai cọp.

*Huyền tinh* : thứ cây nhỏ mà lớn lá, giống cây ngải, củ giống củ riềng, người tay hay dùng mà làm ra một thứ hạt quít.

*Huỳnh bá* : thứ cây mỏng vỏ mà vàng như nghệ ; vị thuốc giải nhiệt.

*Huỳnh cầm* : rễ cây vàng vàng, vị thuốc giải nhiệt.

*Huỳnh đàn* : cũng là một loại màu vàng, mịn thịt, lớn cây, thợ mộc lấy làm quí.

*Huỳnh liên* : rễ cỏ vàng vàng, vị thuốc giải nhiệt, trị đau mắt.

*Cỏ hương bài* : loại cỏ thơm, kỵ mối, sâu. Thuốc ướp.

## K

*Cây keo* : thứ cây nhỏ, trái nó có mũ dẻo dai.

*Cây kê* : loại dừa rừng, lớn cây không trái, lá nó đóng xây tròn như rễ quạt.

*Cây kê* : tên cây cao lớn mà lá nhỏ.

*Ké đầu ngựa* : thứ cây nhỏ, trái có gai, vị thuốc xông bàn phong, mảy đay.

*Cây kiền kiền* : thứ cây nhỏ mà dẻo dai, người ta hay dùng mà chườt chèo.

*Kim cúc* : cúc vàng nhỏ bông mà thơm ngọt, người ta hay bỏ vô trà mà uống, cũng là vị thuốc trị chứng nhức đầu.

*Khoai* : loài cây, dây hay sinh củ rễ có nhiều bột.

*Khoai ếp* : tên khoai.

*Khoai gà* : một thứ khoai dây rất độc, ăn nhầm thì chết đại.

*Khoai lang* : thứ khoai dây, hay mọc lang dưới đất.

*Khoai từ* : thứ khoai mình dây hay leo cây khác.

*Khoai ngọt, khoai ngà, khoai mài, khoai brou, khoai mỡ, khoai tím, khoai mọi* : các giống khoai hay bò trên cây khác.

*Khoai môn, khoai sen, khoai sấp, khoai cánh tiên, khoai mịn, khoai vôi, khoai cau, khoai dưng, khoai sọ, khoai bán* : các giống củ, cây mình nước, giống như cây môn, cũng thuộc về loài môn.

*Khoai gòn, khoai mì, khoai bán* : Đều là củ một thứ cây xộp mình có nhiều lổm.

(Còn tiếp một kỳ)

## TIN TỨC văn hóa, giáo dục và thanh niên

### TÔNG-THÔNG TRUY TẶNG ĐỆ II ĐẢNG BAO QUỐC HUÂN CHƯƠNG CHO CỜ QUỐC VỤ KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN HÓA MAI-THỌ-TRUYỀN

Theo bằng tuyên dương công trạng, cụ Mai là một chính khách tài ba, một nhà văn hóa nhiệt thành.

Cụ từ trần ngày 17-4-73 sau một cơn bạo bệnh, hưởng thọ 68 tuổi.

Tông-Thống VNCH Nguyễn-văn-Thiệu đã truy tặng đệ nhị đảng Bảo-Quốc huân-chương cho cụ Mai-Thọ-Truyền.

Hiện diện trong buổi lễ có Phó Tông-Thống, Thủ-Tướng, và một số đồng Tổng Bộ Thứ Trưởng trong Nội các.

Trong lãnh vực văn-hóa cụ Mai là người có công bảo tồn và phát huy những giá trị văn-hóa dân-tộc bị lãng quên, sáng lập, phát triển, nâng đỡ tổ chức văn-hóa và giới thiệu văn-hóa VN với ngoại quốc. Cụ làm hội viên Hội Nhân-Sĩ (1963), Thượng Hội-Đông Quốc-Gia (1964) và Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa từ tháng 12 năm 1968 đến ngày Cụ từ trần.

### TUẦN-LỄ VĂN-HÓA TẠI TRƯỜNG QUỐC-GIA AM-NHẠC VÀ KỊCH NGHỆ SAIGON

Trong khuôn khổ Tuần lễ Văn-hóa 1973, Trường Quốc-Gia Á.N. và KN Saigon tổ chức 6 đêm văn-nghệ. Đêm đầu tiên dành cho môn hát bội với 2 vở tuồng 'La-Nhơn đại chiến Đờ-Lư' và 'Triệt-Giang, Triệu-Tử đoạt Ấu-Chúa'. Đêm tiếp theo là hát chèo vở 'Đáng đời cô á' của soạn-giả Nguyễn-dinh-Nghị.

Đêm 4-5 trình diễn vở cải lương «Mưa Nguồn» của Nguyễn-Thành-Châu.

Đêm 7-5 vở kịch «Chén thuốc độc» của Vũ-đình-Long được trình diễn.

Đêm sau đó 9-5, tổ chức dành cho những màn độc tấu, song tấu hòa tấu dân ca V.N.

Đêm 10-5 các Ban đại hòa tấu trình bày các tác phẩm của Vivaldi, Bach, Mozart, Mendelssohn, Gossec, Toselli, Trần-ánh-Linh và Nghiêm-phú-Phi. Trong mỗi buổi đều có diễn thuyết đề tài từng bộ môn.

#### PHỦ QVKĐTVH TỔ CHỨC TRÌNH DIỄN VĂN NGHỆ VÀ TRIỂN LÃM TẠI VINH LONG, ĐÀ LẠT.

Phủ QVKĐTVH tổ chức những cuộc trình diễn văn nghệ và triển lãm lưu động tại Vinh Long và Đà Lạt vào trung tuần và hạ tuần tháng 5 nhằm phổ biến văn hóa trong nước.

Chương trình được thực hiện từ 11 đến 13-5 tại Vinh Long và từ 22 đến 24-5-73 tại Đà Lạt.

Tại mỗi nơi, có 3 buổi trình diễn văn nghệ gồm thoại kịch, cổ nhạc VN, hát bội và cải lương.

Giáo sư Trương hữu Lang điều khiển dàn quốc nhạc, nghệ sĩ Bích Thuận phụ trách thoại kịch, nhóm Đinh Bằng Phi hát bội, hội Ái hữu Nghệ sĩ trình diễn cải lương.

Ngoài ra còn có sự góp mặt của một số nghệ sĩ thủ đô như Bùi Thiện, Ngọc Thanh, Bảo Ân, Trương Duy, Thanh Thùy, Huy Văn, Trang thanh Lan, Tú Trinh, Mỹ Dung, Hữu Phước, Hương Lan, Việt Hùng, Ngọc Nuôi, Nam Hùng, Thanh thanh Hoa

Những họa phẩm, ảnh nghệ thuật, các sách báo do Phủ QVKĐTVH ấn hành được triển lãm nhân dịp này.

#### ÔNG TỔNG TRƯỞNG GIÁO DỤC KHAI MẠC CUỘC TRIỂN LÃM SÁCH BÁO VÀ TRANH ẢNH TẠI ĐÀ LẠT

Ông Ngô Khắc Tinh, Tổng Trưởng Giáo Dục, XLTV Phủ QVKĐTVH đã khai mạc cuộc triển lãm sách báo và tranh ảnh tại Lữ quán Thanh niên Đà Lạt.

Cuộc triển lãm quy tụ 50 ấn bản họa phẩm của các họa sĩ Tây phương, 80 ảnh màu đen trắng của các nhiếp ảnh gia trong Hội ảnh nghệ thuật VN và hội ảnh K.B.C, 1 số tác phẩm hội họa, điêu khắc, sách báo và các ấn phẩm của Phủ QVKĐTVH.

Hiện diện trong lễ khai mạc có Thiếu tướng Lâm quang Thọ, Đại-Tá Nguyễn hợp Đoàn và một số sinh viên học sinh.

Cuộc triển lãm sách báo tranh ảnh và trình diễn văn nghệ tại Đà Lạt nằm trong chương trình triển lãm lưu động do Phủ QVKĐTVH tổ chức.

#### TRÌNH DIỄN VĂN-NGHỆ TẠI HỘI VIỆT-MỸ

Một số nghệ-sĩ tổ chức đêm 29-4 tại thính đường Hội Việt-Mỹ một chương trình «Đông và Tây gặp nhau trong quá trình âm nhạc».

Mở đầu phần dân ca 3 miền «Lời ca tiếng nhạc của Tô Tiên» với «Lý tình tang» và «Lý bốn mùa» thêm vào đó một điệu dân ca Khmer đã gây nhiều thích thú.

Mục nhạc cổ điển là «Lý con Sáo», «Khúc hoa Chúc» được trình tấu với dàn nguyệt, tranh, sáo, nhị và độc huyền.



Bản dân ca Hoa-kỳ «Clémentine» mở đầu phần «tác phẩm của các bậc đàn anh», tiếp theo là Dạ khúc, Bóng ai qua thềm, Tình nghèo...

Buổi trình diễn đã thu hút rất đông thính giả.

#### BUỔI TRÌNH DIỄN THI CA TƯỢNG NIỆM NHÀ THƠ UNG-BÌNH THỨC GIA THỊ

Ngày 8-4-1973 Tinh Việt Văn Đoàn tổ chức 1 buổi trình diễn văn thơ tại trường QGÂN nhân dịp kỷ niệm 12 năm Ung Bình Thức gia Thi, dưới sự chủ tọa của Ô. QVK/ĐTVH Mai-Thọ-Truyền.

Nhà văn Phạm-dinh-Tân đã bình thơ ca ngợi và ông cũng giới thiệu một số thi văn của cố thi sĩ.

Một tuyển tập thi ca tưởng niệm cố thi-sĩ đã được phát hành sau buổi trình diễn.

#### TRUY TẶNG BỘI TINH VĂN HÓA GIÁO DỤC ĐỆ NHẤT HẠNG CHO CỐ NGHỆ SĨ DUY LÂN

Ông Ngô Khắc Tịnh, xử lý thường vụ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa đã tới trụ sở Hội Nghệ sĩ Ai hữu VN để truy tặng Bội tinh Văn hóa Giáo dục đệ nhất hạng cho cố nghệ sĩ Trần văn Lân tự Duy Lân.

Ông Duy Lân là một nghệ sĩ lão-thành đã góp phần rất nhiều vào việc phát huy văn hóa và bảo tồn nghệ thuật nước nhà. Năm 1970 ông đã được ân thưởng Văn hóa Giáo dục bội tinh đệ nhị hạng.

Được biết tới 21-5-73, luật sư Trịnh quang Bình đại diện ông Tổng Ủy Trưởng Tổng ủy Dân vận đã truy tặng Đệ Nhất hạng Tâm lý chiến bội tinh cho cố Nghệ sĩ Duy Lân.

#### HỘI THẢO VỀ ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM VÀ VĂN ĐỀ VĂN HÓA DÂN TỘC

Trong chương trình «Làm đẹp tuổi trẻ, thấp sáng quê hương», Viện Khoa học Giáo dục đã tổ chức buổi hội thảo với đề tài điện ảnh VN và văn hóa dân tộc lúc 9g30 sáng qua, chủ nhật 22-4 tại Hội trường của Viện, số 102 đường Hùng Vương, Chợ Lớn.

Ông Quốc Phong, Giám đốc Liên Ảnh Công Ty đã lên thuyết trình về quá trình thăng trầm của điện ảnh VN từ lúc phôi thai cho tới ngày nay.

Theo Ông Quốc Phong, điện ảnh VN sơ di không phát triển được vì thiếu sự nâng đỡ và thiếu một chính sách chung dài lâu.

Trong phần hội thảo, Đạo diễn Hoàng vinh Lộc cho rằng làm phim ở VN là một sự «hy sinh, liều lĩnh bởi vì chưa có một chính sách chung cho điện ảnh VN».

Tài tử Trần Quang cho rằng kỹ thuật diễn xuất của tài tử V.N tuy chưa được điều luyện nhưng không thể nói rằng họ không sống thực khi diễn xuất. Những vết sẹo trên thân thể anh đã minh chứng được điều đó.

Tham dự buổi hội thảo sáng qua có sư huynh Mai Tâm, Viện Trưởng viện Khoa học Giáo dục, Ông Quốc Phong các đạo diễn Bùi Sơn Duân, Lê Dân, Thái Thúc Nha, Hoàng Vinh Lộc, các tài tử Trần Quang, Đoàn Châu Mậu, Thanh Hoài, Ngọc Tuyết... và hơn 300 sinh viên tham dự.

Buổi hội thảo kết thúc lúc 12 giờ trưa cùng ngày trong bầu không khí thông cảm, vui vẻ sau khi sư huynh Mai Tâm và các nữ sinh viên trao quà kỷ niệm gồm một bức tượng hình bó đuốc cho các đạo diễn và tài tử điện ảnh.

### TRIỂN LÃM HỌA PHẪM SƠN DẦU CỦA LÊ-CAO-PHAN

Ngày 20-5-1973, ông Châu Ngọc Thôi, Đồng Lý Văn Phòng Phủ Q.V.K Đ.T. Văn Hóa, đã cất băng khai mạc tuần lễ trình bày họa phẩm sơn dầu của họa sĩ Lê-cai-Phan tại phòng triển lãm cơ sở Dân vận Đô-thành Saigon. Đây là kỳ triển lãm cá nhân thứ 3 của họa sĩ kể từ năm 1962, với trên 40 tác phẩm thuộc trường phái ấn tượng và 10 tác phẩm có tính chất biểu hiện nói lên tâm trạng của tác giả trước thời cuộc. Được biết ông Lê-cai-Phan còn là một nhạc-sĩ đã xuất bản nhiều nhạc tập dành cho thiếu-nhi trên 20 năm nay.

### TRIỂN LÃM TRANH NGUYỄN-QUỲNH TẠI PHÁP VĂN ĐỒNG MINH HỘI

Buổi triển lãm được khai mạc tối 15-6-73 tại trụ-sở Pháp văn Đồng Minh hội, đường Gia Long Saigon.

Trên 30 bức tranh sơn dầu được trưng bày với nét vẽ nhẹ nhàng, màu sắc hòa hợp đã đưa người thưởng ngoạn vào 1 thế giới mới lạ trong giấc mơ êm đềm, huyền hoặc.

Họa-sĩ Nguyễn-Quỳnh sinh năm 1941 tại Hải Dương đã tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định.

### THUYẾT TRÌNH VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM TẠI GENEVE

Tòa Đại diện Thường trực VNCH tháng 5-73 tổ chức một buổi hội họp thân hữu tại « Club culturel et Oecuménique » tại Genève với đề tài « Vai khĩa cạnh văn hóa Việt-Nam ».

Một nhân viên của tòa Đại diện đã trình bày những điểm độc đáo của nền văn-hóa Việt-Nam.

Cuốn phim năm 1972 « chiến tranh và xây dựng tại VNCH » đã được chiếu sau phần thuyết trình và cử tọa bày tỏ lòng ngưỡng mộ quân dân VNCH vừa chiến đấu cho tự-do vừa xây dựng.

### TỔNG TRƯỞNG VHGD TN CHỦ TỌA ĐÊM VĂN-NGHỆ DO HỘI VĂN-HÓA BÌNH-DÂN TỔ CHỨC

Ông Tổng Trưởng Văn hóa Giáo dục và Thanh niên Ngô-khắc-Tĩnh đã chủ tọa đêm văn-nghệ do Hội Văn-Hóa Bình-Dân tổ chức vào tối 16-6-73 tại rạp Thống Nhất Saigon.

Đêm văn nghệ với chủ đề Đông và Tây trong ca nhạc dân tộc do Nghiêm Phú Phát, Ngọc Dung, Đào Duy Anh, Đoàn Chính, Phan Thế và các bạn hữu trình diễn.

Đây là buổi trình diễn thứ 4 của chương trình văn nghệ dân-tộc.

### HỘI ĐỒNG VHGD ĐÃ THÔNG QUA DỰ ÁN THIẾT LẬP HÀN LÂM VIỆN QUỐC-GIA

Toàn bộ bản văn dự án lập Hàn Lâm Viện Quốc-Gia đã được Hội-Đồng VHGD thông qua sau khi các hội thảo viên chấp thuận 10 điều khoản cuối cùng của bản văn này.

Dự án gồm 4 chương, 37 điều khoản sẽ được chung quyết trong phiên họp tới.

Theo điều 30, ngân sách Hàn Lâm Viện là ngân sách tự trị, các vị hàn lâm không hưởng một khoản lương bổng nào nhưng có phụ cấp hội họp công tác theo điều 31 quy định.

Một ngân khoản sẽ được trích trong ngân sách quốc-gia theo điều 33 để xây cất một trụ sở và thư viện cho Hàn Lâm Viện Quốc-Gia.

### HỢP MẶT VĂN NGHỆ SĨ GIỚI THIỆU CUỐN TIÊU THUYẾT CỦA VIÊN LINH

Nhà Khai Hóa đã tổ chức buổi họp mặt tại quán Hầm Gió đường Võ-Tánh Saigon nhân dịp phát hành cuốn « Hạ Đò, có chàng tới hỏi » của nhà văn Viên Linh.

Đây là tác phẩm thứ 14 của tác giả, sách dày 300 trang, đề giá 450\$, là 1 truyện tình lấy bối cảnh tại Nha-Trang, Saigon, Vinh-Long với nhân vật là các sinh viên đại học.

Hiện diện trong buổi họp mặt có đông đủ văn-nghệ-sĩ như Thanh-tâm Tuyền, Sơn-Nam, Túy-Hồng, Nguyễn-thụy-Long, Huyền-phương-Anh, Phạm-Duy, Nguyễn-đức-Quang và Kiều-Chinh.

### KHÁNH THÀNH TRƯỜNG TIỂU-HỌC CỘNG ĐỒNG GIANG-THUYỀN

Tổng Trường Văn-hóa Giáo-dục và Thanh-niên, ông Ngô-khắc-Tĩnh đã chủ tọa lễ khánh thành trường tiểu-học cộng-đồng Giang-Thuyền góc Tôn Đản và Tôn-thất-Thuyết.

Ông Tổng Trường cho biết đường lối giáo dục ngày nay chú trọng nhiều đến bậc tiểu học nhằm đào tạo một căn bản vững chắc cho thiếu nhi.

Địp này, ông Tổng Trường cũng gán Văn hóa Giáo dục bội tinh cấp nhị hạng cho ông Phó Thái Gia và kỹ-sư Lâm-Thảo.

Trường Giang-Thuyền vừa được chính trang với kinh phí 21 triệu đồng do ngân sách Tòa Đô-chính đài thọ.

Trường có 2 tầng lầu với 9 phòng học thu nhận gần 900 học sinh.

### KHÁNH THÀNH 3 PHÒNG HỌC MỚI TẠI TRƯỜNG TÔ HIỂN THÀNH (NINH THUẬN)

Ông Tổng-Trường Văn-hóa, Giáo-dục và Thanh-niên đã chủ tọa lễ khánh thành 3 phòng học mới được xây cất tại trường trung học công lập Tô Hiến Thành.

Ông Tổng Trường khen ngợi phụ huynh học sinh đã tích cực đóng góp vào việc phát triển ngôi trường. Theo ông, dân chúng tại địa phương đã ý-thức được sự quan trọng của giáo dục trong vấn đề phát triển quốc gia và

nhờ vậy mà đường lối phát triển cộng đồng do Chính phủ đề ra đã được thành công tốt đẹp.

Ông Nguyễn Tấn Nhiều Phó Tỉnh Trưởng đã đọc diễn văn chào mừng, sau đó các ông Hiệu Trưởng và Hội Trưởng Hội Phụ huynh Học sinh đã lần lượt trình bày về diễn tiến thành lập và phát triển trường sở.

Trường Tô Hiến Thành đã được xây cất từ 1962 dưới danh hiệu (trường Tháp Chàm gồm 1 lớp với 48 học sinh.

Hiện nay trường có 14 phòng gồm 25 lớp với 1200 học sinh và được cải danh Tô Hiến Thành từ đầu 1973.

### ÔNG THỨ TRƯỞNG VHGD NÓI CHUYỆN VỀ ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Ông Thứ Trưởng Văn hóa Giáo dục Đỗ bá Khê đã thuyết trình về đề tài "Đại học Việt Nam trên đà phát triển", vào ngày 26-6 tại Hội Việt Mỹ Saigon.

Ông Đỗ Bá Khê là một nhà giáo có nhiều hoạt động về giáo dục : ông là sáng lập viên trường Les Lauriers Saigon, từng là Phó Giám đốc viện Hải Học Nha Trang, giáo sư Đại học Sư phạm Saigon và chủ tịch chương trình Tốt nghiệp Giáo Dục Đại học.

### CHUẨN TƯỚNG TƯ LỆNH SƯ ĐOÀN 5 BỘ BINH ĐƯỢC TẶNG VĂN HÓA GIÁO DỤC BỘI TINH

Ông Ngô khắc Tĩnh, Tổng Trường Văn hóa Giáo dục và Thanh niên ngày 21-6-73 nhân danh Thủ Tướng chánh phủ ân thưởng đệ 1 hạng Văn hóa Giáo dục bội tinh cho Chuẩn tướng Trần quốc Lịch tư lệnh Sư Đoàn 5 B.B.

Theo bản tuyên dương công trạng, Chuẩn tướng Lịch là một tướng lĩnh ưu tú, ngoài nhiệm vụ quân sự còn quan tâm đến công cuộc phát triển giáo dục, tổ chức trường sở cho con em binh sĩ, yểm trợ các sinh hoạt văn hóa của thanh niên sinh viên và học sinh với nhiều thành quả tốt đẹp.

### SẼ MỞ ĐẠI HỌC BAN ĐÊM CHO NGƯỜI LỚN TUỔI VÀ IT THỜI GIỜ.

Một loại trường đại học đặc biệt được Bộ VHGD và TN nghiên cứu tổ chức về đêm.

Theo Ông Tổng Trưởng Ngô khắc Tinh, biện pháp trên được thực hiện nhằm giúp người lớn tuổi hiểu học nhưng không đủ thì giờ, có thể tiếp tục mở mang kiến thức và văn hóa của mình.

Nay mai sĩ số sinh viên được hạn chế qua nhiều kỳ-thi nhập-học và mở thêm những trường kỹ thuật ngắn hạn như Đại học Cộng đồng và Sư phạm học.

### KHÁNH-THÀNH QUÁN CƠM SINH VIÊN

Ông Tổng Trưởng Văn Hóa và Thanh Niên đã khánh thành Quán cơm Sinh viên tại số 2 Đinh Tiên Hoàng, Saigon, vừa được chỉnh trang lại với tốn phí 5 triệu đồng. Mỗi khẩu phần trị giá 120đ nhưng chỉ phải trả 80đ, còn 40đ do Chính phủ đài thọ.

### HỌC SINH ƯU TỬ 18 TRƯỜNG CÔNG LẬP SAIGON GIA ĐỊNH NHẬN NHIỀU PHẦN THƯỞNG GIÁ TRỊ

114 học sinh của 18 trường trung học đã nhận được nhiều phần thưởng giá trị trong dịp phát thưởng cuối năm tại trường Sư phạm Saigon.

## SÁCH MỚI

Khối Văn Hóa, Bộ Văn Hoá Giáo Dục và Thanh Niên vừa xuất bản :

1) **Phủ Biên Tập Lục** (tập II và là tập cuối) của Lê Quý Đôn, bản dịch của Lê Xuân Giáo, 449 trang chữ Việt, 492 trang chữ Hán, giá 1100đ.

Tập này gồm các quyển 4,5 và 6 trong bộ 'Phủ Biên Tập Lục' nói về Thuế khóa, Nhân tài, Văn chương và Sản vật. Các quyển 1,2 và 3 đã được xuất bản trong tập I.

2) **Lịch Triều Hiến Chương Loại chí**. (tập II) của Phan Huy Chú, bản dịch của Tố Nguyên Nguyễn Thọ Dực, 238 trang chữ Việt, 320 trang chữ Hán, giá 800đ.

Tập này có tên là 'Nhân Vật Chí' gồm các quyển IX, X, XI, và XII trong Bộ Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí, tổng cộng 49 quyển, nói về các vị tướng có tiếng và tài giỏi đời Lý, đời Trần, đời Lê (quyển IX), sau thời Lê Trung Hưng (quyển X); các nhà Nho có đức nghiệp các đời Trần, Mạc, Lê Trung Hưng (quyển XI) và các bề tôi tiết nghĩa thuộc các đời Trần, sơ Lê và cuối Lê.

Tập I đã xuất bản năm 1971 gồm quyển thứ và 5 quyển đầu mang tên "Địa Dư Chí".

3) **Tự Đức Thánh chế văn Tam Tập** quyển IX, X, XI, XII XIII và XIV (tập cuối) của vua Tự Đức, bản dịch của Bùi Tấn Niên và Trần Tuấn Khải, 282 trang chữ Việt, 288 trang chữ Hán, giá 800đ.

Các quyển này gồm các bài Dụ, Tựa, Văn, Biểu, Phú, Chiếu, Sớ, Thư, Tán, Bạt, Ký và các sách văn (các đề thi) của Vua Tự Đức.

Các quyển Mục Lục từ I đến XIII đã được xuất bản năm 1971 gồm toàn các bài Dụ.

4) **Trung Kỳ Dân Biên Thi Mạt Ký**. của Tây Hồ Phan Chu Trinh, chú dịch và giới thiệu của Lê Ấm và Nguyễn Quyết Thắng, 101 trang chữ Việt, 58 trang chữ Hán, giá 420đ.

Đây là tài liệu được tác giả viết tại Paris năm 1911 tức 3 năm sau khi phong trào chống thuế ở miền Trung bị dập tắt.

Tài liệu viết bằng Hán văn, được dịch ra Pháp ngữ để trình cho nghị viện và Tổng Trưởng thuộc địa Pháp hầu minh oan cho dân chúng và các nhà chí sĩ bị hãm hại tù đày về vụ dân biển ở Trung kỳ năm 1908.

5) Phong trào Kháng thuế miền Trung năm 1908 qua các châu bản triều Duy Tân của Nguyễn thế Anh, 186 trang, giá 420<sup>đ</sup>.

Cuốn sách chứa đựng bản dịch các châu bản triều Duy Tân liên quan đến biển cố chống thuế tại miền Trung năm 1908.

Theo tác giả, châu bản này được trình bày lần đầu tiên nên đã đem đến cho chúng ta một số dữ kiện mới mẻ về các nhân vật tham gia phong trào dù các tài liệu này chỉ chứa đựng các quan điểm và nhận xét của Nam Triều đối với một phong trào mà chính phủ thời bấy giờ coi là phiến loạn.

6) Hy Văn Tướng Công Di Truyện của Hồng Liên Lê Xuân Giáo, 86 trang, giá 290<sup>đ</sup>.

Tác giả đã tập trung các giai thoại và một số thơ văn của Nguyễn Công Trứ qua hình thức trình bày trôi chảy, hứng thú. Có một số tài liệu chưa từng thấy trong các tài liệu giáo khoa đã xuất bản trước đây.

7) Lục vân Tiên của Nguyễn đình Chiểu, bản hiệu đính của Ủy ban San định Các Tác Phẩm Của Nguyễn Đình Chiểu, 164 trang chữ Việt, 110 trang chữ Nôm, giá 500<sup>đ</sup>.

Theo Ủy ban San định, đây là bản Lục Vân Tiên gần với nguyên bản nhất vì Ủy ban đã phối hợp bản chữ Nôm trong quyền Lục Vân Tiên Ca Diễn của Abele des Michels với năm bản khác của Janneaux, Trương Vinh Ký, Ngọc Hồ, Solirène và Tân Việt để hiệu đính.

**PHỤ TRƯỞNG**

Phần phụ trong kỳ này dành cho bài nhận định của Ó. Nguyễn-Đặng-Liên về các bộ THUYẾT VĂN GIẢI TỰ của Hứa-Thận, KHANG-HY TỰ ĐIỀN và CARAC-TÈRES CHINOIS (Etymologie-graphies-lexiques) của L. Wieger S.T.

Bài nhận định này nguyên là phần cuối của quyển CHỮ NHO TẬP GIẢI, tác phẩm đã mang lại cho Ó. Nguyễn-Đặng-Liên giải nhất Giải Thưởng Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc năm 1971.

Quyển CHỮ NHO TẬP GIẢI là quyển sách cần thiết cho những người tự học chữ Nho, một văn tự mà sớm muộn gì cũng sẽ được đưa trở lại chương trình giáo dục. Tác giả đang cố gắng xuất bản công trình đồ sộ của mình (1000 trang). Chúng tôi mong rằng công trình đóng góp vào sự phục hoạt của tinh thần dân tộc này sẽ được sự nâng đỡ của các giới.

L.T.S.

## 1 — NHẬN ĐỊNH về bộ THUYẾT VĂN GIẢI TỰ

— 0 —

### CHỮ VIẾT TẮT TRONG BẢN VĂN

T : sách *Thuyết-Văn Giải-Tự*.

K : *Khang-Hy tự-diện*.

tu : tùng, 从

Cv : cổ văn, 古文

hi : tượng hình, 象形

sv : chỉ sự, 指事

y : hội ý, 會意

thh : mượn âm thanh, hài thanh, 聲

bd : biến dạng.

bã : biến âm.

THUYẾT VĂN GIẢI TỰ là bộ tự-diện xa xưa hơn hết được biết tới nay. Tác giả Hứa-Thận viết sách này xong năm 121 sau K.N.

Một bộ sách giá-trị muôn đời như thế, lý thì phải một nhà bác-học thâm nho phân-tích và giới thiệu mới vừa xứng với sự tôn-kính lâu-dài văn-hóa ấy, và thứ nhất là mới khỏi những sai lầm nông sơ của bậc trí siêng tài sơ. Nhưng mà biết làm sao bây giờ ? Học nho chúng ta nhiều người hăng say vệt đường cầu-tiến, bối-rối không ít. Thời thì bạn học với bạn học chúng ta lấy kinh-nghiệm học-trò mà tạm mách nhau vậy, bạn đọc sẽ

hiều vậy và các bạn đàn anh sẽ lượng thứ và chỉ giáo thêm cho.

+  
+ +

### Về hình thức :

T.V.G.T gồm 9.353 chữ chính văn :

1.163 chữ viết trùng, với lời chú giải cộng là 133.441 chữ.

Qua đời nhà Thanh, Đoàn-Ngọc-Tài, tự là Kim-Đàn-gia công chú thích thêm, công phu già-giận đến năm 1810 mới xong. Bộ T.V.G.T làm tài-liệu cho chúng ta học hỏi chính là bộ THUYẾT VĂN GIẢI TỰ ĐOÀN CHỮ này vậy.

Sở dĩ Hứa-Thận có ghi thêm 1.163 chữ viết trùng kể trên là vì cớ nhân từ một thuở nào đó mặt-mù trong tiền-sử đã tạo ra nhiều lớp biểu-hiệu để ghi chép sự vật nọ kia, lâu đời có lớp gạn bỏ, lớp khác còn lại và vẫn lưu-dụng với những lớp chữ tạo sau, cho nên có chữ thể-hệ trước trùng với thể-hệ sau. Sự cẩn-thận của Hứa-Thận đề ngỏ cho sự sưu-tầm và đối-chiếu sau này khi người học muốn so-sánh các lớp chữ phát-minh như giáp-văn, chữ cổ-văn viết trên xương thú, trên mai rùa, kim-văn cổ văn khắc bia đá, trên vật-dụng đồng thau, các diệu Lưu, Triện, v.v.

9.353 chữ chính-văn, Hứa-Thận phân phối ra làm 540 bộ, sắp xếp thành 14 thiên, mỗi thiên có thượng, hạ. Thiên thứ 15 là bài tựa của tác giả.

+  
+ +

### Về nội dung :

Đại khái người học chữ nho thường chú-tâm về ba mặt : hình, nghĩa và âm. Cứ hình-thức và nghĩa mỗi chữ theo loại mà phân-tách ra thì 540 chữ đầu bộ của Hứa-Thận gồm :

240 chữ tượng-hình và chệch, chữ đơn ;

217 chữ hội-y, chữ kép ;

83 chữ hài-thỉnh.

Tượng-hình, chỉ sự, nên kể là mẫu-tự của chữ nho, — mẫu tự đơn. Hội-y là những chữ kép đơn-giản hơn hết trong văn-tự nhà nho. Bảng vai tuồng chuyên-y quy về cho các chữ đầu bộ thì các chữ hội-y cũng nên nhận là mẫu-tự — mẫu tự kép — của chữ nho.

Sau khi định lập 540 bộ đầu, Hứa-Thận sắp xếp cho các chữ này có một thứ tự hợp lý. Kỳ kiến thủ giả lập nhất vi đoan 其見首著立一為端 khởi ra đặt chữ nhất — làm mỗi đầu của bộ sách, tất chung ư hội 畢終於亥, kết thúc bằng chữ hội 亥 sau khi biên đủ một loạt các số thiên can và địa chi, chủ tâm của vị nho thần thuở thần-quyền, không những là truyền-bá cái lý về văn-tự, mà còn mượn sự thông đạt vạn vật của sĩ phu học nho — kể việc trên trời dưới đất, quý-thần, núi sông, cây cỏ, chim muông, côn trùng, tập vật kỳ quái, kể cả vương chế lễ nghi, thế gian nhân sự — tác-giả cố mô-tả lại tư-tưởng của thời đó, — tự-tưởng lấy gốc trong đạo lập ư nhất 道立於一 nên đạo người xưa nghĩ tạo ra từ thuở chưa có gì hết (thái nhất)

泰 — bao quát tam tài thiên địa nhân, 天地人 Trời-Đất-Người, với tiềm-lực Âm-Dương, Ngũ-Hành chi-phối điều-hành mọi sự mọi vật, nên đạo từ trên nguồn cội chảy xuống cho nho học thấm nhuần trong văn-tự, nó là dụng-cụ mà cũng là tác-phẩm

sống-động sinh-lực của nhà nho vậy.

Tư-tưởng sơ nguyên của nhà nho là như vậy; rồi tinh-chất của văn-tự cũng phản-chiếu thường thường tư-tưởng đó. Còn chữ nào diễn-hình hơn là chữ 王. Vương tức là đấng siêu-quần, thượng thông thiên-vấn, hạ đạt địa-lý, kiêm hiểu rõ nhân sự, nắm đủ ba mối chính của vũ-trụ, cho nên có đủ tài-đức để cai-trị người. Ông vua lý-tướng mới làm nổi vương đạo, là nên cai trị cao-minh đức-đo, khác xa với bá đạo là đấng lối của sức mạnh, của kẻ cướp.

So sánh với các thứ chữ khác, vì như a-b-c, những mẫu-tự khô-khan không có ý nghĩa gì đặc-biệt hết, thì chữ nho là thứ chữ biểu-ý. Biểu-ý với xu-hướng lý-tướng, cho nên sự vật gì cũng thường quan-niệm bằng khía cạnh tốt đẹp.

老 là già. Kê là già khi (lông, mao 毛) tóc bạc đầu biến sắc, Tóc hoa râm là già; mà già thì phải được kính trọng, kiêng nê Phúc đức lắm mới được thọ, mà thọ thì có kinh-nghiệm lao-khổ nhiều năm, nên người ta phải tin mà kính. Lại cũng nên săn-sóc, già 70 không nên để cực khổ, gánh nặng, đội thúng trên đại lộ, cũng nên cho ăn thịt để bổ dưỡng. Ai nói người cổ sơ, ngu dốt, không có tư-tưởng sáng tỏ về một xã-hội công-bằng và ân-hậu?

Chữ nho trở về nguồn giúp chúng ta tha ydời được một ít thành-kiến về người xưa cũng như người nay, và nhân đó quan-niệm một sự tiến-bộ đích-xác và chân-thật.

+  
+ +

Trở lại với sách T. của Hứa-Thận, chúng ta thấy khi chọn một thứ-tự để sắp-xếp, các chữ đầu bộ thì tác-giả chủ-trương cứ hình-hệ

liên 據形系聯 mượn hình vật tương tự mà sắp-xếp nó gần-gũi nhau, sử nhân ký ức dị kiem tìm 使人記意易檢尋 (chú của Đoàn-Ngọc-Tài) cho người học dễ nhớ mà tìm lại. Ví như ở thiên 8, khởi bằng chữ nhân 人 mà toàn thiên 36 bộ đều do chữ nhân 人 lấy ý thuộc chữ ấy mà trình-bày Ghi lại số thứ-tự của các chữ đầu bộ thì thấy rõ dụng ý của Hứa-Thận: 287 人 nhân, người; - 288 匕 hoá, chữ nhân lật ngược, ý-niệm biến hoá 289 匕 ti, chữ nhân lật trái, ý-niệm gần-gũi, so-sánh; - 290 从 tàng hai người cùng đi, theo; - 292, 北 bắc hai người đầu lưng nhau, trái, ngược nhau; - 293, 北 khru, hai người đứng trên đất cao, gò; - 294 从 khâm, ba người, đồng, đám đông.

Với ý-niệm cây cỏ, Hứa-Thận sắp 10 | còn, sự quân bình trên trời dưới đất, yên-hoà thuận-lợi cho sự sanh sống; - 11 尸 triệt, cây cỏ mới mọc - 12 艸 thảo, cây cỏ lên mạnh;

Với ý-niệm miệng, khẩu: 22 口 khẩu, miệng; - 21 告 cáo, rao cho biết - 23 凵 khâm, miệng há ra; - 24 囀 huyên, nhiều miệng nói; - 25 哭 khốc, khóc.

Ý-niệm thập, mười: 54 十 thập; 55 卉 năm, tập, ba mươi; - 53 古 xưa.

Ý-niệm chân đi, chạy: 26 走 tẩu, chạy; - 27 止 chỉ, bàn churen, ngừng lại; - 28 止 止 bát, hai bàn churen đứng bật ra, đập; - 29 步 bộ, hai bàn churen bước đi, đi; - 33 走 sước, đi; - 34. 辵 xích, churen trái bước đi; - 35 走 diển, đi kéo lết churen ..

Với các tỉ dụ trên, chúng ta thấy cứ hình-hệ liên của Hứa-Thận hàm uôn một ý chính làm trọng-tâm (centre d'intérêt) giúp ích cho người học rất dễ linh hội. Điểm trọng-tâm ấy càng thấy rõ khi tác-giả sắp-xếp các chữ thập can: 513 甲 giáp; - 514 乙 ất; - 515 丙 bình;



— 516 丁 đinh; — 517 戊 mậu; — 518 己 kỷ; — 520 庚 canh;  
 — 521 辛 tân; — 523 壬 nhâm — 524 癸 quý;  
 Và thập nhị chi : 525 子 tý; — 529 丑 Sửu; — 530 寅 dần; —  
 532 卯 mao; — 532 辰 Thìn; — 533 巳 tỵ; — 534 午 Ngọ; — 535  
 未 mùi; — 536 申 Thân; — 537 酉 Dậu; — 539 戌 Tuất; — 540 亥  
 Hợi.

Rồi cứ hình hệ liên, chủ trương này cũng đáp lại một sự sắp xếp  
 khác nữa; ví như :

- 5 王 vương, ông vua, chữ viết như thế ;  
 với 6 玉 ngọc, ba viên đá quý có sợi dây cột dính liền ;  
 170 皿 mễ, cái bát ăn cơm  
 175 血 huyết, cái bát 皿 có đựng vật đó , nó là huyết ;

Trong hai trường-hợp này tự dưng giống nhau cũng cho đúng  
 gần nhau cho dễ nhận định. Tác-giả không bỏ qua cái khó của  
 chữ nho là « người giống người », chữ giống chữ mà nghĩa  
 xa mấy dặm, sắp gần cho dễ phân biệt, một ý-nghĩ sự phạm rất đáng  
 tán-thưởng.

+

+

Trên đây chúng ta để ý sự liên-hệ của các chữ đầu bộ.  
 Giữa những chữ thuộc về một bộ cũng có thể có một thứ-tự  
 riêng do tác-giả sắp xếp. Như trong bộ ngọc 6, Đoàn-Ngọc-Tài  
 dẫn rằng :

từ chữ liêu 璽 về sau ghi tên các thứ ngọc ;

— 104n 璽 cách dâng vật bằng ngọc theo cấp-bậc của  
 nó ;

- anh 璽 cái sáng chói của ngọc ;  
 — vu 璽 cái thịnh-đức hoặc cái độc-ác của thứ ngọc ;  
 — lịch 璽 ngọc giồi thành thuy 璽 , ngọc có giá trị.

Trường-hợp bộ 410 水 thủy nên ghi một độn-sắc : 145  
 chữ đầu ghi lại sông ngòi của đất Trung-Hoa, mỗi ngọn bắt  
 nguồn từ núi nào, chảy qua đất nào, trọn một chương địa-dư-  
 chí.

Có thể nghĩ những bộ lớn như thảo 艸, mộc 木, nhân  
 人 huyết 虫 mà tìm học chu đáo trong *Thuyết Văn* ít sẽ đem lại nhiều  
 chi-tiết về sự sinh hoạt của thời xa xưa kia, cũng như trình-độ  
 văn-hoá của một xã-hội. Có thể nói sách *Thuyết-Văn*, với lời chú  
 thập phần súc-tích của Đoàn-Ngọc-Tài là một bộ đại-toàn về  
 văn-hoá Trung-Hoa thời nhà Hán, một học-liệu phong-phú, giá-  
 trị không những về văn-tự mà luôn cả về văn-hoá và xã-hội,  
 nữa vậy.

+

+

2 — NHẬN-ĐỊNH VỀ BỘ  
KHANG-HY TỰ-ĐIỂN

— 0 —

15 thế kỷ trôi qua, nhằm đời nhà Thanh, số chữ nho lưu-hành bây giờ lên đến 40.000 chữ, cũng có người nói còn hơn nữa (70.900). Sự phân-thịnh ấy thúc-dây tri-thức Trung-Hoa không nên diên-tri thêm nữa việc duyệt-xét và sắp-xếp văn-tự, cho nên nhà văn-học Trung-Hoa bây giờ mới ngồi lại mà soạn bộ tự-diễn mới, xuất-bản vào năm 1716 thời nhà Thanh sơ.

Có lẽ từ lâu rồi, như lời than phiến của Mỗ-Từ-Luân, người ta không còn đem cổ-văn và phép Lục thư ra mà giảng dạy. Với những sách khai mông *Thiên tự*, *Tam thiên tự*, *Tam tự kinh*, ông bà chúng ta trước đây đã quen ã-a học thuộc lòng cả mặt chữ lẫn nghĩa, thầy dạy không hay sự hữu-ích của pháp truy nguyên theo Lục thư, và do đó người ta cũng định cho phép đếm nét mà tìm chữ là giản-tiện; cho nên mặc-dầu tập-đoán Khang-Hy còn dẫn-chứng lời chú-thích của *Thuyết-văn*, vẫn sao chép đủ các hình cổ-văn, nhưng mà *Thuyết Văn* đã mất uy-tin của một sách căn-bản ngang hàng với *Tứ thư Ngũ kinh*, tác-phẩm *Khang-Hy tự-diễn* chú trọng tự-dạng, xa hẳn tự-nguyên cho nên không còn giữ những nguyên-tắc làm tiêu-chuẩn cho sự sắp-xếp văn-tự trong *Thuyết-văn*, bộ sách đó.

Đành rằng trong 540 đầu bộ của *Thuyết văn* có một phần nào đó không cần thiết và K. bỏ đi là hợp lý. Đó là trường-hợp những chữ thường là chữ ghép đôi, ba; chữ trùng điệp:

𠄎 huyên, 𠄎 phạm, 𠄎 tập	K. đem về bộ khẩu	口
𠄎 thiên	— —	𠄎 dương
𠄎 thù	— —	𠄎 chuy
𠄎 cu	— —	𠄎 mục

𠄎 ngạn	— —	𠄎 hồ	虎
𠄎 lịch	— —	𠄎 hoà	未
𠄎 điều	— —	𠄎 kiên	見
𠄎 tàng, 𠄎 khâm	— —	𠄎 nhân	人

II

Đành rằng có thể đếm 189 bộ môn từ *Thuyết-Văn*, K. đem về một cách yên lành, chúng tôi muốn nói là chữ bên T. thì K. giữ lại hầu hết, duy có những chữ từ bộ khác bổ-sung vào mà không được hợp lý với T. đại loại những chữ đầu bộ thuộc một trường-hợp đặc-biệt:

一 𠄎 mịch, 一 𠄎 miên, 尸 thi, 尸 hộ, 𠄎 竹 thào, (đầu) 竹 trúc (đầu) viết chụp đầu, rất dễ nhìn mà không thể sắp vào bộ khác; 人 𠄎 nhân (đứng), 木 𠄎 mộc, 禾 𠄎 hoà, 米 𠄎 mễ, 牛 𠄎 ngưu, (xóc) 手 𠄎 thủ (xóc), thường đứng bên trái cũng dễ nhìn; 土 𠄎 thổ, 士 𠄎 sĩ, 貝 𠄎 bối, thường đứng ở dưới; 戈 𠄎 qua đứng bên mặt; 頁 𠄎 hiết, đứng bên mặt; 广 𠄎 nạch, 口 𠄎 vi, 冂 𠄎 man, 冂 𠄎 đầu đóng khuôn.

Những chữ có đặc-sắc như thế thì không có lợi gì mà đem sắp vào bộ khác.

III

Lại cũng có một ít trường-hợp nên khuyên diêm son cho K. vì sáng-kiến phù-hợp với chủ-tâm của Hứa-Thận, ví như:

a) ở bộ đại 大, K. gom về.  
391 trực 大, 392 yếu 夭, 403 phu 夫, T. 403 ban 𠄎  
T. 188 wong 𠄎, T. 1 thiên 天

b) ở bộ xuyên 川, K. đem về;  
413 T. quyen 𠄎, 114 T. quai 𠄎

Tiếc là sự thấy rộng như vậy K. không áp-dụng thường hơn để tránh những sự phân-tán hoặc gán-tếp không hợp lý (theo T.).

IV

Và bởi vì quá chú trọng về hình thức tự-dạng mà bỏ rơi tự-nghuyên cho nên có những sự gán-ép sát-nhập bộ này với bộ kia như sau đây :

a) — *cửu* 臼 cái cối, bộ 134 K gồm thâu luôn.

*cúc* 臼 hai bàn tay chấp lại với chày hoặc để nâng vật lên, rồi *cửu* đem theo những chữ do *cửu* tạo ra :

- hãm* 臼 người bị xô xuống hố,
- sáp* 臼 cái chày đâm xuống cối ;
- thung* 臼 hai tay nâng cái chày giã xuống cối ;
- cựu* 臼, mượn âm *cửu* ;
- điệu* 臼 lấy tay tuôn gạo hết trong cối ra ;
- phác* 臼 giã gạo, mượn âm nghịch —

các chữ do *cửu* đứng chung với những chữ do *cúc* tạo ra ;

*du* 臼 hai tay dang lên, hai tay trên chấp lấy của cho, cho ;

*hưng* 興 nhiều tay 臼 đồng sức 同 làm việc mà đem lại thịnh vượng ;

b) — bộ *cốc* 谷 (150K) nước 入 trong động 口 chảy ra, hang núi gồm luôn,

*cước* 谷, môi 入 trên miệng 口, môi trên.

Vì như trong một tập mà rao trước tự-dạng giống nhau và phân-biệt làm hai khoảng thì ngon lành và phúc-hộ cho người học biết mấy.

c) — *ít* 乙 nối về cây cỏ, gồm luôn

*yết*, *ít* 乙 hình dạng chim én tập bay có vẻ ngợp-ngừng ; và dĩ nhiên kéo theo những chữ như 乳 bú, khồng 乳 lỗ, do *yết* kết tạo, luôn đó thêm các chữ *cửu* 九 số 9, *đả* 也 vậy không chút dính líu với *ít* 乙 cả.

d) — Hai trường-hợp tương tự là :

bộ *ngọc* 玉 ba phiến đá quý 玉, cột dính lại bằng một sợi dây 玉 ; gồm thâu luôn

*vuông* 王 đứng nhà vua, tài đức gồm thâu trên trời dưới đất và loài người ;

bộ *thủ* 手 bàn tay, viết rút lại là 才 *thủ* xóc.

với *tài* 才, cây cỏ phát sanh, viết rút lại là *tài* xóc 十 giống hệt *thủ* xóc, cho đứng chung thì đâu còn nói tự-nghuyên nữa

a) — Cũng vì một sự nhận định sai lầm : tập 厶 ba vật sáp chung lại gồm lại, — chớ không phải do *nhân* 人 với *nhất* 一 K. đem cả bộ *tập* bên T. về với *nhân* 人 với những chữ lệ thuộc : *kim* 今, *thiên* 僉, *luân* 侖, *thương* 倉, *lệnh* 令 :

Cái nghiệp đi học thì bao giờ cũng cần nhận rõ cái gì giống nhau và tại sao liên hệ nhau, với cái gì khác nhau và không liên hệ. Dứt cái đường tìm biết đó thì còn gì là học 0i ! cái học *chi*, *hà*, *giá*, *đả* bắt đầu từ đâu ?

V

Và dài theo 189 bộ từ T. mà K. đem về trước đây chúng ta gọi là một cách yên lành thì lại có những sự bỏ sung quá tr lệch-lạc :

1) — bộ *thập* 十 (24 K.) điền vào :

*tấn* 十 cái cánh chim bay ; *ngộ* 十 tội lỗi ;

*bán* 半 con bò 牛 xé đôi 八 ra để dâng cúng ;

*nam* 南 do 市 十 半

*ban* 半 cái vá xúc phân

Tất cả không mấy may dính líu với *thập* 十 ; mà lại phải tiếc là những chữ mang 1.ặng nghĩa *thập* lại không đem về như :

*thế* 世 khoảng đời 30 năm liền ; (K. 1)

*trượng* 丈 độ dài 10 xích vô 1 trượng ; (K. 1)

2) — bộ *nhị* 二 (7 K.) gồm :

*súc* 彳 bề trái của xích 彳, tức chân một bước đi ;

*vu* 亏 hơi thở 亏 bị ngăn lại 一 ;

*vân* 云 trên 二 上 cao, có mây 云, mây ;

à 亞 lưng gù — các chữ không có chút nghĩa nhị —

3) — bộ tiêu 小 điền vô

thúc 亦 cây đậu phải xé ra 上, 小, thật là vô lý.

4) — bộ lập 立 điền vào :

khien 辛 người phạm tội

cánh 竟 chuong 幸 do 言, 辛.

đồng 童 do 辛 — ăn thua gì với 立

5) — thiết 舌 cái lưỡi, lại gồm

xá 舍 quán xá, do 余 dư, tập 厶

thư 舒 do xá 舍

6) — bạch 白 K đem vào :

hoàng 皇 lý th: phải nằm ở bộ tự 自 cái mũi, vì 白 đây do tự 自  
bớt nét; nghĩa tự là khởi đầu, trước hết, cao hơn hết

7) — bộ thảo 艸 K. điền vào :

quai 葑 hoan 覓 các chữ do dương 羊;

bộc 業 không có hạo đầu, lý thì phải theo chi 耑 hợp lý hơn.

8) — bộ bốc 卜 bói, K đem về :

biên 卞, 升, cái mũ; tập 卞 tên đất thuộc Sở;

dữu 鹵 鹵; trái cây tây 鹵 鹵, hương tây,

chuyên 皂 do chi 土 之, cây có móng manh nha.

9) — bộ nhân 人 điền vào :

trở 俎, cái tợ 且 treo thịt lên 俎, chớ không phải người  
và cả bộ tập 厶 như đã trình bày trước kia

10) — thi 尸 điền vào :

Vưu 尤 do 尸 mượn âm hựu 又

11) — thần 臣 bầy tôi, K. điền vào :

đi 臣 臣 cái nằm dưới, chỉ vì tự dạng coi gần.

12) — khẩu 口 gom vào :

hướng 向 cái cửa sổ phía bắc,

súc 蓄 con vật trên núi mới đem về nuôi; hai chữ 口 口 là  
dạng hình hai trái tai.

cách 格 mượn âm các 各 nay lại xé ra cho có miệng ;

thường 嘗 do 尚 xé ra lấy 口 không phải là miệng ;

hi 喜 do 豆 xé ra lấy 口 — — — —

lữ 呂 lông xương sống lấy 口 — — — —

kiều 喬 cây cao, do 高 xé ra 口 — — — —

súc 畜 未 đem về kho rồi 回 do vi, 口

13) — viết 曰 đem về :

duệ 爨 do 火

canh 爨 do bình 丙

thư 書 mượn âm giã 者 bớt nét, không theo viết 曰

khúc 曲 cây cong, vẹo, không do viết 曰

14) — nhi 而 cái hàm dưới có râu, K. đem về :

doan 端 cây cỏ mới phát sanh, trên lá non 山 dưới 而 là rễ.

15) — miên 巾, cái nóc nhà, K. đem về :

xà 它 con rắn.

16) — kỷ 几 cái ghế, K. điền vào :

thà 几 cái cánh chim

phàm 凡 do nữ 了 bao hàm, gồm chung;

hoàng 凰 chim loại phụng, con mái —

17) — nghiêm 厶 triền núi, K. đem về :

trữ 厶 con thú giống nai để xé ra 厶 triền núi —

18) — vi 口, vòng tròn, vòng vây, K. đem về :

tần 仞, cái đầu trẻ non còn n.²-ác mềm;

song 口 cái cửa sổ có song —

19) — hỏa 火 lửa, K. điền vào :

hùng 熊 con gấu; 0 鳥 chim quạ;

yên 馬 chim én; yên 燕 chim én;

vô 無 không;

chỉ vì các chữ có bốn chấm chun không phải hỏa 火

20) — bộ nhất — đem về :

đỉnh 冫 không có đỉnh lưu gì với nhất ?

sửu 冫 bàn tay bị tê lạnh, nhắc tiết tháng 11,

khảo 冫 hơi thở, lật trái lại ra a ㄣ tiếng than,

đư 冫 bàn tay cầm vật mà cho,

đầu 冫 cái vò bụng tròn, có đáy có chun

các chữ này có ăn thua gì với nhất ?

21) bộ cùn 丨 (x. trước) mà đem về :

cử 冫 bàn tay 手 cầm vật gì đó 丨, không có nghĩa cùn;

khô 夂 干 là tri 女 đáng con người đi, nay lật trái lại lấy nghĩa người đứng chàng hàng;

quan 冫 丨 tóc rẽ đôi gom cột lại thành hai chóp dựng lên như hai cái sừng,

a 冫 vật nọ cái đầu chia ra hai mối,

các chữ không có nghĩa cùn.

22) — bộ bát 八 mà liệt vào :

kỳ 冫 cái ghế có mặt — với chun 丨 ;

cụ 具 một số tiền tệ, bởi 貝 đặt trên cái ghế 兀 ;

điền 典 sách vở 册 đặt trên cái chun ghế 兀

cộng 共 hai bàn tay, cùng 十 của năm 廿 hai mươi người, nhiều người hội lại làm sức mạnh;

binh 兵 hai bàn tay, cùng 冫 cầm cây búa, can 斤 đưa lên, chỉ việc binh đao;

trong mấy chữ nào có thấy nghĩa bát, chia rẽ ? xé ra ?

23) — bộ can 干 người có tội, việc tội lỗi, lại đem về :

binh 平 cái hơi, hoặc là lời nói, vu 亏 khi phân 八 ra thì nó thơ thối, bình ;

niên 年 mùa lúa, hoà 禾 vô nhiều, thiên 千, mùa lúa phong năm một năm có một lần, năm;

hai chữ không mượn ý gì của can cả.

24) — bộ kỷ 己 ta, số trong mười thiên can, đem về các chữ :

đi 己 hình trái của tí 己 tí số trong 12 địa chi;

ba 己 con rắn to, loại trăn.

chi 己 dụng-cụ hình tròn để uống nước, uống rượu, phải điều độ tiểu 卩 khi ăn uống ;

tôn 其 mượn âm tuyên 己 chữ này do tiểu 卩 己 các chữ không dính lưu gì với kỷ cả.

25) — Bộ điền 田, ruộng, K. đem vào :

giáp 甲 mầm bốt mới nứt nanh mọc lên ;

thân 申 hai tay kéo dây vật 丨 dài ra ; số trong 12 địa chi ;

phất 田 cái đầu lâu, đầu quý ;

uy 畏 cái đầu dị-thường làm người ta kinh sợ ; chỉ vì tự-dạng các chữ giống điền.

26) — Bộ nhân 亠 người, đem về :

triệu 兆 dấu đốt mai rùa nó nứt nở ra có đường, kỳ là điềm báo lành dữ ;

khắc 克 cái nhà cất khéo có nhiều chạm trổ ; mà cho mang chun người thì oan quá.

27) — Bộ quynh 冫, chỉ một khoảng không-gian rộng ngoài đất vua xa, — đây K. không phân biệt hẳn với

mịch 冫, cái khăn hoặc vật gì để che đậy lên, thành thử những chữ do quynh tạo ra đứng lẫn lộn với những chữ thuộc mịch. Thuộc quynh :

dâm 冫 trên khoảng rộng quynh 冫 người nhân 亠 đi thành-thời — thì cho đứng bên bộ mịch 冫 ;

Thuộc mịch :

mổ 冫 cái mũi chụp, cái khăn vấn đầu một lần ;

mạo 冫 cái khăn vấn hai lần :

miền 冕 cái mũ 曰 mượn âm miển 冕  
trụ 冫 cái mũ 曰 mượn âm do 冫 ;  
các chữ này K. cho đứng về bộ quynh ; và luôn đó điền vào nhiều  
chữ.

nhiêm 艸 hai chữ mao 毛, lông nhiều, lông mềm, mịn  
sách 册 册 thê tre làm thành sách cột dây dựng đứng ;

câu 萁 trên sườn nhà cây đôn tay, kèo, rui qua lại xô  
rẽ ;

qua 冫 khác xương khô, không còn thịt ; K. chế ra lấy quynh 冫  
các chữ không máy may đến quynh.

28) — Phiết / nét phết thì K. tha hồ đem về các chữ có cái  
phết nhỏ hay phết lớn :

nãi 丿, bên, té ra, hoá ra ;

tả, tả 丿 左 tay trái, giúp đỡ ;

cửu, 久 lâu

chi 之 cây cỏ mới mọc ; — chung.

hồ 乎 vậy sao ?

ti 丌 cái cây đang lên mạnh lại bị nghẹn ;

phái 氵 nhiều dòng nước chảy

đồi 厽 cái nông đất thấp ;

quai 乖 trái

thừa 乘 ngồi xe ;

29) Sau rốt, sáu bộ của K. mới tạo — các chữ không đứng  
đầu bộ trong T cũng không thấy gì đặc-sắc.

tròng 冫 bề trái của chữ phiến 冫, ván bản

phụ 父 thuộc bộ hựu 又, cái tay có cầm roi, uy quyền người cha  
dạy dỗ, cha ;

Các chữ thuộc bộ này đều chịu chữ phụ phủ đầu cho nên dễ  
nhìn —

Căn 艮 thuộc bộ mục 目 mắt, K. liệt vào lương 良 chữ này mượn  
âm vong 亡 không dính líu với căn.

Đầu 一 vật che đậy, cái nắp, trong T. không có. K. đem  
vào

Cang 亢 do đại 大 người lớn khoảng giữa cái đầu 一 và minh  
nhân 儿 là cái cò ;

Giao 交 người lớn 大 treo churn lại ;

Hỵ 亥 do 二 上 thượng che hai người nhân 人

Kinh 京 do cao 高 bớt nét ;

Lâm 林 cái kho 囧 để đem lúa vào nhập 入 trừ ;

Vong 亡 do nhập 入 vào chỗ quanh co 卩 tâm tối ; không thấy  
đầu là nghĩa chữ đầu 一

Đặc 乚 cái móc hoặc cây tên, bản đi

Vô 无 无 không, một kỳ tự ngày xưa, trong bộ này  
K. liệt vào kỳ 无 hơi nghẹn, chữ khiếm 欠 lật trái lại.

Thật ra, chúng ta phải dừng dừng mà ghi nhận những sai lạc của  
tập-đoàn Khang-Hy trong sự sắp xếp văn-tự của tự-điền mới Nhà bác  
học Weiger (trong sách *Caractères chinois*) phê bình tự-điền Khang-Hy  
là một « kho-tàng bề bộn không lớp-lang » thật cũng cay cho một công-  
trình gọi là vĩ-dại đề đời.

Học-giá Tây phương, với óc thực-tế và tích-cực, họ đã đặt cho  
các chữ nho đầu bộ, tính chất là chữ căn-bản (radicaux), hoặc là chia  
khoá (clefs) đem nghĩa chính lại cho cả bộ Sự thật là định nghĩa đó,  
nếu nó đúng với đầu bộ của *Thuyết-văn*, thì với K. bộ 部 chỉ có nghĩa  
là một loạt — série — một loạt chữ liên hệ nhau về hình thức  
đó thôi.

Từ bộ *Thuyết-văn* đến đời Khang-Hy, 1.500 năm đã trôi qua. Từ thời tự-điền Khang-Hy xuất thế đến nay là hơn 200 năm. Vấn-đề của nho học ngày nay không phải là sửa chữa những sai lạc của K. mà là tìm ra một lối học vừa nối lại nguồn gốc khó thể gạt bỏ - sẽ bắt lợi bao nhiêu mà cũng có thể chịu mọi sự canh tân tiến bộ của đời sống hiện đại nó đòi hỏi mau lẹ lại thêm phổ-biến rộng rãi. Vấn-đề trọng đại có một vậy.



### 3 — NHẬN ĐỊNH MỘT ÍT SAI BIỆT

giữa hai bộ sách

THUYẾT-VĂN GIẢI-TỰ

của  
HỮA-THẬN  
(121 KN)

và

L. WIEGER S.J.  
CARACTÈRES CHINOIS  
Étymologie, graphies, lexiques  
(1894 — 1924)

Một bộ sách có giá-trị như bộ THUYẾT VĂN GIẢI TỰ thì tất nhiên không khỏi nhà học Tây-phương đề ý, mà đề ý nhiều nhất đến T. trong mắt chúng tôi là nhà bác-học L. WIEGER, S. J. Nhà bác học bằng tác-phẩm *Caractères chinois* (Étymologie — graphies — lexiques) xuất-bản cuối thế-kỷ XIX đã dẫn-chứng nhiều theo T., và học-giả Việt-Nam chúng ta từ đầu thế-kỷ XX này đã dựa nhiều vào sách của W. mà học hăng sách tầm nguyên chiết tự.

Cái tài học quán thông của W. thì giới Hán học đều biết rõ. W. đã xuất-bản rất nhiều sách nghiên-cứu, dịch-thuyết công như giáo khoa và W. là một thời danh quốc-tế. Tuy nhiên, khi viết sách *Caractères chinois*, W. thì nhận là chỉ đứng về phương-diện thực dụng (*mes recherches délibérément circonscrites dans le domaine pratique*) tức nhiên là không đi sâu về phương-diện tầm nguyên và khác hơn chúng ta, không xem T là một bộ sách cổ, sách minh-chứng. W. lại hiểu biết riêng rất nhiều về cổ-văn cổ-tự, thành thử khi chú-thích, W. pha trộn với T. những số-đặc-rưng tư của W. mà có lẽ không hay; cho nên những sai biệt với T mà chúng tôi trân trọng trình-bày sau đây có mục-đích là lập lại trung-thực với T. đó thôi.





查 T. 206 không có mà có 祖, cây chốt đóng cửa.

虛 T. 167, bộ hồ 虎 không thấy.

- O -

W. 85 兄 (huynh, hoàng), une bouche 口 au haut d'un 儿 homme parler avec insistance. avec emphase, avec autorité.

兄 (uê, duyệt), bonnes paroles qui dissipent la mauvaise humeur et réjouissent l'auditeur; d'où les deux sens parler, réjouir. C'est 兄 augmenté d'un 八 (bát) qui exprime la dissipation.

●

兄 (duyệt), vui lòng, vui trong lòng 悦 hay 說. Tu 儿, duyệt 合 thh. Không có 儿, 兄.

- O -

W. 99 布 (tê), une étoffe 巾 criblée de 八八 (bát), solution de continuité, trous; Tu 巾. Haillon, guenille.

●

一 雨 布 285 T, cái áo rách có nhiều lỗ T. không nói 八 là bát 八

- O -

117 酉 (tù) - Liqueur 酉 dont la lie est entièrement 八 (bát) séparée Tu. 酉, tu. 八 ý.

●

一 首 538 T. Rượu đẻ đúng ngày tháng đã dju, ngon. Trên thấy nửa chữ thủy cũng như trên chữ cốc 谷 có 八.

- O -

W 170 毒 ai - Homme 士 qui se conduit mal 毋 sequestré ou digne de l'être; débauché.

毒 毒 - les végétaux vénéneux qui 生 croissent de ci de là, et qu'il faut 毋 éviter; poison, venin.

●

一 毒 毒 - T.II, thứ có 山 xấu ác 毒 mà nó lại sanh nhiều làm hại nhà nông. W. không phân tách 山 với 土 mà cho 主 là 生

- O -

W 121 剥 皮 (bi) - Écorcher La 又 又 main qui enlève une 皮 peau

剥 剥 (gid) - faux, emprunté. Deux 皮 peaux, ý, avoir deux peaux, double peau, une peau d'emprunt sur sa vraie peau

●

一 剥 (gid) - 借也 mượn. 剥 nghĩa là thất truyền về hình vật, không mượn hình mà giải ý hội được. Hai lớp da là ý nghi riêng của W.

- O -

W. 215 亞 (á) ouvrage 工 (công) laid, bossu, difforme. La 1 ligne verticale est dédoublée (||) afin de figurer 2 la déformation en divers sens.

●

一 亞 á - 506 T, xấu,

tượng người lưng gù, một hình trạng khó coi, xấu.

- O -

W. 232 云 云 yunn (vân) - nuage. 1, image primitive d'un nuage qui roule dans le ciel. 2, deuxième forme. - 3, troisième forme, Tu 雨, 云, ý.

云 云 yinn (âm) - Temps couvert, Tu. 云, 今, ý. Actuellement il y a des 云 nuages.

●

一 云 云 là hình thức sơ-khởi của 陰, khí âm, 今 thh.

Đối với 陰 thì 易 cũng là hình cò 云 của 陽. Nói

hiện giờ có mây thì thật quá xa nghĩa lý của cò-vân.

- O -

W. 232 - 317 雷 雷 Léi (lôi) nuées 雨 pluieuses au-dessus des 田 champs, orage, tonnerre.

雷 雷 Léi (lôi) Nuages roulant au-dessus des 田 champs, vieille forme de 雷,

●



tuất, Dương khí chí tuất nhi tận, vạn vật tất thành, dương hạ nhập địa dã  
陽氣至戌而盡萬物畢成陽下入地也  
Khí dương tới thời tuất thì hết, muôn vật đã hoàn thành, khí dương  
tới hồi lặn xuống đất.

威 diệt T, 382, thời tuất 戌 là thời hỏa 火 lửa suy yếu mà tắt, hỏa tử  
ư tuất 火死於戌

威 uy, T. 443, K, 38, 姑 người cô. Hán luật: phụ cáo uy cô 婦告  
威 姑 người đàn bà sợ cái uy của người cô (mẹ chồng). Tu 女,  
tuất 戌 thh.

威 hãm, T, 22, đều, rốt hết, Tu 戌, 口, mà tuất là tận, hết.

Hàng dọc chữ không thấy cái ý sơ nguyên của 戌, qua, một khí  
giới

— 〇 —

W. 179 我 neu (ngã). Deux hallebardes 戈 en conflit, deux droits qui  
se choquent, mon droit, et par extension, mon moi, ma personne; je, moi,  
tu

— 我 ngã, 453 T, tiếng xưng ta, tôi, tu 戈 手 mà 手 này không phải  
là thủ 手 tay, mà là Cv. 垂 thuy; dù sao thì cũng chưa phải là hai 戈  
với cái thuyết nhân quyền của thế kỷ La Bastille.

— 〇 —

W. 240 丰 kie (cái). Le premier moyen mnémorique inventé après les  
ficelles à noeuds; coches 彡, entailles, faites à une latte | ou à une  
planchette. Sens étendu, document, témoignage.

W 240 契 khi (khê) — entaille avec une couteau 刀, une latte ou une  
planchette qui servira d'aide-mémoire, de document, de témoignage.

契 khi (khê) — les 契 titres de propriété d'un 大 homme. Un écrit, un  
titre, un contrat.

26

— 丰 cai — 140 T. 艸 蔡, cỏ rài, cỏ hoang, hi 艸 生之 散 亂 也  
thảo sanh chi tán loạn dã, cỏ mọc hoang bầy bạ, rậm rạp. Nghĩa  
rộng, hại, hư.

契 khác — 139 T, cắt gọt, tu 刀. 丰 thh.

契 khê, T, 389, khê-ước, hợp-đồng, sách-vở văn kiện. Dịch: 後世  
聖人易之以書契 (hậu thế thánh nhân dịch chi dĩ thư khê,  
(đời sau thánh nhân sẽ dạy lập khê-ước trong việc giao-dịch). Tu 大  
大約), 契 thh

— 〇 —

W. 240 害 hái (hại) Nuire, léset, dommage 口 parler, 丰 écrire, 一  
sous toit, en cachette, contre quelqu'un. Tu 口, tu 丰, 彡, 傷 也  
thương dã làm hại có vết tích.

憲 hiên (hiên) — appliquer dans son cabinet 一, son 心 coeur et ses  
目 yeux à l'étude des 丰 documents. Sens étendu, légiférer, loi, règle  
être bien renseigné, sage.

⊙

— 害 hái, T, 269, ngồi trong nhà 一, dùng 口 lời nói làm thương tổn  
tới người khác, tu 丰 thh

憲 hiên, T. 408, lấy 心 tâm tình và sự 目 sáng suốt của con mắt mà  
敏 mẫn, làm việc siêng năng mau lẹ. Tu 心, 目, tu 害 thh bớt nét

— 〇 —

W. 241 来 lòi (lôi) — une herse. Un bois 木 muni de 丰 dents, tu  
丰 hi, 刻 齒. La forme moderne a perdu une dent.

⊙

来 lòi, 141 T. 来 田 曲 木 cái gốc cây cong để cày ruộng. Tu 从  
木 推 丰 từng mọc thời cái, nhờ cây cày mà gãy có đi. Thuở đó  
chưa chế ra dụng-cụ gì cho hay, chỉ dùng một gốc cây (như mù u của  
chúng ta trong Nam) cong queo mà đẩy đi để gãy cỏ.

— 〇 —

丰 hái — être embarrassé 又 dans des litiges.

W. 239 丰 丰 fong — ce serait, selon certains 生 qui enfonce dans le

27

sol une racine pivotante. (Plutôt) figure d'un rameau feuillu Sens étendu, buisson, broussaille, hale.

𠂇 *song* — en bas une main 手 qui présente un 𠂇 rameau, symbole d'un objet quelconque, tandis que deux mains 𠂇 font la révérence. Recevoir, offrir...

𠂇 *song*, Marcher 又 dans les 𠂇 broussailles. Sens étendu, heurter, rencontrer.

𠂇 *pang*, Principauté, pays, nation; 邑 la ville centrale; 𠂇 probablement la frontière (hale).

𠂇 *phong*, T. 215, Dứng sau chữ sanh 生 trong T, ngọn vôi rõ đều thông đạt, nhờ âm dương điều hoà; có mọc tươi tốt.

𠂇 *phung*, T. 62, một bàn tay (dưới) đưa vật gì đó, hai bàn tay cùng kính đưa lên rước lấy, vâng chịu. Tu 手, 𠂇, tu 𠂇 𠂇 𠂇

𠂇 *phong*, T. 203, ngộ nghịch, tu 𠂇 thh.

𠂇 *hai*, T. 203, chặn đánh, đón đường hại nhau. Tu. 𠂇 thh.

𠂇 *bang*, T. 229, nước lớn — nước nhỏ gọi là quốc 國. Tu. 𠂇 thh

— 〇 —

W. 215 𠂇 *ou*, vase à vin, probablement en bois.

𠂇 *đau*, T. 490, bầu đựng rượu chế bằng kim-khi 𠂇

— 〇 —

W. 231 𠂇 *hi* — Primitivement, les femmes coupables condamnées, comme travaux forcés, au filage et au tissage dans les prisons des prétoires, 官婢 On explique, 大 personnes 𠂇 𠂇 travaillant le fil 𠂇 contracte. Je pense que 大 est une corruption du pied de 𠂇 et que la composition originale fut 𠂇, 𠂇 filandière.

𠂇 *hè*, 466 T., bàn tay lật úp xuống là 𠂇, giữa lòng bàn tay hai sợi tơ 𠂇 rủ xuống chỉ là có liên-hệ dính liú. Chữ điệu Lưu.

𠂇 *hè*, hình Lưu vắn trên cái ra 𠂇, tu. 𠂇 thh. 𠂇, 𠂇 đều thông-dụng: Treo, dính liú. Nói rộng ra thế hệ 世系, lớp người

gắn-gli nhau vì tuổi-tác và đồng quyền-lợi với nhau.

𠂇 *hè* — 402. Con heo tơ 𠂇 đôn, nuôi được ba tháng thì nó đi cái bụng 𠂇 𠂇 𠂇. Ở miền Nam nói cái bụng chằng bạng, bụng lớn 大. Tu 𠂇 bết nét, thh.

Tuy nhiên 大 không phải là đại 大 mà là thác 𠂇 𠂇.

𠂇 *thác*, 402 T. là Lưu vắn chữ đại 大 cái cò-vắn. Thác 𠂇 đại 𠂇 tượng hình người, cũng như nhân 𠂇, nhân 𠂇 tượng hình người.

— 〇 —

W. 235 𠂇 𠂇 *T.ou*, naissance d'un enfant 子, la tête en avant, dans les conditions les plus favorables; d'où le sens étendu 順之意, chose qui se passe bien; naturel; coulant, facile etc..

𠂇 *T.ou*, forme chevelue de 𠂇 ci-dessus, synonyme.

流 *liou*. Le flux 𠂇 (naturel et facile) de 𠂇 l'eau. Il y avait primitivement deux 𠂇, à droite et à gauche; les scribes en ont supprimé un

●

— 𠂇 𠂇 *thôi*, 528 T, bất thuận đạt xuất dã 不顺突出也 sanh ngược, không thuận cho nên lật đạt cho ra. Dịch: đạt như kỳ lai, như bất hiếu tử, đạt xuất bất dung ư nội dã,突如其來如不孝子突出不容於內也. thình-linh nó đến (sanh ngược) nó là đứa con bất hiếu, không thể dung cho nó ở lâu (trong bụng mẹ), không biết 順之意 của W. rút ở mô. 子 từ, con, sanh thuận, viết thuận nó là như thế. Con sanh khó, sanh khó, nó là chữ từ viết lật ngược 𠂇 𠂇, thôi. 𠂇 cũng thôi là Cv. Chữ từ 𠂇 lật ngược ra 𠂇, vẫn mang ý nghĩ thình-linh, bạo dạn, trái-mann.

𠂇 *chuy*, 411 T, hai chữ thuy, hai dòng nước 𠂇, T. muốn nói là âm thình thất truyền, tạm đọc chuy.

楸木 lru, T. 528, hai chữ thuy, hai dòng nước, dòng nước lớn, 流 chảy mạnh, sau viết bớt nét 流. Trong T. bộ 410 木, không có 流 lru này theo bộ 528 去 流 thối, đủ chứng là cái ý chỉnh trong lru là mạnh, dứt hẳn.

- 0 -

W. 245 勿 ou, Un pennon, composé de banderoles fixées à une tige' sens étendu, 1 - mouvement saccadé, comme celui de banderoles agitées, par le vent; - 2 - arrêt, prohibition, négation, ordre qui se donnait jaus soldats au moyen d'un pennon; - 3 - objets laciniés, lamellaires ets, rayons.

忽 hou - agitation 勿, inquiétude du 心 coeur, surprise. Tu 勿 ý.

笏 hou, livret composé de 勿 lamelles de 竹 bambou.

勿 vật, 359 T. cây cờ phát-phơ dưới gió - không có - không nên

曰 viết, 152 T, từ trong miệng 口 phát nên lời, mà nói ra thì có hơi ra theo 丿. Nói, trình bày mọi việc.

曰 氣 息, T 152, cũng một thời nói mà đây nói mạnh, tức khí mà nói cho nên hơi trong miệng bật ra mạnh hơn, về 曰, hi khí xuất 氣 出

Rồi một đạo 息 này giả tá, nhất viết bệ đã, tượng hình 一 曰 佩 也 象 形 cũng nói là cái vật đeo trong mình, hi là cái 息, cái thẻ dùng như cuốn sổ tay của ta bây giờ. Xưa sang hèn gì cũng có cái 息 cầm tay, các quan thi khí châu vua có điều chỉ ghi ngay trên 息, để rồi quên là tội vạ. Quen viết rỏ ra 勿 thay vì 息, cho nên rồi 息 勿 với vật 勿 lẫn lộn. Hai thỉnh một dạng chữ mà hai âm, 息 勿 勿 thh 笏 息 忽 息; vật 勿 thh 勿 勿 勿 vật.

- 0 -

W. 257 免 miễn - Un homme 儿 dont les 免 reins se gonflent, dont les 儿 jamb s'arcboutent; jaire effort pour obtenir un bien, lutter pour éviter un mal,

●

- 免 thỏ, thỏ, 375 T. con thỏ - thấy bộ chân 儿, cái đuôi.

免 miễn, T. 375, con thỏ ngồi xdm, có chun có đuôi mà trong chữ không thấy, là con thỏ thành thoi - chuẩn giảm cho khỏi làm, miễn quan, ngưng chức vụ làm quan, - miễn thuế, - miễn tử.

- 0 -

W. 257 兜 kou - Un 儿 homme dont les reins 免 se gonflent, parce qu'il fait un effort, tu 儿 左右皆鼓形 (theo hình người bên trái bên mặt đều gồng lên như hình cái trống).

兜 teou - couvre-chef muni d'appendices 免 latéraux couvrant les joues; casque, capuchon; 兜 mao figure un homme, 白 tête et 儿 jambes;

●

- 兜 mạo; 314 T, người 儿 mặt trắng 白; người lớn. Diện mạo 兜 兜 mặt mày, dung mạo 容 兜 dáng điệu và sắc mặt.

兜 兜, 315, T người 儿 hai bên tả hữu đều bị che khuất, có lẽ có cái mũ hai vải bên thông xuống che lấp cũng như tiếng nói mũ ni che tai.

兜 兜, T. 315, hai chữ có 兜 với mạo 兜 hội lại, dáng mạo người lớn hai bên bị che lại, cái mũ bằng kim-loại che cái đầu người, mũ trận; mũ áo trận bằng da gọi là giáp 甲, bằng kim-loại gọi là khi 鎧 là đầu 兜. Cũng gọi là đầu màu 兜 兜

- 0 -

W. 264 胥 su - jus de 月 viande; 尺 est phonétique.

胥 su; T. 135, thịt 月 nhục, ướp, thịt con cua làm mắm. Con cua tám ngoe hai càng, cho nên theo 尺 so, chun mà cũng thh.

- 0 -

W. 267 巧 巧 miên - Personne (femme) assise, - la ceinture, à gauche le siège à droite un tablier qui dissimule par devant le bas du corps.

Sens étendu, dissimuler, cacher, retraite, confinement.

— 𠄎 miên, 327 T, bị che khuất không thấy Có lẽ là túi đựng tên. Tuy nhiên không có cái bức họa của W.

W.87 𠄎 辰 ich' ên, femme 𠄎 qui se penche, pour cacher 𠄎 le bas de son corps, sa honte, dit là Glose, tu 𠄎 𠄎 y, 𠄎 hi 人之形 𠄎 而蔽有所 𠄎 Je pense qu' il s'agit de la menstruation, non de la grossesse (身) De là les sens tchoan tchou, temps, époque, etc....

— 辰 thên, thên, 532 T, 161 K, tu 𠄎 𠄎 𠄎 hoá, 𠄎 khó khăn 𠄎 biến hoá 𠄎 hán thh Nghĩa : sét đánh, rung động. Tháng ba, khi dương động mạnh, có tiếng sấm sét vang, thời nông dân lên ruộng, muốn vật đều sanh.

W.268 𠄎 長 ichàng, croître. Tch'àng, long. Idée primitive, cheveu (la ligne courbe à gauche) ayant atteint une longueur telle, qu'it faut les retenir par — un lien et une broche (la fourche à droite). — Âge viril quand l'homme laisse croître ses cheveux. Sens étendu longueur, durée.

— 長 trướng, 358 T, Tu 𠄎, 𠄎, 𠄎, 𠄎 hoá, 𠄎 vong, thh. 𠄎 đem lại ý cao trong không gian, 𠄎 ý lâu dài trong thời gian 𠄎 là chữ 𠄎 𠄎 đảo ngược, gọi ý sự biến hoá lâu dài trướng dài; — trướng, lớn.

W.188 𠄎 𠄎 wei — un rond, une circonférence, cercler, entourer, enfermer, contenir.

197 𠄎 𠄎 hoei, wei, double enceinte — récipiant hermétique.

198 𠄎 𠄎 hoei — image d'un oblet (nuage, volutes de la fumée), qui tourne, qui roule, qui revient sur lui — même; 𠄎 𠄎 hi. Concept abstrait de giration, de retour, revenir, etc. Les scribes écrivent 𠄎

— 𠄎 𠄎 vi, 226 T, xoay tròn, hi 𠄎 𠄎 𠄎 𠄎 hình, vẽ ra sự chuyển động đi một vòng, ý là động chứ không phải tĩnh, một cái vòng tròn. Táp 𠄎 𠄎 giáp một vòng.

① 𠄎 𠄎 T 226, một vòng tròn ở ngoài quay theo một chiều, một vòng nhỏ ở trong quay theo một chiều ngược lại theo cái lý âm dương trong đối. Đối chiếu : vòm trời (thiên thể 天體) ở ngoài xoay về bên trái mặt trời mặt trăng và năm vị sao lớn ở trong xoay về bên mặt

□ vi, vòng thành và sau trong chữ quách 𠄎 hai vòng thành là một nghĩa phụ, nói rộng.

② 𠄎 𠄎 T.226, rất điển hình một sự chuyển động vòng tròn như nước xoáy, mây cuốn. Hình thức này không có âm hời, và chỉ dùng trong chữ 𠄎 𠄎 𠄎, rót xuống nước vụn, chết.

hoàn 𠄎, nước vụn 𠄎, giữa hai bờ sông, sau viết ra 𠄎.

w.289 𠄎 𠄎 tsuân. Source qui jaillit de terre, et s'écoule en filets. Au centre le jet qui sourd de terre. En haut, l'étalement. Ser les côtés, l'écoulement Le caractère moderne est une confection arbitraire 水 eau 白 pure.

泉 tuyền, 426 T. Tượng hình dòng nước chảy thành 川 nguồn lớn. T. không ép nghĩa cổ văn, mà chữ chân ngày nay nếu giữ gốc cv. xưa thì cũng không thể tự tiện chiết tự ra 白 bạch với 水 thủy, vì như thế còn đâu cv.

w.301 規 koei — Règle, droit, correct comme il faut. Metre l'oeil à une chose, pour la rendre droite comme une flèche. Tu 見, 𠄎 𠄎. L'extrême ressemblance de 𠄎 et 夫 dans l'écriture ancienne, a donné naissance au faux caractère 規, lequel est devenu usuel.

— 規 qui, T.403, Dụng-cụ của thợ để lấy hình tròn là quy (compas), lấy cho chuông góc thì có củ (équerre) Dùng tới cái qui cái củ là phải theo phép tắc của nó. Tu. 夫 phu, người lớn là nhờ người trưởng phu con mắt xem 見 chính chắn. Nữ trí mạc như phu, nam trí mạc như phu 女智莫如婦 男智莫如夫 trí độ của người đàn bà không ai hơn người đã có vai làm vợ, trí độ của người đàn ông thì không ai

hơn người chồng.

Giải thích như trên, chữ quy không có lối viết cặp chữ 失.

工 công, 147 T, hình-thức gạch xây, xây chữ công. Công nghệ, công nhân, thợ thầy

𠄎 triển, 148 T, nhiều gạch xây lên, tức nhiên là phải làm đúng theo quy tắc cho nó nên khéo — Xây lắp.

工 công, T. 147, cổ văn chữ công 工, phép tắc xây cất cho khéo cho khéo cho văn vẻ, đẹp 𠄎.

巨 cú T 147, hình thức cây thược củ để làm chuông góc, công 工 thêm dấu 亠, 巨, chỉ nơi cầm lấy. Xưa viết 𠄎, 矩 mà không có giải thích ý nghĩa 失 gần bên

— 〇 —

W. 318 由 you — Figure de la germination d'un noyau, d'une grosse graine; 田 représente la graine, au haut de laquelle le germe commence à poindre. 於果中上出者芽. Sens étendu, commencement, motif, produire, causer, etc.

一由 do, T 466, có điều ràng buộc rồi cứ đó mà theo, tùy tùng. Xưa nó là chữ 𠄎, diêu, nhưng mà viết 由 dùng quen thành chữ cũ bỏ. (Trường hợp kỳ tự này giống như xích, 斤 do 𠄎 âm nghịch, viết ra 斤 rồi lâu thành quen). Xét lại Thi Thơ, Luận ngữ với bao nhiêu kinh truyện đều dùng 由, mà tượng hình, hội ý, nghĩa của hình chữ thất truyền không sao biết được. Hoặc nghĩ là chỉ lối đi vào ruộng nương thì cũng là một phỏng đoán thôi.

— 〇 —

W. 277 杏 hìng — l'arbre 木 qui produit les 口 abricots. 口 figure des fruits qui pendent à l'arbre.

一杏 hánh, T. 206, một thứ trái, tu 木, 向 hướng, bớt nét thh.

— 〇 —

W 210 壬 t'ing — un homme 人 debout sur 土 le sol, tu 人 立 土 上 ý.

壬 tch'eng — Parler 口 debout à sa 壬 place; notifier, faire savoir. 聖 chéng — ceux qui ayant prêté une 耳 oreille docile aux 聖 avis

reçus, les ont pénétrés, sont devenus sages; sage, parfait. 接耳順之謂聖 (tiếp nhĩ thuận chi vị Thánh).

壬 thính, 295 T, tu 人, 士, ý, kẻ sĩ-phu giỏi phục-vụ. Một thuyết khác nói rằng là « vật từ đất phát xuất », vượt trời hơn chung quanh, như vậy thì dưới phải viết thổ 土, thì lẽ ra đời xưa lại không phân biệt sĩ, thổ 士 土 sao?

壬 trình, T. 22, miệng 口 bày tỏ ra một cách kính cẩn với người bề trên, vua, quan, tu. 壬 thh.

聖 thánh, T. 439, Châu Lễ: có sáu đức để đem dạy muôn dân là trí 智, nhân 仁, thánh 聖, nghĩa 義, trung 忠, hoà 和. Thánh là người có lỗ tai mau nhận xét, mau thông hiểu mọi việc. Tu 耳, 聖 thh.

— 〇 —

W. 180 哭 k'ou. se lamenter, hurler, comme avec plusieurs 口 bouches à la manière des 犬 chiens. Tu. 口 口 tu. 犬, ý.

哭喪 sang, Funérailles Hurler à plusieurs 口 bouches, comme des 犬 chiens, sur un 亡 mort. Tu. 哭 亡 ý. Ces deux caractères dépeignent admirablement la chose chinoise qu'ils signifient.

一哭 khốc, 25 T, tiếng đau thương mà khóc lên. Tu. 哭, 獄 ngục bớt nét, thh.

哭 tang, T. 25, nhà có người chết 亡, người ta khóc lóc 哭, vừa ý, mà 亡 cũng thh. Chỉ có thế, mà W. giải là khóc như chó tru thì thật là tàn nhẫn đối với nhân-loại Đông Á.

### III

#### Về sự thiếu phân-biệt yếu-tố hài-thỉnh

Trên đây trong nhiều trường hợp chúng tôi rất bở ngỡ, tự hỏi không biết W. có bị những nhìn thấy riêng tư, độc đáo mà đi xa hơn Thuyết văn chăng. Dưới đây là những trường-hợp thiếu nhận-định yếu-

chữ hải-thinh mà sanh ra sai biệt.

— 〇 —  
W. 120 支父 p'ou, frapper légèrement. La main droite 又 tenant une 卜 verge.

— 支父 phốc, 92 T., đánh nhẹ, tu. 又 bàn tay, 卜 bốc, thh.

— 〇 —  
W. 207 共 lóu — Champignon. Végétal 出 qui se tient debout comme un homme 大 sur ses jambes Tu 出, 大, ý Soudure des éléments.

壘 lóu — Tertre, butte, motte, terre, sol. Tu. 土, 夫 thh.

龜 ts'iou — Les têtards, qui pullulent comme les champignons.

— 共 lục, T. 11, thứ thực-vật 出 triệt, mọc từng chòm, từng bụi trong ruộng. Tu. 六 lục, thh. Thứ nắm tự dưới đất sanh gọi là khuẩn 菌, nắm mọc trên cây gọi là đằm 蕈, nắm lục cũng gọi là địa đằm 地蕈, nắm đất.

壘 lục, lộc, T. 480, đất khối, tu. 土 thổ, 夫 lục, thh.

龜 thú, T. 477, con động-vật loại ếch nhái 龜 mãnh, tên nó là thềm thừ 詹諸, bộ nó đi lục lục 夫夫, lục cũng thh.

龜 táo, T. 272, cái lỗ 六 huyệt, làm chỗ thối nẫu, 龜 thh Cũng viết rút lại là 龜.

— 〇 —  
W. 299 缶 fáo, poterie.

缶 f'áo, four 勺 à 缶 poterie. Tu. 缶, 勺, ý.

缶 yào, vase 缶 pour cuire ou conserver la 月 viande.

寶 páo, précieux, ce qu'on estime, estimer, faire cas de. Du jade 玉 des vases 缶, des cauris 貝 dans sa 一 maison; c'étaient les objets précieux des anciens.

— 缶 phâu, phuru, 185 T., dụng-cụ bằng đất nung để đựng rượu, trong 缶 đào, T. 185, thợ nặn đồ đất nung. Tu. 缶 bao bột nét thh.

其 du, T. 185, dụng-cụ bằng đất nung, tu. 月 nhục thh.  
寶 báo, bâu, T. 269, trong nhà 一 miên, có tiền của 貝 bối, và ngọc  
ngà 王 quý báu, là sang trọng đáng quý, của quý, tu. 缶 phuru thh.

— 〇 —

W. 89 路 lòu, route, chemin; tu 足, là par où chacun 各 passe.

— 路 lộ, T. 40, con đường người ta đi 足 qua, tu 各 thh.

— 〇 —

W. 65 几 chòu, tch'ou — Battement saccadé d'une aile courte. Puis, en général, tout mouvement rythmique et saccadé.

几 chòu, tch'ou — La main droite exerçant 又 un mouvement saccadé 几; fustiger. Par exemple, bâton, fêrúle.

股 kòu — Les cuisses, la partie charnue 月 de l'homme. à laquelle les mandarins chinois 又 prodiguèrent jadis si libéralement la fêrúle.

— Nhớ rằng phốc 支父 W cũng gọi là fêrúle.

几 thà, 88 T., cái cánh chim vùn đập bay đặc đặc.

几 thà, 86 T., bàn tay 又 lấy cây trượng đánh, tu. 几 thà thh.

股 cò, T. 135, bắp đùi, tu. 月 thịt, 几 thà thh.

-- 〇 —

W. 61 乃 nài — Primitive — difficulté de respirer.

孕 yunn — Gestation

— 孕 dụng, T. 52, con mới trọng sinh, tu. 乃 nãi thh.

乃 nhưng, T. 12, thứ cò, tu 乃 nãi thh.

仍 nhưng, T. 287, nhân sự gì đó... tu 乃 nãi thh.

W. sơ sót như vậy trong việc phân tách hai bộ phận chuyển ý với thanh-âm của hạng chữ hải-thinh có một kết quả tai hại, là nhiều nơi W. ghi là radical, tức là phần gốc, chuyển ý, lại không chính, vì thiếu trung-thực với T. Dò lại bản 858 chỉ âm thì thấy ngay những sai lạc ấy.

★



IV) — vài sai lầm về án loát

- W. 479 chi âm 80 chi viết — 支 *phốc* phải viết lại là 支 *chi*  
 522 chi âm 287 miễn viết — 免 *thổ* — 免 *miễn*;  
 569 chi âm 533 khan — 𠂔 *khánh* phải viết lại là 𠂔 *khan*. (chữ  
*khánh*, số 607, đúng).  
 572 chi âm 549 ɛu viết — 𠂔 *du* phải viết lại 𠂔 *ɛu*. (*du*, *ɛu*,  
 số 491, đúng).

☆

V

Trong một phần sau sách của W. có một bảng 858 chữ chỉ âm (phonétiques), tác giả không dẫn xuất-xứ. Bảng chỉ âm này chúng tôi gặp lại trong sách *Hán-văn lược-khao* của Phan-Thế-Roanh (1963), cụ Phan cũng không ghi xuất-xứ. Trong T. thì không có bảng này. Các chữ sắp từ chữ 1 nét đến 20 nét, cứ đếm nét mà tìm thứ tự theo phương-pháp Khang-Hy. Các số thứ tự trong bảng chỉ âm này chúng tôi sẽ cho nó nằm trong dấu ( ) cho khỏi lầm lẫn với các số danh-bộ chúng tôi đã dùng.

Phân lại các chữ chỉ âm này theo đường lối của chúng tôi thì trong đó có 147 chữ đơn (tượng hình, chỉ sự).

426 chữ loại hội ý;

285 chữ loại hài thính.

Đây chúng tôi thấy ngay là khi đặt trọng tâm vào phần âm thính của chữ mà mình cứ đếm nét mà sắp chữ thì e không giúp ích vào sự soi tỏ vấn đề. Tỉ dụ: 丁 *đinh* (11) làm ra hài thính 成 *thành*, thay vì sắp hai chữ lại gần cho dễ nhận định liên hệ âm thính của hai chữ, lại sắp theo số nét nhiều ít phải chăng là làm cho người học ạc hương. 丙 *binh* (143) 更 *canh* (267), 唐 *đường* (603), liên hệ với nhau về âm (x. 111 *binh* 1/8) thay vì gom chung lại một « gia đình thanh âm » lại sắp rời rạc ra thì cũng vậy, thật ra là cắt đường cho người học nhận định.

Một tỉ dụ khác: triều 朝, thụ 受 đều do âm chu 舟, thế rồi văn tự biến hình, trong chữ triều, chu viết ra 月 nguyệt. — trong chữ thụ, chu viết ra 扌 *mịch*, không gom các chữ lại một nơi để học các sự biến dạng ấy lại tự mẫn với sự đếm nét thì chẳng là buồn tẻ cho cái thế học nhồi sọ làm sao.

Trở lại con số 858 chữ chỉ âm nêu trên, chúng tôi thấy con số đó không đủ đâu, tập III/a của chúng tôi chứng minh cho điều đó. Bảng chứng trên tay, chúng tôi có thể nói các chữ tượng hình, chỉ sự (tập 1) với hội ý (tập II) là căn bản cho sự phiên âm của Trung-Hoa, mỗi chữ ấy (nghĩa là lối 1.200 chữ) đều có tính cách chỉ âm; sau đó với thời gian, với sự truyền bá rộng hẹp của thời đại, của lệ «huỷ» chữ nào cũng có thể bớt nét, bị cái âm, có chữ dùng nhiều, có chữ dùng ít, có chữ chưa dùng tới, có chữ dùng một độ rồi sau bị phế bỏ, chẳng qua vì luật đào thải chỉ-phối sự sinh-tồn ngôn-ngữ văn-tự. Nếu chưa tìm ra định luật của mọi sự biến dạng, biến âm của văn-tự, thì ít lắm sự ghi « đề đó », ghi các sự biến dạng biến âm đề mà so sánh mặt chữ với nhau cũng giúp ích phần nào cho người tìm học theo thiên ý chúng tôi.

